

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 5 (TRUNG CẤP)

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 5 (3.0)

Trọn bộ 1.050+ từ vựng HSK 5 chuẩn mới 3.0, làm chủ các chủ đề kinh tế, văn hóa, xã hội và văn phong báo chí hiện đại.

**100% Đầy Đủ 1059 Từ Vựng HSK 5 (3.0)**

Sắp xếp khoa học kèm phiên âm, từ loại & câu ví dụ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mục**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & luyện tập online

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=5> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#001

安慰

ān wèi

an ủi, động viên

当朋友在工作和生活中遭遇挫折时，及时送上一句真诚温暖的安慰往往能给予他莫大的前行力量。

Dāng péng yǒu zài gōng zuò hé shēng huó zhōng zǎo yù cuò zhé shí, jí shí sòng shàng yí jù zhēn chéng wēn nuǎn de ān wèi wǎng wǎng néng jǐ yǔ tā mò dà de qián xíng lì liàng.

Khi bạn bè gặp phải vấp ngã trong công việc và cuộc sống, một lời an ủi chân thành ấm áp kịp thời thường sẽ tiếp thêm cho họ nguồn sức mạnh to lớn để bước tiếp.

23 nét

HÁN VIỆT: AN ỦY

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đầy Đủ: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ PHÂN BỐ TỪ LOẠI TÀI LIỆU HSK 5 (3.0)

Tổng cộng: 1059 từ vựng

671

Danh từ

260

Động từ

75

Tính từ

4

Đại từ

5

Số & Lượng từ

44

Từ loại khác



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#001

安慰

ān wèi

an ủi, động viên

当朋友在工作和生活中遭遇挫折时，及时送上一句真诚温暖的安慰往往能给予他莫大的前行力量。

Dāng péng yǒu zài gōng zuò hé shēng huó zhōng zāo yù cuò zhé shí, jí shí sòng shàng yí jù zhēn chéng wēn nuǎn de ān wèi wǎng wǎng néng gǔ yǐ tā mò dà de qián xíng lì liàng.

Khi bạn bè gặp phải vấp ngã trong công việc và cuộc sống, một lời an ủi chân thành ấm áp kịp thời thường sẽ tiếp thêm cho họ nguồn sức mạnh to lớn để bước tiếp.

23 nét

HÁN VIẾT: AN ỦY

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#002

岸

àn

bờ (sông, biển, hồ)

游轮在清晨薄雾中缓缓驶离码头，两岸连绵起伏的山峦倒映在平静的江水中。

Yóu lún zài qīng chén bó wù zhōng huǎn huǎn shǐ lí mǎ tóu, liǎng àn lián miǎn qǐ fú de shān luán dào yǐng zài píng jìng de jiāng shuǐ zhōng.

Du thuyền từ từ rời bến trong làn sương sớm mờ ảo, dãy núi trập trùng hai bên bờ soi bóng xuống dòng sông êm ả.

14 nét

HÁN VIẾT: NGẠN

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#003

岸上

ànrshang

trên bờ, phía trên bờ

当万米载人深潜器凯旋靠泊时，岸上等候多时的科研人员爆发出热烈欢呼与掌声。

Dāng wàn mǐ zài rén shēn qián qì kǎi xuán kào bó shí, àn shàng děng hòu duō shí de kē yán rén yuán bào fā chū rè liè huān hū yǔ zhǎng shēng.

Khi tàu lặn có người lái vạn mét thắng lợi cập bến, các cán bộ nghiên cứu khoa học chờ đợi đã lâu ở phía trên bờ trên bờ đã bùng nổ những tràng pháo tay reo hò nhiệt liệt.

22 nét

HÁN VIẾT: NGẠN THƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#004

按摩

àn mó

mát-xa, xoa bóp bấm huyệt

传统中医推拿按摩通过精准刺激人体经络穴位，能有效疏通气血、缓解肌肉紧张与关节酸痛。

Chuán tǒng zhōng yī tuī ná ān mó tōng guò jīng zhǔn cì jī rén tǐ jīng luò shù xué, néng yǒu xiào tōng shù qì xué, huǎn jiě jī ròu jīn zhāng yǔ guān jié suān tòng.

Nghệ thuật xoa bóp bấm huyệt Đông y truyền thống thông qua việc kích thích chuẩn xác các huyệt vị kinh lạc trên cơ thể người có thể đã thông khí huyết hiệu quả, xoa dịu căng cơ và đau mỏi khớp xương.

23 nét

HÁN VIẾT: ÁN MA

HSK 5 (3.0)

Động từ

#005

拔

bá

nhổ lên, rút ra; nổi bật, bật mạng vượt lên

我国积极实施战略科学家与拔尖创新人才专项培养计划，为科技自立自强筑牢人才基石。

Wǒ guó jī jí shí shī zhàn lüè kē xué jiā yǔ bá jiān chuàng xīn rén cái zhuān xiàng péi yǎng jì huà, wéi kē jì zì lì zì qiáng zhù láo rén cái jī shí.

Nước ta tích cực thực thi kế hoạch bồi dưỡng chuyên án nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng vượt trội và nhà khoa học chiến lược, củng cố nền tảng nhân tài vững chắc cho tự chủ tự cường khoa học công nghệ.

10 nét

HÁN VIẾT: BÁT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#006

白酒

báijiǔ

rượu trắng, rượu trắng truyền thống Trung Hoa

我国传统固态酿造纯粮白酒工艺融合了深厚的非遗文化底蕴与现代生物发酵技术。

Wǒ guó chuán tǒng gù tài niàng zào chún liáng bái jiǔ gōng yì yǒng hé le shēn hòu de fēi yí wén huà di yùn yǔ xiàn dài shēng wù fā xiào jì shù.

Quy nghệ nấu rượu trắng hạt thuần lên men thể rắn truyền thống của nước ta dung hợp kỹ thuật lên men sinh học hiện đại và bề dày văn hóa di sản phi vật thể sâu sắc.

22 nét

HÁN VIẾT: BẠCH TỬU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#007

拜访

bài fǎng

thăm viếng, bài phỏng, đến thăm (trang trọng)

青年学者专程前往中科院院士所拜访求教，老先生毫无保留地分享了自己半导体领域的科研心得。

Qīng nián xué zhě zhēng chǎn qián wǎng zhōng kē yuán yuàn shì yǔ suǒ bài fǎng qiú jiào, lǎo xiān shēng háo wú bǎo liú dì fēn xiǎng le zì jǐ zài bàn dǎo tǐ lǐng yù de kē yán xīn dé.

Nhà khoa học trẻ đã đích thân đến thăm nơi ở của Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc để thỉnh giáo, bậc tiền bối đã không giấu giếm chia sẻ trọn vẹn những tâm đắc nghiên cứu của mình trong ngành bán dẫn.

24 nét

HÁN VIẾT: BÀI PHỎNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#008

版

bǎn

phiên bản

老师鼓励大家积极版，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极版，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực phiên bản, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIẾT: BẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#009

扮演

bàn yǎn

đóng vai, sắm vai, đảm nhận vai trò

在全球应对气候变化与推动低碳绿色转型的多边进程中，中国积极扮演着全球生态文明建设引领者与贡献者的核心角色。

Zài quán qiú yīng duì qì hòu biàn huà yǔ tuī dòng dī tàn lǜ sè zhuǎn xíng de duō biān jìn chéng zhōng, zhōng guó jī jí bàn yǎn zhe quán qiú shēng tài wén míng jiàn shè yīn lǐng zhě yǔ gòng xiàn zhě de hé xīn jué sè.

Trong tiến trình đa phương toàn cầu ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy chuyển đổi xanh ít phát thải, Trung Quốc đang tích cực đảm nhận vai trò hạt nhân là người dẫn dắt và người đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng văn minh sinh thái thế giới.

23 nét

HÁN VIẾT: BAN DIỄN



HSK 5 (3.0)

Động từ

#010

棒

bàng

tuyệt vời

老师鼓励大家积极棒，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bàng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tuyệt vời, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: BÔNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#011

包围

bāo wéi

bao vây, vây quanh, vây bọc

塞罕坝林场建设者用数十年的青春热血筑起了一道百万亩绿色林海长城，成功抵御并包围了南侵的浑善达克沙漠风沙。
Sāi hǎn bà lín chǎng jiàn shè zhě yòng shù shí nián de qīng chūn rè xuè zhù qǐ le yī dào bǎi wàn mù lǚ sè lín hǎi cháng chéng, chéng gōng dǐ yù bìng bāo wéi le nán qīn de hún shàn dà kè shā mò fēng shā.
Những người xây dựng Nông trường Rừng Saihanba bằng tuổi xuân và dòng máu nóng suốt hàng chục năm đã dựng xây nên bức trường thành rừng cây xanh bạt ngàn triệu mẫu, ngăn chặn và bao vây thành công bao cát sa mạc Hunshandake xâm lấn xuống phía Nam.

17 nét

HÁN VIỆT: BAO VI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#012

包装

bāo zhuāng

đóng gói, bao bì; bao bì đóng gói

国家全面推行绿色低碳快递包装标准，大力推广可降解植物纤维环保包装材料与可循环周转箱。
Guó jiā quán miàn tuī xíng lǜ sè dī tàn kuài dì bāo zhuāng biāo zhǔn, dà lì tuī guǎng kě jiàng jiě wú xiǎn wéi huán bǎo bāo zhuāng cái liào yǔ kě xún huán zhōu zhuǎn xiāng.
Nhà nước phổ biến toàn diện tiêu chuẩn đóng gói chuyển phát nhanh xanh ít phát thải, đẩy mạnh áp dụng vật liệu bao bì bảo vệ môi trường bằng sợi thực vật có thể phân hủy sinh học cùng thùng luân chuyển tái sử dụng tuần hoàn.

23 nét

HÁN VIỆT: BAO TRANG

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#013

薄弱

bó ruò

mỏng manh, yếu kém, điểm nghẽn xung yếu

国家深入实施强基计划与补短板工程，聚焦基础工业软件与高端传感器等薄弱环节全力攻坚破局。
Guó jiā shēn rù shí shī qiáng jī jì huà yǔ bǔ duǎn bǎn gōng chéng, jù jiāo jī chǔ gōng yè ruǎn jiàn yǔ gāo duān chuān gǎn qì děng bó ruò huán jié quán lì gōng jiàn pò jú.
Nhà nước đi sâu thực thi chương trình củng cố nền tảng và dự án bù đắp các điểm nghẽn, tập trung dốc toàn lực tạo bước đột phá tại các khâu xung yếu còn yếu kém như phần mềm công nghiệp nền tảng và cảm biến cao cấp.

24 nét

HÁN VIỆT: BẠC NHƯỢC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#014

保卫

bǎo wèi

bảo vệ, gìn giữ (chủ quyền, an ninh)

人民军队枕戈待旦、严阵以待，时刻保持高度戒备状态，坚决捍卫国家主权、安全与领土完整。
Rén mín jūn duì zhēn gē dài dàn, yán zhèn yǐ dài, shí kè bǎo chí gāo dù jǐè bèi zhùàng tài, jiǎn jué hàn wèi guó jiā zhǔ quán, ān quán yǔ lǐng tǔ wán zhěng.
Quân đội nhân dân gối gươm đợi trời sáng, dàn trận sẵn sàng chiến đấu, luôn luôn giữ vững trạng thái cảnh giác cao độ, kiên quyết bảo vệ chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

26 nét

HÁN VIỆT: BẢO VỆ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#015

保养

bǎo yǎng

bảo dưỡng, chăm sóc duy tu (máy móc, cơ thể)

高铁动车组在完成每日长途高密度运营后，均会进入动车段检修车间接受极其严格的夜间一级深度保养。
Gāo tiě dòng chē zǔ zài wán chéng měi rì cháng tú gāo mì dù yùn yíng hòu, jūn huì jìn rù dòng chē duàn jiàn xiū chē jiān jiē shòu jí qín yán gē de yè jiān yī jí shēn dù bǎo yǎng.
Đoàn tàu cao tốc sau khi hoàn thành các chuyến vận hành đường dài dày đặc mỗi ngày đều sẽ vào xưởng kiểm tu bảo dưỡng để tiếp nhận quy trình bảo dưỡng chuyên sâu cấp một vào ban đêm với cùng nghiêm ngặt.

27 nét

HÁN VIỆT: BẢO DƯỠNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#016

报答

bào dá

báo đáp, đền đáp ơn nghĩa

谁言寸草心，报得三春晖；广大青年学子立志刻苦攻读，以优异的学术成果报答父母与师长的培育之恩。
Shuí yán cùn cǎo xīn, bào dé sān chūn huī; guǎng dà qīng nián xué zǐ lì zhì kè kǔ gōng dú, yì yōu yì de xué shù chéng guǒ bào dá fù mǔ yǔ shī zhǎng de péi yù zhī ēn.
Ai rằng tấc cỏ lòng son, đền sao cho xiết bóng vầng dương xuân; đông đảo sinh viên thanh niên lập chí miệt mài đèn sách, dùng những thành quả học thuật xuất sắc để đền đáp công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ và thầy cô.

22 nét

HÁN VIỆT: BÁO ĐÁP

HSK 5 (3.0)

Động từ

#017

报警

bào jǐng

báo cảnh sát, phát tín hiệu báo động

国家智能电网调度中心配备了全自动毫秒级故障预警与声光智能报警联动系统。
Guó jiā zhì néng diàn wǎng diào dù zhōng xīn pèi bèi le quán zì dòng háo miǎo jí gù zhàng yù jǐng yǔ shēng guāng zhì néng bào jǐng lián dòng xì tǒng.
Trung tâm điều độ lưới điện thông minh quốc gia trang bị hệ thống liên động báo động thông minh bằng âm thanh ánh sáng và cảnh báo sớm sự cố cấp độ mili-giây tự động hoàn toàn.

20 nét

HÁN VIỆT: BÁO CẢNH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#018

抱怨

bào yuàn

than vãn, oán trách, phàn nàn

面对科研攻关中遇到的暂时阶段性挫折，真正的勇者从不盲目抱怨外界环境，而是向内反思、积极寻找突破路径。
Miàn duì kē yán gōng guān zhōng yù dào de zàn shí jiàn xié xíng cuò zhé, zhēn zhèng de yǒng zhě cóng bù máng mù bào yuàn wài jiè huán jīng, ér shì xiàng nèi fǎn sī, jī jí xún zhǎo tú pò lù jīng.
Đứng trước những vấp ngã gián đoạn nhất thời trong quá trình nghiên cứu khoa học, người dũng cảm chân chính không bao giờ than vãn oán trách hoàn cảnh bên ngoài một cách mù quáng, mà luôn tự soi xét vào bên trong để tích cực tìm kiếm con đường đột phá.

22 nét

HÁN VIỆT: BẢO OÁN



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#019

悲剧

bēijù

bi kịch, thảm kịch, chuyện đau buồn

安全生产人命关天，各部门必须压实安全生产主体责任，坚决防范遏制重特大安全事故悲剧发生。

Ăn quán shēng chān rén mìng guān tiān, gè bù mén bì xū yā shí ān quán shēng chǎn zhǔ tǐ zé rèn, jiǎn jué fáng zhì zhòng tè dà ān quán shì gù bēi jù fā shēng.

Sản xuất an toàn liên quan trực tiếp đến tính mạng con người, các ban ngành bắt buộc phải siết chặt trách nhiệm chủ thể sản xuất an toàn, kiên quyết ngăn chặn kiểm chế bi kịch thảm kịch tai nạn an toàn đặc biệt lớn xảy ra.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: BỊ KỊCH

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#020

悲伤

bēishāng

đau buồn, bi thương, sầu muộn

面对特大自然灾害造成的巨大创伤，灾区人民化悲伤为力量，在全国人民支援下团结重建美好家园。

Miàn đối tè dà zì rán zāi hài zào chéng de jù dà chuāng shāng, zāi qū rén mín huà bēi shāng wéi lì liàng, zài quán guó rén mín zhī yuán xià tuán jié chóng jiàn měi hǎo jiā yuán.

Đứng trước tổn thương to lớn do thiên tai đặc biệt nghiêm trọng gây ra, nhân dân vùng thiên tai biến đau buồn bi thương thành sức mạnh, đoàn kết tái thiết mái nhà tươi đẹp dưới sự chi viện của nhân dân cả nước.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: BỊ THƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#021

北极

běi jí

Bắc Cực

我国“雪龙2”号极地科考破冰船成功完成了北极高纬度深远海冰区综合科学考察任务，获取了大量珍贵的极地环境实测数据。

Wó guó "xuě lóng 2" hào jí dì kē kǎo pò bīng chuán chéng gōng wán chéng le běi jí gāo wēi dù shēn yuǎn hǎi bīng qū zōng hé kē xué kǎo chá rèn wu, huò qǔ le dà liàng zhēn guì de jí dì huán jīng shí cè shù jù.

Tàu phá băng khảo sát vùng cực 'Tuyết Long 2' của nước ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khảo sát khoa học tổng hợp vùng băng biển sâu xa vĩ độ cao Bắc Cực, thu thập được khối lượng lớn dữ liệu đo đạc thực tế môi trường vùng cực quý báu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BẮC CỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#022

背包

bēibāo

ba lô, túi đeo lưng, túi hành lý

年轻的野外地质科考队员背起沉重的科考专业背包，踏着晨光坚定地走向荒原峡谷进发。

Nián qīng de yě wài dì zhì kē kǎo duì yuán bèi qǐ chén zhòng de kē kǎo zhuān yè bēi bāo, tà zhe chén guāng jiān dìng dì xiàng huāng yuán xiá gǔ jìn fā.

Những đội viên khảo sát khoa học địa chất dã ngoại trẻ tuổi đeo chiếc ba lô túi đeo lưng chuyên dụng khảo sát nặng trĩu trên vai, vững bước tiến vào hẻm núi hoang nguyên dưới ánh ban mai.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BỐI BAO

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#023

被动

bèi dòng

bị động, thể bị động

在日趋激烈的高新技术国际竞争中，唯有坚定推进高水平科技自立自强，才能彻底摆脱处处受制于人的被动局面。

Zài rì qū jī liè de gāo xīn jì shù guó jì jìng zhēng zhōng, wéi yǒu jiān dìng tuī jìn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, cái néng chè di bǎi tuō chù chù shòu zhì yú rén de bèi dòng jú miàn.

Trong cuộc cạnh tranh quốc tế về công nghệ cao ngày càng khốc liệt, chỉ có kiên định đẩy mạnh tự chủ tự cường khoa học công nghệ ở trình độ cao mới có thể thoát khỏi hoàn toàn cục diện bị động bị chèn ép phụ thuộc ở mọi nơi.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BỊ ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#024

辈

bèi

thế hệ

老师鼓励大家积极辈，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bèi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thế hệ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: BỐI

HSK 5 (3.0)

Đại từ / Danh từ

#025

本人

běn rén

bản thân tôi, đích thân tôi; đương sự

在办理重大不动产过户或大额金融信托业务时，必须由申请人本人携带有效法定身份证件现场核验确认。

Zài bàn lǐ zhòng dà bù động chǎn guò hù huò dà é kim róng xìn tuō yè wù shí, bì xū yóu shēn qīng rén běn rén xié dài yǒu xiào fǎ dìng shēn fèn zhèng jiàn xiàn chǎng hé yàn què rèn.

Khi làm thủ tục sang tên quyền sở hữu bất động sản trọng đại hoặc nghiệp vụ ủy thác tài chính giá trị lớn, bắt buộc phải do đích thân người nộp đơn mang theo giấy tờ tùy thân hợp pháp có hiệu lực để kiểm tra xác nhận trực tiếp.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: BẢN NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#026

鼻子

bí zi

mũi

天气突然剧烈变冷，他的鼻子感觉有点儿不舒服。

Tiān qì tū rán jù liè biàn lěng, tā de bí zi gǎn jué yǒu diǎn bù shū fú.

Thời tiết đột ngột trở lạnh dữ dội khiến mũi anh ấy cảm thấy hơi khó chịu.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TỶ TỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#027

比方

bǐ fāng

ví dụ, tỷ dụ; so sánh

科普专家打了一个极其通俗生动的比方，把量子纠缠现象巧妙比作一对心有灵犀、无论相隔多远都能瞬间共鸣的孪生兄弟。

Kē pǔ zhuān jiā dǎ le yí gè jí qí tōng sù shēng dòng de bǐ fāng, bǎ liàng zǐ jiū chán xiàn xiàng qiāo miào bǐ zuó yǐ duì xīn yǒu líng xī, wú lùn xiāng gé duō yuǎn dōu néng shùn jiān gòng míng de luàn shēng xiōng dì.

Chuyên gia phổ biến kiến thức khoa học đã đưa ra một ví dụ so sánh vô cùng dễ hiểu và sinh động, ví von hiện tượng vướng víu lượng tử một cách tài tình như cặp anh em song sinh tâm linh tương thông có thể cộng hưởng tức thì bất kể cách xa nhau bao tròng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỶ PHƯƠNG



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#028

比重

bǐ zhòng

tỷ trọng, tỷ lệ phần trăm; trọng lượng riêng

随着产业结构转型升级的加速推进，战略性新兴产业增加值占国内生产总值的比重实现了持续稳步提升。

Suí zhe chǎn yè jié gòu zhuǎn xíng shēng jí de jiǎ sù tuī jìn, zhàn lüè xīng xīng chǎn yè zēng jiǎ zhí zhàn guó nèi shēng chǎn zǒng zhí de bǐ zhòng shí xiàn le chí xù wěn bù tí shēng.

Cùng với sự đẩy nhanh chuyển dịch năng cấp cơ cấu ngành nghề, giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp mới nổi mang tính chiến lược chiếm tỷ trọng trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã tăng trưởng ổn định và vững chắc.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỶ TRỌNG

HSK 5 (3.0)

Đại từ

#029

彼此

bǐ cǐ

lẫn nhau, hai bên, đôi bên

在长期的跨国科研项目协作中，两国科学家坦诚相待、密切配合，结下了彼此深厚信任的崇高友谊。

Zài cháng qī de kuà guó kē yán xiàng mù xié zuò zhōng, liǎng guó kē xué jiā tǎn chéng xiāng dài, mì qiè pèi hé, jié xià le bǐ cǐ shēn hòu xìn rèn de chóng gāo yǒu yì.

Trong suốt quá trình hợp tác nghiên cứu khoa học xuyên quốc gia lâu dài, các nhà khoa học hai nước đã đối đãi chân thành, phối hợp khăng khít, kết nên tình bạn cao đẹp với sự tin tưởng lẫn nhau sâu sắc.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BỈ THỈ

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#030

必

bì

ắt, ắt hẳn, nhất định phải, tất yếu

天下难事必作于易，天下大事必作于细；做科学研究必须脚踏实地、循序渐进。

Tiān xià nán shì bì zuò yú yì, tiān xià dà shì bì zuò yú xì; zuò kē xué yán jiū bì xū jiǎo tà shí dì, xún xù jiàn jìn.

Việc khó trong thiên hạ ắt làm từ việc dễ, việc lớn trong thiên hạ ắt làm từ việc tỉ mỉ; làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải chân thật vững vàng, tuần tự từng bước.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: TẤT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#031

必需

bì xū

thiết yếu, bắt buộc phải có

水和新鲜空气是维系地球上一切生命体繁衍生息所不可或缺的基本必需条件。

Shuǐ hé xīn xiān kōng qì shì wéi xì dì qíu shēng yǐ qiè shēng mìng tí fán yǎn shēng xī suǒ bù kě huò quē de jī běn bì xū tiáo jiàn.

Nước và bầu không khí trong lành là những điều kiện thiết yếu cơ bản không thể thiếu để duy trì sự sinh sôi nảy nở của muôn loài sinh linh trên Trái Đất.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TẤT NHU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#032

毕竟

bì jìng

rốt cuộc, suy cho cùng, dẫu sao thì

面对初入场年轻人的偶尔失误应当多予包容与指引，毕竟经验的积累需要时间的沉淀。

Miàn duì chū rù chǎng nián qīng rén de ǒu ěr shǐ wù yīng dāng duō yǔ bāo róng yǔ zhǐ yǐn, bì jìng jīng yàn de jī lěi xū yào shí jiān de chén diàn.

Đứng trước những sai sót thỉnh thoảng của các bạn trẻ mới vào nghề chúng ta nên bao dung và tận tình chỉ bảo, rốt cuộc thì sự tích lũy kinh nghiệm luôn cần có thời gian lắng đọng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TẤT CẢNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#033

闭幕

bì mù

bế mạc, kết thúc (đại hội/hội nghị)

为期一周的世界青年科学家高峰论坛在国家会议中心圆满落幕，发表了重磅联合科学宣言。

Wéi qī yí zhōu de shì jì jiè qīng nián kē xué jiā gāo fēng lùn tán zài guó jiā huì yì zhōng xīn yuán mǎn bì mù, fā biǎo le zhòng bàng lián hé kē xué xuān yán.

Diễn đàn Thượng đỉnh Các Nhà Khoa học Trẻ Thế giới kéo dài một tuần đã bế mạc kết thúc mỹ mãn tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, công bố tuyên ngôn khoa học liên hợp quan trọng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: BẾ MÀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#034

闭幕式

bì mù shì

lễ bế mạc

在亚运会闭幕式上，绚丽夺目的全息数字光影秀与动人音乐向全世界展现了中华文化的独特魅力。

Zài yà yùn huì bì mù shì shàng, xuàn lì duó mù dì quán xī shù zì guāng yǐng xiù yǔ dòng rén yīn yuè xiàng quán shì jiè zhān xiàn le zhōng huá wén huà de dú tè mèi lì.

Tại lễ bế mạc Đại hội Thể thao châu Á, màn trình diễn ánh sáng kỹ thuật số hologram rực rỡ lồng lộng cùng âm nhạc lay động lòng người đã phô diễn sức hút độc đáo của văn hóa Trung Hoa trước toàn thế giới.

📖 33 nét

HÁN VIỆT: BẾ MÀN THỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#035

边境

biān jìng

biên cảnh, khu vực biên giới

国家大力推进沿边沿海开放开发战略，将昔日封闭偏远的边境口岸城市打造成了通商互联的国际贸易枢纽新高地。

Guó jiā dà lì tuī jìn yán biān yán hǎi kāi fàng kāi fā zhàn lüè, jiāng xī rì fēng bì piān yuǎn de biān jìng kǒu àn chéng shì dǎ zào chéng le tōng shāng hù lián de guó jì mào yì shū niǔ xīn gāo dì.

Nhà nước đẩy mạnh chiến lược mở cửa khai thác phát triển vùng ven biên giới ven biển, biến các thành phố cửa khẩu biên giới xa xôi hẻo lánh năm nào thành vùng cao điểm đầu mối thương mại quốc tế thông thương kết nối mới.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: BIÊN CẢNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#036

编辑

biān jí

biên tập, người biên tập, chỉnh sửa

这位资深出版社总编辑用一生心血审校了数千部优秀学术专著，甘为人梯、默默奉献。

Zhè wèi zī shēn chū bǎn shè zǒng biān jí yòng yì shēng xīn xuè shěn xiào le shù qiān bù yōu xiù xué shù zhuān zhù, gān wéi rén tī, mò mò fèng xiàn.

Vị tổng biên tập nhà xuất bản giàu kinh nghiệm này đã dành trọn tâm huyết cả cuộc đời để hiệu đính thẩm định hàng nghìn cuốn chuyên khảo học thuật xuất sắc, âm thầm cống hiến làm bộ phận cho các thế hệ tác giả.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: BIÊN TẬP



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#037

变动

biàndòng

biến động, thay đổi biến chuyển

面对国际大宗商品价格剧烈变动与市场外部冲击，国家采取有力措施切实保持国内物价总水平基本稳定。

Miàn duì guó jì dà zōng shāng pǐn jià gé jù liè biàn dòng yǔ shì chǎng wài bù chōng jī, guó jiā cǎi qǔ yǒu lì cuò shī qiè shí bǎo chí guó nèi wù jià zōng shuǐ píng jī běn wěn dìng.

Đứng trước cú sốc bên ngoài của thị trường và biến động thay đổi dữ dội của giá cả hàng hóa cơ bản quốc tế, Nhà nước áp dụng các biện pháp đặc lực giữ vững ổn định cơ bản mặt bằng giá cả chung trong nước.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: BIẾN ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#038

便利

biàn lì

thuận tiện, tiện lợi; tạo thuận lợi

政务服务“一网通办”改革让数据多跑路、群众少跑腿，为广大市民企业提供了极大高效便利。

Zhèng wù fú wù "yī wǎng tōng bàn" gǎi gé ràng shù jù duō pǎo lù, qún zhòng shǎo pǎo tuǐ, wèi guǎng dà shì mǐn qì yě tí gōng le jí dà gāo xiào biàn lì.

Cải cách hành chính công "Một cửa điện tử toàn trình" giúp dữ liệu chạy nhiều hơn, người dân đi lại ít hơn, mang lại sự thuận tiện và hiệu quả to lớn cho đồng đảo người dân và doanh nghiệp.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TIỆN LỢI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#039

便条

biàn tiáo

mẫu giấy ghi chép, giấy nhắn, giấy nhỏ

清晨出门前往实验室前，他在餐桌上给熟睡的家人留下了一张写满温馨关怀话语的小便条。

Qīng chén chū mén qián wǎng shí yàn shì qián, tā zài cān zhuō shàng gěi shú shuì de jiā rén liú xià le yī zhāng xiě mǎn wēn xīn guān huái huà yǔ de xiǎo biàn tiáo.

Sáng sớm trước khi rời nhà đến phòng thí nghiệm, anh đã để lại trên bàn ăn một mẫu giấy nhắn nhỏ tràn ngập những lời dặn dò quan tâm ấm áp cho người thân đang say giấc nồng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TIỆN ĐIỀU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#040

便于

biàn yú

tiện cho, thuận lợi cho, dễ dàng cho việc

空间站舱内各项仪器设备均采用了标准化模块化接口与醒目的人体工学彩色标签，便于航天员在失重环境下高效操作。

Kōng jiān zhàn cāng nèi gè xiàng yí shì bēi gāo jī qì yòng le biāo zhǔn huà mó kuài huà jiē kǒu yǔ xǐng mù de rén tǐ gōng xué cǎi sè biāo qiān, biàn yú háng tiān yuán zài shī zhòng huán jīng xià gāo xiào cāo zuò.

Mọi trang thiết bị dụng cụ bên trong khoang trạm vũ trụ đều áp dụng giao diện chuẩn hóa mô-dun cùng nhãn dán màu công thái học bắt mắt, tiện lợi cho các phi hành gia thao tác hiệu quả cao trong môi trường không trọng lực.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: TIỆN VỤ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#041

宾馆

bīn guǎn

khách sạn

这家四星级宾馆紧邻火车站，客房整洁舒适，交通极为便利。

Zhè jiā sì xīng jī bīn guǎn jìn lín huǒ chē zhàn, kè fáng zhěng jié shū shì, jiāo tōng jí wéi biàn lì.

Khách sạn 4 sao này nằm ngay sát ga tàu hỏa, phòng ốc sạch sẽ tiện nghi, đi lại vô cùng thuận tiện.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TÂN QUÁN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#042

饼

bǐng

bánh, bánh dẹt tròn; tấm tròn

中秋佳节阖家团聚，全家人围坐在一起品尝传统手工五仁月饼，其乐融融、洋溢着温馨幸福。

Zhōng qiū jiā jié hé jiā tuán jù, quán jiā rén wéi zuò zài yì qí pīn cháng chuán tǒng shòu gōng wú rén yuè bǐng, qí lè róng róng, yáng yì zhe wēn xīn xìng fú.

Tết Trung Thu gia đình đoàn tụ sum vầy, cả nhà quây quần ngồi bên nhau cùng thưởng thức bánh bánh trung thu thập cẩm ngũ nhân làm thủ công truyền thống, vui vẻ hòa thuận, ngập tràn hạnh phúc ấm áp.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: BÁNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#043

饼干

bǐng gān

bánh quy

老师鼓励大家积极饼干，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǐng gān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bánh quy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: BÁNH CAN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#044

病毒

bìng dú

vi-rút (virus)

科研攻关团队夜以继日、分秒必争，终于成功解析了该新型突变病毒的核心蛋白质分子三维结构。

Kē yán gōng guān tuán duì yè yǐ jì rì, fēn miǎo bì zhēng, zhōng yú chéng gōng jiě xī le gāi xīn xíng tú bǎn bìng dú de hé xīn dàn bái zhī fēn zǐ sǎn wéi jié gòu.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã miệt mài ngày đêm tranh thủ từng giây từng phút, cuối cùng đã giải mã thành công cấu trúc không gian 3 chiều của phân tử protein cốt lõi thuộc loại virus đột biến mới này.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: BỆNH ĐỘC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#045

玻璃

bō li

thủy tinh, kính

这座现代化的地标性摩天大楼采用了先进的高性能双层真空隔音隔热中空玻璃幕墙。

Zhè zuò xiān dài huà de dì biāo xìng mó tiān dà lóu cǎi yòng le xiān jìn de gāo xìng néng shuāng céng zhēn kōng gé yīn gé rè zhōng kōng bō lí mù qiāng.

Tòa nhà chọc trời mang tính biểu tượng hiện đại này sử dụng hệ thống vách kính hộp chân không hai lớp cách âm cách nhiệt hiệu năng cao tiên tiến.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: PHA LY



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#046

博客

bókè

trang blog, trang nhật ký mạng, blogger

知名科普学者通过个人学术博客，用通俗易懂懂生动活泼的语言向广大公众解读前沿量子科技进展。

Zhǐ míng kē pǔ xué zhě tōng guò gè rén xué shù bókè, yòng tōng sù yì dǒng shēng dòng huó pō de yǔ yán xiàng guāng dà gōng zhòng jiě dú qián yán liàng zǐ kē jì jìn zhǎn.

Nhà học giả phổ biến khoa học nổi tiếng thông qua trang blog nhật ký mạng học thuật cá nhân đã dùng ngôn ngữ sinh động dễ hiểu để giải thích tiến triển công nghệ lượng tử tiên phong cho đông đảo công chúng.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BÁC KHÁCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#047

博览会

bó lǎn huì

hội chợ triển lãm, hội chợ triển lãm quốc tế

中国国际进口博览会作为全球首个以进口为主题的国家级大型综合博览会，为世界各国企业共享中国市场提供了开放平台。

Zhōng guó guó jì jìn kǒu bó lǎn huì zuò wéi quán qiú shǒu gè yí jìn kǒu wéi zhǔ tí de guó jiā jí dà xíng zōng hé bó lǎn huì, wéi shì jiè gè guó qǐ yè gòng xiǎng zhōng guó shì chǎng tí gòng le kāi fàng píng tái.

Hội chợ Nhập khẩu Quốc tế Trung Quốc (CIIE) với tư cách là hội chợ triển lãm tổng hợp quy mô lớn cấp quốc gia lấy chủ đề nhập khẩu đầu tiên trên thế giới đã mang lại nền tảng mở rộng lớn để doanh nghiệp các nước cùng chia sẻ thị trường Trung Quốc.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: BÁC LÃM HỘI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#048

博士

bó shì

tiến sĩ

经过五年的潜心科研与论文撰写，李明顺利通过了答辩并获得了工学博士学位。

Jīng guò wǔ nián de qián xīn kē yán yǔ lùn wén xuě zhuan xiě, lǐ míng shùn lì tōng guò dá biàn bīng huò dé le gōng xué bó shì xué wèi.

Sau 5 năm miệt mài nghiên cứu khoa học và viết luận án, Lý Minh đã bảo vệ thành công và nhận được học vị tiến sĩ kỹ thuật.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: BÁC SĨ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#049

博物馆

bó wù guǎn

bảo tàng, viện bảo tàng

走进国家历史博物馆的青铜器展厅，一件件历经数千年风雨沧桑的国宝重器令人肃然起敬。

Zǒu jìn guó jiā lì shǐ bó wù guǎn de qīng tóng qì zhǎn tīng, yí jiàn jiàn lì jīng shù qiān nián fēng yǔ cāng sāng de guó bǎo zhòng qì lǐng rén sù rán qǐ jìng.

Bước vào gian trưng bày đồ đồng của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, từng món bảo vật quốc gia uy nghiêm trải qua hàng nghìn năm thăng trầm đều bề khiến ai nấy đều trầm trồ kính cẩn.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: BÁC VẬT QUẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#050

补偿

bǔ cháng

bồi thường, bù đắp, đền bù (kinh tế, sinh thái)

国家建立了跨流域重点江河源头生态保护补偿机制，切实保障了上游水源涵养区生态保护者的合法权益。

Guó jiā jiàn lì le kuà liú yù zhòng diǎn jiāng hé yuán tóu shēng tài bǎo hù bǔ cháng jī zhì, qiè shí bǎo zhàng le shàng yú shuǐ yuán hán yǎng qū shēng tài bǎo hù zhě de hé fǎ quán yì.

Nhà nước đã thiết lập cơ chế chi trả bồi thường bảo vệ sinh thái đầu nguồn các dòng sông trọng điểm liên lưu vực, bảo đảm thiết thực quyền lợi hợp pháp của những người bảo vệ sinh thái vùng giữ nguồn nước đầu nguồn phía thượng lưu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BỔ THƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#051

补贴

bǔ tiē

trợ cấp, phụ cấp; tiền trợ cấp

国家财政对农户购买新型高效低排放绿色农机给予大额专项补贴，有力推动了农业机械化绿色转型。

Guó jiā cái zhèng duì nóng hù gòu mǎi xīn xíng gāo xiào dī pái fàng lǜ sè nóng jī jǔ yǔ dà é zhuān xiàng bǔ tiē, yǒu lì tuī dòng le nóng yè jī xiè huà lǜ sè zhuǎn xíng.

Ngân sách tài chính quốc gia đã cấp khoản tiền trợ cấp chuyên đề lớn cho bà con nông dân khi mua sắm máy móc nông nghiệp xanh phát thải thấp hiệu quả cao kiểu mới, thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển đổi xanh cơ giới hóa nông nghiệp.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: BỔ THIẾP

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#052

不曾

bù céng

chưa từng, chưa bao giờ

面对前进道路上的荆棘挫折与风险挑战，功勋科学家为国奉献的赤子初心不曾发生任何动摇。

Miàn duì qián jìn dào lù shàng de jīng jí cuō zhé yǔ fēng xiǎn tiǎo zhàn, gōng xūn kē xué jiā wéi guó fèng xiàn de chì zǐ chū xīn bù céng fā shēng rén hé dòng yáo.

Đứng trước những chông gai trắc trở và rủi ro thử thách trên con đường tiến lên phía trước, tấm lòng son phụng sự Tổ quốc của người nhà khoa học có công lao chưa từng chưa bao giờ có bất kỳ sự lung lay dao động nào.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BẮT TẮNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#053

不得了

bù dé liǎo

vô cùng, ghê gớm, cực kỳ, chết mất thôi

听说自己的母校在国际大学生程序设计大赛中夺冠，同学们高兴得不得了。

Tīng shuō zì jǐ de mú xiào zài guó jì dà xué shēng chéng zhàng xù shè jì dà sài zhōng duó guān, tóng xué men gāo xìng dé bù dé liǎo.

Nghe tin trường cũ của mình giành giải quán quân trong Cuộc thi Lập trình Sinh viên Quốc tế, các bạn học sinh vui mừng khôn xiết.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: BẮT ĐẮC LIỄU

HSK 5 (3.0)

Cụm từ / Động từ

#054

不敢当

bù gǎn dāng

không dám nhận, không dám nhận lời khen quá lời

面对国际同行专家的极高盛赞与热情夸奖，老科学家谦逊地微笑着连连摆手表示“不敢当、不敢当”。

Miàn duì guó jì tóng háng zhuān jiā de jí gāo shèng zàn yǔ rè qíng kuā jiǎng, lǎo kē xué jiā qiān xùn dì wēi xiào zhe lián lián bǎi shǒu biǎo shì "bù gǎn dāng, bù gǎn dāng".

Đứng trước những lời khen ngợi nhiệt tình và sự tôn vinh rất cao của các chuyên gia đồng nghiệp quốc tế, vị nhà khoa học lão thành mỉm cười khiêm tốn xoa tay liên tục nói "Tôi không dám nhận, tôi không dám nhận".

📖 33 nét

HÁN VIỆT: BẮT CẢM ĐƯƠNG



HSK 5 (3.0)

Động từ

#055

不顾

bù gù

bất chấp, không màng, không đoái hoài

面对突发汹涌的山洪险情，消防救援战士不顾个人安危纵身跃入湍急洪流中，成功营救遇险群众。

Miàn duì tū fā xiōng yǒng de shān hóng xiǎn qíng, xiāo fáng jiù yuán zhàn shì bù gù gè rén ān wēi zòng shēn yuè rù tuān jí hóng liú zhōng, chéng gōng yíng jiù chū yú xiǎn qún zhòng.

Đứng trước tình huống hiểm nghèo lũ quét cuốn cuộn ập đến bất ngờ, người chiến sĩ cứu hỏa bất chấp sự an nguy của bản thân đã lao mình vào dòng nước lũ chảy xiết, giải cứu thành công người dân gặp nạn.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẮT CỐ**

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#056

不利

bù lì

bất lợi, không có lợi, có hại

科研人员克服深海高压高盐强腐蚀等极端不利环境影响，成功获取了珍贵的海底地质岩心标本。

Kē yán rén yuán kè fú shēn hǎi gāo yā gāo yán qiǎng fǔ shí děng jí duǎn bù lì hǎn jīng yíng xiāng, chéng gōng huò qǔ le zhēn guì de hǎi dī dī zhī yán xīn biāo běn.

Các cán bộ nghiên cứu đã khắc phục những ảnh hưởng của môi trường bất lợi không có lợi cực đoan như ăn mòn mạnh, độ mặn cao và áp lực cao biển sâu, thu thập thành công mẫu vật lõi đá địa chất đáy biển vô giá.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẮT LỢI**

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#057

不良

bù liáng

bất lương, xấu xa, không tốt, kém

学校与家庭密切配合，引导青少年坚决自觉抵制网络不良诱惑，树立崇高积极的人生理想。

Xué xiào yǔ jiā tíng mì qiè pèi hé, yǐn dǎo qīng shào nián jiān jué zì jué dī zhì wǎng luò bù liáng yōu huò, shù lì chóng gāo jī jí de rén shēng lǐ xiǎng.

Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ, định hướng các em thanh thiếu niên kiên quyết tự giác bài trừ những cám dỗ xấu xa không tốt xấu trên mạng internet, xác lập lý tưởng nhân sinh tích cực cao đẹp.

20 nét

HÁN VIỆT: **BẮT LƯƠNG**

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#058

不免

bù miǎn

không tránh khỏi, khó tránh

初次离开家乡独自去遥远的异国求学，年轻学子的心中不免会涌起浓浓的思乡之情。

Chū cì lí kāi jiā xiāng dú zì qù yǎo yuǎn de yì guó qú xué, nián qīng xué zǐ de xīn zhōng bù miǎn huì yǒng qǐ nóng nóng de sī xiāng zhī qíng.

Lần đầu tiên rời xa quê hương một mình đi du học nơi đất khách xa xôi, trong lòng người trẻ khó tránh khỏi dâng lên nỗi nhớ nhà da diết.

21 nét

HÁN VIỆT: **BẮT MIỄN**

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#059

不耐烦

bù nài fán

sốt ruột, nôn nóng, mất kiên nhẫn

面对客户反复提出的细节疑问，接待人员始终保持温和微笑，没有一丝不耐烦。

Miàn duì kè hù fǎn fù tí chū de xì jié yí wèn, jiē dài rén yuán shǐ zhōng bǎo chí wēn hé wēi xiào, méi yǒu yì sī bù nài fán.

Đứng trước những câu hỏi tỉ mỉ lặp đi lặp lại của khách hàng, nhân viên tiếp đón luôn giữ nụ cười hòa nhã, không hề tỏ ra chút sốt ruột hay khó chịu nào.

35 nét

HÁN VIỆT: **BẮT NẠI PHIỄN**

HSK 5 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#060

不能不

bù néng bù

không thể không, buộc phải, ắt phải

看到完全自主研发的大国重器成功试飞的那一刻，现场所有人不能不为之深深震撼与自豪。

Kàn dào wán quán zì zhǔ yán fā de dà guó zhòng qì chéng gōng shì fēi de nà yí kè, xiàng chǎng suǒ yǒu rén bù néng bù wéi zhī shēn shēn zhèn hàn yǔ zì háo.

Vào khoảnh khắc nhìn thấy đại khí quốc gia hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển bay thử thành công, tất cả mọi người tại hiện trường không thể không bị chấn động sâu sắc và cảm thấy vô cùng tự hào.

32 nét

HÁN VIỆT: **BẮT NĂNG BẮT**

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#061

不时

bù shí

thỉnh thoảng, chốc chốc, luôn luôn

在生机盎然的国家热带雨林公园深处徒步科考，林间不时传来珍稀鸟类清脆悦耳的婉转鸣叫声。

Zài shēng jī àng rán de guó jiā rè dài yǔ lín gōng yuán shēn chù tú bù kē kǎo, lín jiān bù shí chuán lái zhēn xī niǎo lèi qīng cuī yuē ěr de wǎn zhuǎn míng jiào shēng.

Đi bộ khảo sát khoa học sâu bên trong Công viên Rừng mưa Nhiệt đới Quốc gia tràn trề sức sống, giữa rừng cây thỉnh thoảng lại vang lên tiếng hót líu lo lạnh lốt trong trẻo của những loài chim quý hiếm.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẮT THỜI**

HSK 5 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#062

不停

bù tíng

không ngừng, liên tục không ngắt

国家超级计算中心数万个算力节点夜以继日不停运转，为全球气候模拟提供了强劲算力支撑。

Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn shù wàn gè suàn lì jié diǎn yè yǐ rì bù tíng yùn zhuǎn, wèi quán qiú qì hòu mó ní tí gōng le qiáng jīng suàn lì zhī chēng.

Hàng vạn nút năng lực tính toán của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia ngày đêm vận hành không ngừng liên tục, mang lại điểm tựa năng lực tính toán mạnh mẽ cho việc mô phỏng khí hậu toàn cầu.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẮT ĐÌNH**

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ / Phó từ

#063

不幸

bù xìng

bất hạnh, không may, đau buồn

在特大自然灾害抢险救援一线，救灾官兵全力搜救每一位不幸受困群众，用生命守护生命。

Zài tè dà zì rán zāi hài qiǎng xiǎn jiù yuán yì xiàn, jiù zāi guān bīng quán lì sōu jiù měi yí wèi bù xìng shòu kùn qún zhòng, yòng shēng mìng shǒu hù shēng mìng.

Nơi tuyến đầu cứu nạn cứu hộ thiên tai đặc biệt lớn, cán bộ chiến sĩ cứu nạn dốc toàn lực tìm kiếm cứu giúp từng người dân không may bất hạnh mắc kẹt, dùng sinh mệnh để bảo vệ sinh mệnh.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẮT HẠNH**



**HSK 5
(3.0)**

Động từ năng
nguyên

#064

不许

bù xǔ

không được phép, nghiêm cấm,
không cho phép

微电子纳米级芯片超净实验室实行极高标准管理, 严禁不许任何未经严格除尘的物品进入车间。

Wēi diàn zǐ nà mǐ jí xīn piàn chāo jīng shí yàn shì shí xíng jí gāo biāo zhǔn guǎn lǐ, yán jìn bù xǔ rèn hé wèi jīng yán gē chú chén de wù pǐn jìn rù chē jiān.

Phòng thí nghiệm siêu sạch chip cấp độ nanomet vi điện tử thực thi quản lý tiêu chuẩn cực cao, nghiêm cấm không được phép không cho phép bất kỳ đồ vật nào chưa qua xử lý khử bụi nghiêm ngặt đi vào phân xưởng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : **BẮT HỨA**

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#065

不易

bù yì

không dễ dàng, khó khăn, gian nan

回顾百年来科技报国的艰辛历程, 我们深知今天取得的举世瞩目科技成就来之不易、弥足珍贵。

Huí gù bǎi nián lái kē jì bào guó de jiān xīn lì chéng, wǒ men shēn zhī jīn tiān qǔ de dé jù shì zhū mù kē jì chéng jiù lái zhī bù yì, mí zú zhēn guì.

Nhìn lại chặng đường gian khổ dùng khoa học phục vụ Tổ quốc trọng trăm năm qua, chúng ta thấu hiểu sâu sắc rằng những thành tựu khoa học công nghệ khiến cả thế giới dõi theo đạt được ngày hôm nay là vô cùng gian nan không dễ dàng, quý giá vô ngần.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : **BẮT DỊCH**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#066

不止

bù zhǐ

không chỉ, vượt quá; không ngớt,
không ngừng

高水平对外开放不仅惠及中国自身的高质量发展, 更惠及了“一带一路”共建国家数以亿计的普通民众。

Gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng bù jǐn huì jí zhōng guó zì shēn de gāo zhì liàng fā zhǎn, gèng huì jí le "yī dài yī lù" gòng jiàn guó jiā shù yǐ yì de pǔ tōng mǐn zhòng.

Mở cửa đối ngoại ở trình độ cao không chỉ đem lại lợi ích cho sự phát triển chất lượng cao của chính Trung Quốc, mà hơn thế nữa còn tạo phúc cho hàng trăm triệu người dân bình dị tại các nước cùng tham gia xây dựng 'Vành đai và Con đường'.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : **BẮT CHỈ**

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#067

不足

bù zú

không đủ, thiếu thốn; khuyết điểm,
thiếu sót

经过深入复盘反思, 团队清醒认识到了在前期需求调研方面的经验不足。

Jīng guò shēn rù fù pǎn fǎn sī, tuán duì qīng xǐng rèn shí dào le zài qīan qī xū qiú diào yán fāng miàn de jīng yàn bù zú.

Sau khi đánh giá nhìn nhận lại sâu sắc, toàn đội đã nhận thức rõ ràng về sự thiếu hụt kinh nghiệm trong công tác khảo sát nhu cầu ban đầu.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : **BẮT TÚ**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#068

部位

bù wèi

bộ phận, vị trí (trên cơ thể hoặc
máy móc)

外科微创手术机器人搭载的高清三维内窥镜系统, 能够以数十倍放大清晰呈现深部病灶部位的微血管结构。

Wài kē wēi chuàng shǒu rǎo rén dā zài de gāo qīng sān wéi nèi kuī jīng xì tǒng, néng gòu yǐ shù shí bèi fàng dà qīng xī chéng xiàn shēn bù bìng zhuān bù wèi de wēi xuè guǎn jié gòu.

Hệ thống nội soi 3D độ nét cao trang bị trên robot phẫu thuật nội soi ngoại khoa có thể phóng đại hàng chục lần để hiển thị rõ nét cấu trúc vi mạch máu tại vị trí ổ bệnh nằm sâu bên trong cơ thể.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : **BỘ VỊ**

HSK 5 (3.0)

Động từ

#069

猜

cāi

đoán, phỏng đoán

元宵佳节, 市民们兴致勃勃地聚集在灯谜长廊下竞猜灯谜。

Yuán xiāo jiā jié, shì mǐn men xìng zhì bó bó jí jù zài dēng mí cháng láng xià jīng xiāng cāi dēng mí.

Địp Tết Nguyên tiêu, người dân hào hứng quây quần dưới hành lang đèn lồng cùng nhau trò tài đoán câu đố đèn.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : **SAI**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#070

猜测

cāi cè

đoán mò, suy đoán, phỏng đoán

科学探索必须建立在严谨实测数据与严密逻辑推理基础之上, 决不能凭主观空想随意猜测。

Kē xué tàn suǒ bì xū jiàn lì zài yán jǐn shí cè de shù jù yǔ yán mì luó jí zhǔ zhǐ shàng, jué bù néng píng zhǔ guān kōng xiǎng suí yì cāi cè.

Thăm hiểm khoa học bắt buộc phải xây dựng trên nền tảng suy luận logic chặt chẽ và số liệu đo đạc thực tế nghiêm cẩn, tuyệt đối không được tùy tiện phỏng đoán suy đoán dựa vào ảo tưởng chủ quan.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **SAI TRẮC**

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#071

裁判

cái pàn

trọng tài; phán quyết trọng tài

在国际击剑锦标赛决赛中, 主裁判依托高清高速电子录像回放系统做出了极其公正准确的判罚。

Zài guó jī jiàn jiǎn biāo sài jué sài zhōng, zhǔ cái pàn yì tuō gāo qīng gāo sù diàn zǐ lù xiàng huí fàng xì tǒng zuò chū le jí qí gōng zhèng zhūn què de pàn fá.

Trong trận chung kết giải vô địch đấu kiếm quốc tế, trọng tài chính dựa vào hệ thống phát lại video điện tử tốc độ cao độ nét cao đã đưa ra phán quyết vô cùng công tâm và chuẩn xác.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : **TÀI PHÁN**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#072

采购

cǎi gòu

thu mua, mua sắm vật tư thiết bị

国家组织开展药品与医用高值耗材集中带量采购, 大幅减轻了广大人民群众的就医用药经济负担。

Guó jiā zhī zǐ kāi zhǎn yào pǐn yǔ yī yòng gāo zhí hào cái jì zhōng dài liàng cǎi gòu, dà fú jiǎn qīng le dà qún zhòng de jiù yī yòng yào jīng jì fù dān.

Nhà nước đã tổ chức triển khai việc đấu thầu mua sắm tập trung theo số lượng lớn đối với thuốc và vật tư tiêu hao y tế giá trị cao, giảm thiểu to lớn gánh nặng kinh tế khám chữa bệnh và dùng thuốc của đông đảo quần chúng nhân dân.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : **THÁI CẦU**



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#073

彩票

cài piào

vé số, xổ số kiến thiết

国家发行福利彩票与体育彩票所筹集到的巨额公益金，全额专项用于支持社会福利事业与全民健身基础设施建设。

Guó jiā fā xíng fú lì cái piào yǔ tǐ yù cái piào suǒ chóu jí dào de jù è gōng yì jīn, quán é zhǔn xiàng yòng yú zhī chí shè huì fú lì shì yè yǔ quán mǐn jiàn shēn jī chǔ shè shī jiàn shè.

Nguồn quỹ phúc lợi công cộng khổng lồ huy động được từ việc Nhà nước phát hành vé số phúc lợi và vé số thể thao được sử dụng chuyên để 100% để hỗ trợ các sự nghiệp phúc lợi xã hội và xây dựng hạ tầng cơ sở thể dục thể thao toàn dân.

18 nét

HÁN VIỆT: THÁI PHIẾU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#074

餐馆

cānguǎn

nhà hàng, quán ăn

全国餐饮行业大力倡导“光盘行动”，各大餐馆主动推出小份菜与半份菜，坚决制止餐饮浪费。

Quán guó cān yǐn háng yè dà lì chàng dǎo "guāng pán xíng dòng", gè dà cān guǎn zhǔ dòng tuī chū xiǎo fèn cài yǔ bàn fèn cài, jiǎn jué zhǐ chí cān yǐn làng fèi.

Ngành ẩm thực cả nước ra sức kêu gọi phong trào "Ăn sạch đĩa thức ăn", các nhà hàng quán ăn lớn chủ động đưa ra các suất ăn nửa phần và phần nhỏ, kiên quyết chấm dứt lãng phí ăn uống.

25 nét

HÁN VIỆT: XAN QUÁN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#075

餐厅

cāntīng

nhà hàng, phòng ăn, quán ăn

这家充满浓郁江南风情的特色餐厅，以地道正宗的淮扬菜肴赢得了食客的交口称赞。

Zhè jiā chōng mǎn nóng yù jiāng nán fēng qíng de tè sè zhèng zōng de huái yáng cài yáo yǐng dé le shí kè de jiāo kǒu chēng zàn.

Nhà hàng đặc sản mang đậm phong vị Giang Nam này đã chinh phục được sự khen ngợi nồng nhiệt của thực khách nhờ những món ăn Hoài Dương chuẩn vị gia truyền.

24 nét

HÁN VIỆT: XAN SÀNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#076

餐饮

cānyǐn

ẩm thực, dịch vụ ăn uống, đồ ăn thức uống

城市全面加强食品安全全链条监管，全力保障广大市民在餐饮消费中的舌尖上的安全。

Chéng shì quán miàn jiā qiáng shí pǐn ān quán quán liàn tiáo jiǎn guǎn, quán lì bǎo zhàng guǎng dà shì mǐn zài cān yǐn xiāo fèi zhōng de shé jiǎn shàng de ān quán.

Thành phố tăng cường toàn diện việc giám sát quản lý toàn bộ chuỗi an toàn thực phẩm, dốc toàn lực bảo đảm an toàn trên đầu lưỡi cho đồng dân người dân trong tiêu dùng dịch vụ ăn uống ẩm thực.

22 nét

HÁN VIỆT: XAN ẨM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#077

草原

cǎoyuán

thảo nguyên, đồng cỏ bao la

在我国北方广袤辽阔的天然大草原上，风吹草低见牛羊，呈现出一派生机勃勃的壮丽生态画卷。

Zài wǒ guó běi fāng guǎng mào liáo kuò de tiān rán dà cǎo yuán shàng, fēng chuī cǎo dī jiàn niú yáng, chéng xiàn chū yí pài shēng jī bó bó de zhuàng lì shēng tài huà juǎn.

Trên đại thảo nguyên đồng cỏ tự nhiên bao la bát ngát ở miền Bắc nước ta, gió thổi cỏ rạp thấy đàn bò cừu, hiện ra một bức tranh sinh thái tráng lệ ngập tràn sức sống.

19 nét

HÁN VIỆT: THẢO NGUYÊN

HSK 5 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#078

册

cè

quyển, cuốn, tập (sách); sổ sách

国家图书馆古籍善本库中珍藏着数千册明清时期的手抄孤本文献。

Guó jiā tú shū gǔ jī shàn běn kù zhōng zhēng cáng zhe shù qiān cè míng qīng shí qī de shǒu chāo gū běn wén xiàn.

Trong kho sách cổ quý hiếm của Thư viện Quốc gia đang bảo tồn trân quý hàng nghìn tập tài liệu bản thảo chép tay độc bản từ thời Minh - Thanh.

10 nét

HÁN VIỆT: SÁCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#079

层次

céng cì

thứ tự, tầng lớp, cấp bậc, chiều sâu bố cục

这幅传世古典水墨画大师巨作以极其丰富的墨色浓淡渲染出群山苍翠与云水烟岚，画面层次分明、意境深远。

Zhè fú chuán shì gǔ diǎn shuǐ mò huà dà shī jù zuò yǐ jí fēng fù de mò sè nóng dàn xuǎn rǎn chū qún shān cāng cuì yǔ yún shuǐ yān lán, huà miàn céng cì fēn míng, yì jìng shēn yuǎn.

Kiệt tác danh họa thủy mặc cổ điển truyền đời này với nét mực đậm nhạt biến ảo phong phú đã khắc họa nên núi non xanh biếc cùng mây khói sông nước bóng bẩy, bố cục tầng lớp rành mạch rõ ràng, ý cảnh thâm thúy sâu lắng.

22 nét

HÁN VIỆT: TẦNG THỨ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#080

叉

chā

cái nĩa, cái đĩa; chĩa ra, đan chéo

在国际多边外交晚宴上，餐桌上整齐摆放着银质刀叉与精美骨瓷餐具，尽显高雅庄重礼仪。

Zài guó jì duō biān wài jiāo wǎn yàn shàng, cān zhuō shàng zhěng zhì fàng zhe yín zhì dāo chā yǔ jīng měi gǔ cí cān jù, jīn xiǎn gāo yǎ zhuāng zhòng lǐ yí.

Tại bữa dạ tiệc ngoại giao đa phương quốc tế, trên bàn tiệc bày ngay ngắn dao và cái nĩa cái đĩa bằng bạc cùng bộ đồ ăn bằng gốm sứ xương tinh xảo, thể hiện trọn vẹn nghi lễ trang trọng thanh nhã.

9 nét

HÁN VIỆT: XOA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#081

叉子

chā zi

đĩa, nĩa

在享用正规西餐宴会时，左手持叉子、右手持餐刀是最基本的西餐用餐礼仪。

Zài xiǎng yòng zhèng guī xī cān yàn huì shí, zuǒ shǒu chí chā zi, yòu shǒu chí cān dāo shì zuǐ jī běn de xī cān yòng cān lǐ yí.

Khi dùng bữa tại tiệc đồ Tây trang trọng, tay trái cầm nĩa và tay phải cầm dao ăn là quy tắc lịch sự dùng bữa kiểu Tây cơ bản nhất.

20 nét

HÁN VIỆT: XOA TỬ



HSK 5 (3.0)

Động từ

#082

插

chā

cắm, lồng vào, xen vào

书桌上的透明水晶花瓶里，插着几支含苞待放、娇艳清香的百合花。

Shū zhuō shàng de tòu míng shuǐ jīng huā píng lǐ, chā zhe jǐ zhī hán bāo dài fàng, jiāo yàn qīng xiāng de bái hé huā.

Trong chiếc bình hoa pha lê trong suốt trên bàn học có cắm vài cành hoa bách hợp đang e ấp chớm nở tỏa ngát hương thơm dịu nhẹ.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : SÁP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#083

查询

cháxún

tra cứu, tìm kiếm truy vấn (thông tin/dữ liệu)

国家科技文献共享平台实现了对全球数亿篇前沿权威学术论文的秒级高速精准查询与下载。

Guó jiā kē jì wén xiàn gòng xiāng píng tái shí xiàn le duì quán qiú shù yì piān qián yán quán yán quán wēi xué shù lùn wén de miǎo jí gāo sù jīng zhǔn chá xún yǔ xià zài.

Nền tảng chia sẻ văn hiến khoa học công nghệ quốc gia đã thực hiện việc tải về và tra cứu truy vấn chuẩn xác tốc độ cao cấp độ giây đối với hàng trăm triệu bài báo học thuật có thẩm quyền tiên phong trên toàn cầu.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TRA TUẦN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#084

差别

chā bié

sự khác biệt, sai khác, chênh lệch

在深入对比这两款算法模型时，我们发现它们在边缘设备上的功耗控制存在显著差别。

Zài shēn rù duì bǐ zhè liǎng kuǎn suàn fǎ mó xíng shí, wǒ men fā xiàn tā men fā biān yuán shè bèi shàng de gōng hào kòng zhì cún zài xiǎn zhù chā bié.

Khi đối chiếu chuyên sâu giữa hai mô hình thuật toán này, chúng tôi nhận thấy chúng có sự chênh lệch rõ rệt về khả năng kiểm soát tiêu thụ điện năng trên thiết bị biên.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : SAI BIỆT

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#085

差点儿

chàdiǎnr

suýt nữa, suýt chút nữa, gần như

在深海潜水器回收对接的关键时刻，母船甲板遭遇突发巨浪袭击，缆绳差点儿脱落，幸被队员沉着处置化解险情。

Zài shēn hǎi qián shuǐ qì huí shōu duì jiē de guān jiàn shí kè, mǔ chuán jiǎ bǎn zāo yù tū fā jù làng xí jī, làn shéng chà diǎn ér tuō luò, xìng bèi duì yuán chén zhùo chú zhì huà jiě xiǎn qíng.

Vào thời khắc then chốt thu hồi ghép nối tàu lặn biển sâu, boong tàu mẹ bất ngờ hứng chịu cơn sóng dữ tấn công, dây cáp suýt nữa suýt chút nữa tuột ra, may mắn được các đội viên điểm tính xử lý hóa giải hiểm nguy.

📖 30 nét

HÁN VIỆT : SAI ĐIỂM NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#086

差距

chā jù

khoảng cách, chênh lệch, độ cách biệt

通过全面推进乡村振兴与东西部产业协作，城乡居民在基础设施与基本公共服务方面的差距正在持续缩小。

Tōng guò quán miàn tuī jìn xiāng cūn zhàn xīng yǔ dōng xī bù chǎn yè xié zuò, chéng xiāng jū mǐn zài jī chǔ shè shī yǔ jī běn gōng gòng fú wù fāng miàn de chā jù zhèng zài chí xù suō xiǎo.

Thông qua việc đẩy mạnh toàn diện công cuộc chấn hưng nông thôn và phối hợp liên kết công nghiệp giữa hai miền Đông - Tây, khoảng cách chênh lệch giữa người dân nông thôn và thành thị về hạ tầng cơ sở và dịch vụ công cộng cơ bản đang không ngừng được thu hẹp.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : SAI CỰ

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#087

差一点儿

chà yìdiǎnr

suýt nữa, suýt nữa thì

经过高精度数学物理模型反复推演验证，实验测得的物理常数与理论极限值差一点儿就完全重合了。

Jīng guò gāo jīng dù shù xué wù lǐ mó xíng fǎn fù tuī yǎn yán zhèng, shí yàn cè dé de wù lǐ cháng shù yǔ lǐ lùn jí xiǎn zhí chà yì diǎn er jiù wán quán chóng hé le.

Trải qua suy diễn kiểm chứng lặp đi lặp lại bằng mô hình toán lý độ chính xác cao, hằng số vật lý đo được qua thực nghiệm suýt nữa thì suýt nữa hoàn toàn trùng khớp với giá trị giới hạn lý thuyết.

📖 35 nét

HÁN VIỆT : SAI NHẤT ĐIỂM NHÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#088

拆

chāi

tháo dỡ, bóc, mở (thư, quà)

在动手拆卸并检修精密发动机前，维修工程师必须先切断全部主电源。

Zài dòng shǒu chāi xié biū xiū jīng mì fā dòng jī qián, wéi xiū gōng chéng shī bì xū xiǎn quē duàn quán bù zhǔ diàn yuán.

Trước khi bắt tay vào tháo dỡ và bảo dưỡng động cơ chính xác, kỹ sư sửa chữa nhất thiết phải ngắt toàn bộ nguồn điện chính trước.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : SÁCH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#089

拆除

chāichú

tháo dỡ, dỡ bỏ (công trình/thiết bị cũ)

城市有序推进老旧高耗能工业厂房拆除与生态修复工程，将其整体改造成了现代高新技术产业园。

Chéng shì yǒu xù tuī jìn lǎo jiù gāo hào néng gōng yè chāng fáng chāi chú yǔ shēng tài xiū fù gōng chéng, jiāng qí zhěng tǐ gǎi zào chéng le xiān dài gāo xīn jì shù chǎn yè yuán.

Thành phố đẩy mạnh có trật tự công trình phục hồi sinh thái và tháo dỡ dỡ bỏ các nhà xưởng công nghiệp tiêu hao nhiều năng lượng cũ kỹ, cải tạo toàn bộ thành khu công viên ngành nghề công nghệ cao mới hiện đại.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : SÁCH TRỪ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#090

产业

chǎn yè

ngành công nghiệp, ngành sản xuất, sản nghiệp

加快构建以先进制造业为骨干的现代化产业体系，推动战略性新兴产业集聚发展与未来产业前瞻布局。

Jiā kuài gòu jiàn yǐ xiān jìn zhì zào yè wéi gǔ gàn de xiān dài huà chǎn yè tǐ xì, tuī dòng zhàn lüè xìng xīn xīng chǎn yè jí jù fā zhǎn yǔ wèi lái chǎn yè qián zhān bù jú.

Đẩy nhanh xây dựng hệ thống ngành công nghiệp hiện đại hóa lấy ngành chế tạo tiên tiến làm rường cột xương sống, thúc đẩy sự phát triển tập trung cụm ngành của các ngành công nghiệp mới nổi mang tính chiến lược và bố cục đón đầu các ngành công nghiệp tương lai.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : SẢN NGHIỆP



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#091

肠
cháng

ruột, đường ruột; lòng dổi, xúc xích

医学研究表明, 保持健康的肠道微生物菌群平衡对增强人体免疫系统功能至关重要。

Yī xué kē xué yán jiū biǎo míng, bǎo chí jiàn kāng de cháng dào wēi shēng wù jūn pín héng duì zēng qiáng rén tǐ miǎn yì xì tǒng gōng néng zhì guān zhòng yào.

Nghiên cứu khoa học y học chỉ ra rằng, việc duy trì sự cân bằng của hệ vi sinh vật đường ruột ruột khỏe mạnh có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc tăng cường chức năng hệ thống miễn dịch của cơ thể người.

8 nét

HÁN VIỆT: TRÀNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#092

尝
cháng

nếm thử

老师鼓励大家积极尝, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cháng, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nếm thử, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#093

尝试
cháng shì

thử nghiệm, thử sức, làm thử; sự thử nghiệm

科学探索允许失败, 青年科研团队敢于尝试打破传统物理模型的固有假设, 开辟了全新研究路径。

Kē xué tàn sù yǔn xǔ shī bài, qīng nián kē yán tuán dǒu gǎn yú cháng shì dǎ pò chuán tǒng wù lǐ mó xíng de gù yǒu jiǎ shè, kāi pì chū le quán xīn yán jiū lù jīng.

Thám hiểm khoa học cho phép thất bại, nhóm nghiên cứu khoa học trẻ tuổi dũng cảm thử sức phá vỡ những giả thiết sẵn có của mô hình vật lý cổ điển truyền thống, mở ra con đường nghiên cứu hoàn toàn mới mẻ.

27 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG THÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#094

厂长
chǎng zhǎng

giám đốc nhà máy, quản đốc xưởng

作为大型智能化高端装备制造企业的厂长, 他始终把自主技术创新与产品极致质量放在第一位。

Zuò wéi dà xíng zhì néng gāo duān zhuāng bèi zhì zào qì yè de chǎng zhǎng, tā shǐ zhǒng bǎ zì zhǔ jì shù chuàng xīn yǔ chǎn pǐn jí zhì zhì liàng fàng zài dì yī wèi.

Với tư cách là giám đốc nhà máy quản đốc của doanh nghiệp chế tạo trang thiết bị cao cấp thông minh hóa quy mô lớn, ông luôn đặt chất lượng đỉnh cao của sản phẩm và đổi mới sáng tạo công nghệ tự chủ lên vị trí hàng đầu.

18 nét

HÁN VIỆT: HÁN TRƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#095

场面
chǎng miàn

quang cảnh, bối cảnh, hoạt cảnh

在国际体育盛会上开幕式上, 数万名青年志愿者整齐划一、欢腾雀跃的迎宾舞蹈场面壮丽宏大、震撼人心。

Zài guó jì tǐ yù shèng huì kāi mù shì shàng, shù wàn míng qīng nián zhì yuán zhě zhěng qí huà yì, huān téng què yuè de yíng bīn wǔ dǎo chǎng miàn zhuàng lì hóng dà, zhèn hàn rén xīn.

Tại lễ khai mạc ngày hội thể thao quốc tế, quang cảnh điệu múa đón khách rộn ràng đồng đều của hàng vạn bạn tình nguyện viên trẻ thật hùng tráng, lồng lộng và lay động lòng người.

18 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG DIỆN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#096

倡导
chàng dǎo

xướng xuất, khởi xướng, đề xướng

中国积极倡导并践行真正的多边主义, 推动构建平等有序的世界多极化与普惠包容的经济全球化。

Zhōng guó jī jí chàng dǎo bìng jiàn xíng zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì, tuī dòng gòu jiàn píng děng yǒu xù de shì jiè duō jí huà yǔ pǔ huì bǎo róng de jīng jì quán qiú huà.

Trung Quốc tích cực đề xướng và thực hành chủ nghĩa đa phương chân chính, thúc đẩy xây dựng một thế giới đa cực bình đẳng trật tự cùng tồn tại hòa bình kinh tế bao trùm và phổ quát.

19 nét

HÁN VIỆT: XƯỚNG ĐẠO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#097

超越
chāo yuè

vượt qua, vượt lên trên, bứt phá

青年科学家敢于超越前人经典的理论框架, 在拓补量子态物理机理研究领域开辟出了全新的前沿学术疆域。

Qīng nián kē xué jiā gǎn yú chāo yuè qián rén jīng diǎn de lǐ lùn kuāng jiā, zài tuò bǔ liàng zì wù tài wù lǐ yán jiū lǐng yù kāi pì chū le quán xīn de qián yán xué shù jiāng yù.

Các nhà khoa học trẻ dũng cảm vượt lên trên các khung lý thuyết kinh điển của tiền nhân, khai phá nên một bờ cõi học thuật mũi nhọn hoàn toàn mới trong lĩnh vực nghiên cứu cơ chế vật lý trạng thái vật chất lượng tử tô-pô.

22 nét

HÁN VIỆT: SIÊU VIỆT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#098

车主
chē zhǔ

chủ xe, người sở hữu xe

城市推行智慧停车无感支付与充电桩共享系统, 极大方便了广大私家车主日常出行与便捷补能。

Chéng shì tuī xíng zhì huì tǐng chē wú gǎn zhī fù yǔ chōng diàn zhuāng gòng xiǎng xì tǒng, jí dà fāng biàn le guǎng dà sī jiā chē zhǔ rì cháng chū xíng yǔ biàn jié bǔ néng.

Thành phố thực thi hệ thống chia sẻ trụ sạc và thanh toán không chạm đỗ xe thông minh, mang lại sự thuận tiện tối đa cho đông đảo chủ xe cá nhân khi đi lại hàng ngày và nạp năng lượng tiện lợi.

18 nét

HÁN VIỆT: XA CHỦ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#099

称号
chēng hào

danh hiệu, tước hiệu danh dự

党和国家决定授予在杂交水稻攻关中作出卓越贡献的顶尖科学家“共和国勋章”与国家荣誉称号。

Dǎng hé guó jiā jué dìng shòu yǔ zài zá jiāo shuǐ dào gōng guān zhōng zuò chū zhuó yuè gòng xiàn de dīng jiān kē xué jiā "gòng hé guó xīn zhāng" yǔ guó jiā róng yǔ chēng hào.

Đảng và Nhà nước quyết định trao tặng Huân chương Cộng hòa và danh hiệu vinh dự nhà nước cho nhà khoa học hàng đầu có đóng góp trác tuyệt trong công cuộc nghiên cứu lúa lai.

24 nét

HÁN VIỆT: XỨNG GÀO



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#100

成本

chéng běn

giá thành, chi phí sản xuất

依托全产业链规模化量产优势与技术工艺迭代, 我国光伏组件制造度电成本十年来下降了百分之八十以上。

Yī tuō quán chǎn yè liàn guī mó huà liàng chǎn yōu shì yǔ jì shù gōng yì dié dài, wǒ guó guāng fú zǔ jiàn zhì zào dù diàn chéng běn shí nián lái xià jiàng le bǎi fēn zhī bā shí yǐ shàng.

Dựa vào ưu thế sản xuất hàng loạt quy mô lớn trên toàn chuỗi công nghiệp cùng sự đổi mới lặp lại công nghệ quy trình, chi phí giá thành trên mỗi kilowatt-giờ điện chế tạo mô-đun quang điện nước ta trong 10 năm qua đã giảm hơn 80%.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · THÀNH BẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#101

成交

chéng jiāo

giao dịch thành công, chốt đơn, ký hợp đồng

在本届国际技术进出口交易会上, 高新技术与新能源装备累计意向成交金额突破了数百亿元人民币。

Zài běn jiè guó jì jì shù jìn chū kǒu jiāo yì huì shàng, gāo xīn jì shù yǔ xīn néng yuán zhuāng bèi lěi jì yì xiàng chéng jiāo jīn é tú pò le shù bǎi yuán rén mín bì.

Tại Hội chợ Giao dịch Xuất nhập khẩu Công nghệ Quốc tế lần này, tổng số tiền giao dịch dự kiến của công nghệ cao và thiết bị năng lượng mới đã vượt qua hàng chục tỷ Nhân dân tệ.

📖 18 nét

HÁN VIỆT · THÀNH GIAO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#102

成效

chéng xiào

hiệu quả, thành quả đạt được

经过多部门协同发力与源头综合治理, 该流域长江生态环境保护修复攻坚战取得了显著的历史性成效。

Jīng guò duō bù mén xié tóng fā lì yǔ yuán tóu zōng hé zhì lǐ, gāi liú yù cháng jiāng shēng tài huán jīng bǎo hù xiū fù gōng jiàn zhàn qǔ de le xiǎn zhù de lì shǐ xìng chéng xiào.

Trải qua sự chung sức phối hợp của nhiều ban ngành và xử lý tổng hợp tận gốc, chiến dịch bảo vệ và phục hồi môi trường sinh thái lưu vực sông Trường Giang đã đạt được những thành quả lịch sử rõ rệt.

📖 18 nét

HÁN VIỆT · THÀNH HIỆU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#103

成语

chéng yǔ

thành ngữ

汉语成语结构简练却内涵极其深厚, 往往四个字就凝练了一个引人深思的历史典故。

Hàn yǔ chéng yǔ jié gòu jiǎn liàn què nèi hán jí qí shēn hòu, wǎng wǎng sì gè zì jiù níng liàn le yí gè yǐn rén shēn sī de lì shǐ diǎn gù.

Thành ngữ tiếng Hán có kết cấu cô đọng súc tích nhưng hàm ý lại vô cùng thâm sâu, thường chỉ với 4 chữ đã đúc kết trọn vẹn cả một điển tích lịch sử khiến người ta phải suy ngẫm sâu xa.

📖 20 nét

HÁN VIỆT · THÀNH NGỮ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#104

承办

chéng bàn

đăng cai, nhận tổ chức thực hiện

该市凭借国际一流的现代场馆设施与高效的组织保障能力, 成功承办了本届世界大学生夏季运动会。

Gāi shì píng jiè guó jì yì liú de xiàn dài chǎng guǎn shè shī yǔ gāo xiào de zǔ zhī bǎo zhàng néng lì, chéng gōng chéng bàn le běn jiè shì jiè dà xué shēng xià jì yùn dòng huì.

Thành phố này nhờ vào cơ sở vật chất nhà thi đấu hiện đại đẳng cấp quốc tế cùng năng lực tổ chức bảo đảm hiệu quả cao đã đăng cai tổ chức thành công Đại hội Thể thao Sinh viên Thế giới mùa hè lần này.

📖 20 nét

HÁN VIỆT · THỪA BIỆN

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#105

城里

chéng lǐ

trong thành phố, trong đô thị nội thành

随着城乡融合发展与现代交通基础设施一体化推进, 城里与乡村的优质公共资源差距显著缩小。

Suí zhe chéng xiāng róng hé fā yǔ xiàn dài jiāo tōng jī chǔ shè shī yì tí huà tuī jìn, chéng lǐ yǔ xiāng cūn de yōu zhì gōng gòng zī yuán chā jù xiǎn zhù suǒ xiǎo.

Cùng với sự phát triển dung hợp thành thị - nông thôn và thúc đẩy tích hợp hạ tầng giao thông hiện đại, khoảng cách tài nguyên công cộng chất lượng cao giữa nông thôn và trong thành phố trong đô thị đã được thu hẹp rõ rệt.

📖 17 nét

HÁN VIỆT · THÀNH LǏ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#106

乘

chéng

nhân lên

老师鼓励大家积极乘, 勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chéng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhân lên, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT · THỪA

HSK 5 (3.0)

Động từ

#107

乘车

chéng chē

đi xe, đi tàu xe, đón xe

高铁推行全数字化电子客票与人脸识别智能闸机, 广大乘客乘车进站全程无需出示纸质车票。

Gāo tiě tuī xíng quán shù zì huà diàn zì kè piào yǔ rén lián shí bié zhì néng zhā jī, guǎng dà chéng kè chéng chē jìn zhàn quán chéng wú xū chū shì zhǐ zhì chē piào.

Đường sắt cao tốc triển khai cửa soát vé thông minh nhận diện khuôn mặt và vé điện tử số hóa toàn diện, đông đảo hành khách đi xe đón xe vào ga suốt toàn bộ hành trình không cần phải xuất trình vé giấy.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · THỪA XA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#108

乘客

chéng kè

hành khách, khách đi tàu xe

新一代国产大型客机以优异的座舱静音环境与宽敞舒适的人体工学座椅, 为广大乘客带来极佳飞行体验。

Xīn yí dài guó chǎn dà xíng kè jī yǐ yōu yì de zuò cāng jìng yín yǎn jīng yǔ kuān chǎng shū shì de rén tǐ gōng xué zuò yǐ, wèi guǎng dà chéng kè dài lái jí jiā fēi xíng tǐ yàn.

Dòng máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước thế hệ mới bằng môi trường yên tĩnh trong khoang lái xuất sắc và ghế ngồi công thái học rộng rãi êm ái mang lại trải nghiệm bay tuyệt vời cho đông đảo hành khách khách đi máy bay.

📖 18 nét

HÁN VIỆT · THỪA KHÁCH



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#109

乘坐

chéng zuò

đi, ngồi (tàu, xe, máy bay)

乘坐京沪高速铁路复兴号列车，从北京到上海最快只需四个多小时。

Chéng zuò jīng hù gāo sù tiě lù fù xīng hào liè chē, cóng běi jīng dào shàng hǎi zài kuài zhǐ xū sì gè duō xiǎo shí.

Đi tàu cao tốc Fuxing trên tuyến đường sắt Bắc Kinh - Thượng Hải, hành trình từ Bắc Kinh đến Thượng Hải nhanh nhất chỉ mất hơn 4 tiếng đồng hồ.

18 nét

HÁN VIỆT

THỪA TOA

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#110

吃力

chī lì

vất vả, nhọc sức, tốn sức, khó nhọc

在没有大型工程机械的艰苦年代，建设者们全凭肩挑背扛，极其吃力却坚韧无比地建成了红旗渠。

Zài méi yǒu dà xíng gōng jī xié de jiān kǔ nián dài, jiàn shè zhě men quán píng jiān tiǎo bèi káng, jí qí chī lì què jiān rèn wú bǐ dì jiàn chéng le hóng qí qú.

Trong những năm tháng gian khó chưa có máy móc công trình cỡ lớn, những người xây dựng hoàn toàn dựa vào đôi vai gánh lưng vất vả, vô cùng vất vả nhọc sức nhưng vô cùng kiên cường đã xây dựng nên Kênh Hồng Kỳ.

19 nét

HÁN VIỆT

CẬT LỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#111

池子

chí zi

ao, hồ, bể nước nhỏ

中式古典庭院正中的汉白玉池子里，几尾色彩斑斓的锦鲤在荷花间自在游弋。

Zhōng shì gǔ diǎn tíng zhèng zhōng de hàn bái yù chí zi lǐ, jǐ wěi sè cǎi bān lán de jīn lǐ zài huā jiān zì zài yóu yì.

Bên trong bể đá cẩm thạch trắng chính giữa khoảng sân vườn cổ điển Trung Hoa, vài chú cá koi rực rỡ sắc màu đang tung tăng bơi lội giữa những đóa sen.

22 nét

HÁN VIỆT

TRÌ TỬ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#112

迟

chí

muộn

老师鼓励大家积极迟，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chí, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực muộn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT

TRÌ

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#113

充足

chōng zú

đầy đủ, sung túc, thỏa đáng

在迎峰度夏用电高峰期间，国家特高压输电网络与大型储能电站全力保障了全国电力供应充足稳定。

Zài yíng fēng dù xià yòng diàn gāo fēng qī jiān, guó jiā tè gāo yǎ shù diàn wǎng luò yǔ dà xíng zhǔ néng diàn zhàn quán lì bǎo zhàng le quán guó diàn lì gòng yìng chōng zú wěn dìng.

Trong đợt cao điểm dùng điện mùa hè nắng nóng, mạng lưới truyền tải điện siêu cao áp quốc gia cùng các trạm tích trữ năng lượng quy mô lớn đã dốc toàn lực bảo đảm nguồn cung ứng điện trên cả nước luôn đầy đủ và ổn định.

18 nét

HÁN VIỆT

SUNG TÚ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#114

冲动

chōng dòng

bốc đồng, nông nổi; xung động
 bộc phát

在处理重大复杂法律纠纷与商务谈判时，必须时刻保持冷静理性，绝不能凭一时情绪冲动用事。

Zài chǔ lǐ zhòng dà fù zá fǎ lǜ zhōng yǔ shāng wán tán shí, bì xū shí kè bǎo chí lěng jìng lǐ xìng, jué bù néng píng yí shí qíng xū chōng dòng yòng shì.

Khi xử lý các tranh chấp pháp luật và đàm phán thương vụ phức tạp trọng đại, bắt buộc phải luôn luôn giữ vững sự điềm tĩnh lý trí, tuyệt đối không thể hành động bốc đồng dựa theo cảm xúc nhất thời.

27 nét

HÁN VIỆT

XUNG ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#115

冲突

chōng tū

xung đột, va chạm mâu thuẫn

中国始终坚定站在和平一边、站在公道一边，积极为政治和平解决各类地区热点冲突奔走斡旋。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng zhàn zài hé píng yí biān, zhān zài gōng dào yí biān, jī jí wéi zhèng zhì hé píng jiě jué gè lèi dì qū rè diǎn chōng tū bēn zǒu wò xuán.

Trung Quốc luôn kiên định đứng về phía hòa bình, đứng về phía công lý, tích cực bên ba hòa giải trung gian vì giải pháp chính trị hòa bình cho các điểm nóng xung đột khu vực.

22 nét

HÁN VIỆT

XUNG ĐỘT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ /
 Danh từ

#116

愁

chóu

lo âu, sầu muộn, băn khoăn; nỗi
 buồn

通过全面落实精准帮扶政策，昔日因缺技术、少资金而发愁的偏远山村群众如今依靠特色产业走上了致富路。

Tōng guò quán miàn luò shí jīng zhǔn bāng fú zhèng cè, xī rì yīn quē jì shù, shǎo zī jīn ér fā chóu de piǎn yuǎn shān cūn qún zhòng rú jīn yī kào tè sè chǎn yè zǒu shàng le zhì fù lù.

Thông qua việc thực thi toàn diện chính sách hỗ trợ chuẩn xác, bà con vùng quê xa xôi trước đây buồn bã băn khoăn lo âu vì thiếu vốn ít kỹ thuật ngày nay đã dựa vào ngành nghề đặc sắc để bước lên con đường làm giàu.

12 nét

HÁN VIỆT

SẦU

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#117

丑

chǒu

xấu xí, khó coi; xấu hổ, nhục nhã

外表的美丑不过是皮囊之别，真正能够穿越岁月长河永葆魅力的永远是高尚丰盈的内在灵魂。

Wài biǎo de měi chǒu bù guò shì pí náng zhī bié, zhēn zhèng néng chuān yuè suì yuè cháng hé yǒng bǎo měi lì de yǒng yuǎn shì gāo shàng fēng yíng de nèi zài línghún.

Về đẹp hay xấu bên ngoài chỉ là sự khác biệt nơi dung nhan thể xác, điều thực sự có thể vượt qua dòng chảy năm tháng giữ mãi sức hút vĩnh cửu mãi là một tâm hồn cao đẹp và phong phú bên trong.

8 nét

HÁN VIỆT

SỬU



HSK 5 (3.0)

Tính từ

#118

臭

chòu

có mùi hôi

在面对复杂的挑战时，保持臭的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí chòu de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái có mùi hôi đặc biệt quan trọng.

12 nét

HÁN VIỆT: XÚ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#119

出版

chū bản

xuất bản

这部历时十余年精心编纂的中国古代科技史学术巨著，终于在国家级出版社正式出版面世。

Zhè bù lì shí shí yú nián jīng xīn biān zuǎn de zhōng guó gǔ dài kē jì shǐ xué shù jù zhù, zhōng yú zài guó jiā jí chū bǎn shè zhèng shì chū bǎn miàn shì.

Bộ đại tác phẩm học thuật về lịch sử khoa học công nghệ cổ đại Trung Quốc được công phu biên soạn suốt hơn mười năm qua cuối cùng đã chính thức xuất bản ra mắt độc giả tại nhà xuất bản cấp quốc gia.

19 nét

HÁN VIỆT: XUẤT BẢN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#120

出差

chū chāi

đi công tác

由于下周需要前往广州分公司出差考察业务，他提前订好了高铁往返商务车票。

Yóu yú xià zhōu xū yǎo qián wǎng guǎng zhōu fēn gōng sī chǔ chāi kǎo chá yè wù, tā tí qián dìng hǎo le gāo tiě wǎng fǎn shāng wù zuò chē piào.

Do tuần sau phải đi công tác tại chi nhánh Quảng Châu để khảo sát kinh doanh, anh ấy đã đặt trước vé khứ hồi hạng thương gia tàu cao tốc.

17 nét

HÁN VIỆT: XUẤT SAI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#121

出汗

chū hàn

ra mồ hôi, toát mồ hôi

在炎热的夏季高温车间里，大国工匠顶着酷暑持续开展超精密装配作业，工作服被出汗浸透也浑然不顾。

Zài yán rè de xià jì gāo wēn chē jiān lǐ, dà guó gōng jiàng dǐng zhe kù shǔ chí xù kāi zhǎn chāo jīng mì zhuāng pèi zuò yè, gōng zuò fú bèi chū hàn jìn tòu yě hún rán bù gù.

Bên trong phân xưởng nhiệt độ cao mùa hè oi bức, nghệ nhân bậc thầy nước lớn đội nắng nóng liên tục triển khai thao tác lắp ráp siêu chính xác, áo bảo hộ lao động bị toát mồ hôi ra mồ hôi ướt đầm cũng chẳng màng để tâm.

17 nét

HÁN VIỆT: XUẤT HÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Giới từ

#122

出于

chū yú

xuất phát từ, bắt nguồn từ (lý do/ động cơ)

出于对科学真理的无比执着追求与科技报国的崇高信念，青年学者毅然选择投身极端前沿研究领域。

Chū yú duì kē xué zhēn lǐ de wú bǐ zhí zhuó zhuī qiú yú kē jì bào guó de chóng gāo xīn niàn, qīng nián xué zhě yì rán xuǎn zé tōu shēn jī duǎn qián yán yán jiū lǐng yù.

Xuất phát từ bắt nguồn từ lòng kiên định theo đuổi chân lý khoa học vô bờ bến và niềm tin cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, người học giả trẻ tuổi đã kiên quyết lựa chọn dấn thân vào lĩnh vực nghiên cứu tiên phong cực đoan.

22 nét

HÁN VIỆT: XUẤT VU

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#123

初期

chū qī

thời kỳ đầu, giai đoạn ban đầu

在重大科技工程研制攻坚初期，面对国外严密的技术封锁，科研团队白手起家、自力更生。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng yán zhì gōng jiān chū qī, miàn duì guó wài yán mì de jì shù fēng suǒ, kē yán tuán duì bái shǒu qǐ jiā, zì lì gēng shēng.

Vào thời kỳ đầu giai đoạn ban đầu của trận đánh vượt khó nghiên cứu chế tạo công trình khoa học công nghệ trọng đại, đứng trước sự phong tỏa công nghệ nghiêm ngặt từ nước ngoài, đội ngũ nghiên cứu đã tự lực cánh sinh, dựng cơ đồ từ hai bàn tay trắng.

18 nét

HÁN VIỆT: SƠ KỲ

HSK 5 (3.0)

Liên từ

#124

除非

chú fēi

trừ phi, chỉ khi

除非在底层算法架构上取得颠覆性突破，否则很难在短时间内大幅降低模型的能耗。

Chú fēi zài dī céng suàn fǎ jià gòu shàng qǔ dé diān fù xīng tú pò, fǒu zé hěn nán zài duǎn shí jiān nài dà fú jiàng dī dà mó xíng de néng hào.

Trừ phi đạt được bước đột phá mang tính thay đổi toàn diện về mặt kiến trúc thuật toán tầng dưới, bằng không rất khó có thể hạ giảm mạnh mức tiêu hao năng lượng của mô hình lớn trong thời gian ngắn.

21 nét

HÁN VIỆT: TRỪ PHI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#125

除夕

chú xī

đêm Giao thừa, đêm 30 Tết

每逢除夕之夜，无论身在何方的游子都会想方设法赶回家中，与家人围坐在一起吃团圆饭。

Měi féng chú xī zhī yè, wú lùn shēn zài hé fāng de yóu zǐ dū huí xiāng fāng shè fǎ gǎn huí jiā zhōng, yǔ jiā rén wéi zuò zài yì qǐ chí tuán yuán fàn.

Mỗi dịp đêm Giao thừa, người con xa xứ đều ở nơi chân trời góc bể nào cũng tìm mọi cách trở về nhà sum vầy cùng gia đình quây quần bên mâm cơm tất niên đoàn viên.

22 nét

HÁN VIỆT: TRỪ TỊCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#126

厨房

chú fáng

nhà bếp

温馨宽敞的厨房里飘散出阵阵诱人的饭菜香味，让人食欲大增。

Wēn xīn kuān chǎng de chú fáng lǐ piāo sǎn chū zhēn zhēn yòu rén de fàn cài xiāng wèi, ràng rén shí yù dà zēng.

Từ căn bếp ấm cúng rộng rãi thoáng thoáng bay ra mùi thức ăn quyến rũ khiến ai nấy đều cồn cào thèm ăn.

19 nét

HÁN VIỆT: TRỪ PHÒNG



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#127

处罚

chǔ fá

xử phạt, trừng phạt, hình phạt

国家执法监管部门依法对恶意侵犯商业秘密与严重侵犯知识产权的违法行为给予顶格经济行政处罚。

Guó jiā zhī fǎ jiǎn guān bù mén yī fǎ duì è yì qīn fǎn shāng yè mí mǐ yú yán zhòng qīn fǎn zhī shì chǎn quán de wéi fǎ xíng wéi jǐ yǔ dīng gé jīng jì xíng zhèng chǔ fá.

Cơ quan giám sát thực thi pháp luật quốc gia căn cứ theo pháp luật đã đưa ra mức xử phạt trừng phạt hành chính kinh tế kịch khung đối với các hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm nghiêm trọng quyền sở hữu trí tuệ và ác ý xâm phạm bí mật thương mại.

22 nét

HÁN VIỆT: XỬ PHẠT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#128

处分

chǔ fèn

kỷ luật, xử lý kỷ luật; định đoạt

纪检监察机关依法依规严肃查处违纪违法行为, 对严重违反学术诚信与弄虚作假的责任人给予严肃政务处分。

Jǐ jiǎn jiān chá jī guān yī fǎ yī guī yán sù chá chǔ wéi jǐ wéi fǎ xíng wéi, duì yán zhòng wéi fǎn xué shù chéng xìn yú nòng xǔ zuò jiǎ de zé rèn rén jī yǔ yán sù zhèng wù chǔ fèn.

Cơ quan kiểm tra giám sát kỷ luật theo quy định pháp luật đã điều tra xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm kỷ luật và pháp luật, thi hành hình thức kỷ luật chính vụ nghiêm khắc đối với những người chịu trách nhiệm vi phạm nghiêm trọng tính trung thực học thuật và làm giả gian lận.

24 nét

HÁN VIỆT: XỬ PHÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#129

处在

chǔ zài

đang ở vào, nằm ở (vị trí/giai đoạn)

当前我国正处在推进中国式现代化的关键时期, 必须牢牢把握高质量发展这个首要任务。

Dāng qián wǒ guó zhèng chǔ zài tuī jìn zhōng guó shì xià dài huà de guān jiàn shí qī, bì xū láo láo bǎ wò gāo zhì liàng fā zhǎn zhè ge shǒu yào wù.

Hiện nay nước ta đang ở vào nằm ở thời kỳ then chốt thúc đẩy hiện đại hóa kiểu Trung Quốc, bắt buộc phải nắm chắc nhiệm vụ hàng đầu là phát triển chất lượng cao.

22 nét

HÁN VIỆT: XỬ TẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#130

传达

chuán dá

truyền đạt, phổ biến (chỉ thị, nghị quyết); phòng thường trực

省委常委扩大会议第一时间传达学习了党中央关于推动长江经济带高质量发展的最新指示精神。

Shěng wěi cháng wěi kuò dà huì yì dì yī shí jiān chuán dá xué xí le dǎng zhōng yāng guān yú tuī dòng cháng jiāng jīng jì dài gāo zhì liàng fā zhǎn de zui xīn zhǐ shì jīng shén.

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng đã lập tức truyền đạt và quán triệt học tập tinh thần chỉ thị mới nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc thúc đẩy phát triển chất lượng cao Vành đai kinh tế Trường Giang.

27 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN ĐẠT

HSK 5 (3.0)

Động từ

#131

传递

chuán dì

truyền đạt, trao chuyển, tiếp nối

奥林匹克圣火在各大洲主要城市之间庄严传递, 向全世界传递着和平与友谊的崇高理念。

Ào lín pǐ kè shèng huǒ zài gè dà zhōu zhǔ yào chéng shì zhī jiān zhuān yán chuán dì, xiàng quán shì jiè chuán dì zhe hé píng yǔ yǒu yì de chóng gāo lǐ niàn.

Ngọn đuốc Olympic được rước truyền trang nghiêm qua các thành phố lớn trên khắp châu lục, truyền tải thông điệp cao quý về hòa bình và tình hữu nghị tới toàn thế giới.

27 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN ĐỆ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#132

传真

chuán zhēn

bản fax, gửi fax

请将双方授权代表签署并盖章的正式合作协议原件以高清传真或电子扫描件形式发送过来。

Qǐng jiāng shuāng fāng shòu quán dài biǎo qiān shù bīng gài zhāng de zhèng shì hé zuò xié yì yuán jiàn yǐ gāo qīng chuán zhēn huò diàn zǐ sǎo miáo jiàn xíng shì fā sòng guò lái.

Xin vui lòng gửi bản thỏa thuận hợp tác chính thức có chữ ký và đóng dấu của người đại diện theo ủy quyền qua fax độ nét cao hoặc bản scan điện tử.

24 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN CHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#133

窗帘

chuāng lián

rèm cửa, màn cửa

清晨拉开厚重遮光的米白色亚麻窗帘, 和煦温暖的阳光瞬间洒满了整个温馨的书房。

Qīng chén kāi kāi hòu zhòng zhē guāng de mǐ bái sè yā má chuāng lián, hé xù wēn nuǎn de yáng guāng shùn jiǎn sā mǎn le zhěng gè wēn xīn de shū fáng.

Sáng sớm kéo tấm rèm vải lanh màu be cân sáng dày dặn ra, ánh nắng ấm áp dịu dàng tức thì ngập tràn khắp căn phòng đọc sách ấm cúng.

19 nét

HÁN VIỆT: SONG LIÊM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#134

闯

chuǎng

xông pha, dẫn thân; lao nhanh, tông vào

年轻人要有敢为人先、敢闯敢拼的开拓精神, 在广阔天地中开创属于自己的辉煌事业。

Nián qīng rén yào yǒu gǎn wéi rén xiān, gǎn chuāng gǎn pīn de kāi tuò jīng shén, zài guǎng guō tiān dì zhōng kāi chuāng shǔ yú zì jǐ de huī huáng shì yè.

Người trẻ tuổi cần có tinh thần tiên phong dám nghĩ dám làm, dám dẫn thân xông pha bứt phá để mở ra sự nghiệp huy hoàng của riêng mình giữa bầu trời rộng lớn.

10 nét

HÁN VIỆT: SẤM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#135

创立

chuàng lì

sáng lập, thành lập, xây dựng nên (lý luận, trường phái)

我国数学大师在微分几何与拓扑学领域创立了具有世界深远影响的全新几何理论体系。

Wǒ guó shù xué dà shī zài wēi fēn jǐ hé yǔ tuō pǔ xué lǐng yù chuàng lì le jù yǒu shì jiè shēn yǎng de quán xīn jǐ hé lǐ lùn tǐ xì.

Bậc đại sư toán học nước ta trong lĩnh vực hình học vi phân và tô-pô học đã sáng lập nên một hệ thống lý thuyết hình học hoàn toàn mới có tầm ảnh hưởng sâu rộng trên toàn thế giới.

26 nét

HÁN VIỆT: SÁNG LẬP



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#136

辞典

cídiǎn

từ điển, từ điển chuyên ngành

语言学专家历时十年精心编纂出版了这部权威规范的新时代现代汉语科学技术专业术语大辞典。

Yǔ yán xué zhuān jiā lì shí shí nián jīng xīn biān zuǎn chū bǎn le zhè bù quán wēi guī fàn de xīn shí dài xiān dài hàn yǔ kē xué jì shù zhuān yè shù yǔ dà cí diǎn.

Các chuyên gia ngôn ngữ học trải qua mười năm đã cẩn thận biên soạn và xuất bản cuốn đại từ điển từ điển thuật ngữ chuyên ngành khoa học kỹ thuật Hán ngữ hiện đại thời đại mới chuẩn mực có thẩm quyền này.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TỬ ĐIỂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#137

辞职

cízhí

từ chức, xin nghỉ việc

经过多月深思熟虑，他最终决定辞职去全身心追寻自己热爱多年的乡村教育公益事业。

Jīng guò duō yuè shēn sī shú lǜ, tā zuì zhōng jué dìng cí zhí qù quán shēn xīn zhī xún zì jǐ rè ài duō nián de xiāng cūn jiàoyù gōng yì shì yè.

Sau nhiều tháng suy nghĩ chín chắn, cuối cùng anh quyết định nghỉ xin việc để dành trọn tâm huyết theo đuổi sự nghiệp giáo dục thiện nguyện vùng cao mà mình hằng ấp ủ bấy lâu.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TỬ CHỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian /
Phó từ

#138

此后

cǐhòu

sau đó, kể từ đây trở đi, từ đó về sau

国家首个深空探测科学卫星成功发射升空，此后我国深空探测事业迈入了大步跨越式发展新阶段。

Guó jiā shǒu gè shēn kōng tàn cè kē xué wèi xīng chéng gōng fā shè shēng kōng, cǐ hòu wǒ guó shēn kōng tàn cè shì yè mài rù le dà bù kuà yuè xīn jiē duàn.

Vệ tinh khoa học thám trắc không gian sâu đầu tiên của nước ta phóng thành công lên quỹ đạo, sau đó từ đó về sau sự nghiệp thám trắc không gian sâu nước ta đã bước vào giai đoạn mới phát triển nhảy vọt với những bước tiến dài.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: THỬ HẬU

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#139

此刻

cǐkè

giờ phút này, lúc này, ngay bây giờ

当大国重器顺利完成极限深潜返回海面时，此刻飞控大厅内所有科研人员激动得热烈相拥欢呼。

Dāng dà guó zhòng qì shùn lì wán chéng jí xiàn shēn qián fān huí hǎi miàn shí, cǐ kè fēi kòng dà tīng nèi suǒ yǒu kē yán yuán jī dòng dé rè liè xiāng yōng huān hū.

Khi đại khí quốc gia hoàn thành thuận lợi chuyển lặn sâu giới hạn trở về mặt biển, giờ phút này lúc này toàn bộ cán bộ nghiên cứu trong đại sảnh điều khiển bay đã xúc động ôm chầm lấy nhau reo hò nhiệt liệt.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: THỬ KHẮC

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#140

此时

cǐshí

lúc này, thời điểm này, bấy giờ

此时此刻的天安门广场上红旗招展、花团锦簇，数十万各界群众欢聚一堂喜迎国庆盛典。

Cǐ shí cǐ kè de tiān ān mén guǎng chǎng shàng hóng qí zhāo zhǎn, huā tuán jīn cù, shù shí wàn gè jiē qún zhòng huān jù yì táng xī yíng guó qīng shèng diǎn.

Vào thời điểm này lúc này trên Quảng trường Thiên An Môn cờ đỏ tung bay phấp phới, hoa tươi rực rỡ muôn màu, hàng chục vạn quần chúng các giới cùng hân hoan tế tựu một nhà đón chào đại lễ Quốc khánh.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: THỬ THỜI

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#141

聪明

cōngmíng

thông minh

这个聪明好学的小男孩不仅记忆力极强，而且解决逻辑问题十分灵活。

Zhè ge cōngmíng hào xué de xiǎo nán hái bù jǐn jì yì lì jiáng, ér qiě jiě jué luó jí wèn tí shí fēn líng huó.

Cậu bé thông minh hiếu học này không chỉ có trí nhớ siêu phàm mà còn xử lý các vấn đề logic cực kỳ linh hoạt.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: THÔNG MINH

HSK 5 (3.0)

Liên từ

#142

从而

cóng'ér

nhờ đó, do đó mà, từ đó dẫn đến

国家大力推进产业链与创新链深度融合，从而全面提升了制造业高端化、智能化、绿色化发展水平。

Guó jiā dà lì tuī jìn chǎn yè lián yǔ chuàng xīn liàn shēn dù róng hé, cóng ér quán miàn tí shēng le zhì zào yè gāo duān huà, zhì néng huà, lǜ sè huà fā zhǎn shuǐ píng.

Nhà nước ra sức thúc đẩy sự dung hợp sâu sắc giữa chuỗi đổi mới sáng tạo và chuỗi ngành nghề, nhờ đó do đó mà nâng cao toàn diện trình độ phát triển xanh hóa, thông minh hóa và cao cấp hóa của ngành chế tạo.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TÔNG NHỊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn /
Phó từ

#143

从中

cóngzhōng

từ đó, từ trong đó (rút ra kinh nghiệm)

青年学者认真总结前人历次科学实验失败教训，从中找到了突破核心算法瓶颈的关键技术灵感。

Qīng nián xué zhě rèn zhen zǒng jié qián rén lì cì kē xué shí yàn shī bài jīào xùn, cóng zhōng zhǎo dào le tú pò hē xīn suàn fǎ píng jīng de guān jiàn jì shù líng gǎn.

Học giả trẻ tuổi nghiêm túc tổng kết những bài học thất bại trong các lần thực nghiệm khoa học của người đi trước, từ đó từ trong đó đã tìm ra cảm hứng công nghệ then chốt để đột phá nút thắt thuật toán cốt lõi.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: TÔNG TRUNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#144

脆

cùi

giòn

老师鼓励大家积极脆，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cuì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực giòn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: THUY



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#145

存款

cúnguǎn

tiền gửi tiết kiệm, gửi tiền vào ngân hàng

国家全面健全存款保险制度与金融稳定保障基金，坚决守住不发生系统性金融风险的底线。

Guójiā quán miàn jiàn quán cún kuǎn bǎo xiǎn zhì dù yǔ jīn róng wěn dìng bǎo zhàng jī jīn, jiǎn jué shǒu zhù bù fā shēng xì tǒng xìng jīn róng fēng xiǎn de dǐ xiàn.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện quỹ bảo đảm ổn định tài chính và chế độ bảo hiểm tiền gửi tiền gửi tiết kiệm, kiên quyết giữ vững lần ranh đỏ không để xảy ra rủi ro tài chính mang tính hệ thống.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỐN KHOẢN

HSK 5 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#146

寸

cùn

thốn, tấc (đơn vị đo chiều dài cổ ~ 3.3 cm); inch

一寸光阴一寸金，寸金难买寸光阴；青年学子要珍惜大好青春时光，刻苦学习，求索真理。

Yī cùn guāng yīn yī cùn jīn, cùn jīn nán mǎi cùn guāng yīn; qīng nián xué zǐ yào zhēn xī dà hào qīng chūn shí guāng, kè kǔ xué xí, qiú suǒ zhēn lǐ.

Một tấc thời gian một tấc vàng, tấc vàng khó mua được tấc thời gian; học sinh thanh niên cần trân trọng quãng thời gian thanh xuân tươi đẹp, miệt mài học tập, tìm tòi chân lý.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: THỐN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#147

达成

dá chéng

đạt được (thỏa thuận, hiệp nghị, nhận thức chung)

在联合国多边生物多样性大会上，近两百个缔约方克服重重分歧，历史性地达成了全球生物多样性保护框架协议。

Zài lián hé guó duō biān shēng wù duō yàng xìng dà huì shàng, jìn liǎng bǎi gè dì yuē fāng kè fú chōng chōng fēn qí, lì shǐ xìng dì dá chéng le quán qiú shēng wù duō yàng xìng bǎo hù kuāng jià xié yì.

Tại Hội nghị Đa dạng Sinh học Đa phương của Liên Hợp Quốc, gần 200 bên tham gia ký kết đã vượt qua muôn vàn bất đồng khác biệt, đạt được thỏa thuận khung lịch sử mang tính toàn cầu về bảo tồn đa dạng sinh học.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐẠT THÀNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#148

答

dā

câu trả lời

老师鼓励大家积极答，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dā, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực câu trả lời, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#149

答复

dá fù

hồi đáp, trả lời chính thức, giải đáp

政务服务便民热线建立了“接诉即办”闭环机制，确保企业与群众反映的诉求在时限内得到满意的答复。

Zhèng wù fú wù biān mín rè xiàn jiàn lì le "jiē sù jí bàn" bì huán jī zhì, què bǎo qǐ yè yǔ qún zhòng fǎn yǐng de sù qiú zài guī dìng shí xiàn nèi dé dào mǎn yì de dá fù.

Đường dây nóng dịch vụ công ích tiện dân đã thiết lập cơ chế khép kín "Tiếp nhận khiếu nại xử lý tức thì", bảo đảm mọi phản ánh kiến nghị của người dân và doanh nghiệp đều nhận được lời hồi đáp thỏa đáng trong thời hạn quy định.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP PHỤC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#150

打扮

dǎ ban

trang điểm, ăn diện, chải chuốt; cách ăn mặc

在国际青年文化艺术节上，各国留学生身着本民族传统特色盛装打扮，载歌载舞共庆多元文化交融。

Zài guó jì qīng nián wén huà yì shù jié shàng, gè guó liú xué shēng shēn zhe běn mín zú chuán tǒng tè sè shèng zhuāng dǎ ban, zài gē zài wǔ gòng qīng duǒ yuán wén huà duō yuán wén huà jiāo róng.

Tại Lễ hội Văn hóa Nghệ thuật Thanh niên Quốc tế, các bạn lưu học sinh các nước khoác lên mình trang phục ăn diện trang điểm lộng lẫy đặc sắc truyền thống của dân tộc mình, cùng ca múa hát chúc mừng sự giao thoa văn hóa đa nguyên.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: TÁ BAN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#151

打包

dǎ bāo

đóng gói hàng, gói đồ ăn mang về; đóng gói phần mềm

现代化全自动智能物流流水线上，工业机器人以极高速度完成货物的自动分拣、精密扫描与环保加固打包。

Xiàndài huà quán zì dòng zhì néng wù liú liú shuǐ xiàn shàng, gōng yè jī rén yǐ jí gāo sù dù wán chéng huò wù de zì dòng fēn jiǎn, jīng mì sǎo miǎo yǔ huán bǎo jiā gù dǎ bāo.

Trên dây chuyền vận chuyển logistics thông minh tự động hóa hoàn toàn hiện đại, robot công nghiệp với tốc độ cực cao đã hoàn thành việc tự động phân loại, quét mã chính xác và đóng gói gia cố bảo vệ môi trường cho hàng hóa.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TÁ BAO

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#152

打击

dǎ jī

tấn công, giáng đòn; trấn áp, triệt phá

国家司法机关保持高压震慑态势，依法坚决严厉打击任何侵犯公民个人隐私与跨境电信网络诈骗犯罪。

Guójiā fǎ jī guān bǎo chí gāo yā zhè shè tài shì, yī fǎ jiǎn jué yǎn lì dǎ jī rēn hé qīn fàn gōng mìn gē rén yīn sī yǔ kuà jìng diàn xìn wǎng luò zhà piàn fàn zuì.

Cơ quan tư pháp quốc gia luôn giữ vững trạng thái rắn đe áp lực cao, kiên quyết trấn áp trừng trị nghiêm khắc theo quy định pháp luật mọi tội phạm xâm phạm quyền riêng tư cá nhân của công dân và lừa đảo qua mạng viễn thông xuyên biên giới.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TÁ KÍCH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#153

打架

dǎ jià

đánh nhau, ẩu đả; xung đột mâu thuẫn

学校应当深入开展法治安全与心理健康教育，引导青少年树立规则意识，坚决杜绝打架斗殴等校园欺凌现象。

Xué xiào yīng dāng shēn kāi fǎ zhì ān quán yǔ xīn lǐ jiān kāng yù yù, yǐn dǎo qīng nián shù lì guī zé yì shí, jiǎn jué dùé dǎ jià dòu ǒu děng xiào yuán qī líng xiān xiàng.

Nhà trường cần đi sâu triển khai giáo dục sức khỏe tâm lý và an toàn pháp luật, hướng dẫn thanh thiếu niên xây dựng ý thức tuân thủ quy tắc, kiên quyết triệt tiêu các hiện tượng đánh nhau ẩu đả và bạo lực học đường.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: TÁ GIÁ



HSK 5 (3.0)

Động từ

#154

打扰

dǎrǎo

làm phiền, quấy rầy

不好意思打扰您休息了，请问去国际会议中心的穿梭巴士在哪个站台乘坐？

Bù hảo ý dĩ dĩ dǎrǎo nín xiū xi le, qǐng wèn qù guó jì huì yì zhōng xīn de chuān suǒ bā shì zài nǎ ge zhàn tái chéng zuò?

Thật ngại quá làm phiền anh nghỉ ngơi, cho em hỏi xe buýt đưa đón đi Trung tâm Hội nghị Quốc tế đón ở bến nào vậy ạ?

22 nét

HÁN VIỆT: TÁ NHIEU

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#155

大胆

dǎdǎn

mạnh dạn, táo bạo, dũng cảm

我们要坚持大胆假设、小心求证的科学精神，敢于突破传统教条定式、勇闯科学“无人区”。

Wǒ men yào jiān chí dà dǎn jiǎ shè, xiǎo xīn qiú zhèng de kē xué jīng shén, gǎn yú tū pò chuán tǒng jiào tiáo dìng shì, yǒng chuǎng kē xué "wú rén qū".

Chúng ta cần kiên trì tinh thần khoa học 'mạnh dạn táo bạo giả định, cẩn thận chứng minh', dám đột phá lối mòn giáo điều truyền thống, dũng cảm xông vào 'vùng không người' của khoa học.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI DẪM

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#156

大都

dàdōu

phần lớn, đại đa số, hầu hết

入选国家青年拔尖人才支持计划的杰出青年学者，大都在前沿交叉科技领域取得了原创性重大成果。

Rù xuān guó jiā jiā jīng nián bái jiān rén cái zhī chí jì huà de jié chū qīng nián xué zhě, dà dū zài qián yán jiāo chā kē jì lǐng yù qǔ dé le yuán chuàng xīng zhòng dà chéng guǒ.

Các học giả trẻ kiệt xuất được lựa chọn vào Kế hoạch Hỗ trợ Nhân tài Xuất chúng Trẻ tuổi Quốc gia phần lớn đại đa số đều đã đạt được những thành quả trọng đại mang tính nguyên tác trong các lĩnh vực khoa học công nghệ liên ngành tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI ĐÔ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#157

大纲

dàgāng

đề cương, đề cương giáo trình, khung sườn

教育部专家组科学制定并发布了全国普通高等学校人工智能与新工科核心课程教学大纲指南。

Jiàoyù bù zhuān jiǎ zǔ kē xué zhì dìng bìng fā bù le quán guó pǔ tōng gāo děng xué xiào rén gōng zhì néng yǔ xīn gōng kē hé xīn kē chéng jiào xué dà gāng zhǐ nán.

Tổ chuyên gia của Bộ Giáo dục đã xây dựng một cách khoa học và ban hành bản hướng dẫn đề cương khung chương trình giảng dạy môn học cốt lõi ngành công trình mới và trí tuệ nhân tạo của các trường đại học cao đẳng phổ thông toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI CƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Đại từ

#158

大伙儿

dàhuǒr

mọi người, cả làng, cả tập thể bè bạn

在大山深处的引水抗旱工程现场，大伙儿顶着烈日挥汗如雨、齐心协力把清冽甘甜的山泉水引进了千家万户。

Zài dà shān shēn chù de yǐn shuǐ kǎng hàn gōng chéng xiàn chǎng, dà huǒ ér dīng zhe liè rì huǐ hàn rú yǔ, qí xīn xié lì bǎ qīng liè gān tián de shān quán shuǐ yǐn jìn le qiān jiā wàn hù.

Tại công trường dẫn nước chống hạn hán sâu trong lòng núi non, mọi người đội nắng gắt mồ hôi ướt đầm như mưa, đồng tâm hiệp lực dẫn dòng nước suối nguồn ngọt lành trong mát về tới từng nhà bà con.

34 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI HOÀ NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#159

大奖赛

dàjiǎngsài

giải thi đấu lớn, giải Grand Prix

在世界青年机器人创新设计大奖赛上，我国高校代表队凭借自主研发的双足仿生机器人勇夺特等奖。

Zài shì jiè qīng nián jī qì rén chuàng xīn shè jì dà jiǎng sài shàng, wǒ guó gāo xiào dài biǎo pín jiè zì zhù yán zhì de shuāng zú fǎng shēng jī qì rén yǒng duó tè děng jiǎng.

Tại Giải thi đấu lớn Grand Prix Thiết kế Đổi mới Sáng tạo Robot Thanh niên Thế giới, đội tuyển đại diện trường đại học nước ta nhờ vào robot phỏng sinh học hai chân tự chủ chế tạo đã xuất sắc đoạt giải đặc biệt.

32 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI THƯỞNG TÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#160

大脑

dànnǎo

bộ não, đại não, đầu óc

脑科学与类脑人工智能交叉前沿研究，致力于深度解析人类大脑神经元复杂的信息处理与记忆机制。

Nǎo kē xué yǔ lèi nǎo rén gōng zhì néng jiāo chā qián yán yán jiū, zhì lì yú shēn dù phân xī rén lèi nǎo shén jīng yuán fù zā de xīn xī chǔ lǐ yǔ jì yì jī zhì.

Nghiên cứu tiên phong liên ngành trí tuệ nhân tạo dạng não và khoa học thần kinh não bộ dốc sức vào việc phân tích sâu sắc cơ chế ghi nhớ và xử lý thông tin phức tạp của các nơ-ron bộ não đại não con người.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI NÃO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#161

大事

dàshì

việc lớn, đại sự, việc trọng đại

粮食安全是“国之大者”，是关系国计民生的头等大事，必须牢牢把中国人的饭碗端在自己手中。

Liáng shí ān quán shì "guó zhī dà zhě", shì guān xì guó jì mǐn shēng de tóu děng dà shì, bì xū láo láo bǎ zhōng guó rén de fàn wǎn duān zài zì jǐ shǒu zhōng.

An ninh lương thực là 'việc lớn của quốc gia', là việc trọng đại đại sự hàng đầu liên quan mật thiết tới quốc kế dân sinh, bắt buộc phải nắm chắc bát cơm của người Trung Quốc trong chính tay mình.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI SỰ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#162

大厅

dàtīng

đại sảnh, sảnh đường lớn

在深空探测指挥控制中心大厅大屏幕前，数百位科研人员全神贯注地监测着探测器的各项飞行姿态数据。

Zài shēn kōng tàn cè zhǐ huī kòng zhì zhōng xīn dà tīng dà píng mù qián, shù bǎi wèi kē yán yuán quán shén guān zhù dì jiān cè zhe tàn cè qì de gè xiàng fēi xíng zī tài shù jù.

Trước màn hình lớn bên trong đại sảnh sảnh đường lớn của Trung tâm Chỉ huy Điều khiển Thăm trắc Không gian Sâu, hàng trăm cán bộ nghiên cứu đang chăm chú theo dõi các số liệu tư thế bay của tàu thăm trắc.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI SẢNH



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#163

大象

dà xiàng

con voi

在云南西双版纳热带雨林保护区内，成群的野生亚洲大象在绿树掩映下自由自在地漫步觅食。

Zài yún nán xī shuāng bǎn nà rè dài yǔ lín bǎo hù qū nèi, chéng qún de yě shēng yà zhōu dà xiàng zài lǜ shù yǐng xià zì yóu zì zài de mǎn bù mì shí.

Bên trong Khu Bảo tồn Rừng nhiệt đới Xishuangbanna tỉnh Vân Nam, từng đàn voi châu Á hoang dã đang thong dong dạo bước kiếm ăn dưới bóng cây rợp mát.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI TƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#164

大熊猫

dà xióng māo

gấu trúc lớn, gấu trúc khổng lồ (quốc bảo)

国家大熊猫国家公园全面加强野生大熊猫栖息地保护与生态廊道建设，大熊猫野外种群稳步壮大。

Guó jiā dà xióng māo guó jiā gōng yuán quán miàn jiā qiáng yě shēng dà xióng māo qī xī dì bǎo hù yǔ shēng tài láng dào jiàn shè, dà xióng māo yě wài zhòng qún wěn bù zhuàng dà.

Công viên Quốc gia Gấu trúc Lớn tăng cường toàn diện việc xây dựng hành lang sinh thái và bảo tồn môi trường sống của gấu trúc lớn hoang dã, quần thể gấu trúc đã ngoại ngày càng phát triển vững chắc.

35 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI HÙNG MIÊU

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#165

大于

dà yú

lớn hơn

在面对复杂的挑战时，保持大于的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí dà yú de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái lớn hơn đặc biệt quan trọng.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI VU

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#166

大致

dà zhì

đại khái, ước chừng, nhìn chung

经过多光谱卫星遥感解译与实地抽样核查，专家组对受灾林区的大致受损面积与植被恢复周期做出了科学预估。

Jīng guò duō guāng pǔ wéi yǎng jiě yì yǔ shí dì chōu yàng hé chá, zhuān jiǎ zǔ duì shòu zāi lín qū de dà zhì shòu sǔn miàn jī yǔ zhí bèi huī fù zhōu qī zuò chū le kē xué yǔ gū.

Trải qua việc giải đoán viễn thám vệ tinh đa phổ và kiểm tra đối chiếu mẫu vật thực địa, hội đồng chuyên gia đã đưa ra dự báo khoa học về diện tích thiệt hại đại khái cùng chu kỳ phục hồi thảm thực vật của vùng rừng bị ảnh hưởng.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI TRÍ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#167

呆

dāi

ở lại, lưu lại; ngờ ngác, ngỡ ngẫm

假日里与其整天呆在家里对着手机发呆，不如走到大自然中呼吸新鲜空气。

Jià rì lǐ yǔ qí zhěng tiān dāi zài jiā lǐ duì zhuó shǒu jī fā dāi, bù rú zǒu dào dà zì rán zhōng hū xī xīn xiān kōng qì.

Những ngày nghỉ thay vì cứ ở lì trong nhà dán mắt vào điện thoại ngẩn ngơ, chi bằng hãy bước ra ngoài thiên nhiên để hít thở bầu không khí trong lành.

8 nét

HÁN VIỆT: NGỐC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#168

代价

dài jià

cái giá, cái giá phải trả

我们绝不能走“先污染后治理”的传统老路，绝不能以牺牲生态环境为代价换取一时的经济数字增长。

Wǒ men jué bù néng zǒu "xiān wū rǎn hòu zhì lǐ" de chuán tǒng lǎo lù, jué bù néng yǐ xī shēng shēng tài huán jīng wéi dài jià huàn qǔ yí shí de jīng jì shù zì zēng zhǎng.

Chúng ta tuyệt đối không thể đi theo con đường mòn cũ 'Ô nhiễm trước xử lý sau', tuyệt đối không thể dùng sự hy sinh môi trường sinh thái làm cái giá để đổi lấy sự tăng trưởng con số kinh tế nhất thời.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI GIÁ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#169

代理

dài lǐ

đại lý, đại diện ủy quyền; làm đại diện

国家知识产权服务平台汇聚了数千家具备正规涉外资质的专业专利代理机构，为企业海外维权提供有力法律支撑。

Guó jiā zhī shí chǎn quán fú wù píng tái huì jù le shù qiān jiā jù bèi zhèng guī shù wài zī zhì de zhuān yè zhuān lǐ dài lǐ jī gòu, wéi qǐ yè hǎi wài wéi quán tí gòng yǒu lì fǎ lǚ zhī chēng.

Nền tảng dịch vụ sở hữu trí tuệ quốc gia quy tụ hàng ngàn tổ chức đại lý sáng chế chuyên nghiệp sở hữu đầy đủ tư cách pháp nhân đối ngoại chính quy, mang lại sự hỗ trợ pháp lý vững chắc cho doanh nghiệp khi bảo vệ quyền lợi ở nước ngoài.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI LÝ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#170

带有

dài yǒu

mang theo, có chứa, kèm theo

这套完全自主研发的高性能工业软件带有强大的三维多物理场仿真推演与智能辅助设计功能。

Zhè tào wán quán zì zhǔ yán fā de gāo xìng néng gōng yè ruǎn jiàn dài yǒu qiáng dà de sān wéi duō wù lǐ chǎng fǎng zhēn tuī yǎn yǔ zhì néng fú zhù shè jì gōng néng.

Bộ phần mềm công nghiệp hiệu năng cao do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển này có chứa mang theo tính năng thiết kế hỗ trợ thông minh và mô phỏng suy diễn đa trường vật lý 3D vô cùng mạnh mẽ.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI HỮU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#171

待

dài

đổi đãi, tiếp đón; chờ đợi (dãi: ở lại)

大国工匠始终以严谨专注、精益求精的态度对待每一道航天核心构件精密加工工序。

Dà guó gōng jiàng shǐ zhōng yǐ yán jǐn zhuān zhù, jīng yì qú jīng de tài dù dài dài měi yī dào háng tiān hé xīn gòu jiàn jīng mì jiā gōng gōng xù.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn luôn đổi đãi xử lý từng công đoạn gia công chính xác của cấu kiện cốt lõi hàng không vũ trụ bằng thái độ tinh ich cầu tinh, nghiêm cẩn và chuyên chú.

10 nét

HÁN VIỆT: ĐÃI



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#172

贷款

dài kuǎn

khoản vay, tiền vay; cho vay

国家出台了专项低息创业贷款扶持政策，为高校毕业生自主创业提供了强有力的资金后盾。

Guójiā chū táì le zhuānxiàng dīxī chuàngyè dàikuǎn fú chí zhèng cè, wèi gāo xiào bì yè zhèng zì zhǔ chuàngyè yè tí gōng le qiáng yǒu lì de zījīn hòu dùn.

Nhà nước đã ban hành chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp lãi suất thấp chuyên biệt, mang lại điểm tựa tài chính vững chắc cho sinh viên tốt nghiệp tự lập nghiệp.

19 nét

HÁN VIỆT: THÀI KHOẢN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#173

单一

dānyī

đơn nhất, đơn lẻ, đơn điệu một chiều

现代跨学科前沿科学研究打破了传统单一学科界限，大力推动数理、生命与信息科学深度交叉融合。

Xiàndài kuàxué qian yán kē xué yán jiū dǎ pò le chuān tǒng dān yī xué kē jiè xiàn, dà lì tuī dòng shù lǐ, shēng mìng yǔ xìn xī kē xué shēn dù jiāo chā róng hé.

Nghiên cứu khoa học tiên phong liên ngành hiện đại đã phá vỡ ranh giới ngành học đơn nhất đơn lẻ truyền thống, ra sức thúc đẩy sự giao thoa dung hợp sâu sắc giữa khoa học thông tin, khoa học sự sống và toán lý.

24 nét

HÁN VIỆT: THIỆN NHẤT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#174

胆

dǎn

mật, túi mật; lòng can đảm dũng khí; ruột bình

青年科学家要有敢为人先的创新胆识与攻坚气魄，在基础前沿“无人区”勇于开拓创新之路。

Qīng nián kē xué jiā yào yǒu gǎn wéi rén xiān de chuàng xīn dǎn shí yǔ gōng jiān qì pò, zài jī chǔ qián yán “wú rén qū” yǒng yú kāi tuò chuàng xīn zhī lù.

Nhà khoa học trẻ tuổi cần có dũng khí lòng can đảm đổi mới sáng tạo dám đi đầu trước thiên hạ cùng khí phách vượt khó, dũng cảm khai phá con đường đổi mới sáng tạo trong 'vùng không người' cơ bản tiên phong.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐẢM

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#175

胆小

dǎnxiǎo

nhát gan, nhút nhát, sợ sệt

科学探索从来不是胆小者的游戏，只有不畏艰难险阻、勇于冒险求索的人才能登上世界科学的高峰。

Kē xué tàn suǒ cóng lái bú shì dǎn xiǎo zhě de yóu xì, zhǐ yǒu bù wèi jiǎn nán xiǎn zǔ, yǒng yú mào xiǎn qiú suǒ de rén cái néng dēng shàng shì jiè kē xué de gāo fēng.

Thăm hiểm khoa học xưa nay chưa bao giờ là trò chơi của những kẻ nhút nhát nhát gan, chỉ có những người dũng cảm mạo hiểm tìm tòi, không sợ gian nan hiểm trở mới có thể trèo lên đỉnh cao của khoa học thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐẢM TIỂU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#176

弹

tán

đánh đàn, gảy đàn, bật, búng

她坐在三角钢琴前轻抚琴键，优雅地弹奏出一曲清澈如泉水的优美旋律。

Tā zuò zài sān jiǎo gāng qín qián qīng fǔ qín jiàn, yōu yǎ de tán zǒu chū yī qǔ qīng chè rú quán shuǐ de yōu měi xuǎn lǜ.

Cô ngồi trước cây đàn đại dương cầm nhẹ lướt trên phím đàn, tấu lên một giai điệu du dương trong trẻo tựa dòng suối mát lành.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐẠN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#177

蛋糕

dàn gāo

bánh ngọt

生日宴会上，大家一起围在点燃蜡烛的香甜水果奶油蛋糕旁唱生日歌。

Shēng rì yàn huì shàng, dà jiā yì qǐ wéi zài diǎn rán là zhú de xiāng tián shuǐ guǒ nǎi yóu dàng gāo páng chàng shēng rì gē.

Trong bữa tiệc sinh nhật, mọi người cùng quây quần bên chiếc bánh kem hoa quả thấp nến thơm lừng cất tiếng hát chúc mừng sinh nhật.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐÀN CAO

HSK 5 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#178

当场

dāng chǎng

tại chỗ, ngay tại trận, lập tức tại hiện trường

森林公安民警在国家级自然保护区内当场人赃俱获了非法盗伐名贵林木的犯罪嫌疑人。

Sēn lín gōng ān mǐn jīng zài guó jiā jí zì rán bǎo hù qū nèi dāng chǎng rén zāng jù huò le fēi fǎ dào fá míng guì lín mù de fàn zuì xián yí rén.

Các chiến sĩ công an kiểm lâm đã bắt quả tang ngay tại chỗ người và tang vật của nghi phạm phạm tội có hành vi đốn trộm cây gỗ quý hiếm trái phép trong khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG TRƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#179

当代

dāng dài

đương đại, thời nay

当代青年生逢盛世，应当将个人的理想追求自觉融入国家与民族的伟大复兴之中。

Dāng dài qīng nián shēng féng shèng shì, yīng dāng jiāng gè rén de lǐ xiǎng zhuī qiú zì jué róng rù guó jiā yǔ mín zú de wèi dà fù xīng zhī zhōng.

Thanh niên thời nay sinh ra trong thời kỳ phát triển thịnh vượng, cần tự giác hòa quyện ước mơ hoài bão của cá nhân vào sự nghiệp phục hưng vĩ đại của đất nước và dân tộc.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG ĐẠI

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#180

当年

dāng nián

năm xưa, năm ấy, thời đó

老一辈功勋科学家当年在极其艰苦简陋的戈壁滩上白手起家，铸就了震撼世界的“两弹一星”精神丰碑。

Lǎo yī bèi gōng gōng xūn kē xué jiā dāng nián zài jí jí jiǎn kǔ jiān lòu de gē bì tān shàng bái shǒu qǐ jiā, zhù jiù le zhèn hàn shì jiè de “liǎng dàn yī xīng” jīng shén fēng bēi.

Các nhà khoa học có công lao tiến bối năm xưa năm ấy trên bãi sa mạc Gobi vô cùng đơn sơ và gian khổ đã dựng cơ đồ từ hai bàn tay trắng, đức nên tượng đài tinh thần 'Hai bom một vệ tinh' làm chấn động toàn thế giới.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG NIÊN



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#181

当前

dāng qián

hiện nay, hiện tại, trước mắt

准确把握当前世界百年未有之大变局的演进态势，增强忧患意识，坚定不移办好中国自己的事情。

Zhǔn què bǎ wò dāng qián shì jiè bǎi nián wèi yǒu zhī dà biàn jú de yǎn jìn tài shì, zēng qiáng yōu huān yì shí, jiǎn dīng bù yí bǎn hào zhōng guó zì jǐ de shì qing.

Nắm bắt chuẩn xác xu thế phát triển của cục diện biến đổi lớn chưa từng có trong một thế kỷ trên thế giới hiện nay, tăng cường ý thức phòng ngừa nguy cơ, kiên định không ngừng làm tốt những công việc của chính đất nước mình.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ĐƯƠNG TIỀN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#182

当选

dāng xuǎn

trúng cử, đắc cử

经过严格的多轮学术同行匿名评审与大会投票，我国著名材料科学家高票当选为中国科学院院士。

Jīng guò yán gé de duō lún xué shù tóng háng mí míng píng shēn yú dà huì tóu piào, wǒ guó zhù míng cái liào kē xué jiā gāo piào dāng xuǎn wéi zhōng guó kē xué yuàn yuán shì.

Trải qua các vòng thẩm định ẩn danh nghiêm ngặt của giới đồng nghiệp học thuật cùng cuộc bỏ phiếu toàn thể hội nghị, nhà khoa học vật liệu nổi tiếng nước ta đã trúng cử Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc với số phiếu rất cao.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : ĐƯƠNG TUYỂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#183

挡

dǎng

chắn, che, cản, ngăn lại

茂密的防风固沙林如同一道绿色的巍峨长城，死死挡住了风沙对沃土的侵蚀。

Mào mì de fáng fēng gù shā lín rú tóng yī dào lǜ sè de wēi é cháng chéng, sǐ sǐ dǎng zhù le fēng shā duì wǒ tǔ de qīn shí.

Những cánh rừng phòng hộ chắn gió giữ cát rậm rạp tựa như bức tường thành xanh sừng sững, chắn đứng sự xâm lấn của gió cát đối với những vùng đất màu mỡ.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : ĐẰNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#184

到来

dào lái

đến, sự xuất hiện tới nơi, cập bến

随着以大模型为代表的通用人工智能时代的到来，科技创新正在全方位赋能千行百业高质量发展。

Suí zhe yǐ dà mó xíng wèi dài biǎo de tōng yòng rén gōng zhì néng shí dài de dào lái, kē jì chuàng xīn zhèng zài quán fāng wèi néng fù néng qiān xíng bǎi yè gāo zhì liàng fā zhǎn.

Cùng với sự đến sự xuất hiện tới nơi của thời đại trí tuệ nhân tạo đa năng đại diện bởi các mô hình lớn, đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ đang tiếp sức toàn diện cho sự phát triển chất lượng cao của muôn ngành vạn nghề.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ĐÁO LAI

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#185

倒是

dào shì

trái lại, ngược lại; thực ra thì

这项前沿理论方案虽然推导过程极其繁复，但实际测试验证所得出的物理曲线倒是十分规整清晰。

Zhè xiàng qián yán lǐ lùn fāng àn suī rán tuī dǎo guò chéng jí qí fán fù, dàn shí jí cè shí yán zhèng suǒ de chū de wú lǐ qū xiàn dào shì shí fēn guī zhěng qīng xī.

Phương án lý luận tiên phong này dẫn cho quá trình suy diễn vô cùng phức tạp rườm rà, nhưng đường cong vật lý thu được qua kiểm chứng thử nghiệm thực tế thực ra thì ngược lại vô cùng rõ nét và quy chuẩn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : ĐÀO THỊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#186

道德

dào dé

đạo đức, phẩm hạnh

遵纪守法与恪守职业道德，是每一个公民在现代法治社会中应当遵循的基本准则。

Zūn jǐ shǒu fǎ yǔ kè shǒu zhí yè dào dé, shì měi yí gè gōng mǐn zài xiàn dài fǎ zhì shè huì zhōng yīng dāng zūn xún de jī běn zhǔn zé.

Thượng tôn pháp luật và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực cơ bản mà mỗi công dân đều cần tuân theo trong một xã hội pháp quyền hiện đại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : ĐẠO ĐỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#187

地带

dì dài

dải đất, vùng đất, khu vực địa đai

国家在三北防护林沿线生态脆弱地带深入实施精准治沙工程，构筑起了坚不可摧的绿色生态屏障。

Guó jiā zài sān běi fáng hú yán xiàn shēng huài ruò dì dài shēn rù shí shǐ jīng zhǔn zhì shā gōng chéng, gòu zhù qǐ le jiān bù cuī de lǜ sè shēng tài píng zhàng.

Nhà nước đi sâu thực thi công trình trị cát chuẩn xác tại khu vực dải đất vùng đất sinh thái mong manh dọc tuyến rừng phòng hộ Tam Bắc, kiến tạo nên bức bình phong sinh thái xanh vững như bàn thạch.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA ĐỚI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#188

地形

dì xíng

địa hình, địa thế

高分辨率遥感测绘卫星成功获取了全球复杂崎岖地形的三维高精度数字高程模型数据。

Gāo fēn biān lǜ yáo gǎn cè huì wèi xíng chéng gōng huò qǔ le quán qiú fù zá qū dǐ xíng de sān wéi gāo jīng dù shù zì gāo chéng mó xíng shù jù.

Vệ tinh viễn thám đo đạc bản đồ độ phân giải cao đã thu thập thành công số liệu mô hình độ cao số hóa độ chính xác cao 3D của các địa hình địa thế hiểm trở phức tạp trên toàn cầu.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA HÌNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#189

地震

dì zhèn

động đất, địa chấn

国家防灾减灾中心自主研发的智能地震预警系统，能够在破坏性横波到达前发出数秒关键警报。

Guó jiā fáng zāi jiǎn zāi zhōng xīn zì zhī yán fā de zhì néng dì zhèn yǐ jǐng xì tǒng, néng gòu zài pò huài xìng héng bō dào qián fā chū shù miǎo guān jiàn jǐng bào.

Hệ thống cảnh báo động đất thông minh do Trung tâm Giảm nhẹ Thiên tai Quốc gia tự chủ phát triển có thể phát đi cảnh báo then chốt trước vài giây trước khi sóng địa chấn ngang mang tính tàn phá ập tới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA CHẤN



HSK 5 (3.0)

Thành ngữ / Động từ #190

得了

déliǎo

nguy rồi, ghê gớm; mắc bệnh (dễ le); xong rồi

如果核心工业母机数控系统长期受制于人, 那国家高端制造业的供应链安全隐患可就不得了。

Rú guò hé xīn gōng yè mǔ jī shù kòng xì tǒng cháng qī shòu zhì yú rén, nà guó jiā gāo duān zhì zào yè de gōng yīng lián ān quán yīn huàn kě jiù bù dé le le.

Nếu như hệ thống điều khiển số máy công cụ công nghiệp cốt lõi bị phụ thuộc lâu dài vào người khác, thì mỗi nguy hiểm tiềm ẩn an ninh chuỗi cung ứng ngành chế tạo cao cấp quốc gia sẽ nguy rồi ghê gớm khôn lường.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐẮC LIỄU

HSK 5 (3.0)

Động từ năng nguyện #191

得以

déyǐ

nhờ đó mà có thể, được phép, được

得益于国家重大科研仪器专项资金的大力支持, 青年团队自主研发的超快激光光谱系统得以顺利建成。

Dé yì yú guó jiā zhòng dà kē yán yí qì zhuān xiàng zī jīn de dà lì zhī chí, qīng nián tuán duì zì zhǔ yán fā de chāo kuài guāng guāng pǔ xì tǒng dé yǐ shùn lì jiàn chéng.

Nhờ vào sự hỗ trợ đặc lực của nguồn vốn chuyên án thiết bị nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia, hệ thống quang phổ laser siêu nhanh do nhóm thanh niên tự chủ nghiên cứu phát triển nhờ đó mà có thể được xây dựng thuận lợi.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐẮC DĨ

HSK 5 (3.0)

Động từ #192

等候

děng hòu

chờ đợi, chờ đón (trạng trọng)

列车即将进站, 请各位旅客自觉站在安全黄线以内耐心等待, 注意脚下安全。

Liè chē jí jiāng jìn zhàn, qǐng gè wèi lǚ kè zì jué zhàn zài ān quán huáng xiàn yǐ nèi nài xīn děng hòu, zhùyì jiǎo xià ān quán.

Đoàn tàu sắp tiến vào ga, xin quý hành khách tự giác đứng bên vạch kẻ vàng an toàn kiên nhẫn chờ đợi và chú ý an toàn dưới chân.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐẲNG HẬU

HSK 5 (3.0)

Danh từ #193

等级

děng jí

cấp bậc, thứ bậc, phân cấp tiêu chuẩn

国家最高等级超净生物安全实验室实行了最严密的负压气密隔离与全流程三级废弃物灭菌标准。

Guó jiā zuì gāo děng jí chāo jìng shēng wù ān quán shí yàn shì shí xíng le zuì yán mì de fù yā qì mì gé lí yǔ quán lú chéng sǎn jí fèi qì wú miè jūn biāo zhǔn.

Phòng thí nghiệm an toàn sinh học siêu sạch ở cấp bậc cao nhất của quốc gia thực thi quy chuẩn khử trùng chất thải 3 cấp toàn quy trình và tiêu chuẩn cách ly kín khí áp suất âm nghiêm ngặt nhất.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐẲNG CẤP

HSK 5 (3.0)

Động từ #194

低于

dī yú

thấp hơn, dưới mức quy định

该精密光学超表面纳米器件的制造表面粗糙度误差被严格控制在低于零点一纳米的极致水准。

Gāi jīng mì guāng xué chāo biǎo miàn nà mǐ qì jiàn de zhì zào biǎo miàn cū cǎo dù wú chǎ bèi yán gé kòng zhì zài dī yú líng diǎn yí nǎ mǐ de jí zhì shuǐ zhǔn.

Sai số độ nhám bề mặt chế tạo của linh kiện nano siêu bề mặt quang học chính xác này được kiểm soát nghiêm ngặt ở mức chuẩn đỉnh cao thấp hơn dưới 0,1 nanomet.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ VỤ

HSK 5 (3.0)

Động từ #195

递

dī

đưa, trao, chuyển tay

在签约仪式上, 双方代表微笑着互相递交了具有深远战略意义的合作协议文本。

Zài qiān yuē yì shì shàng, shuāng fāng dài biǎo wēi xiào zhe hù xiāng dì jiāo le jù yǒu shēn yuǎn zhàn lüè yì yì de hé zuò xié yì wén běn.

Tại buổi lễ ký kết, đại diện hai bên đã tươi cười trao cho nhau văn bản thỏa thuận hợp tác mang ý nghĩa chiến lược sâu rộng.

14 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ

HSK 5 (3.0)

Động từ #196

递给

dī gěi

chuyển cho, đưa cho tận tay

总工程师把刚刚出炉的高精度芯片测试合格报告递给项目组全体成员, 大家激动得热烈欢呼。

Zǒng gōng chéng shī bǎ gāng gāng chū lú de gāo jīng dù xīn piàn cè shì hé gé bào gào dì gěi xiàng mù zǔ quán tǐ chéng yuán, dà jiā jī dòng de rè liè huān hū.

Vị tổng công trình sư đưa cho tận tay chuyển cho toàn thể thành viên tổ dự án bản báo cáo kiểm tra đạt chuẩn chất lượng chip độ chính xác cao vừa mới xuất xưởng, mọi người xúc động reo hò nhiệt liệt.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ CẤP

HSK 5 (3.0)

Danh từ #197

典礼

diǎn lǐ

buổi lễ, nghi lễ long trọng (khai mạc, tốt nghiệp)

在庄严肃重的大学毕业典礼上, 校长深情寄语全体毕业生牢记报国初心、勇做时代弄潮儿。

Zài zhuāng yán lóng zhòng de dà xué bì yè diǎn lǐ shàng, xiào zhǎng shēn qīng jǐ yǔ quán tǐ bì yè shēng láo jì bào guó chū xīn, yǒng zuò shí dài nóng cháo ér.

Tại buổi lễ tốt nghiệp đại học trang nghiêm trọng thể, thầy hiệu trưởng đã gửi lời nhắn nhủ đầy ân tình tới toàn thể các tân cử nhân hãy khắc ghi lý tưởng phụng sự Tổ quốc, dũng cảm làm người đón đầu ngọn sóng thời đại.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂN LỄ

HSK 5 (3.0)

Động từ #198

点燃

diǎnrán

thắp lên, châm lửa, khơi dậy

老一辈战略科学家的光辉事迹与崇高报国情怀, 深深点燃了新时代青年投身科技强国建设的伟大梦想。

Lǎo yì bèi zhàn lüè kē xué jiā de guāng huī shì jì yǔ chōng gāo bào guó qīng huái, shēn shēn diǎn rán le xīn shí dài qīng nián tóu shēn kē jì jiàng guó jiàn shè de wěi dà mèng xiǎng.

Tấm lòng phụng sự Tổ quốc cao đẹp cùng những chiến tích vẻ vang của các nhà khoa học chiến lược tiên bối đã thắp lên khơi dậy sâu sắc ước mơ vĩ đại cống hiến xây dựng cường quốc khoa học công nghệ của thanh niên thời đại mới.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM NHIÊN



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#199

电池

diàn chí

pin, ắc quy

新型全固态金属电池在能量密度与极端低温抗衰减性能上实现了划时代的重大突破。

Xīn xíng quán gù tài lì jīn shǔ diàn chí zài néng liàng mì dù yǔ jí duǎn dī wēn kàng shuāi jiǎn xīng néng shàng shí xiàn le huà shí dài de zhòng dà tǔ pò.

Pin kim loại litơ thể rắn hoàn toàn mới đã đạt được bước đột phá mang tính thời đại về mật độ năng lượng và khả năng chống suy giảm hiệu năng trong điều kiện nhiệt độ cực thấp.

22 nét

HÁN VIỆT · ĐIỆN TRÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#200

电饭锅

diànfànguō

nồi cơm điện

现代化智能电饭锅采用高精度电磁立体加热与微电脑温度精准控制技术，煮出的米饭香甜软糯。

Xiàndài huà zhì néng diàn fàn guō cǎi yòng gāo jīng dù diàn cí tǐ jī rě yǔ wēi diàn nǎo wēn dù jīng zhǔn kòng zhì jī shù, zhǔ chū de mǐ fàn xiāng tián ruǎn nuò.

Nồi cơm điện thông minh hiện đại hóa áp dụng kỹ thuật vi máy tính kiểm soát nhiệt độ chuẩn xác và gia nhiệt lập thể cảm ứng điện từ độ chính xác cao, nấu ra cơm thơm ngọt dẻo mềm.

33 nét

HÁN VIỆT · ĐIỆN PHẠM OÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#201

电子版

diànzǐbǎn

bản điện tử, định dạng điện tử số (e-book, PDF)

国家图书馆向全社会免费开放了百万册珍贵古籍与中外权威科技期刊文献的高清数字化电子版全文检索。

Guó jiā tú shū guǎn xiàng quán shè huì miǎn fèi kāi fàng le bǎi wàn cè zhēn guī gǔ jí zhōng wài quán wēi kē jì qī kān wén xiǎn de gāo qīng shù zì huà diǎn zì bǎn quán wén jiǎn sù.

Thư viện Quốc gia đã mở cửa miễn phí cho toàn xã hội việc tra cứu toàn văn bản điện tử định dạng số độ nét cao của hàng triệu cuốn sách cổ quý hiếm và văn hiến tạp chí khoa học công nghệ có thẩm quyền trong và ngoài nước.

33 nét

HÁN VIỆT · ĐIỆN TỬ BẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#202

调动

diào dòng

điều động, luân chuyển; khơi dậy, huy động

国家通过深化科研经费管理与成果转化收益分配改革，充分调动了广大科研人员开展原始创新的积极性。

Guó jiā tōng guò shēn huà kē yán jīng fèi guǎn lǐ yǔ chéng guǒ zhuǎn huà shòu yì fēn pèi gǎi gé, chōng fèn tiáo dòng le guǎng dà kē yán rén yuán kāi zhān yuán shǐ chuàng xīn de jī jí xìng.

Nhà nước thông qua việc đi sâu cải cách quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học và phân phối lợi nhuận chuyển hóa thành quả đã khơi dậy đầy đủ tính tích cực triển khai đổi mới sáng tạo nguyên tác của đồng đảo cán bộ nghiên cứu.

25 nét

HÁN VIỆT · ĐIỀU ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#203

调节

tiáo jié

điều chỉnh

老师鼓励大家积极调节，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tiáo jié, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điều chỉnh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT · ĐIỀU TIẾT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#204

调解

tiáo jiě

hòa giải, điều đình hòa giải tranh chấp

社区新时代文明实践站推行“枫桥经验”，耐心细致开展邻里矛盾纠纷多元调解，促进了社区和谐稳定。

Shè qū xīn shí dài wén míng shí jiàn zhàn tuī xíng "fēng qiáo jīng yàn", nài xīn xì zhì kāi zhǎn lín lí máo dùn jiū fēn duǒ yuán tiáo jiě, cù jìn le shè qū hé xié wěn dìng.

Trạm Thực tiễn Văn minh Thời đại Mới khu dân cư thực thi 'Kinh nghiệm Phong Kiều', kiên nhẫn tỉ mỉ triển khai hòa giải điều đình đa nguyên các mâu thuẫn tranh chấp chòm xóm láng giềng, thúc đẩy khu dân cư hài hòa ổn định.

24 nét

HÁN VIỆT · ĐIỀU GIẢI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#205

丢

diū

mất, đánh mất; vứt bỏ, ném bỏ

做科学研究必须始终秉持求真务实、一丝不苟的科学精神，无论取得多大成就都不能丢掉艰苦奋斗的优良作风。

Zuò kē xué yán jiū bì xǔ shì zhōng bǎo chí qíú zhēn wú shí, yí sī bù gǒu de kē xué jīng shén, wú lùn qǔ dé duō dà chéng jiù dōu bù néng diū diào jiān kǔ fèn dòu de yōu liáng zuò fēng.

Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải luôn giữ vững tinh thần khoa học tỉ mỉ chu đáo, cầu thị thực chất, bất kể có đạt được thành tựu to lớn đường nào cũng tuyệt đối không được đánh mất vứt bỏ tác phong tốt đẹp gian khổ phấn đấu.

11 nét

HÁN VIỆT · ĐẦU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#206

动机

dòng jī

động cơ, mục đích thúc đẩy, nguyên cơ

青年科学家的学术探索应当源于对客观真理的纯粹求知动机，而非仅仅追逐个人的世俗名利。

Qīng nián kē xué jiā de xué shù tàn suǒ yīng yuán yú duì kè guān zhēn lǐ de chún cuī qiú zhī dòng jī, ér fēi jīn jīn zhuī zhú gè rén de shì sù míng lì.

Sự thám hiểm học thuật của các nhà khoa học trẻ tuổi cần bắt nguồn từ động cơ tìm kiếm tri thức thuần khiết đối với chân lý khách quan, chứ không chỉ đơn thuần là mãi miết đuổi theo danh lợi trần tục cá nhân.

23 nét

HÁN VIỆT · ĐỘNG CƠ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#207

动手

dòng shǒu

bắt tay vào làm, tự làm; ra tay đánh nhau

工科拔尖创新人才培养必须强化知行合一，引导学生在实验室里亲自动手设计电路并调试实物系统。

Gōng kē bá jiān chuàng xīn rén cái péi yāng bì xū qiǎng huà zhī xíng hé yí, yīn dǎo xué shēng zài shí yàn shì lǐ qīn zì dòng shǒu shè jì diàn lù bìng tiáo shì wù shí yòng.

Công tác đào tạo nhân tài đổi mới sáng tạo xuất sắc khối ngành kỹ thuật bắt buộc phải tăng cường sự thống nhất giữa tri thức và hành động, hướng dẫn sinh viên tự mình bắt tay vào phòng thí nghiệm thiết kế mạch điện và hiệu chỉnh hệ thống sản phẩm thực tế.

27 nét

HÁN VIỆT · ĐỘNG THỦ


HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#208

动态

dòng tài
động thái, diễn biến; động (dữ liệu động)

国家防总利用数字孪生流域平台与卫星雷达组网, 对大江大河汛情演变进行毫米级实时动态推演。

Guójiā fáng zǒng lì yòng shù zì luàn shēng liú yú píng tái yú wèi xīng léi dá zǔ wǎng, duì dà jiāng dà hé xùn qíng yǎn biàn jìn xíng háo mǐ jí shí shí dòng tài tuī yǎn.

Ban Chỉ đạo Phòng chống Thiên tai Quốc gia sử dụng nền tảng lưu vực bản sao số (Digital Twin) và mạng lưới vệ tinh radar để suy diễn mô phỏng động thái diễn biến lũ lụt các sông lớn theo thời gian thực ở cấp độ milimet.

22 nét

 HÁN VIỆT: **ĐỘNG THÁI**
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#209

动员

dòng yuán
động viên, huy động tổng lực

在特大自然灾害来临时, 各级党组织迅速动员广大党员干部下沉一线, 全力组织群众抗灾自救。

Zài tè dà zì rán zāi hài lái lín shí, gè jí dǎng zǔ zhī xùn sù dòng yuán guāng dà dǎng yuán gān bù xià chén yī xiàn, quán lì zǔ zhī qún zhòng kàng zāi zì jiù.

Khi thiên tai thảm họa thiên nhiên đặc biệt lớn ập đến, các tổ chức Đảng các cấp đã nhanh chóng huy động động viên đồng đảng cán bộ đảng viên bám sát tuyến đầu, dốc toàn lực tổ chức cho quần chúng nhân dân phòng chống thiên tai và tự cứu mình.

26 nét

 HÁN VIỆT: **ĐỘNG VIÊN**
HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#210

冻

dòng
đóng băng, lạnh cóng, đông lạnh

严冬时节北方大地的江河冰封三尺, 厚厚的坚固冰层上成为了滑冰爱好者的冬日乐园。

Yán dōng shí jié běi fāng dà dì de jiāng hé bīng fēng sān cǎi, hòu hòu de jiān gù bīng céng shàng chéng wéi le huá bīng ài hào zhě de dōng rì lè yuán.

Vào những ngày mùa đông khắc nghiệt, sông ngòi vùng phương Bắc đóng băng dày tới ba thước, mặt băng kiên cố dày cộm trở thành thiên đường mùa đông cho những người yêu thích môn trượt băng.

8 nét

 HÁN VIỆT: **ĐÔNG**
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#211

洞

dòng
hang động, lỗ, hốc

地质科考队员打着强光手电, 深入这座形成于数百万年前的神秘喀斯特溶洞进行勘探。

Dì zhì kē kǎo duì yuán dǎ zhe qiáng guāng shǒu diǎn, shēn rù zhè zuò xíng chéng yú shù bǎi wàn nián qián de shén mì kā sī tè róng dòng jìn kǎn tàn.

Các thành viên đội khảo sát địa chất cầm đèn pin công suất lớn đi sâu vào bên trong hang động karst huyền bí được hình thành từ hàng triệu năm trước để tiến hành thăm dò.

12 nét

 HÁN VIỆT: **ĐỘNG**
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#212

豆制品

dòuzhìpǐn
các sản phẩm từ đậu nành, đồ đậu

传统大豆精深加工现代工业化生产线, 能够高效制备高纯度大豆分离蛋白与各类营养丰富的绿色天然豆制品。

Chuán tǒng dà dòu jīng shēn jiā gōng xiàn dài gōng yè huà shēng chǎn xiàn, néng gòu gāo xiào zhì bèi gāo chún dù dà dòu fēn lí dàn bái yǔ gè lèi yǎng fù de lǜ sè tiān rán dòu zhì pǐn.

Dây chuyền sản xuất công nghiệp hóa hiện đại chế biến sâu đậu nành truyền thống có thể điều chế hiệu quả protein phân lập đậu nành độ tinh khiết cao và các loại đồ đậu sản phẩm từ đậu nành tự nhiên xanh giàu dinh dưỡng.

32 nét

 HÁN VIỆT: **ĐẬU CHẾ PHẨM**
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ / Động từ

#213

毒

dú
chất độc, độc hại, độc tố; đầu độc

我国新型重型运载火箭发动机全面采用液氢液氧与液氧煤油等无毒无污染绿色环保推进剂。

Wǒ guó xīn xíng zhòng xíng yùn zài huò jiàn fā dòng jī quán miàn cǎi yòng yè qīng yè yǎng yú yè yǎng méi yóu děng wú dú wú wǎn rǎn lǜ sè huán bǎo tuī jìn jì.

Động cơ tên lửa đẩy hạng nặng kiểu mới của nước ta áp dụng toàn diện chất đẩy thân thiện môi trường xanh không ô nhiễm không độc hại như oxy lỏng hydro lỏng và dầu hỏa oxy lỏng.

9 nét

 HÁN VIỆT: **ĐỘC**
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Lượng từ / Động từ

#214

堆

duī
đống, đống chất đầy; đống (lượng từ); chất đống

在核物理实验基地里, 我国自主研发的第四代先进高温气冷核反应堆成功并网发电、运行平稳。

Zài hé wù lǐ shí yàn jī dì lǐ, wǒ guó zì zhù yán zhì de dì sì dài xiān jìn gāo wēn qì lěng hé fǎn yīng duī chéng gōng bìng wǎng fā diàn, yùn xíng píng wěn.

Bên trong căn cứ thực nghiệm vật lý hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân khí làm mát nhiệt độ cao tiên tiến thế hệ thứ tư do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo đã hòa lưới phát điện thành công và vận hành êm ái.

9 nét

 HÁN VIỆT: **ĐỐI**
HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#215

对立

duì lì
đối lập, tương phản, trái ngược

生态环境保护与经济社会高质量发展绝不是相互割裂或彼此对立的, 保护生态环境就是保护生产力。

Shēng tài huán jīng bǎo hù yǔ jīng jì shì huì gāo zhì liàng fā zhǎn jué bú shì xiāng gē liè huò bǐ cǐ duì lì de, bǎo hù shēng tài huán jīng jiù shì bǎo hù shēng chǎn lì.

Bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển kinh tế xã hội chất lượng cao tuyệt đối không phải là sự chia cắt hay đối lập lẫn nhau, bảo vệ môi trường sinh thái chính là bảo vệ sức sản xuất.

25 nét

 HÁN VIỆT: **ĐỐI LẬP**
HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#216

对应

duì yìng
tương ứng, ứng với, đối ứng

在结构生物学研究中, 科学家成功解析了人类细胞表面特异性受体蛋白与靶向药物分子之间的空间构象精确对应关系。

Zài jié gòu shēng wù xué yán jiū zhōng, kē xué jiā chéng gōng jiě xī le rén lèi xì bāo biǎn tè xīng xìng shù tǐ bái bái yǔ bǎo xiàng yào wù fēn zǐ zhī jiān de kōng jiān gòu xiàng jīng què duì yìng guān xì.

Trong nghiên cứu sinh học cấu trúc, các nhà khoa học đã giải mã thành công mối quan hệ đối ứng chính xác về cấu hình không gian giữa protein thụ thể đặc hiệu trên bề mặt tế bào người và các phân tử thuốc nhắm trúng đích.

26 nét

 HÁN VIỆT: **ĐỐI ỨNG**



HSK 5 (3.0)

Lượng từ

#217

吨

dūn

tấn (đơn vị trọng lượng)

这艘我国自主研发建造的超大型万吨级远洋集装箱货轮，顺利完成了跨大洋首航任务。

Zhè sōu wǒ guó zì zhǔ yán jiàn zào de chāo dà xíng wǎn dùn jí yuán yáng jí zhuāng xiāng huò lún, shùn lì wán chéng le kuà dà yáng shǒu háng rèn wù.

Con tàu chở container viễn dương siêu trọng tải hàng vạn tấn do nước ta tự chủ nghiên cứu đóng mới đã hoàn thành suôn sẻ hải trình xuyên đại dương đầu tiên.

13 nét

HÁN VIỆT : ĐỐN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#218

躲

duǒ

tránh né, ẩn nấp trốn tránh, lẩn trốn

面对科技攻关过程中的艰难险阻与风险挑战，青年科技骨干要勇于迎难而上，决不退缩躲避。

Miàn duì kē jì gōng guān guò chéng zhōng de jiān nán xiǎn zǔ yǔ fēng xiǎn tiǎo zhàn, qīng nián kē jì gǔ gàn yào yǒng yú yíng nán ér shàng, jué bù tuì suǒ duǒ bì.

Đứng trước những chông gai hiểm trở và rủi ro thử thách trong quá trình vượt khó khoa học công nghệ, cán bộ nòng cốt khoa học thanh niên cần dũng cảm đón đầu khó khăn, tuyệt đối không lùi bước lẩn trốn tránh né.

12 nét

HÁN VIỆT : ĐOÁ

HSK 5 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#219

朵

duǒ

bông, đóa (hoa/mây - lượng từ);
đóa hoa

在清晨湛蓝澄澈的天空中飘浮着几朵洁白轻柔的白云，如同一幅宁静致远的优美油画。

Zài qīng chén zhàn lán chéng chè de tiān kōng zhōng piāo fú zhe jǐ duǒ jié bái qīng róu de bái yún, rú tóng yí fú níng jìng zhì yuǎn de yōu měi yóu huà.

Trên bầu trời trong xanh tĩnh lặng sớm mai lững lờ trôi vài đóa đóa mây bông mây trắng nhẹ nhàng thanh khiết, tựa như một bức tranh sơn dầu tuyệt mỹ thanh tịnh khoáng đạt.

11 nét

HÁN VIỆT : ĐOÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#220

儿女

ěrnǚ

con cái; người con đất nước (nhi
nữ)

海内外全体中华儿女心往一处想、劲往一处使，汇聚起实现中华民族伟大复兴的磅礴伟力。

Hǎi nèi wài quán tǐ zhōng huá ér nǚ xīn wǎng yí chù xiǎng, jìn wǎng yí chù shǐ, huì jù qí shí xiān zhòng huá mín zú wéi dà fú xíng de páng bó wēi lì.

Toàn thể những người con đất nước con cái người con Trung Hoa trong và ngoài nước cùng hướng chung một lòng, chung sức đồng lòng, quy tụ nên sức mạnh vĩ đại đời non lập biển để thực hiện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa.

20 nét

HÁN VIỆT : NHÂN NỮ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#221

耳朵

ěr duo

đôi tai

草丛里的小白兔两只长长的耳朵警惕地竖起来，听着周围的动静。

Cǎo cóng lǐ de xiǎo bái tù liǎng zhī cháng cháng de ěr duo jǐng tì de shù qǐ lái, tīng zhe zhōu wéi de dòng jing.

Chú thỏ trắng nhỏ trong bụi cỏ dựng đôi tai dài đứng thẳng lên một cách cảnh giác để nghe ngóng động tĩnh xung quanh.

22 nét

HÁN VIỆT : NHĨ ĐOÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#222

二维码

èrwéimǎ

mã QR, mã vạch hai chiều

智能政务服务大厅全面推行扫二维码一键申办，极大简化了企业和群众办理行政审批业务的流程。

Zhì néng zhèng wù dà tīng quán miàn tuī xíng sǎo èr wéi mǎ yí jiàn shēn bàn, jí dà jiǎn huà le qǐ yè hé qún zhòng bàn lǐ xíng zhèng shēn pī yè wù de liú chéng.

Đại sảnh dịch vụ hành chính thông minh triển khai toàn diện việc quét mã QR mã hai chiều một chạm để đăng ký, tinh gọn tối đa quy trình làm thủ tục phê duyệt hành chính của doanh nghiệp và người dân.

35 nét

HÁN VIỆT : NHỊ DUY MÃ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#223

发布

fā bù

công bố, phát hành, đăng tải
(thông tin, báo cáo)

国家统计局正式发布了年度国民经济和社会发展统计公报，全方位展现了高质量发展的扎实成效。

Guó jiā tǒng jì jú zhèng shì fā bù le nián dù guó mín jīng jì hé shè huì fā zhǎn tǒng jì gōng bào, quán fāng wèi zhǎn xiàn le gāo zhì liàng fā zhǎn de zhā shí chéng xiào.

Cục Thống kê Quốc gia đã chính thức công bố Thông cáo Thống kê Phát triển Kinh tế Xã hội và Quốc dân thường niên, phơi bày toàn diện những thành quả vững chắc của sự phát triển chất lượng cao.

19 nét

HÁN VIỆT : PHÁT BỐ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#224

发觉

fā jué

phát giác, nhận ra, phát hiện thấy

科研人员在比对连续数月的深空射电望远镜观测数据时，敏锐发觉了一个周期性重复出现的神秘脉冲信号。

Kē yán rén yuán zài bǐ duì lián xù shù yuè de shēn kōng shè diàn wàng yuǎn jīng guān cè shù jù shí, mǐn ruì fā jué le yí gè zhōu qī xíng chóng fù chǔ xiàn de shén mì mài chōng xìn hào.

Các nhà nghiên cứu khoa học khi đối chiếu số liệu quan trắc của kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu liên tục trong nhiều tháng đã nhạy bén phát hiện thấy một tín hiệu xung bí ẩn xuất hiện lặp lại theo chu kỳ.

18 nét

HÁN VIỆT : PHÁT GIÁO

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#225

发射

fā shè

phóng, bắn ra, phát xạ (tên lửa,
sóng)

长征系列运载火箭在我国酒泉卫星发射中心成功发射升空，将多颗国家空间科学实验卫星精准送入预定轨道。

Cháng zhēng xì liè yùn zài huò jiàn zài wǒ guó jiǔ quán wèi xīng fā shè zhōng xīn chéng gōng fā shè shèng kōng, jiāng duō kē guó jiā kōng jiān kē xué shí yàn wèi xīng jīng zhǔn sòng rù yù dìng guī dào.

Dòng tên lửa đẩy Trường Chinh tại Trung tâm Phóng Vệ tinh Tầu Tuyến nước ta đã phóng thành công lên không gian, đưa nhiều vệ tinh thực nghiệm khoa học vũ trụ quốc gia vào đúng quỹ đạo dự kiến một cách chuẩn xác.

19 nét

HÁN VIỆT : PHÁT XẠ



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#235

放弃

fàngqì

từ bỏ, buông xuôi

无论经历多少次失败与挫折，他都始终咬紧牙关，绝不轻易放弃最初的理想。

Wú lùn jīng lì duō shǎo cì shī bài yǔ cuò zhé, tā dōu shǐ zhōng yǎo jǐn yá guān, jué bù qīng yì fàng qì zuì chū de lǐ xiǎng.

Dù trải qua bao nhiêu lần thất bại và vấp ngã, anh ấy vẫn luôn cắn chặt răng kiên cường, tuyệt đối không dễ dàng từ bỏ lý tưởng ban đầu.

25 nét

HÁN VIỆT: PHÓNG KHÍ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#236

分成

fēnchéng

chia thành, phân chia làm; chia tỷ lệ lợi nhuận

国家重大科技攻关专项科研团队科学分成多个跨学科攻坚小组，协同推进核心技术突破。

Guó jiā zhòng dà kē jì gōng guān zhuān xiàng kē xué fēn chéng duō gè kuà xué kē gōng jiān xiǎo zǔ, xié tóng tuī jìn hé xīn jì shù tú pò.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học thuộc chuyên án vượt khó khoa học công nghệ trọng đại quốc gia được phân chia một cách khoa học chia thành nhiều tiểu tổ xung kích liên ngành, hiệp đồng thúc đẩy đột phá công nghệ cốt lõi.

23 nét

HÁN VIỆT: PHÂN THÀNH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#237

分解

fēnjiě

phân giải, phân hủy (hóa học, sinh học); chia nhỏ (mục tiêu)

我国科研团队成功开发出新型全生物可降解环保塑料，在自然土壤与海水环境中能在数月内完全分解为水和二氧化碳。

Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng kāi fā chū xīn xíng quán shēng wù kě jiàng jiě huán bǎo sù liào, zài zì rán tǔ rǎng yǔ hǎi shuǐ huán jīng zhōng néng zài shù yuè nèi wán quán fēn jiě wéi shuǐ hé èr yǎng huà tàn.

Nhóm nghiên cứu khoa học nước ta đã phát triển thành công loại nhựa bảo vệ môi trường có thể phân hủy sinh học toàn phần kiểu mới, trong môi trường đất tự nhiên và nước biển có thể phân giải hoàn toàn thành nước và carbon dioxide chỉ trong vài tháng.

26 nét

HÁN VIỆT: PHÂN GIẢI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#238

分类

fēnlèi

phân loại, xếp loại, các loại

全社会全面推进生活垃圾源头分类与资源化循环利用，共同建设绿色低碳宜居家园。

Quán shè huì quán miàn tuī jìn shēng huái guān tóu fēn lèi yǔ zī yuán huà xún huán lì yòng, gòng tóng jiàn shè lǜ sè dī tàn yí jū jiā yuán.

Toàn xã hội đẩy mạnh toàn diện phân loại xếp loại rác thải sinh hoạt ngay từ đầu nguồn và tái chế tuần hoàn tài nguyên, cùng nhau xây dựng mái nhà chung đáng sống xanh ít phát thải carbon.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÂN LOẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#239

分离

fēnlí

phân tách, bóc tách; tách biệt ly biệt

运载火箭在预定轨道高度精准实现了一二级火箭分离与整流罩分离，将科学探测卫星顺利送入轨道。

Yùn zài huǒ jiàn zài yù dìng guǐ dào gāo dù jīng zhǔn shí xiàn le yī èr jí huǒ jiàn fēn lí yǔ zhěng liú zhào fēn lí, jiāng kē xué tàn cè wéi xīng shùn lì sòng rù guǐ dào.

Tên lửa đẩy tại độ cao quỹ đạo định sẵn đã thực hiện chuẩn xác việc bóc tách phân tách tầng một và tầng hai tên lửa cùng nắp chụp bảo vệ đầu tên lửa, đưa vệ tinh thám trắc khoa học vào quỹ đạo một cách thuận lợi.

27 nét

HÁN VIỆT: PHÂN LY

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#240

分析

fēnxī

phân tích, bài phân tích

经济学家通过对海量宏观产业大数据的严密分析，对未来数字经济发展趋势做出了精准研判。

Jīng jì xué zhuan jiā tōng guò duì hǎi liàng hóng guān chān yè dà shù jù de yán mì fēn xī, duì wèi lái shù zì jīng jì fā zhǎn qū shì zhuān chū le jīng zhǔn yán pàn.

Các chuyên gia kinh tế học thông qua việc phân tích chặt chẽ nguồn dữ liệu lớn vĩ mô ngành đã đưa ra những nhận định đánh giá chuẩn xác về xu hướng phát triển của nền kinh tế số trong tương lai.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÂN TÍCH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#241

分享

fēnxiǎng

chia sẻ, cùng sẻ chia (thành quả/kinh nghiệm)

中外科学家在国际科学论坛上深入分享了前沿量子计算与人工智能大模型的最新原创研究成果。

Zhōng wài kē xué jiā zài guó jì kē xué lùn tán shàng shēn rù fēn xiǎng le qián yán liàng zǐ jì suàn yǔ rén gōng zhì néng dà mó xíng de zuì xīn yuán chuàng yǎn jiū chéng guǒ.

Các nhà khoa học trong và ngoài nước tại Diễn đàn Khoa học Quốc tế đã đi sâu cùng sẻ chia chia sẻ các thành quả nghiên cứu nguyên tác mới nhất về mô hình lớn trí tuệ nhân tạo và tính toán lượng tử tiên phong.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÂN HƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#242

丰收

fēngshōu

bội thu, được mùa lớn; gặt hái thành công

我国粮食生产连续多年实现丰收，总产量连续稳产在1.3万亿斤以上，牢牢端稳了中国人民自己的饭碗。

Wǒ guó liáng shí shēng chǎn lián xù duō nián shí xiàn fēng shōu, zǒng chǎn liàng lián xù wěn chǎn zài 1.3 wàn yì jīn yǐ shàng, láo láo duān wěn le zhōng guó rén mín zì jǐ de fàn wǎn.

Sản xuất lương thực nước ta liên tục trong nhiều năm đạt được mùa màng bội thu, tổng sản lượng liên tục giữ vững ổn định trên 650 tỷ kg, giữ vững chắc chắn bát cơm của chính nhân dân mình.

22 nét

HÁN VIỆT: PHONG THU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#243

风度

fēngdù

phong độ, phong thái, khí độ đỉnh đạc

在国际多边首脑峰会上，我国代表团展现出了自信从容、开放包容的大国风度与领袖风采。

Zài guó jì duō biān shǒu nǎo fēng huì shàng, wǒ guó dài biǎo tuán zhǎn xiàn chū le zì xìn cóng róng, kāi fàng bāo róng de dà guó fēng dù yǔ lǐng xū fēng cǎi.

Tại hội nghị thượng đỉnh nguyên thủ đa phương quốc tế, đoàn đại biểu nước ta đã thể hiện phong độ đỉnh đạc tự tin ung dung, cởi mở bao dung của một nước lớn cùng phong thái của nhà lãnh đạo.

21 nét

HÁN VIỆT: PHONG ĐỘ



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#244

风光

fēng guāng

phong cảnh, cảnh sắc thiên nhiên;
nở mày nở mặt

巍峨壮美的三江源国家公园群山连绵、湖泊密布，展现了大自然鬼斧神工的壮丽高原风光。

Wēi é zhuàng měi de sān jiāng yuán guó jiā gōng yuán qún shān lián mián, hú pō mì bù, zhǎn xiàn le dà zì rán guǐ fǔ shén gōng de zhuàng lì gāo yuán fēng guāng.

Công viên Quốc gia Tam Giang Nguyên hùng vĩ tráng lệ núi non trùng điệp, hồ đầm dày đặc, phô diễn cảnh sắc phong quang cao nguyên tráng lệ tuyệt mỹ do bàn tay thần kỳ của tự nhiên kiến tạo nên.

23 nét

HÁN VIỆT: PHONG QUANG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#245

疯

fēng

điên cuồng, say mê cuồng nhiệt;
phát điên

青年创客们以近乎痴迷疯狂的钻研热情连续数月攻关，终于成功攻克了高精密微流控芯片设计制造难关。

Qīng nián chuàng kè men yǐ jìn hū chí mí fēng kuáng de zuān yán rè qīng lián xù shù yuè gōng guān, zhōng yú chéng gōng gōng kè le gāo jīng mì wēi liú kòng xīn piàn shè jì zhì zào nán guān.

Những nhà khởi nghiệp trẻ tuổi bằng sự say mê cuồng nhiệt nghiên cứu đến mức gần như điên cuồng say mê đã liên tục nhiều tháng vượt khó, cuối cùng đã chinh phục thành công cái khó thiết kế chế tạo chip vi lưu chính xác cao.

14 nét

HÁN VIỆT: PHONG

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#246

疯狂

fēng kuáng

điên cuồng, cuồng nhiệt, dữ dội

在国际音乐节现场，激昂震撼的摇滚旋律让全场数万名年轻乐迷陷入了疯狂的狂欢。

Zài guó jì yīn yuè jié xiàn chǎng, jī áng zhèn hàn de yáo gǔn xuán lǚ ràng quán chǎng shù wàn míng nián qīng yuè mī xiàn rù le fēng kuáng de kuáng huān.

Tại không gian đại nhạc hội quốc tế, những giai điệu rock sôi động và bùng nổ đã khiến hàng vạn tín đồ âm nhạc trẻ tuổi đắm chìm trong sự cuồng nhiệt bất tận.

28 nét

HÁN VIỆT: PHONG CUỒNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#247

扶

fú

đỡ, nâng, dìu, chống đỡ

看到老人上下公交车有些吃力，热心的乘务员立即快步上前轻轻将老人扶上车座。

Kàn dào lǎo rén shàng xià gōng jiāo chē yǒu xiē chī lì, rè xīn de chéng wù yuán lì jí kuài bù shàng qián qīng qīng jiāng lǎo rén fú shàng chē zuò.

Nhìn thấy cụ già bước lên xuống xe buýt có phần khó khăn, bạn tiếp viên nhiệt tình đã lập tức rào bước tới nhẹ nhàng dìu cụ ngồi vào ghế ngồi an toàn.

14 nét

HÁN VIỆT: PHÒ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#248

服从

fú cóng

phục tùng, tuân theo, nghe theo

在应对重大自然灾害的抢险救灾一线，全体应急救援人员必须坚决服从统一指挥与调度。

Zài yìng duì zhòng dà zì rán zāi hài de qiǎng xiǎn jiù zāi yí xiàn, quán tǐ yìng yuán rén yuán bì xū jiān jué fú cóng tóng yī zhǐ huī yǔ diào dù.

Tại tuyến đầu ứng phó cứu hộ cứu nạn thiên tai trọng đại, toàn thể lực lượng cứu hộ khẩn cấp nhất thiết phải kiên quyết phục tùng sự chỉ huy và điều phối thống nhất.

21 nét

HÁN VIỆT: PHỤC TÙNG

HSK 5 (3.0)

Lượng từ

#249

幅

fú

bức, tấm (tranh, cờ, khẩu hiệu)

国家博物馆正厅中央悬挂着一幅气势磅礴、长达数十米的巨幅现代水墨画长卷。

Guó jiā bó wù guǎn zhèng tīng zhōng yāng xuán guà zhe yí fú qì shì páng bó, zhǎng dá shù shí mǐ de jù fú xiàn dài shuǐ mò huà cháng juǎn.

Chính giữa đại sảnh Bảo tàng Quốc gia treo một bức tranh cuộn thủy mặc hiện đại khổng lồ dài hàng chục mét với khí thế hào hùng tráng lệ.

12 nét

HÁN VIỆT: BỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#250

幅度

fú dù

biên độ, mức độ (tăng giảm), quy mô dao động

随着高新技术产业投资力度的加大，战略性新兴产业增加值占GDP比重呈现出大幅度提升的良好态势。

Suí zhe gāo xīn jì shù tóu zī lì dù de jiā dà, zhàn lüè xīng xīng chǎn yè zēng jiā zhí zhàn GDP bǐ zhòng chéng xiàn chū dà fú dù tí shēng de liáng hǎo tài shì.

Cùng với sự gia tăng mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư vào ngành công nghệ cao, tỷ trọng giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp mới nổi mang tính chiến lược trong GDP đã hiện ra xu thế tăng trưởng tích cực với biên độ rất lớn.

23 nét

HÁN VIỆT: BỨC ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#251

福利

fú lì

phúc lợi, an sinh phúc lợi xã hội

国家加快健全覆盖全民、统筹城乡、公平统一、安全规范、可持续的多层次社会保障与民生福利体系。

Guó jiā jiā kuài jiàn quán fù gài quán mǐn, tóng chóu chéng xiāng, gōng píng tóng yī, ān quán guī fàn, kě chí xù de duō céng cǐ shè huì bǎo zhàng yǔ mǐn shēng fú lì tǐ xì.

Nhà nước đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống phúc lợi dân sinh và an sinh xã hội đa tầng bao phủ toàn dân, điều phối nông thôn thành thị, công bằng thống nhất, quy chuẩn an toàn và bền vững.

25 nét

HÁN VIỆT: PHÚC LỢI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#252

辅助

fǔ zhù

hỗ trợ, phụ trợ, trợ giúp

人工智能手术辅助系统为外科医生提供毫米级的三维病灶实时导航，显著提高了复杂微创手术的精准度。

Rén gōng zhì néng shǒu shù fǔ zhù xì tǒng wèi wài kē yī shēng tí gòng háo mǐ jí de sān wéi bìng zhào shí shí dǎo háng, xiǎn zhù tí gāo le fù zá wēi miào chuāng shǒu shù de jīng zhǔn dù.

Hệ thống hỗ trợ phẫu thuật trí tuệ nhân tạo cung cấp định vị dẫn đường 3D theo thời gian thực ở cấp độ milimet cho bác sĩ phẫu thuật ngoại khoa, nâng cao rõ rệt độ chuẩn xác của các ca phẫu thuật xâm lấn tối thiểu phức tạp.

21 nét

HÁN VIỆT: PHỤ TRỢ


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#253

负责人

fù zé rén

 người phụ trách, người đứng đầu
chịu trách nhiệm

国家重点实验室负责人强调, 要以高水平基础研究支撑国家战略前沿科技自主创新发

展。
Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì fù zé rén qiáng diào, yào yǐ gāo shuǐ píng jī chǔ yán jiū zhī chéng guó jiā zhàn lüè qián yán kē jì zì zhǔ chuàng xīn fā zhǎn.

Người đứng đầu người phụ trách Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia nhấn mạnh rằng, cần lấy nghiên cứu cơ bản trình độ cao làm điểm tựa phát triển đổi mới sáng tạo tự chủ khoa học công nghệ tiên phong chiến lược quốc gia.

29 nét

HÁN VIỆT : PHỤ TRÁCH NHÂN
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#254

附件

fù jiàn

 tệp đính kèm, phụ lục, linh kiện phụ
tùng đi kèm

在向国家自然科学基金委提交的重大重点项目申报书中, 详细列明了前期研究基础与相关实验数据附件。

Zài xiàng guó jiā zì rán kē xué jījīn wéi tí jiào de zhòng dà zhòng diǎn xiàng mù shēn bào shù zhōng, xiáng xì liè míng qián qī yán jiū jī chǔ yǔ xiāng guān shí yán shù jù fù jiàn.

Trong bản thuyết minh đề án trọng điểm trọng đại nộp lên Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia, các tài liệu phụ lục số liệu thực nghiệm liên quan cùng nền tảng nghiên cứu giai đoạn trước đã được liệt kê chi tiết rõ ràng.

24 nét

HÁN VIỆT : PHỤ KIỆN
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#255

改革

gǎi gé

cải cách, đổi mới

坚持深化改革开放与激发市场活力, 是我国经济持续实现高质量发展的澎湃动力源泉。

Jiān chí shēn huà gǎi gé yǔ jī fā shì chǎng huó lì, shì wǒ guó jīng jì chí xù shí xiàn gāo zhì liàng fā zhǎn de péng pài dòng lì yuán quán.

Kiên trì đi sâu cải cách mở cửa và khơi dậy sức sống thị trường là cội nguồn động lực mạnh mẽ để nền kinh tế nước ta liên tục phát triển chất lượng cao.

24 nét

HÁN VIỆT : CẢI CÁCH
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#256

感想

gǎn xiǎng

cảm tưởng, cảm nghĩ

参观完国家航天科技成就展览后, 同学们纷纷在留言簿上写下了自己心潮澎湃的观展感想。

Cān guān wán guó jiā háng tiān kē jì chéng jiù zhǎn lǎn hòu, tóng xué men fēn fēn zài liú yán bù shàng xiě xià le zì jǐ xīn cháo péng pài de guān zhǎn gǎn xiǎng.

Sau khi tham quan triển lãm thành tựu khoa học công nghệ hàng không vũ trụ quốc gia, các bạn học sinh đã lần lượt ghi lại những dòng cảm nghĩ dạt dào cảm xúc của mình vào sổ lưu niệm.

26 nét

HÁN VIỆT : CẢM TƯỞNG
HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#257

干脆

gān cuī

 dứt khoát, sòng phẳng, thẳng thắn;
cứ thể mà

既然大家都认同这个创新技术路线, 咱们干脆今天下午就把实施方案敲定下来。

Jǐ rán dà jiā dōu rèn tóng zhè ge chuàng xīn jì shù lù xiàn, zán men gān cuī jīn tiān xià wǔ jiù bǎ shí shí fāng àn qiāo dìng xià lái.

Một khi tất cả mọi người đều đồng thuận với lộ trình công nghệ đổi mới này, chúng ta cứ dứt khoát chốt luôn phương án triển khai vào chiều nay đi thôi.

20 nét

HÁN VIỆT : CÁN THUÝ
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#258

干扰

gān rǎo

 gây nhiễu, can thiệp làm gián đoạn,
làm phiền

我国新型深空探测雷达采用了先进的超宽带抗干扰数字信号处理算法, 在复杂电磁干扰环境下依然清晰锁定目标。

Wǒ guó xīn xíng shēn kōng tàn cè léi dá cǎi yòng le xiān jìn de chāo kuān dài kàng gān rǎo shù zì xìn hào chú lǐ suàn fǎ, zài fù zá diàn cí gān rǎo huán jīng xià yǐ rán qīng xī suǒ dìng mù biāo.

Radar thám hiểm không gian sâu kiểu mới của nước ta đã áp dụng thuật toán xử lý tín hiệu số chống nhiễu bằng thông siêu rộng tiên tiến, dưới môi trường nhiễu điện từ mạnh phức tạp vẫn khóa chặt mục tiêu rõ nét.

16 nét

HÁN VIỆT : CÁN NHIỄU
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#259

干预

gān yù

 can thiệp, can thiệp điều trị y tế,
can thiệp sớm

国家建立健全了青少年心理健康早期筛查与危机干预体系, 为青少年健康成长提供了坚实的心理防线。

Guó jiā jiàn lì jiàn quán le qīng nián xīn lí jiàn kāng zǎo qī shāi chá yǔ wēi jī gān yù tǐ xì, wéi qīng nián xiào nián jiàn kāng chéng zhǎng tí gòng le jiān shí de xīn lí fáng xiàn.

Nhà nước đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống sàng lọc sớm và can thiệp khủng hoảng sức khỏe tâm lý cho thanh thiếu niên, mang lại phòng tuyến tâm lý vững chắc cho sự trưởng thành lành mạnh của thanh thiếu niên.

21 nét

HÁN VIỆT : CÁN DỰ
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#260

钢笔

gāng bǐ

bút máy, cây bút mực

老院士手握一支陪伴了自己数十年的老钢笔, 在珍贵学术手稿上工整地写下前沿研究结论。

Lǎo yuàn shì shǒu wò yī zhī péi bàn le zì jǐ shù shí nián de lǎo gāng bǐ, zài zhēn guì xué shù shǒu gǎo shàng gōng zhěng dì xiě xià qián yán yán jiū jié lùn.

Vị viện sĩ lão thành tay cầm cây bút mực bút máy cũ đã đồng hành cùng mình suốt mấy mươi năm, viết nắn nót kết luận nghiên cứu tiên phong lên bản thảo học thuật vô giá.

22 nét

HÁN VIỆT : CƯƠNG BÚT
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#261

钢琴

gāng qín

đàn dương cầm, đàn piano

在国家大剧院交响音乐大厅内, 青年钢琴演奏家以行云流水般的高超技艺弹奏出激昂雄壮的爱国乐章。

Zài guó jiā dà jù yǎn yīn yuè dà tīng nèi, qīng nián gāng qín yǎn zòu jiā yǐ xíng yún liú shuǐ bān de gāo chāo jì yì dàn zòu chū jī áng xióng zhuàng de ài guó yuè zhāng.

Bên trong đại sảnh âm nhạc giao hưởng Nhà hát Lớn Quốc gia, nghệ sĩ biểu diễn đàn piano đàn dương cầm trẻ tuổi bằng kỹ nghệ siêu phẩm uyển chuyển như mây trời nước chảy đã tấu lên khúc nhạc yêu nước hùng tráng hào hùng.

26 nét

HÁN VIỆT : CƯƠNG CẦM



HSK 5 (3.0)

Tính từ

#262

高大

gāodà

cao lớn, to lớn vạm vỡ, đồ sộ

矗立在浩瀚戈壁试验场上的大国重器发射塔架巍峨高大，宛如钢铁巨人默默守护着航天梦想。

Chù lì zài hào hàn gē bì shì yàn chǎng shàng de dà guó zhòng qì fā shè tā jià wēi é gāo dà, wǎn rú gāng tiě jù rén mò mò shǒu hù zhe háng tiān mèng xiǎng.

Tháp phóng đại khí quốc gia sừng sững trên bãi thử nghiệm sa mạc Gobi bao la đồ sộ to lớn cao lớn uy nghiêm, tựa như người khổng lồ thép âm thầm bảo vệ ước mơ hàng không vũ trụ.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CAO ĐẠI

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Phó từ / Tính từ

#263

高度

gāodù

độ cao, tầm cao; cao độ, hết sức

国家高度重视基础科学前沿交叉创新，持续大幅加大对青年拔尖科研团队的长期稳定支持力度。

Guó jiā gāo dù zhòng shì jī chǔ kē xué qián yán jiāo chā chuāng xīn, chí xù dà fú jiā dà duì qīng nián bá jiān kē yán tuán duì de cháng qī wěn dìng zhī chí lì dù.

Nhà nước hết sức cao độ coi trọng đối mới sáng tạo liên ngành tiên phong khoa học cơ bản, liên tục tăng cường mạnh mẽ mức độ hỗ trợ lâu dài và ổn định cho các nhóm nghiên cứu khoa học xuất chúng trẻ tuổi.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CAO ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#264

高跟鞋

gāogēnxié

giày cao gót

在重大国际外交礼仪盛典上，女外交官身着剪裁得体的典雅旗袍与高跟鞋，尽显东方端庄自信风范。

Zài zhòng dà guó jì wài jiāo lǐ yí shèng diǎn shàng, nǚ wài jiāo guān shēn zhe jiǎn cái dé tǐ de diǎn yǎ qī páo yǔ gāo gēn xié, jīn xiǎn dōng fāng duān zhuāng zì xìn fēng fàn.

Tại các nghi lễ ngoại giao quốc tế trọng đại, các nữ nhà ngoại giao mặc bộ sườn xám thanh nhã cắt may vừa vặn cùng đôi giày cao gót, thể hiện trọn vẹn phong thái tự tin đoan trang phương Đông.

📖 34 nét

HÁN VIỆT: CAO CÂN HẢI

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#265

高温

gāowēn

nhiệt độ cao, nhiệt độ nóng bức

我国科研团队成功研制出能在两千摄氏度超高温极端工况下长期稳定工作的超耐高温新型航空陶瓷材料。

Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng yán zhì chū néng zài liǎng qiān shè shì dù chāo gāo wēn jī duǎn gōng kuàng xià cháng qī wěn dìng gōng zuò de chāo nài gāo wēn xīn xíng háng kōng táo cí cái liào.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công loại vật liệu gốm hàng không kiểu mới siêu chịu nhiệt độ cao có thể làm việc ổn định lâu dài dưới điều kiện làm việc cực đoan nhiệt độ cao trên 2000 độ C.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: CAO ÔN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#266

高于

gāoyú

cao hơn, vượt mức

人民至上、生命至上；在重大突发公共事件处置中，人民群众的生命安全和身体健康高于一切。

Rén mín zhì shàng, shēng mìng zhì shàng; zài zhòng dà tū fā gōng gòng shì jiàn chǔ zhì zhōng, rén mín qún zhòng de shēng mìng ān quán hé shēn tǐ jiàn kāng gāo yú yī qiè.

Nhân dân là trên hết, sinh mệnh là trên hết; trong việc xử lý các sự kiện công cộng đột xuất trọng đại, sức khỏe và sự an toàn tính mạng của quần chúng nhân dân là cao hơn vượt trên tất cả mọi thứ.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: CAO VU

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#267

高原

gāo yuán

cao nguyên

在面对复杂的挑战时，保持高原的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí gāo yuán de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái cao nguyên đặc biệt quan trọng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CAO NGUYÊN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#268

搞

gǎo

làm

老师鼓励大家积极搞，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: CẢO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#269

搞好

gǎohǎo

làm tốt, thực hiện tốt, hoàn thành tốt

我们要坚持以人民为中心的发展思想，切实搞好各项民生保障与生态环境保护重点工程建设。

Wǒ men yào jiān chí yǐ rén mín wéi zhòng xīn de fā zhǎn sī xiǎng, qiè shí gǎo hǎo gè xiàng mǐn shēng bǎo zhàng yǔ shēng tài huán jīng bǎo hù zhòng diǎn gōng chéng jiàn shè.

Chúng ta phải kiên trì tư tưởng phát triển lấy nhân dân làm trung tâm, thực hiện tốt làm tốt thiết thực việc xây dựng các công trình trọng điểm bảo vệ môi trường sinh thái và bảo đảm dân sinh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CẢO HẢO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#270

歌曲

gē qǔ

bài hát, ca khúc

在庆祝大会上，全场数万名青年学子齐声高唱激昂豪迈的爱国主义赞美歌曲，豪情满怀。

Zài qīng zhù dà huì shàng, quán chǎng shù wàn míng qīng nián xué zǐ qí shēng gāo chàng jī áng hào mǎi de ài guó zhū yì zàn měi gē qǔ, háo qíng mǎn huái.

Tại đại hội chào mừng, hàng vạn bạn sinh viên học sinh thanh niên toàn trường đồng thanh hát vang bài hát ca khúc ca ngợi chủ nghĩa yêu nước hào sảng hùng tráng, tràn ngập khí phách hào hùng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CA KHÚC



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#271

隔壁

gé bì

nhà bên cạnh, hàng xóm sát vách

住在隔壁的老退休教师为人极其热心，常常主动帮整栋楼的邻里代收快递包裹。

Zhù zài gé bì de lǎo tuì xiū jiào shī wéi rén jí qí rè xīn, cháng cháng zhǔ dòng bāng zhěng dòng lóu de lín lǐ dài shōu kuài dì bāo guǒ.

Bác giáo viên về hưu sống ở sát vách nhà bên tính tình vô cùng xởi lởi nhiệt tình, thường chủ động nhận giúp bưu phẩm chuyển phát nhanh cho cả tòa nhà.

28 nét

HÁN VIỆT: CÁCH BÍCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#272

个儿

gèr

vóc dáng, chiều cao vóc người, thể tích

虽然这台微型深海勘探机器人的个儿不大，但其内部集成了多套国际顶尖的高精度探测传感系统。

Suī rán zhè tái wēi xíng shēn hǎi kǎn tàn jī qì rén de gè ér bù dà, dàn qí nèi bù jí chéng le duō tào guó jì dǐng jiān de gāo jīng dù tàn cè chuān gǎn xiàng tǒng.

Mặc dù vóc dáng thể tích của chú robot thăm dò biển sâu siêu nhỏ này không hề lớn, nhưng bên trong lại tích hợp nhiều bộ hệ thống cảm biến dò tìm độ chính xác cao hàng đầu thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT: CÁ NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#273

跟前

gēn qián

trước mặt, bên cạnh, gần kề

老学者招手示意青年研究生走到跟前，俯身指着屏幕上复杂的晶体衍射图谱逐一细致讲解其中蕴含的物理规律。

Lǎo xué zhě zhāo shǒu shì yì qīng nián yán jiū shēng zhǐ zhe màn shàng fù zá de jīng tǐ yǎn shè tú pǔ zhū yì xì zhì jiǎng jiě qí zhōng yùn hán de wù lǐ guī lǚ.

Vị học giả lão thành vẫy tay ra hiệu cho nghiên cứu sinh trẻ bước lại gần trước mặt, cúi mình chỉ vào biểu đồ nhiễu xạ tinh thể phức tạp trên màn hình tỉ mỉ giảng giải từng quy luật vật lý ẩn chứa bên trong.

25 nét

HÁN VIỆT: CÁN TIỀN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#274

跟随

gēn suí

đi theo, theo sau, dõi theo

我国前沿深空探测工程在突破地月转移轨道控制技术后，正加速从跟随探索向开创领跑的历史性阶段跨越。

Wǒ guó qián yán shēn kōng tàn cè gōng chéng zài tú pō dì yuè zhuǎn yí guī dào kòng zhì jì shù hòu, zhèng jiǎ sù cóng gēn suí tàn suǒ xiàng kāi chuāng lǐng pǎo de lì shǐ xìng jiē duàn kuà yuè.

Công trình thám hiểm không gian sâu tiên phong nước ta sau khi đột phá công nghệ điều khiển quỹ đạo chuyển tiếp Trái Đất - Mặt Trăng đang tăng tốc nhảy vọt từ giai đoạn đi theo khám phá tiến tới giai đoạn lịch sử khai mở dẫn đầu.

20 nét

HÁN VIỆT: CÁN TUỖ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#275

更换

gēng huàn

thay đổi, thay thế đổi mới

高铁运维检修团队严格按照运行里程与周期标准，定期为高速列车更换高磨损精密制动构件。

Gāo tiě yùn wéi jiǎn xiū tuán dī yán gé àn zhào yùn xíng lǐ chéng yǔ zhōu qī biāo zhǔn, dìng qī wéi gāo sù liè chē gēng huàn gāo mǎo sǔn jīng mì zhì dòng gòu jiàn.

Đội ngũ bảo dưỡng kiểm tu đường sắt cao tốc căn cứ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn chu kỳ và số km vận hành định kỳ thay thế thay mới các cấu kiện phanh chính xác bị hao mòn cao cho đoàn tàu cao tốc.

21 nét

HÁN VIỆT: CANH HOÁN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#276

更新

gēng xīn

cập nhật, đổi mới, thay mới làm mới

国家全面推进超大规模城市老旧管网改造与设备以旧换新工程，持续推动城市有机更新与基础设施升级。

Guó jiā quán miàn tuī jìn chāo dà guī mó chéng shì lǎo jiù guǎn wǎng gǎi zào yǔ shè bèi yǐ jiù huàn xīn gōng chéng, chí xù tuī dòng chéng shì yǒu jī gēng xīn yǔ jī chǔ shè shī shēng jí.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện dự án cải tạo mạng lưới đường ống cũ kỹ tại các siêu đô thị cũng chương trình đổi cũ lấy mới thiết bị, không ngừng thúc đẩy sự làm mới chỉnh trang hữu cơ đô thị và nâng cấp cơ sở hạ tầng.

23 nét

HÁN VIỆT: CANH TÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#277

工艺

gōng yì

công nghệ, quy trình chế tạo, kỹ nghệ

我国科研团队完全自主攻克了纳米级超高精度芯片光刻制造核心工艺，填补了多项国内技术空白。

Wǒ guó kē yán tuán dī wán zhǔ gōng kè le nà mí jī chāo gāo jīng dù xīn piàn guāng kè zhì zào zhōng xīn gōng yì, tián bǔ le duō xiàng guó nèi jì shù kòng bái.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã hoàn toàn tự chủ chinh phục quy trình chế tạo công nghệ quang khắc chế tạo chip độ chính xác siêu cao cấp độ nanomet cốt lõi, lấp đầy nhiều khoảng trống công nghệ trong nước.

27 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NGHỆ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#278

工艺品

gōng yì pǐn

đồ thủ công mỹ nghệ, tác phẩm nghệ thuật

国家级非遗景泰蓝大师烧制出的大型掐丝珐琅尊工艺品，造型典雅华美、色彩斑斓，彰显了大国东方神韵。

Guó jiā jí fēi yí jīng tài lán dà shī shāo zhì chū de dà xíng qiā sī fǎ láng zūn gōng yì pǐn, zào xíng diǎn yǎ huá měi, sè cǎi bān lán, zhāng xiǎn le dà guó dòng fāng shén yùn.

Tác phẩm thủ công mỹ nghệ đỉnh cao bình pháp lam uốn dây tráng men Cloisonné cỡ lớn do nghệ nhân di sản phi vật thể quốc gia chế tác có kiểu dáng tạo nhả hoa lệ, màu sắc rực rỡ, phô diễn thần thái phương Đông của một nước lớn.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NGHỆ PHẨM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#279

工作日

gōng zuò rì

ngày làm việc (không tính ngày nghỉ)

政务服务大厅推行线上全天候办理服务，所有企业审批事项承诺在三个工作日内全部办结。

Zhèng wù fú wù dà tīng tuī xíng xiàn shàng quán tiān hòu bàn lǐ fú wù, suǒ yǒu qì yè shì xiàng shěn pī shì xiàng chéng nuò zài sān gè gōng zuò rì nèi quán bù bàn jié.

Đại sảnh dịch vụ hành chính công thực thi dịch vụ làm thủ tục trực tuyến 24/7, tất cả các hạng mục phê duyệt của doanh nghiệp cam kết sẽ giải quyết xong toàn bộ trong vòng ba ngày làm việc.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG TÁC NHẬT


HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#280

公告

gōng gào
thông cáo, công cáo, yết thị chính thức

国家防汛抗旱总指挥部正式发布防汛一级紧急响应公告，全力部署沿江沿河重点堤防加固抢险救援工作。

Guó jiā fáng xùn kǎng hàn zǒng zhǐ huī bù zhēng shì fā bù fáng xùn yī jí jǐn jí xiāng yìng gōng gào, quán lì bù shǔ yán jiāng yán hé zhòng diǎn dī fáng jiā gù qiǎng xiǎn jiù yuán gōng zuó.

Ban Chỉ huy Phòng chống Thiên tai Quốc gia chính thức phát đi thông cáo khẩn cấp cấp độ 1 về phòng chống lũ lụt, dốc toàn lực triển khai công tác gia cố đê điều trọng điểm và cứu nạn cứu hộ dọc theo các tuyến sông ngòi.

25 nét

HÁN VIỆT : CÔNG CÁO
HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#281

公认

gōng rèn
công nhận, được mọi người thừa nhận

中国在高速铁路、新能源汽车与特高压输电领域的卓越科技成就，是全球科技工程界公认的世界领先标杆。

Zhōng guó zài gāo sù tiě lù, xīn néng yuán qì chē yù tè gāo yǎ shù diàn lìng yù de zuó yuè kē jì chéng jiù, shì quán qiú kē jì gōng chéng jiè gōng rèn de shì jiè lǐng xiān biāo gān.

Những thành tựu khoa học công nghệ vượt bậc của Trung Quốc trong các lĩnh vực đường sắt cao tốc, xe ô tô năng lượng mới và truyền tải điện siêu cao áp là chuẩn mực hàng đầu thế giới được giới công trình khoa học công nghệ toàn cầu công nhận.

27 nét

HÁN VIỆT : CÔNG NHẬN
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#282

公式

gōng shì
công thức (toán, lý, hóa)

爱因斯坦质能等价关系公式 $E=mc^2$ ，以极简的优美形式揭示了微观物理世界质量与能量转换的深刻本质。

Ài yīn sī tàn zhì néng děng jià guān xì gōng shì $E=mc^2$, yǐ jǐ jiǎn de yōu měi xíng shì jiē shì lè wēi guān wú lǐ shì jiè zhì liàng yǔ néng liàng zhuàn huàn de shēn kè běn zhì.

Công thức tương đương khối lượng - năng lượng $E=mc^2$ của Einstein bằng hình thức tối giản đẹp đẽ đã hé lộ bản chất sâu sắc của sự chuyển hóa năng lượng và khối lượng trong thế giới vật lý vi mô.

24 nét

HÁN VIỆT : CÔNG THỨC
HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#283

公正

gōng zhèng
công bằng, công chính, vô tư khách quan

让人民群众在每一个司法案件中感受到公平正义，是新时代全面推进依法治国与司法体制改革的核心目标。

Ràng rén mín qún zhòng zài měi yí gè sī fǎ àn jiàn zhōng gǎn shòu dào gōng píng zhèng yì, shì xīn shí dài quán miàn tuī jìn yī fǎ zhì guó yǔ sī fǎ tǐ zhì gǎi gé de hé xīn mù biāo.

Giúp cho quần chúng nhân dân cảm nhận được sự công bằng và công lý trong từng vụ án tư pháp chính là mục tiêu hạt nhân của công cuộc đi sâu cải cách thể chế tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền toàn diện trong thời đại mới.

23 nét

HÁN VIỆT : CÔNG CHÍNH
HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#284

共计

gòng jì
tổng cộng là, tính gộp lại là

在本届国际技术交易博览会上，参展高新技术企业达成现场签约意向合作项目共计五百六十余项。

Zài běn jiè guó jì jì shù jiāo yì bó lǎn huì shàng, cān zhǎn gāo xīn jì shù qì yè dá chéng xiàn chǎng qiān yuē yì xiàng hé zuò xiàng mù gòng jì wú bǎi liù shí yǔ xiàng.

Tại Hội chợ Triển lãm Giao dịch Công nghệ Quốc tế lần này, các doanh nghiệp công nghệ cao tham gia triển lãm đã đạt được các dự án hợp tác ký kết thỏa thuận trực tiếp tại chỗ tổng cộng hơn 560 dự án.

22 nét

HÁN VIỆT : CỘNG KẾ
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#285

共享

gòng xiǎng
chia sẻ, cùng hưởng, dùng chung

国家重大科技基础设施全面面向全球科学家开放共享，共同推动人类基础科学探索取得突破。

Guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shī quán miàn miàn xiàng quán qiú kē xué jiā kāi fàng gòng xiǎng, gòng tóng tuī dòng rén lè jī chǔ kē xué tàn suǒ qǔ dé tū pò.

Cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia mở cửa toàn diện chia sẻ dùng chung cho các nhà khoa học toàn cầu, cùng thúc đẩy thám hiểm khoa học cơ bản của nhân loại đạt được đột phá.

19 nét

HÁN VIỆT : CỘNG HƯỞNG
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#286

沟

gōu
mương rãnh, vực rãnh; khe suối, rãnh nước

万米载人深潜器“奋斗者”号成功坐底马里亚纳海沟最深处，创造了我国载人深潜科考的历史新纪录。

Wàn mǐ zài rén shēn qián qì "fèn dòu zhě" hào chéng gōng zuò dǐ mǎ lǐ yà nà hǎi gōu zuì shēn chù, chuàng zào le wǒ guó zài rén shēn qián kē kǎo de lì shǐ xīn jì lù.

Tàu lặn có người lái vạn mét "Người Phấn Đấu" đã hạ đáy thành công nơi sâu nhất của rãnh vực rãnh nứt Mariana, xác lập kỷ lục lịch sử mới cho khảo sát khoa học lặn sâu có người lái của nước ta.

11 nét

HÁN VIỆT : CÂU
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#287

沟通

gōu tōng
giao tiếp, trao đổi, kết nối, thông suốt

在处理复杂多变的跨部门协作问题时，保持坦诚透明与及时的沟通交流能够迅速化解误解分歧。

Zài chǔ lǐ fù zá duō biàn de kuà bù mén xié zuò wèn tí shí, bǎo chí tǎn chéng tōu míng yǔ jí shí de gōu tōng jiāo liú néng gòu xùn sù huà jiě wù jiě fēn qí.

Khi xử lý các vấn đề phối hợp liên phòng ban phức tạp và đa dạng, việc duy trì sự trao đổi giao tiếp thẳng thắn minh bạch và kịp thời có thể nhanh chóng xóa bỏ những hiểu lầm bất đồng.

19 nét

HÁN VIỆT : CÂU THÔNG
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#288

估计

gū jì
ước tính, dự đoán

根据目前的施工进度与物料供给情况估计，这座跨海大桥预计将在今年底前全线贯通。

Gēn jù mù qián de shī gōng jìn dù yǔ wù liào gòng jǐ qíng kuàng gū jì, zhè zuò kuà hǎi dà qiáo yù jì jiāng zài jīn nián dǐ qián quán xiàn guān tōng.

Căn cứ vào tiến độ thi công và tình hình cung ứng vật tư hiện tại ước tính, cây cầu vượt biển này dự kiến sẽ thông xe toàn tuyến trước cuối năm nay.

19 nét

HÁN VIỆT : CỔ KẾ



HSK 5 (3.0)

Tính từ

#289

古老

gǔ lǎo

cổ kính, cổ xưa, lâu đời

古老的丝绸之路横跨亚欧大陆，千百年来见证了东西方文明商贸互通与人文交融的壮阔史诗。

Gǔ lǎo de sī chóu zhī lù héng kuà yà ōu dà lù, qiān bǎi nián lái jiàn zhèng le dōng xī fāng wén míng shāng mào hù tōng yǔ rén wén jiāo róng de zhuàng guò shǐ shī.

Con đường Tơ lụa cổ xưa trải dài vắt ngang lục địa Á - Âu, hàng ngàn năm qua đã chứng kiến thiên sử thi tráng lệ về sự thông thương mậu dịch và giao thoa nhân văn giữa hai nền văn minh Đông - Tây.

18 nét

HÁN VIỆT: CỔ LÃO

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#290

鼓

gǔ

cái trống; đánh trống; cổ vũ khích lệ

在重大科技工程决战攻坚誓师大会上，雄壮激昂的鼓点催人奋进，全体科研骨干斗志昂扬。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng jué zhàn gōng jiān shī shī dà huì shàng, xióng zhuàng jī áng de gǔ diǎn cuī rén fèn jìn, quán tǐ kē yán gǔ gàn dòu zhì áng yáng.

Tại đại hội tuyên thệ quyết chiến vượt khó công trình khoa học công nghệ trọng đại, tiếng trống nhịp trống hào hùng giục giã lòng người tiến lên, toàn thể cán bộ nghiên cứu cốt cán ý chí chiến đấu sục sôi.

12 nét

HÁN VIỆT: CỔ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#291

鼓励

gǔ lì

khuyến khích, động viên

当学生在探索未知领域遇到挫折时，导师总会给予最温暖的理解并鼓励他们勇敢再试一次。

Dāng xué shēng zài tàn sù wèi zhī lǐng yù yù dào cuò zhé shí, dǎo shī zǒng huì jǐ yǔ zuì wēn nuǎn de lǐ jiě bìng gǔ lì tā men yǒng gǎn zài shì yí cì.

Khi học trò gặp vấp vấp trong hành trình khám phá những chân trời mới, người thầy hướng dẫn luôn dành sự thấu hiểu ấm áp nhất và động viên các em hãy dũng cảm thử lại lần nữa.

21 nét

HÁN VIỆT: CỔ LỆ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#292

鼓掌

gǔ zhǎng

vỗ tay

当年轻的小提琴家演奏完最后一个华彩音符时，全场听众不约而同地起立热烈鼓掌喝彩。

Dāng nián qīng de xiǎo tí qín jiā yǎn zòu wán zuì hòu yí gè huá cǎi yīn fú shí, quán chǎng tīng zhòng bù yuē ér tóng dì qǐ lì rè liè gǔ zhǎng hè cǎi.

Khi nghệ sĩ vĩ cầm trẻ tuổi tấu lên nốt nhạc thăng hoa cuối cùng, toàn thể khán giả trong khán phòng đồng loạt đứng dậy vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt.

24 nét

HÁN VIỆT: CỔ CHƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#293

顾问

gù wèn

cố vấn, chuyên gia tư vấn

由两院资深院士组成的国家高端科技战略咨询委员会，作为国家最高决策智囊顾问团队发挥着关键支撑作用。

Yóu liǎng yuàn zī shēn yuàn shì zǔ chéng de guó jiā gāo duān kē jì zhàn lüè zī xún wěi yuán huì, zuò wéi guó jiā zuì gāo jué cè zhì nǎng gù wèn tuán dui fā hуэй zhe guān jiàn zhī chēng zuò yòng.

Hội đồng Tư vấn Chiến lược Khoa học Công nghệ Cao cấp Quốc gia bao gồm các viện sĩ lão thành của hai Viện Hàn lâm với tư cách là đội ngũ cố vấn túi khôn cho các quyết sách tối cao của đất nước đang phát huy vai trò hỗ trợ then chốt.

23 nét

HÁN VIỆT: CỔ VẤN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#294

关怀

guān huái

quan tâm, chăm sóc, ân cần chăm sóc

社区党委与青年志愿者长期无微不至地关怀照顾独居孤寡老人，让他们真切感受到社会大家庭的温暖。

Shè qū dǎng wěi yǔ qīng nián zhì yuàn zhě cháng qī wú wēi bù zhī dì guān huái zhào gù dū jū gǔ guǎ lǎo rén, ràng tā men zhēn qiè gǎn shòu dào shè huì dà jiā tíng de wēn nuǎn.

Đảng ủy khu dân cư cùng các tình nguyện viên thanh niên trong thời gian dài đã ân cần quan tâm chăm sóc từ mĩ tới các cụ già neo đơn, giúp các cụ cảm nhận được sự ấm áp của mái ấm gia đình xã hội.

27 nét

HÁN VIỆT: QUAN HOÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#295

关键

guān jiàn

then chốt, mấu chốt, chìa khóa

在应对复杂的突发危机公关事件时，迅速查明事实真相并诚恳透明地沟通是破局的关键所在。

Zài yìng duì fù zá de tū fā wēi jī gōng guān shì jiàn shí, xùn sù chá míng shì shí zhēn xiàng bìng chéng kěn tōu míng dì gōu tōng shì pò jú de guān jiàn suǒ zài.

Khi xử lý khủng hoảng truyền thông bất ngờ phức tạp, việc nhanh chóng làm sáng tỏ sự thật và giao tiếp chân thành minh bạch chính là chìa khóa then chốt tháo gỡ vấn đề.

26 nét

HÁN VIỆT: QUAN KIẾN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#296

冠军

guān jūn

quán quân, nhà vô địch

经过顽强拼搏与默契配合，我国青年女子排球队在世界锦标赛上力克强敌，勇夺世界冠军。

Jīng guò wán qiáng pīn bó yǔ mò qì pèi hé, wǒ guó qīng nián nǚ zǐ pái qiú duì zài shì jiè jīn biāo sài shàng lì kè qiáng dí, yǒng duó shì jiè guān jūn.

Trải qua quá trình thi đấu ngoan cường và phối hợp ăn ý, đội tuyển bóng chuyền nữ trẻ nước ta đã đánh bại đối thủ mạnh tại giải vô địch thế giới, xuất sắc giành ngôi vị quán quân thế giới.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÁN QUÂN

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#297

光荣

guāng róng

vinh quang, quang vinh, vẻ vang

扎根边疆基层海岛默默奉献青春与汗水的广大边防官兵，是新时代最可爱、最光荣的英雄卫士。

Zhā gēn biān jiāng jī céng hǎi dǎo mò mò fèng xiàn qīng chūn yǔ hàn shuǐ de guāng dà biān fáng guān bīng, shì xīn shí dài zuì ài, zuì guāng róng de yīng xióng wèi shì.

Đồng đảo cán bộ chiến sĩ biên phòng bám trụ nơi hải đảo biên cương xa xôi âm thầm cống hiến tuổi xuân và mồ hôi là những người anh hùng canh giữ biên cương quang vinh và đáng yêu nhất thời đại mới.

21 nét

HÁN VIỆT: QUANG VINH



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#298

光线

guāngxiàn

tia sáng, ánh sáng, luồng sáng

深空巡天空间望远镜能够精准捕捉百亿光年外极端微弱的古老星系光线，探索宇宙起源奥秘。

Shēn kōng xún tiān kōng jiān wàng yuǎn jìng néng gōu jīng zhǔn bǔ zhuō bǎi yì guāng xiàn wài jí duān wēi ruò de gǔ lǎo xīng xì guāng xiàn, tàn suǒ yǔ zhōu qǐ yuán ào mì.

Kính viễn vọng không gian khảo sát bầu trời không gian sâu có thể bắt trọn chuẩn xác luồng sáng tia sáng của các thiên hà cổ xưa cực kỳ yếu ớt cách xa hàng chục tỷ năm ánh sáng, khám phá bí ẩn nguồn gốc vũ trụ.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: QUANG TUYẾN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#299

广

guǎng

rộng lớn, bao la; rộng khắp

广大科技工作者要胸怀祖国、放眼世界，把学术论文写在祖国广袤辽阔的大地上。

Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě yào xiōng huái zǔ guó, fàng yǎn shì jiè, bǎ xué shù lùn wén xiě zài zǔ guó guǎng mào liáo kuò de dà dì shàng.

Đồng đảo những người làm công tác khoa học công nghệ cần mang trong tim Tổ quốc, hướng tầm mắt ra thế giới, viết những bài báo học thuật lên mảnh đất bao la rộng lớn bát ngát của Tổ quốc.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#300

广泛

guǎng fàn

rộng rãi, phổ biến, bao quát

该项绿色新型环保建材技术具有高强轻质的突出特性，在装配式建筑工程中得到了广泛推广应用。

Gāi xiàng lǜ sè xīn xíng huán bǎo jiàn cái jì shù jù yǒu gāo qiáng qīng zhì de tū chū tè xìng, zài zhuāng pèi shì jiàn zhù gōng chéng zhōng dé dào le guǎng fàn tuī guǎng yìng yòng.

Công nghệ vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường kiểu mới này sở hữu đặc tính nổi trội là cường độ cao mà trọng lượng nhẹ, đã được ứng dụng và phổ biến rộng rãi trong các công trình xây dựng lắp ghép.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG PHIẾM

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#301

规划

guī huà

quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn

国家编制并实施中长期科学和技术发展规划纲要，前瞻部署支撑未来产业发展的战略性新兴产业前沿技术。

Guó jiā biān zhì bìng shí shí zhōng cháng kē jì kē xué hé jì shù fā zhǎn guī huà gāng yào, qián zhān bù shǔ zhī chēng wèi lái chǎn yè fā zhǎn de zhàn lüè xīng qián yán jì shù.

Nhà nước xây dựng và triển khai Cương lĩnh Quy hoạch Phát triển Khoa học và Công nghệ Trung và Dài hạn, bố cục mang tầm nhìn đón đầu các công nghệ tiên phong mang tính chiến lược năng đỡ sự phát triển các ngành công nghiệp tương lai.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: QUY HOA

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#302

鬼

guǐ

ma quỷ; tinh quái, kỳ tài; tài tình

张家界大峡谷奇峰耸立、云雾缭绕，展现了大自然鬼斧神工的宏伟地质地貌奇观。

Zhāng jiā jiē dà xiá qí fēng sǒng lì, yún wù liáo rào, zhān xiàn le dà zì rán guǐ fǔ shén gōng de hóng wěi dì zhì dì mào qí guān.

Đại hẻm núi Trương Gia Giới những ngọn núi kỳ vĩ sừng sững, mây mù lượn quanh, phô diễn kỳ quan địa mạo địa chất hùng vĩ tài tình biến hóa khôn lường tựa bàn tay quỷ thần (quỷ phủ thần công) của thiên nhiên tạo hóa.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: QUỶ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#303

柜子

guǐ zi

tủ, cái tủ chứa đồ

在古籍修复保护国家重点实验室内，数万卷珍贵善本文献被妥善保存在特制恒温恒湿实木柜子中。

Zài gǔ jí xiū fù bǎo hù guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì lì, shù wàn juǎn zhēn guǐ shān běn wén xiàn bèi tuǒ shān bǎo cún zài tè zhì héng wēn héng shí shí mù guǐ zi zhōng.

Bên trong Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia Bảo tồn Phục chế Cổ tịch, hàng vạn cuốn văn hiến sách quý vô giá được cất giữ bảo tồn thỏa đáng bên trong chiếc tủ cái tủ bằng gỗ thật có độ ẩm và nhiệt độ không đổi đặc chế.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: QUỶ TỬ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#304

滚

gǔn

lăn, cuộn; sôi (nước); cút đi

大江东去浪淘尽，滚滚长江水浩浩荡荡奔涌向东，哺育着中华大地世代儿女。

Dà jiāng dòng qù làng táo jìn, gǔn gǔn cháng jiāng shuǐ hào hào dǎng dǎng bēn yǒng xiàng dōng, bǔ yù zhe zhōng huá dà dì dài ér nǚ.

Dòng sông cuộn cuộn chảy về đông sông cuộn trôi cát bụi, dòng nước Trường Giang cuộn cuộn đổ ra biển lớn nuôi dưỡng muôn thế hệ con cháu trên mảnh đất Trung Hoa.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: CỎN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#305

锅

guō

cái nồi, cái chảo

寒冬腊月，全家人围坐在热气腾腾的铜火锅旁品尝美味，其乐融融、暖意融融。

Hán đông là yuè, quán jiā rén wéi zuò zài rè qì téng téng de tóng huǒ guō páng pīn cháng měi wèi, qí lè róng róng, nuǎn yì róng róng.

Vào những ngày đông giá rét tháng Chạp, cả gia đình quây quần bên nồi lẩu đồng nghi ngút khói thường thức món ngon, không khí sum họp ấm cúng chan chứa niềm vui.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: OÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#306

国籍

guó jí

quốc tịch

无论身处世界何方或取得何种荣誉，海外华人科学家始终心系故土，从未忘记自己的根脉。

Wú lùn shēn chǔ shì jiè hé fāng huò qǔ dé hé féng huò qǔ dé hé zhōng róng yù, hǎi wài huá rén kě xué jiā shǐ zhōng xīn xì gù tǔ, cóng wèi wàng jì zì jǐ de gēn mài.

Bất luận ở đâu trên thế giới hay đạt được danh dự gì, các nhà khoa học Hoa kiều luôn hướng về quê hương bản quán, chưa bao giờ quên đi cội nguồn gốc rễ của mình.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: QUỐC TỊCH



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#307

国民

guómín

quốc dân, nhân dân trong nước

我国持续加大对基础教育与高素质技能培训的财政投入，全面提升全民族国民综合科学素养。

Wǒ guó chí xù jiā dà duì jī chǔ jiàoyù yǔ yǔ gāo sù zhì jī néng péi xùn de cái zhèng tóu rù, quán miàn tí shēng quán mín zú guó mín zōng hé kē xué sù yǎng.

Nước ta liên tục tăng cường đầu tư tài chính cho đào tạo kỹ năng tổ chức cao và giáo dục cơ bản, nâng cao toàn diện tổ chức khoa học tổng hợp của nhân dân quốc dân toàn dân tộc.

19 nét

HÁN VIỆT: QUỐC DÂN

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#308

过度

guò dù

quá mức, thái quá, quá độ

现代健康生活理念倡导劳逸结合与均衡饮食，坚决避免长期过度熬夜与过量摄入高糖高脂食品。

Xiàndài jiànkāng shēnghuó lǐniàn chàngdǎo láoyǐ jiéhé yǔ jūn héng yǐn shí, jiǎn jué bì miǎn chángqī guò dù á yè yǔ guò liàng shè rù gāo táng gāo zhǐ shí pǐn.

Quan niệm sống lành mạnh hiện đại để xướng kết hợp hài hòa giữa làm việc và nghỉ ngơi cùng chế độ ăn uống cân bằng, kiên quyết tránh thức đêm kéo dài quá mức và dung nạp quá nhiều thực phẩm chứa nhiều đường nhiều dầu mỡ.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÁ ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#309

过敏

guò mǐn

dị ứng, mẫn cảm

春季花粉浓度较高，易过敏体质人群外出时建议佩戴防护口罩与防风眼镜。

Chūnjì huā fēn nóng dù jiào gāo, yì guò mǐn tǐ zhì rén qún wài chū shí pèi dài fáng hù kǒu zhào yǔ fáng fēng yǎn jìng.

Mùa xuân nồng độ phấn hoa trong không khí khá cao, những người có cơ địa dễ bị dị ứng khi ra ngoài nên đeo khẩu trang bảo hộ và kính chắn bụi.

17 nét

HÁN VIỆT: QUÁ Mẫn

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#310

过于

guò yú

quá đối, quá mức, quá

青年科技人才在科学探索道路上既要有敢为人先的创新锐气，也要保持严谨求实作风，切忌过于急躁浮躁。

Qīng nián kē jì rén cái zài kē xué tàn suǒ dào lù shàng jì yǒu yǒu gǎn wéi rén xiān de chuàng xīn ruì qì, yě yào bǎo chí yǎn jǐn qiú shí zuò fēng, qiè jì guò yú jí zǎo fú zǎo.

Nhân tài khoa học công nghệ trẻ trên con đường thám hiểm khoa học vừa phải có khí thế sắc bén đối mới dám nghĩ dám làm, lại vừa phải giữ vững tác phong nghiêm cẩn cầu thị, chớ nên quá mức nôn nóng bốc đồng phủ phiem.

23 nét

HÁN VIỆT: QUÁ VU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Thân từ

#311

咳

ké

ho, ho khan; ôi chao, than ôi (hài)

秋冬季节呼吸道传染病高发，专家提醒公众若出现持续剧烈咳嗽或发热应及时前往医院规范就诊。

Qiū dōng jì jié hū xī dào chuán rǎn bìng gāo fā, zhuān jiā tí xīng gōng zhòng ruò chū xiàn chí xù jù liè kē sōu huò fā rè yǐng jì shí qián wǎng yī yuàn guī fàn jiù zhěn.

Vào mùa thu đông các bệnh truyền nhiễm đường hô hấp xảy ra nhiều, chuyên gia nhắc nhở công chúng nếu xuất hiện tình trạng sốt hoặc ho ho khan dữ dội kéo dài nên kịp thời tới bệnh viện thăm khám chuẩn mực.

12 nét

HÁN VIỆT: HẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#312

害

hài

làm hại

老师鼓励大家积极害，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm hại, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: HẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#313

汗

hàn

mồ hôi

老师鼓励大家积极汗，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mồ hôi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: HĂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#314

好运

hǎo yùn

vận may, điều may mắn tốt lành

越努力，越幸运；科学探索的真正好运永远只垂青于那些有准备、勇攀登、不懈求索的头脑。

Yuè nǔ lì, yuè xìng yùn; kē xué tàn suǒ de zhēn zhèng hǎo yùn yǒng yuǎn zhǐ chuí qīng yú nà xiē yǒu zhǔn bèi, yǒng pǎn dēng, bù xié qiú suǒ de tóu nǎo.

Càng nỗ lực càng may mắn; điều may mắn vận may thực sự của thám hiểm khoa học vĩnh viễn chỉ mỉm cười ưu ái với những khối óc có sự chuẩn bị, dũng cảm trèo lên đỉnh cao và không ngừng tìm tòi.

24 nét

HÁN VIỆT: HẢO VẬN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#315

号召

hào zhào

kêu gọi, hiệu triệu, phát động; lời kêu gọi

广大青年科技人才积极响应党和国家的崇高号召，主动奔赴国家重大科研攻关与西部建设第一线。

Guǎng dà qīng nián kē jì rén cái jī xǐng yīng dǎng hé guó jiā de chóng gāo hào zhào, zhǔ dòng bēn fù guó jiā zhòng dà kē yán gōng guān yú xī bù jiàn shè dì yī xiàn.

Đồng bào nhân tài khoa học công nghệ trẻ tuổi đã tích cực hưởng ứng lời hiệu triệu cao cả của Đảng và Nhà nước, chủ động lên đường tiến về tuyến đầu của các đề tài nghiên cứu khoa học trọng đại và xây dựng miền Tây.

22 nét

HÁN VIỆT: GẢO THIỆU



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#316

合并

hé bìng

sáp nhập, hợp nhất, gộp lại

在深化机构改革中, 多部门同类审批职能依法进行了深度合并重组, 实现了行政审批事项的高效集约办理。

Zài shēn huà jī gòu gǎi gé zhōng, duō bù mén tóng lèi shen pī zhǐ néng yī fǎ jìn xíng le shēn dù hé bìng chóng zǔ, shí xiàn le xíng zhèng shen pī shì xiàng de gāo xiào jí yuē bàn lǐ.

Trong việc đi sâu cải cách bộ máy tổ chức, các chức năng phê duyệt cùng loại của nhiều ban ngành đã được sáp nhập hợp nhất và tái cơ cấu chuyên sâu theo quy định pháp luật, thực hiện việc xử lý tập trung hiệu quả cao cho các thủ tục phê duyệt hành chính.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CẤP TỊNH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#317

合成

hé chéng

tổng hợp, hợp thành (hóa học, quang học, âm thanh)

合成生物学国家重大科技基础设施实现了从基因组设计、高通量合成到底盘细胞构建的全流程自动化操作。

Hé chéng shēng wù xué guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shǐ shí xiàn le cóng jī yīn zǔ shè jì, gāo tōng liàng hé chéng dào dǐ pán xì bǎo gòu jiàn de quán liú zì dòng huà cāo zuò.

Cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia về sinh học tổng hợp đã thực hiện tự động hóa toàn quy trình từ thiết kế bộ gen, tổng hợp thông lượng cao cho tới xây dựng tế bào khung găm.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: CẤP THÀNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#318

盒

hé

hộp, cái hộp; hộp (lượng từ)

科考队员把采集到的高纯度极地冰川微量气体样品, 极其小心地封装在专用防震低温冷藏盒内。

Kē kǎo duì yuán bǎi cǎi jí dào de gāo chún dù jí dì bīng chuān wēi liàng qì tǐ yàng pǐn, jí qí xiǎo xīn dì fēng zhuāng zài zhuān yòng fáng zhèn dī wēn lěng cáng hé nèi.

Các đội viên khảo sát khoa học đã đóng gói niêm phong mẫu khí vi lượng băng hà vùng cực độ tinh khiết cao thu thập được vào trong chiếc hộp hộp bảo quản lạnh nhiệt độ thấp chống sốc chuyên dụng một cách vô cùng cẩn thận.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: HẠP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#319

盒饭

hé fàn

cơm hộp, suất cơm hộp

在抗击特大暴雨抢险救灾一线, 青年志愿者顶着风雨为前线奋战的抢险官兵送去一份份热腾腾的爱心盒饭。

Zài kàng jī tè dà bào yǔ qiǎng xiǎn jiù zài yī xiàn, qīng nián zhì yuàn zhě mēn dīng zhǎo fēng yǔ wèi qián xiàn fēn zhàn de qǐǎng xiān guān bīng sòng qù yī fēn fēn rè téng téng de ài xīn hé fàn.

Nơi tuyến đầu cứu nạn cứu hộ thiên tai mưa bão đặc biệt lớn, các bạn tình nguyện viên trẻ đội mưa gió mang từng suất cơm hộp cơm hộp tình thương nóng hổi tới cho cán bộ chiến sĩ cứu nạn đang chiến đấu nơi tiền tuyến.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: HẠP PHẠN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#320

盒子

hé zi

cái hộp, chiếc trap

爷爷小心翼翼地打开那个珍藏了半个世纪的雕花紫檀木盒子, 里面珍藏着当年的军功章。

Yé yé xiǎo xīn yì yì dì dǎ kāi nà ge zhēn cáng le bàn gè shì jì de diāo huā zǐ tán mù hé zi, lǐ miàn zhēn cáng zhe dāng nián de jūn gōng zhāng.

Ông nội cẩn trọng mở chiếc hộp gỗ tử đàn chạm trổ tinh xảo được gìn giữ suốt nửa thế kỷ, bên trong lưu giữ những tấm huân chương chiến công năm nào.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: HẠP TỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#321

贺卡

hè kǎ

thiệp chúc mừng, bưu thiếp chúc Tết/chúc mừng

教师节来临之际, 海内外毕业生纷纷给功勋老教授寄来亲笔撰写的感恩贺卡, 表达崇高敬意。

Jiào shī jié lái lín zhī jì, hǎi nèi wài bì yè shēng fēn fēn gěi gōng xūn lǎo jiào shòu jì lái qīn bǐ zhuān xiě de gǎn ēn hè kǎ, biǎo dá chóng gāo jīng yì.

Nhân dịp Ngày Nhà giáo tới gần, các sinh viên tốt nghiệp trong và ngoài nước dồn dập gửi thiệp chúc mừng thiệp tri ân do chính tay mình viết tới các vị giáo sư có công lao lớn thành để bày tỏ lòng tôn kính cao cả.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HẠ CA

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#322

恨

hèn

hận, oán hận; ân hận, nuối tiếc

少壮不努力, 老大徒伤悲; 年轻时不抓紧时间刻苦求知, 年老时会悔恨莫及。

Shǎo zhuàng bù nǔ lì, lǎo dà tú shāng bēi; niǎn qīng shí bù zhuā jīn shí jiān kè kǔ qiú zhī, niǎn lǎo shí dīng huì hèn mò jí.

Trẻ không gắng sức, già đành ngậm ngùi; tuổi trẻ không tranh thủ thời gian chăm chỉ học hành tìm kiếm tri thức thì khi về già nhất định sẽ ôm niềm hối hận khôn nguôi.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: HẬN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#323

猴

hóu

con khỉ

在我国西南国家级自然保护区茂密的热带雨林中, 珍稀濒危的金丝猴种群得到了极其严格的生态保护。

Zài wǒ guó xī nán guó jiā jí zì rán bǎo hù qū máo mì de rè dài yǔ lín zhōng, zhēn xī bīn wēi de jīn sī hóu zhǒng qún dé dào le jí qí yán gé de shēng tài bǎo hù.

Bên trong khu rừng mưa nhiệt đới rậm rạp của Khu Bảo tồn Thiên nhiên Cấp Quốc gia miền Tây Nam nước ta, quần thể loài khỉ con khỉ mũi hếch lông vàng (Kim Ty Hầu) quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng đã nhận được sự bảo tồn sinh thái vô cùng nghiêm ngặt.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: HẦU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#324

后悔

hòu huǐ

hối hận, hối tiếc

人生没有回头路, 只要当时竭尽全力做出了无愧于内心的决定, 就绝不要在事后自怨后悔。

Rén shēng méi yǒu huí tóu lù, zhǐ yào dāng shí jìé jìn quán lì zuò chū liǎo wú kuī yú nèi xīn de jué dìng, jiù jué bù yào zài shì hòu zì yuàn hòu huǐ.

Đời người không có con đường quay đầu, chỉ cần khi ấy bạn đã dốc hết sức mình đưa ra quyết định không hối hận với lương tâm thì sau này tuyệt đối đừng oán trách hối hận.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: HẬU HỐI


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#325

胡同儿

hútòng'r

 ngõ ngách, con ngõ nhỏ cổ kính
(đặc trưng Bắc Kinh)

漫步在古色古香的北京传统胡同儿里，青砖灰瓦与古朴四合院诉说着悠久厚重的历史文化底蕴。

Màn bù zài gù sè gǔ xiāng de běi jīng chuán tǒng hú tòng ér lǐ, qīng zhuān huī wǎ yǔ gǔ piǎo sì hé yuàn sì shuō zhe yǒu jiǔ hòu zhòng de lì shǐ wén huà dǐ yùn.

Đạo bước bên trong con ngõ nhỏ ngõ ngách truyền thống Bắc Kinh cổ kính thơm ngát hương vị xưa, mái ngói xám tường gạch xanh cùng những ngôi nhà tứ hợp viện mộc mạc cổ xưa kể lại bề dày văn hóa lịch sử sâu sắc lâu đời.

33 nét

HÁN VIỆT : HỒ ĐỒNG NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#326

胡子

húzi

râu, chòm râu

为了抢在窗口期前攻克核心试验难题，总设计师连续在车间奋战数周，忙得连胡子都顾不上刮。

Wèi le qiǎng zài chuāng kǒu qī qián gōng kè hé xīn shì yàn nán tí, zǒng shè jì shī lián xù zài chē jiān fèn zhàn shù zhōu, máng dé lián hú zi dōu gù bù shàng guā.

Để tranh thủ chinh phục nan đề thực nghiệm cốt lõi trước thời điểm cửa sổ mở ra, vị tổng công trình sư đã liên tục chiến đấu nhiều tuần tại phân xưởng, bận rộn tới mức chòm râu râu ria cũng chẳng màng cạo.

21 nét

HÁN VIỆT : HỔ TỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#327

虎

hǔ

con hổ, cọp; dũng mãnh

东北虎豹国家公园全面加强生态廊道建设，野生东北虎种群数量呈现出生机盎然的持续恢复增长态势。

Dōng běi hǔ bào guó jiā jiā gōng yuán quán miàn jiā qiáng shēng tài láng dào jiàn shè, yě shēng dōng běi hǔ zhǒng qún shù liàng xiàn chū shēng jī àng rán de chí xù huī fù zēng zhǎng tài shì.

Công viên Quốc gia Hồ Báo Đông Bắc tăng cường toàn diện việc xây dựng hành lang sinh thái, số lượng quần thể hổ cọp con hổ Đông Bắc hoang dã phổ biến xu thế phục hồi tăng trưởng liên tục tràn trề sức sống.

13 nét

HÁN VIỆT : HỔ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#328

华语

Huáyǔ

Hoa ngữ, tiếng Hoa, tiếng Trung Quốc

全球华语辩论锦标赛吸引了来自五大洲数十所世界知名顶尖名校的青年才俊同台竞技。

Quán qiú huá yǔ biàn lùn jīn biāo sài xī yǐn le lái zì wǔ dà zhōu shù shí suǒ shì jì zhī míng dīng jiān míng xiào de qīng nián cái jùn tóng tái jìng jì.

Giải Vô địch Tranh biện Hoa ngữ Tiếng Hoa Toàn cầu đã thu hút các anh tài trẻ tuổi đến từ hàng chục trường đại học danh tiếng hàng đầu thế giới thuộc năm châu lục cùng đứng chung sân khấu so tài thi đấu.

22 nét

HÁN VIỆT : HOA NGỮ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#329

滑

huá

trượt, trượt băng/trượt tuyết; trơn nhẵn, trơn trượt

在冬奥会高山滑雪赛场上，我国冰雪健儿如离弦之箭般从陡峭雪道疾驰滑下，勇夺世界金牌。

Zài dōng ào huì gāo shān huá xuě sài chǎng shàng, wǒ guó bīng xuě jiàn ér rú lí xiǎn zhī jiàn bǎn cóng dǒu qiào xuě dào jí chí huá xià, yǒng duó shì jiè jīn pái.

Trên đấu trường trượt tuyết trên núi cao Thế vận hội Mùa đông, vận động viên băng tuyết nước ta tựa như mũi tên rời cung lao vút trượt trượt băng xuống từ đường tuyết dốc đứng, xuất sắc giành huy chương vàng thế giới.

13 nét

HÁN VIỆT : HOẠT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#330

化石

huà shí

hóa thạch, cổ sinh vật hóa thạch

我国古生物学家在辽宁热河生物群中发现了保存极其完好的带羽毛恐龙化石，为鸟类起源于兽脚类恐龙提供了铁证。

Wǒ guó gǔ shēng wù xué jiā zài liáo níng rè hé shēng wù qún zhōng fā xiàn le bǎo cún jí qí wán hǎo de dài yǔ máo kǒng lóng huà shí, wèi niǎo lèi qǐ yuán yú shòu jiǎo lèi kǒng lóng tí gòng le tiě zhèng.

Các nhà cổ sinh vật học nước ta bên trong quần xã sinh vật Nhiệt Hà (Jehol) ở Liêu Ninh đã phát hiện ra các mẫu hóa thạch khủng long có lông vũ được bảo tồn vô cùng nguyên vẹn, mang lại bằng chứng đánh thép chứng minh chim bắt nguồn từ khủng long chân thú.

25 nét

HÁN VIỆT : HOA THẠCH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#331

划分

huà fēn

phân chia, phân định ranh giới, chia tách

国家依法科学划定生态保护红线、永久基本农田与城镇开发边界三条控制线，构建国土空间开发保护新格局。

Guó jiā yī fǎ kē xué huà dìng shēng tài bǎo hù hóng xiàn, yǒng jiǔ jī běn nóng tián yǔ chéng zhèn kāi fā biān jiè sān tiáo kòng zhì xiàn, gòu jiàn guó tǔ kōng jiān kāi fā bǎo hù xīn gé jú.

Nhà nước phân định phân chia ba đường ranh giới kiểm soát một cách khoa học theo quy định pháp luật: lần ranh đỏ bảo vệ sinh thái, đất nông nghiệp cơ bản vĩnh viễn và ranh giới phát triển đô thị, xây dựng cục diện mới về bảo vệ và khai thác không gian lãnh thổ.

24 nét

HÁN VIỆT : HOA PHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#332

画面

huà miàn

hình ảnh, khung hình, cảnh tượng trên màn ảnh

深空探测器传回了人类首张超高清火星地表全景彩色画面，清晰展现了远古峡谷地貌细节。

Shēn kōng tàn cè qì qī chūan huí le rén lèi shǒu zhāng chāo qīng huǒ xīng dì biāo quán jǐng cǎi sè huà miàn, qīng xī zhǎn xiàn le yuǎn gǔ xiá gǔ dì mào yǎn xiè.

Tàu thám trắc không gian sâu đã truyền về khung hình hình ảnh màu toàn cảnh bề mặt Sao Hỏa siêu nét đầu tiên của nhân loại, phỏ diễn rõ nét các chi tiết địa mạo hẻm núi thời viễn cổ.

20 nét

HÁN VIỆT : HOẠ DIỆN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#333

环节

huán jié

khâu, mắt xích, công đoạn trong quy trình

从基础理论研究、中试验证到产业化规模生产，必须打通科技成果转化全链条各个关键薄弱环节。

Cóng jī chǔ lǐ lùn yán jiū, zhōng shì yàn zhèng dào chǎn yè huà guī mó shēng chǎn, bì xū dǎ tōng kē jì chéng guǒ zhuǎn huà quán lián tiáo gè gè guān jiàn bó ruò huán jié.

Từ nghiên cứu lý thuyết cơ bản, kiểm nghiệm thử nghiệm quy mô pilot cho tới sản xuất quy mô công nghiệp hóa, bắt buộc phải khơi thông thông suốt từng mắt xích khâu yếu then chốt trên toàn bộ chuỗi chuyển giao thành quả khoa học công nghệ.

27 nét

HÁN VIỆT : HOÀN TIẾT


HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#334

慌

huāng

hoảng loạn, hoang mang hoảng
hốt; lo sợ

面对复杂严峻的突发工程技术故障挑战，指挥员沉着冷静、从容不迫，丝毫不慌。

Miàn duì fù zá yǎn jùn de tū fā gōng chéng jì shù gǔ zhàng tiǎo zhàn, zhǐ huī yuán chén zhuó lěng jìng, cóng róng bù pò, sī háo bù huāng.

Đứng trước thử thách sự cố kỹ thuật công trình đột xuất hiểm nghèo phức tạp, người chỉ huy điềm tĩnh bình tĩnh, ung dung không vội vã, không hề hoảng loạn hoang mang chút nào.

10 nét

HÁN VIỆT: HOẢNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#335

慌忙

huāng máng

vội vã, cuống cuống, hoảng loạn
hấp tấp

在高层建筑发生火灾情时，必须保持冷静沉着并按疏散指示标志有序撤离，切忌惊慌失措与慌忙盲目跳楼。

Zài gāo céng jiàn zhù fā shēng huǒ qíng shí, bì xū bǎo chí lěng jìng chén zhuó bìng àn zhào shǔ sàn zhǐ shì biāo zhǐ yǒu xù chè lí, qiè jì jīng huāng shī cuò yǔ huāng máng máng mù tiào lóu.

Khi xảy ra sự cố cháy tại các tòa nhà cao tầng, bắt buộc phải giữ vững sự bình tĩnh điềm đạm và sơ tán trật tự theo đúng biển chỉ dẫn thoát hiểm, tuyệt đối không được hoảng loạn cuống cuống hay nhảy lầu mù quáng.

20 nét

HÁN VIỆT: HOẢNG MANG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#336

灰色

huī sè

màu xám, màu tro

经过几代林业科研人员坚持不懈的生态综合治理，昔日漫天黄沙的荒漠披上了郁郁葱葱的绿装，告别了单调的灰色。

Jīng guò jǐ dài lín yè kē yán yuán jiān chí bù xié de shēng tài zōng hé zhì lǐ, xī rì màn tiān huāng shā de huāng mò pī shàng le yù yù cōng cōng de lǜ zhuāng, gào bié le dān diào de huī sè.

Trải qua sự quản lý tổng hợp sinh thái kiên trì bền bỉ của nhiều thế hệ cán bộ nghiên cứu lâm nghiệp, sa mạc cát vàng ngợp trời thuở nào đã khoác lên mình tấm áo xanh tươi tốt bạt ngàn, giã từ màu xám màu tro đơn điệu.

20 nét

HÁN VIỆT: HÔI SẮC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#337

恢复

huī fù

khôi phục, phục hồi, hồi phục

经过综合生态治理与禁渔涵养，长江流域的水生物种群数量与生态系统机能得到了显著恢复。

Jīng guò zōng hé shēng tài zhì lǐ yǔ jìn yú yán hán yǎng, cháng jiāng liú yù de shuǐ shēng wù zhǒng qún shù liàng yǔ shēng tài xì tǒng jī néng dé dào le xiǎn zhù huī fù.

Sau thời gian cải tạo sinh thái tổng hợp và cấm đánh bắt bảo tồn, số lượng quần thể thủy sinh vật và chức năng hệ sinh thái lưu vực sông Trường Giang đã được phục hồi rõ rệt.

27 nét

HÁN VIỆT: KHÔI PHỤC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#338

回报

huí bào

báo đáp, đền đáp; lợi nhuận sinh lời

国家完善以知识价值为导向的收入分配激励制度，让优秀科研攻关团队获得合理而丰厚的回报。

Guó jiā wán shàn yǐ zhī shí jià zhí wéi dǎo xiàng de shōu rù fēn pèi jī lǐ zhì dù, ràng yōu xiù kē yán gōng guān tuán dui huò dé hé lǐ ér fēng hòu de huí bào.

Nhà nước hoàn thiện chế độ khích lệ phân phối thu nhập lấy định hướng gia tăng giá trị thức làm trọng tâm, giúp các nhóm nghiên cứu khoa học xuất sắc nhận được sự đền đáp và phần thưởng xứng đáng, hậu hĩnh.

26 nét

HÁN VIỆT: HỐI BÁO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#339

回避

huí bì

né tránh, thoái thác; hồi ty (tự rút lui
vì quan hệ)

在重大科技成果评审与国家级科研项目立项评审中，严格实行利益相关专家主动回避制度。

Zài zhòng dà kē jì chéng guǒ píng shěn yǔ guó jiā jí kē yán xiàng mù lì xiàng píng shěn zhōng, yán gé shí xíng lì yì xiāng guān zhuān jiā zhǔ dòng huí bì zhì dù.

Trong công tác thẩm định thành quả khoa học công nghệ trọng đại và thẩm định phê duyệt dự án nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, thực thi nghiêm ngặt chế độ các chuyên gia có liên quan đến lợi ích phải chủ động xin rút lui (hồi ty).

25 nét

HÁN VIỆT: HỐI TỶ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#340

回顾

huí gù

nhìn lại, hồi tưởng, điểm lại chặng
đường

回顾中华民族五千多年文明史与近代百余年奋斗历程，更坚定了我们走中国特色社会主义道路的信心。

Huí gù zhōng huá mín zú wǔ qiān duō nián wén míng shǐ yǔ jìn dài bǎi yú nián fèn dòu lì chéng, gèng jiān dìng le wǒ men zǒu zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì dào lù de zì xìn.

Nhìn lại lịch sử văn minh hơn 5.000 năm của dân tộc và chặng đường hơn một trăm năm phấn đấu thời cận đại càng củng cố thêm niềm tin vững chắc của chúng ta bước đi trên con đường chủ nghĩa xã hội đặc sắc.

28 nét

HÁN VIỆT: HỐI CỔ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#341

回收

huí shōu

thu hồi, tái chế thu hồi (rác, tàu vũ
trụ, pin)

嫦娥六号返回舱携带人类首批月球背面珍贵月壤岩石样品在内蒙古预定着陆场成功受控安全回收。

Cháng é liù hào fǎn huí cāng xié dài rén lèi shǒu pǐ yuè qióu bēi miàn zhēn guì yuè rǎng yán shí yàng pīn zài nèi méng gǔ yù dìng zhù lù chǎng chéng gōng shōu kòng ān quán huí shōu.

Khoang hồi quyển của tàu thám hiểm Hằng Nga 6 mang theo những mẫu đất đá Mặt Trăng vô giá đầu tiên ở mặt sau Mặt Trăng của nhân loại đã được thu hồi kiểm soát an toàn thành công tại bãi đáp dự kiến ở Nội Mông.

25 nét

HÁN VIỆT: HỐI THU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#342

回头

huítóu

quay đầu lại, ngoảnh lại; lát nữa,
sau này

我们既然选择了科技自立自强的攻坚道路，就必须勇往直前、绝不走回头路。

Wǒ men jì rán xuǎn zé le kē jì zì lì zì qiáng de gōng jiǎn dào lù, jiù bì xū yǒng wǎng zhí qián, jué bù zǒu huí tóu lù.

Một khi chúng ta đã lựa chọn con đường vượt khó tự chủ tự cường khoa học công nghệ thì bắt buộc phải đứng cảm tiến lên phía trước, tuyệt đối không đi con đường quay đầu lại lùi bước.

24 nét

HÁN VIỆT: HỐI ĐẦU



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#343

回信

huìxìn

hồi âm, viết thư trả lời; thư trả lời

收到国家最高科技奖获得者亲笔撰写的回信后，这群立志献身基础科学研究的青年学子倍感鼓舞。

Shòu dào guó jiā zuì gāo kē jì jiǎng huò dé zhě qīn bǐ zhuàn xiě de huí xìn hòu, zhè qún lì zhì xuàn shēn jī chǔ kē xué yán jiū de qīng nián xué zǐ bèi gǎn gǔ wǔ.

Sau khi nhận được thư trả lời hồi âm do chính tay người đoạt Giải thưởng Khoa học Công nghệ Cao nhất Quốc gia viết, nhóm sinh viên trẻ lập chí cống hiến cho nghiên cứu khoa học cơ bản này cảm thấy vô cùng được khích lệ cổ vũ.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : HỒI TÍN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#344

回忆

huíyì

hồi ức, kỷ ức, nhớ lại

每当翻开那些泛黄的毕业旧照片，大学时代青春飞扬的美好生活回忆便如潮水般涌上心头。

Měi dāng fān kāi nà xiē fàn huáng de bì yè jiù zhào piān, dà xué shí dài qīng chūn fēi yáng de měi hǎo shēng huó huó huí yì biàn rú cháo shuǐ bān yǒng shàng xīn tóu.

Mỗi khi lật mở những tấm ảnh tốt nghiệp cũ ngả màu thời gian, kỷ ức tươi đẹp của thời sinh viên tràn đầy sức sống tuổi trẻ lại ùa về dạt dào như sóng biển trong tâm trí.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : HỒI ỨC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#345

汇款

huìkuǎn

chuyển tiền qua ngân hàng, kiều hối

国家金融监管部门持续优化跨境支付清算基础设施，大幅降低了企业国际贸易汇款结算成本。

Guó jiā jīn róng jiān guǎn bù mén chí xù yōu huà kuà jìng zhī fù qīng suàn jī chǔ shè shī, dà fú jiàng dī le qǐ yè guó jì mào yì huì kuǎn jié suàn chéng běn.

Cơ quan giám sát tài chính quốc gia liên tục tối ưu hóa hạ tầng thanh toán bù trừ xuyên biên giới, giảm mạnh chi phí chuyển tiền kiều hối thanh toán thương mại quốc tế của doanh nghiệp.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : HỘI KHOẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#346

会谈

huìtán

hội đàm, đàm phán hội kiến

两国科技部长在双边科学峰会期间举行了富有成效的双边会谈，达成了多项前沿科技合作共识。

Liǎng guó kē jì bù zhǎng zài duō biān kē xué fēng huì qī jiān jǔ xíng le fù yǒu chéng xiào de shuāng biān huì tán, dá chéng le duō xiàng qián yán kē jì hé zuò gòng shí.

Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ hai nước trong thời gian diễn ra Hội nghị Thượng đỉnh Khoa học Đa phương đã tiến hành cuộc hội đàm đàm phán song phương đạt nhiều kết quả thực chất, đạt được nhiều nhận thức chung về hợp tác khoa học công nghệ tiên phong.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : HỘI ĐÀM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#347

活力

huó lì

sức sống, sức sống dồi dào, sinh khí năng động

全面深化改革极大地激发了全社会的创新创造活力，为经济社会高质量发展注入了源源不断的澎湃动能。

Quán miàn shēn huà gāi gé jī fāng jī dà dī jī fā le quán shè huì de chuàng xīn chuàng zào huó lì, wéi jīng jì shè huì gāo zhì liàng fā zhǎn zhù rù le yuán yuán bù duàn de péng pài dòng néng.

Cải cách mở cửa sâu rộng toàn diện đã khơi dậy mạnh mẽ sức sống đổi mới sáng tạo của toàn xã hội, tiếp thêm nguồn động năng cuộn trào bất tận cho sự phát triển kinh tế xã hội chất lượng cao.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : HOẠT LỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#348

活泼

huó pō

hoạt bát, sôi nổi, nhanh nhẹn

那个性格开朗活泼的小女孩不仅善解人意，而且能歌善舞，深受全校老师与同学们的喜爱。

Nà ge xìng gé kāng lǎng huó pō de xiǎo nǚ hái bù jǐn shàn jiě rén yì, ér qiě néng gē shàn wǔ, shēn shòu quán xiào lǎo shī yǔ tóng xué men de xī ài.

Cô bé có tính tình hoạt bát vui tươi ấy không chỉ biết lắng nghe thấu hiểu mà còn hát hay múa giỏi, được thầy cô và bè bạn toàn trường yêu mến.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : HOẠT BÁT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#349

火柴

huǒ chái

que diêm, bao diêm

安徒生经典童话《卖火柴的小女孩》以深沉的人道主义情怀，打动了全世界无数读者的心灵。

Ān tú shēng jīng diǎn tóng huà 《mài huǒ chái de xiǎo nǚ hái》 yǐ shēn chén de rén dào zhǔ yì qíng huái, dǎ dòng le quán shì jiè wú shù dú zhě de xīn líng.

Truyện cổ tích kinh điển 'Cô bé bán diêm' của Andersen với tình cảm nhân đạo sâu lắng đã lay động hàng triệu trái tim độc giả trên khắp thế giới.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : HOẢ SÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#350

火腿

huǒ tuǐ

thịt đùi hun khói, thịt giăm bông, giăm bông (kim hoa)

我国传统非遗金华火腿选用优质土猪后腿经过数年自然发酵熟化，色泽红润、香气浓郁醇厚。

Wǒ guó chuán tǒng fēi yí jīn huá huǒ tuǐ xuǎn yòng yāo yù zhì tǔ zhū hòu tuǐ jīng guò shù nián zì rán fā jiào shú huà, sè zé hóng rùn, xiāng qì nóng yù chún hòu.

Đặc sản giăm bông thịt đùi hun khói Kim Hoa di sản phi vật thể truyền thống của nước ta lựa chọn đùi sau lợn bản chất lượng cao trải qua nhiều năm ủ chín lên men tự nhiên, sắc đỏ tươi tắn, hương thơm nồng nàn thuần hậu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : HOẢ THỐI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#351

火灾

huǒ zāi

hỏa hoạn, vụ cháy

国家林业和草原局利用高分辨率遥感卫星与无人机巡护网络，实现了对森林草原火灾的秒级实时预警。

Guó jiā lín yè hé cǎo yuán jú lì yòng gāo fēn biān lǜ yǎng gāo fēn biān lǚ yāo gǎn wēi xīng yǔ wú rén jī xún hù wǎng lù, shí xiàn le duì sēn lín cǎo yuán huǒ zāi de miǎo jí shí shí yǔ jǐng.

Cục Quản lý Động cỏ và Lâm nghiệp Quốc gia sử dụng mạng lưới máy bay không người lái tuần tra và vệ tinh viễn thám độ phân giải cao đã thực hiện cảnh báo sớm thời gian thực cấp độ giây đối với hỏa hoạn vụ cháy rừng và đồng cỏ.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : HOẢ TAI



HSK 5 (3.0)

Liên từ

#352

或是

huòshì

hoặc là, hay là

无论是投身基础前沿科学探索，或是服务于大国重器工程攻坚，广大青年都展现出了卓越的使命担当。

Wú lùn shì tóu shēn jī chǔ qián yán kē xué tàn suǒ, huò shì fú wú yú dà guó zhòng qì gōng chéng gōng jiān, guāng dà qīng nián dòu zhān xiàn chū le zhuó yuè de shǐ mìng dān dāng.

Bất kể là cống hiến cho thám hiểm khoa học cơ bản tiên phong, hoặc là hay là phụng sự trận đánh vượt khó công trình đại khí quốc gia, đông đảo thanh niên đều phổ diễn tinh thần gánh vác sứ mệnh trách nhiệm.

17 nét

HÁN VIỆT: HOẶC THÌ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#353

机器人

jīqìrén

người máy, rô-bốt (robot)

在智能化汽车总装车间里，数百台工业机器人协同作业，精准完成车身焊接与涂装工序。

Zài zhì néng huà qì chē zǒng zhuāng chē jiān lǐ, shù bǎi tái gōng yè jī qì rén xié tóng zuò yè, jīng zhǔn wán chéng chē shēn hàn jiē yǔ tú zhuāng gōng xù.

Bên trong phân xưởng lắp ráp tổng thể ô tô thông minh hóa, hàng trăm cánh tay rô-bốt người máy công nghiệp cùng hiệp đồng thao tác, hoàn thành chuẩn xác các công đoạn sơn và hàn thân xe.

26 nét

HÁN VIỆT: CƠ KHÍ NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#354

机制

jīzhì

cơ chế, cơ chế vận hành hệ thống

我们要深化科技体制改革，健全科技成果转化与青年人才多元评价激励机制。

Wǒ men yào shēn huà kē jì tǐ zhì gǎi gé, jiàn quán kē jì chéng guǒ gāo xiào zhuān huà yǔ qīng nián rén cái duō yuán píng jià jī zhì.

Chúng ta phải đi sâu cải cách thể chế khoa học công nghệ, hoàn thiện cơ chế cơ chế vận hành khích lệ và đánh giá đa nguyên nhân tài trẻ tuổi cùng chuyển đổi hiệu quả cao thành quả khoa học công nghệ.

21 nét

HÁN VIỆT: CƠ CHẾ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#355

肌肉

jīròu

cơ bắp, bắp thịt

科学规律的力量抗拒训练配合充足的优质蛋白质补充，能有效促进肌肉合成与骨骼健康。

Kē xué guī lǜ de lì liàng kàng jù xùn liàn pèi hé chōng zú de yōu zhì dàn bái zhì bǔ chōng, néng yǒu xiào cù jìn jī ròu hé chéng yǔ gǔ gé jiàn kāng.

Việc tập luyện kháng lực khoa học và điều độ kết hợp bổ sung đầy đủ protein chất lượng cao có thể thúc đẩy hiệu quả quá trình tổng hợp cơ bắp và bảo vệ xương khớp.

22 nét

HÁN VIỆT: CƠ NHỤC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#356

基地

jīdì

căn cứ, cơ sở nghiên cứu/sản xuất

我国在戈壁荒漠规划建设了数亿千瓦级大型风电光伏清洁能源基地，全力打造国家绿色能源供给大动脉。

Wǒ guó zài gē bì huāng mò guī huà jiàn shè le shù yì qiān wǎ jī dà xíng fēng diàn guāng fú qīng néng yuán jī dì, quán lì dǎ zào guó jiā lǜ sè néng yuán gòng jǐ dà dòng mǎi.

Nước ta tại các vùng sa mạc hoang mạc Gobi đã quy hoạch xây dựng các căn cứ năng lượng sạch quang điện và phong điện cỡ lớn quy mô hàng trăm triệu kilowatt, dốc toàn lực kiến tạo đại động mạch cung ứng năng lượng xanh quốc gia.

23 nét

HÁN VIỆT: CƠ ĐỊA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#357

基金

jījīn

quỹ, quỹ tài chính, quỹ tài trợ

国家自然科学基金设立了青年科技人才专项资助基金，重点支持三十五岁以下优秀青年学者自主开展前沿原创研究。

Guó jiā zì rán kē xué jījīn shè lì le qīng nián kē jì rén cái zhuān xiàng zī zhù jījīn, zhòng diǎn zhī chí sǎn shí wú suì yǐ xià yōu xiù qīng nián xué zhě zì zhǔ kāi zhǎn qián yán chuàng yán jiū.

Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia đã thành lập quỹ tài trợ chuyên đề dành cho nhân tài khoa học công nghệ trẻ tuổi, tập trung hỗ trợ các nhà nghiên cứu trẻ tuổi xuất sắc dưới 35 tuổi tự chủ triển khai các nghiên cứu nguyên tắc tiên phong.

24 nét

HÁN VIỆT: CƠ KIM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#358

即使

jíshǐ

cho dù, dẫu cho, ngay cả khi

即使前行的道路上布满荆棘与未知险阻，我们也绝不轻言退缩，定要奋力拼搏到底。

Jí shǐ qián xíng de dào lù shàng bù mǎn jīng jí yǔ wèi zhī xiǎn zǔ, wǒ men yě jué bù qīng yán tuì sù, dìng yào fèn lì pīn bó dào dǐ.

Dẫu cho chặng đường phía trước có đầy chông gai và hiểm trở khôn lường, chúng ta cũng tuyệt đối không chùn bước, quyết tâm nỗ lực phấn đấu tới cùng.

24 nét

HÁN VIỆT: TỨC SỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#359

集团

jítuán

tập đoàn, tập đoàn kinh tế doanh nghiệp

国家骨干能源企业集团大力推进风光水火储多能互补一体化基地建设，筑牢国家能源安全坚强防线。

Guó jiā gǔ gàn néng yuán qì yè jítuán dà lì tuī jìn fēng guāng shuǐ huǒ chǔ duō néng hù bǔ yī tǐ huà jī dì jiàn shè, zhù láo guó jiā néng yuán ān quán jiān qiáng fáng xiàn.

Tập đoàn doanh nghiệp năng lượng rừng cột của đất nước đẩy mạnh xây dựng căn cứ tích hợp bổ trợ đa năng lượng giữa điện gió, điện mặt trời, thủy điện, nhiệt điện và tích trữ năng lượng, xây đắp vững chắc phòng tuyến an ninh năng lượng quốc gia.

19 nét

HÁN VIỆT: TẬP ĐOÀN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#360

挤

jǐ

bóp

老师鼓励大家积极挤，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bóp, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: TẾ



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#361

记忆

jì yì

trí nhớ, ký ức; ghi nhớ

这些珍贵的老照片定格了半个世纪前建设者的奋斗英姿，唤醒了城市几代人的温暖记忆。

Zhèxiē zhēn guì de lǎo zhàopiàn dīng gé le bàn gè shì jì qián jiàn shè zhě de fèn dòu yīng zī, huàn xǐng le chéng shì jǐ dài rén de wēn nuǎn jì yì.

Những bức ảnh cũ quý giá này đã lưu lại tư thế hiên ngang phần đầu của những người kiến thiết cách đây nửa thế kỷ, đánh thức ký ức ấm áp của nhiều thế hệ người dân đô thị.

24 nét

HÁN VIỆT: KÝ ỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#362

技能

jì néng

kỹ năng, tay nghề chuyên môn

国家大力推进现代职业教育高质量发展，着力培养一大批具备精湛高超专业技能的大国工匠与高素质技术技能人才。

Guójiā dà lì tuī jìn xiandai zhíyè jiàoyù gāo zhìliàng fā zhǎn, zhuó lì péi yǎng yì dà pǐ jù bēi jīng zhàn gāo chāo zhuan yè jì néng de dà guó gōng jiàng yǔ gāo sù zhì jì shù jì néng rén cái.

Nhà nước đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp hiện đại chất lượng cao, tập trung đào tạo một đội ngũ đông đảo các thợ cả đại đức của đất nước cùng nhân tài kỹ thuật kỹ năng chất lượng cao sở hữu tay nghề kỹ năng chuyên môn tinh xảo tuyệt đỉnh.

20 nét

HÁN VIỆT: KỸ NĂNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#363

继承

jì chéng

kế thừa, thừa kế, nối tiếp (truyền thống, di sản)

新时代青年学子当继承和发扬老一辈科学家心怀祖国、艰苦奋斗的崇高爱国情操，勇做科技强国生力军。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ dāng jì chéng hé fā yáng lǎo yī bèi kè xué jiā xīn huái zǔ guó, jiǎn kǔ fèn dòu de chóng gāo ài guó qīng cáo, yǒng zuò kē jì qiáng guó shēng lì jūn.

Học sinh sinh viên thanh niên thời đại mới cần kế thừa và phát huy tinh cảm yêu nước cao đẹp luôn hướng về Tổ quốc, gian khổ phấn đấu của các nhà khoa học tiên bối, dũng cảm làm lực lượng sinh lực xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

17 nét

HÁN VIỆT: KẾ THỪA

HSK 5 (3.0)

Động từ

#364

加热

jiā rè

gia nhiệt, đun nóng, làm nóng

在核聚变实验装置中，科学家通过超大功率射频电磁波将等离子体加热到上亿摄氏度超高温。

Zài hé jù biàn shí yàn zhǔāng zhì zhōng, kē xué jiā tōng guò chāo dà gōng lǜ shì pín diàn cí bō jiāng děng lí zì tǐ jiā rè dào shàng yì shè dù chāo gāo wēn dù.

Bên trong thiết bị thực nghiệm nhiệt hạch, các nhà khoa học thông qua sóng điện từ tần số vô tuyến công suất siêu lớn đã đun nóng gia nhiệt plasma lên nhiệt độ siêu cao trên một trăm triệu độ C.

27 nét

HÁN VIỆT: GIA NHIỆT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Liên từ

#365

加上

jiā shàng

thêm vào, cộng thêm; hơn nữa lại

扎实过硬的基础理论功底，加上持之以恒的求索毅力，是攻克前沿科学顶尖难题的关键要素。

Zhā shí guò yìng de jī chǔ lǐ lùn gōng dǐ, jiā shàng chí zhǐ yǐ héng de qiú suǒ yì lì, shì gōng kè qián yán kē xué dīng jiǎn nán tí de guān jiàn yào sù.

Nền tảng lý luận cơ bản vững vàng xuất sắc, cộng thêm thêm vào đó nghị lực tìm tòi kiên trì bền bỉ, chính là yếu tố then chốt để chinh phục những nan đề đỉnh cao khoa học tiên phong.

21 nét

HÁN VIỆT: GIA THƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#366

加速

jiā sù

tăng tốc, đẩy nhanh tốc độ, gia tốc

国家重大科学基础设施强流重离子加速装置全面建成，有力加速了我国核物理前沿探索步伐。

Guójiā zhòng dà kē xué jī chǔ shè shī qiáng liú zhòng lí zǐ jiā sù zhǔāng zhì quán miàn jiàn chéng, yǒu lì jiā sù le wǒ guó hé wù lǐ qián yán tàn suǒ bù fá.

Cơ sở hạ tầng khoa học trọng đại quốc gia thiết bị máy gia tốc gia tốc ion nặng dòng cường độ cao đã xây dựng hoàn thành toàn diện, đẩy nhanh tăng tốc mạnh mẽ bước chân thám hiểm tiên phong vật lý hạt nhân nước ta.

26 nét

HÁN VIỆT: GIA TỐC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Liên từ

#367

加以

jiā yǐ

tiến hành, đem ra xử lý (đối với việc gì)

对于关键实验中出现的任何异常物理测量数据，科研人员都必须高度重视并加以深入分析排查。

Duì yú guān jiàn shí yàn zhōng chū xiàn de rènhé yìcháng wù lǐ cè liáng shù jù, kē yán rén yuán dōu bì xū gāo dù zhòng shì bìng jiā yǐ shēn rù fēn xī pái chá.

Đối với bất kỳ số liệu đo đạc vật lý bất thường nào xuất hiện trong các thực nghiệm then chốt, cán bộ nghiên cứu đều bắt buộc phải hết sức coi trọng và tiến hành đưa ra phân tích rà soát sâu sắc.

23 nét

HÁN VIỆT: GIA DĨ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#368

夹

jiā

kẹp, cặp chặt; cái kẹp, kẹp tài liệu

在老一辈战略科学家的工作笔记本中，夹着一张当年在西北试验基地攻坚克难的泛黄历史合影。

Zài lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā de gōng zuò bǐ jì běn zhōng, jiā zhe yì zhāng dāng nián zài xī běi shì yàn jī dì gōng jiān kè nán de fàn huáng lì shǐ hé yǐng.

Bên trong cuốn sổ tay công tác của nhà khoa học chiến lược tiên bối kẹp một bức ảnh chụp chung lịch sử ở vàng thời vượt khó chinh phục thử thách tại căn cứ thử nghiệm miền Tây Bắc năm xưa.

8 nét

HÁN VIỆT: GIÁP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#369

甲

jiǎ

Giáp (can đầu tiên), hạng nhất (A), áo giáp, móng tay

经过严格的多轮技术指标盲评，该方案在全体参评项目中脱颖而出，被评定为甲级优质方案。

Jīng guò yán gé de duō lún jì shù zhǐ biāo máng píng, gāi fāng àn zài quán tǐ cān píng xiàng mù zhōng tuō yǐng ér chū, bèi píng dīng wéi jiǎ jí yōu zhì fāng àn.

Trải qua nhiều vòng đánh giá mù nghiêm ngặt về các chỉ tiêu kỹ thuật, phương án này đã vượt lên dẫn đầu trong toàn bộ các dự án tham gia và được xếp hạng là phương án xuất sắc hạng A.

8 nét

HÁN VIỆT: GIÁP


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#370

价

jià

giá, giá cả, giá trị; hóa trị

新型绿色化学储能技术利用变价金属离子的高效可逆氧化还原反应，实现了超长寿命安全储能。

Xīn xíng lǜ sè huà xué chǔ néng jī shù lì yòng biàn jià jīn shǔ lí zì de gāo xiào kě nì yuǎn huán yuán fǎn yīng, shí xiàn le chāo cháng shòu mìng ān quán chǔ néng.

Công nghệ lưu trữ năng lượng hóa học xanh kiểu mới tận dụng phản ứng oxy hóa khử thuận nghịch hiệu quả cao của các ion kim loại biến hóa trị giá, thực hiện việc lưu trữ năng lượng an toàn với tuổi thọ siêu dài.

14 nét

HÁN VIỆT : GIÁ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#371

驾驶

jià shǐ

lái xe, điều khiển (phương tiện)

在雨雪冰冻等极端恶劣天气条件下驾驶机动车辆出行，必须保持安全车距并减速慢行。

Zài yǔ xuě bīng dòng děng jí duǎn è liè tiān qì tiáo jiàn xià jià shǐ jī dòng chē liàng chū xíng, bì xū bǎo chí ān quǎn chē jù bìng jiǎn sù màn xíng.

Khi điều khiển phương tiện cơ giới lưu thông trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt như mưa tuyết đường trơn đóng băng, bắt buộc phải giữ khoảng cách an toàn và đi chậm cẩn thận.

22 nét

HÁN VIỆT : GIÁ SỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#372

驾照

jiàzhào

bằng lái xe, giấy phép lái xe

公安交管部门全面推行机动车驾驶证（电子驾照）全国一网通办与电子化亮证服务。

Gōng ān jiāo guǎn bù mén quán miàn tuī xíng jī dòng chē jià zhào quán guó yī wǎng tōng bàn yǔ diàn zǐ huà liàng zhèng fú wù.

Bộ phận quản lý giao thông công an đẩy mạnh toàn diện dịch vụ xuất trình giấy phép điện tử và làm thủ tục một cổng thông suốt trên toàn quốc đối với giấy phép lái xe bằng lái xe cơ giới.

18 nét

HÁN VIỆT : GIÁ CHIẾU

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#373

坚定

jiān dìng

kiên định, vững vàng, kiên quyết

面对各种风险挑战与风浪考验，我们必须保持战略定力，坚定不移走中国特色社会主义现代化道路。

Miàn duì gè zhǒng fēng xiǎn tiǎo zhàn yǔ fēng làng kǎo yàn, wǒ men bì xū bǎo chí zhàn lüè dìng lì, jiān dìng bù yí zǒu zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì xiàn dài huà dào lù.

Đứng trước muôn vàn thách thức rủi ro cùng thử thách sóng gió, chúng ta bắt buộc phải giữ vững định lực chiến lược, kiên định không ngừng bước đi trên con đường hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc.

20 nét

HÁN VIỆT : KIÊN ĐỊNH

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#374

间接

jiàn jiē

gián tiếp

高水平科技自立自强不仅直接推动了高新技术产业跃升，更通过产业链溢出效应间接带动了数百万个高质量就业岗位。

Gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng bù jīn zhí jiē tuī dòng le gāo xīn jì shù chǎn yè yuè shēng, gèng tōng guo chǎn yè lián yì chǔ xiào yīng jiàn jiē dài dòng le shù bǎi wàn gè gāo zhì liàng jiù yè gǎng wèi.

Tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao không chỉ trực tiếp thúc đẩy ngành công nghệ cao phát triển nhảy vọt, mà thông qua hiệu ứng lan tỏa chuỗi công nghiệp còn gián tiếp tạo ra hàng triệu vị trí việc làm chất lượng cao.

17 nét

HÁN VIỆT : GIÁN TIẾP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#375

肩

jiān

vai, bờ vai; gánh vác

新时代青年科技工作者要主动肩负起历史赋予的崇高使命，在科技强国征程中勇挑重担。

Xīn shí dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě yào zhǔ dòng jiān fù qǐ lì shǐ fù yǔ de chóng gāo shǐ mìng, zài kē jì qiáng guó zhēng chéng zhōng yǒng tiǎo zhòng dān.

Những người làm công tác khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới cần chủ động gánh vác trên vai gánh vác sứ mệnh cao đẹp do lịch sử trao gửi, dũng cảm đảm đương việc lớn trên hành trình xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

10 nét

HÁN VIỆT : KIÊN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#376

艰苦

jiān kǔ

gian khổ, khắc nghiệt, vất vả

老一辈地质工作者在极其艰苦的高原戈壁条件下风餐露宿，为国家探明了宝贵的战略矿产资源。

Lǎo yī bèi dì zhì gōng zuò zhě zài jí qí jiān kǔ de gāo yuán gē bì tiáo jiàn xià fēng cān lù sù, wéi guó jiā tàn míng liáo báo guì de zhàn lüè kuàng chǎn zī yuán.

Các thế hệ cán bộ địa chất đi trước trong điều kiện gian khổ khắc nghiệt nơi sa mạc cao nguyên đã dãi gió dầm sương, thăm dò và tìm ra những nguồn tài nguyên khoáng sản chiến lược quý giá cho Tổ quốc.

19 nét

HÁN VIỆT : GIAN KHỔ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#377

艰难

jiān nán

gian nan, khó khăn gian khổ, trắc trở

经过无数代拓荒者筚路蓝缕的艰难创业，昔日寸草不生的荒芜荒漠终于变成了生机勃勃的现代化塞上绿洲。

Jīng guò wú shù dài tuò huāng zhě bì lù lán lǚ de jiān nán chuàng yè, xī rì cùn cǎo bù shēng de huāng wú huāng mò zhōng yú biàn chéng le shēng jī bó bó de xiān dài huà sài shàng lǜ zhōu.

Trải qua hành trình dựng nghiệp gian nan vượt khó khai hoang mở cõi của biết bao thế hệ, vùng đất sa mạc hoang vu năm nào không một ngọn cỏ nay cuối cùng đã biến thành ốc đảo xanh hiện đại tràn trề sức sống ngoài biên cương.

24 nét

HÁN VIỆT : GIAN NAN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#378

减轻

jiǎn qīng

giảm nhẹ, làm vơi bớt, giảm bớt

通过全面推行科研经费“包干制”与简化表格填报，切实减轻了青年科研人员的不必要行政事务负担。

Tōng guo quán miàn tuī xíng kē yán jīng fèi "bāo gān zhì" yǔ jiǎn huà biǎo gé tián bào, qiè shí jiǎn qīng le qīng nián kē yán yuán de bù bì yào xíng zhèng shì wù fù dān.

Thông qua việc đẩy mạnh toàn diện 'chế độ khoán trọn gói' kinh phí nghiên cứu khoa học và tinh giản kê khai biểu mẫu, đã làm vơi bớt giảm nhẹ thiết thực gánh nặng sự vụ hành chính không cần thiết cho cán bộ nghiên cứu trẻ.

24 nét

HÁN VIỆT : GIẢM KHINH



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#379

剪

jiǎn

cắt, bấm tỉa; cái kéo

在大国重器总装线上，电气工程师手持专业绝缘剪，极其精准地修剪高密度航天天线束接头。

Zài dà guó zhòng qì zǒng zhuāng xiàn shàng, diàn qì gōng chéng shī shǒu chí zhuān yè jué yuán jiǎn, jí qí jīng zhǔn dì xiū jiǎn gāo mì dù háng tiān xiàn shù jiē tóu.

Trên dây chuyền lắp ráp tổng thể đại khí quốc gia, kỹ sư điện tay cầm chiếc kéo cắt tỉa cách điện chuyên dụng, cắt bấm tỉa cực kỳ chuẩn xác các đầu nối bộ dây điện hàng không vũ trụ mật độ cao.

8 nét

HÁN VIỆT: TIẾN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#380

剪刀

jiǎn dāo

cây kéo, kéo cắt

民间剪纸艺人手持一把灵巧的小剪刀，在红纸上翻飞起舞，片刻间便剪出了一幅活灵活现的生肖窗花。

Mín jiān jiǎn zhī yì rén shǒu chí yì bǎ líng qiǎo de xiǎo jiǎn dāo, zài hóng zhǐ shàng fān fēi qǐ wǔ, piàn kè jiān biàn jiǎn chū le yí fú huó líng huó xiàn de shēng xiào chuāng huā.

Nghệ nhân cắt giấy dân gian cầm cây kéo nhỏ thoăn thoắt uốn lượn trên nền giấy đỏ, chỉ trong chớp lát đã cắt nên một bức tranh dân dã sống động như thật.

22 nét

HÁN VIỆT: TIẾN ĐẠO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#381

剪子

jiǎn zi

cái kéo, cây kéo (thủ công)

非遗传承人手持一把灵巧的特制小剪子，在薄薄的红纸上行云流水般剪出了精美绝伦的生肖剪纸作品。

Fēi yí chuán chéng rén shǒu chí yì bǎ líng qiǎo de tè zhì xiǎo jiǎn zi, zài báo báo de hóng zhǐ shàng háng yún liú shuǐ bān jiǎn chū le jīng měi jué lún de shēng xiào jiǎn zhī zuò pín.

Nghệ nhân kế thừa di sản phi vật thể tay cầm một chiếc cây kéo cái kéo nhỏ đặc chế thanh thoát, trên tờ giấy đỏ mỏng manh đã cắt tỉa uyển chuyển như mây trôi nước chảy tạo nên tác phẩm cắt giấy 12 con giáp tinh xảo tuyệt luân.

19 nét

HÁN VIỆT: TIẾN TỬ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#382

检验

jiǎn yàn

kiểm nghiệm, kiểm tra thẩm định; sự thử thách

实践是检验真理的唯一标准；任何前沿科学假说都必须经受住严苛客观的实验复现与实践应用检验。

Shí jiàn shì jiǎn yàn zhēn lǐ de wéi yī biāo zhǔn; rèn hé qián yán kē xué jiǎ shuō dōu bì xū jīng shòu zhú yán kē kè guān de shí yàn fù xiàn yǔ shí jiàn yìng yòng jiǎn yàn.

Thực tiễn là thước đo duy nhất để kiểm nghiệm chân lý; bất kỳ giả thuyết khoa học tiên phong nào cũng bắt buộc phải vượt qua sự kiểm nghiệm nghiêm ngặt khách quan của việc tái lập thực nghiệm và ứng dụng thực tiễn.

22 nét

HÁN VIỆT: KIỂM NGHIỆM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#383

建造

jiàn zào

xây dựng, kiến tạo, đóng tạo

中国空间站的成功建造并全面转入应用与发展新阶段，展现了大国重器的雄厚科技实力。

Zhōng guó kōng jiān zhàn de chéng gōng jiàn zào bìng quán miàn zhuǎn rù yìng yòng yǔ fā zhǎn xīn jiē duàn, zhǎn xiǎn le dà guó zhòng qì de xiōng hòu kē jì shí lì.

Việc xây dựng kiến tạo thành công Trạm vũ trụ Trung Quốc và chuyển toàn diện sang giai đoạn mới phát triển và ứng dụng đã phô diễn thực lực khoa học công nghệ hùng hậu của đại khí quốc gia.

25 nét

HÁN VIỆT: KIẾN TẠO

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#384

建筑

jiàn zhù

kiến trúc, công trình kiến trúc; xây dựng

中国古代榫卯结构木构建筑在历经数百年多次强震洗礼后依然傲然挺立，展现了惊人的营造智慧。

Zhōng guó gǔ dài sǔn mǎo jié gòu mù gòu jiàn zhù zài lì jīng shù bǎi nián duō cì qiáng zhèn xǐ lǐ hòu yī rán ào rán tǐng lì, zhǎn xiǎn le jīng rén de yīng zào zhì huì.

Các công trình kiến trúc gỗ kết cấu mộng ngàm thời cổ đại của Trung Quốc sau khi trải qua nhiều trận động đất mạnh suốt hàng trăm năm vẫn vững vững uy nghiêm, thể hiện trí tuệ kiến trúc đáng kinh ngạc.

25 nét

HÁN VIỆT: KIẾN TRÚC

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#385

健全

jiàn quán

hoàn thiện, kiện toàn, lành mạnh đầy đủ

建立健全覆盖全人群、全生命周期的高水平医疗卫生保障与疾病预防控制体系，全力护佑人民群众生命健康。

Jiàn lì jiàn quán fù gài quán rén qún, quán shēng míng zhōu qī de gāo shuǐ píng yī liáo wèi shēng bǎo zhàng yǔ jí bìng yù fáng kòng zhì tǐ xì, quán lì hù yòu rén mín qún zhòng shēng míng jiàn kāng.

Xây dựng và hoàn thiện kiện toàn hệ thống kiểm soát phòng ngừa dịch bệnh cùng bảo đảm y tế sức khỏe trình độ cao bao phủ toàn bộ dân cư và toàn vòng đời, dốc toàn lực bảo vệ tính mạng và sức khỏe cho quần chúng nhân dân.

18 nét

HÁN VIỆT: KIẾN TOÀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#386

键

jiàn

phím, nút bấm; liên kết hóa học

化学科研团队通过超快飞秒激光精准探测到了分子内部化学键断裂与重组的超快动力学过程。

Huà xué kē yán tuán duì tōng guò chāo kuài fēi miǎo jī guāng jīng zhǔn tàn cè dào le fēn zǐ nèi bù huà xué jiàn duàn liè yǔ chóng zǔ de chāo kuài dòng lì xué guò chéng.

Nhóm nghiên cứu khoa học hóa học thông qua laser siêu nhanh femtosecond đã dò tìm chuẩn xác quá trình động lực học siêu nhanh của sự tái tổ hợp và đứt gãy liên kết hóa học phim liên kết bền trong phân tử.

13 nét

HÁN VIỆT: KIẾN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#387

键盘

jiàn pán

bàn phím (máy tính, đàn)

程序员指尖在机械键盘上飞快敲击，伴随着清脆悦耳的段落声音，一行行优雅的代码跃然屏上。

Chéng yǔ yuán zhǐ jiān zài jī xié jiàn pán shàng fēi kuài qiāo jī, bàn suí zhe qīng cuī yuē ěr de duàn lù shēng yīn, yí xíng xíng yōu yǎ de dài mã yuè rán píng shàng.

Đầu ngón tay người lập trình viên gõ thoăn thoắt trên bàn phím cơ, đi cùng những âm thanh gõ phím giòn giã êm tai, từng dòng mã nguồn trang nhã hiện lên sáng rực trên màn hình.

23 nét

HÁN VIỆT: KIẾN BÀN



HSK 5 (3.0)

Phó từ / Giới từ

#388

将

jiāng

sẽ, sắp; đem, lấy (giới từ tương đương 把)

新一代深空探测卫星将于下月在文昌航天发射场点火升空，全面开启太阳系边际探测任务。

Xīn yí dài shēn kōng tàn cè wèi xīng jiāng yú xià yuè zài wén chāng háng tiān fā shè chǎng diǎn huǒ shēng kōng, quán miàn kāi qǐ tài yáng xì biān jì tàn cè rèn wù.

Vệ tinh thám trắc không gian sâu thể hệ mới sẽ sắp được điểm hỏa phóng bay lên trời vào tháng sau tại Bãi phóng Hàng không Vũ trụ Văn Xương, mở ra toàn diện nhiệm vụ thám trắc ranh giới Thái Dương hệ.

11 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#389

将要

jiāngyào

sắp, sắp sửa, sẽ chuẩn bị

历经数年紧张攻关建设，国家重大科技基础设施主体工程将要全面竣工并投入常态化运行。

Lì jīng shù nián jīn zhāng gōng guān jiàn shè, guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shì zhǔ tǐ gōng chéng jiāng yào quán miàn jùn gōng bìng tóu rù cháng tái huà yùn xíng.

Trải qua nhiều năm khẩn trương xây dựng vượt khó, công trình phần thân của cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia sắp sửa sẽ chuẩn bị hoàn công toàn diện và đưa vào vận hành thường xuyên.

24 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG YÊU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#390

奖励

jiǎng lì

khen thưởng, trao thưởng; phần thưởng danh dự

国家隆重召开科学技术奖励大会，对在战略前沿科技与重大工程攻坚中作出杰出贡献的科研团队实施重奖。

Guó jiā lóng zhòng zhào kāi kē xué jì shù jiǎng lì dà huì, duì zài zhàn yán lüè qián yán kē jì yǔ zhòng dà gōng chéng gōng jiǎn zhòng zuò chū jié chū gòng xiǎn de kē yán tuán duì shí shī zhòng jiǎng.

Nhà nước đã long trọng tổ chức Đại hội Trao Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Quốc gia, trao thưởng lớn cho các nhóm nghiên cứu khoa học có cống hiến kiệt xuất trong công trình vượt khó trọng đại và khoa học công nghệ tiên phong chiến lược.

18 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG LỆ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#391

交代

jiāo dài

bàn giao, dẫn dò; khai báo; câu trả lời thỏa đáng

老科学家在退休前夕，把毕生珍贵的实验手稿与未竟的科研课题毫无保留地慎重交代给青年学术骨干。

Lǎo kē xué jiā zài tuì xiū qián xī, bǎ bì shēng zhēn guì de shí yán shǒu gǎo yǔ wèi jìng de kē yán kè tí háo wú bǎo liú dì shēn zhòng jiāo dài gěi qīng nián xué shù gǔ gàn.

Vào đêm trước khi nghỉ hưu, vị nhà khoa học lão thành đã cẩn trọng bàn giao toàn bộ các bản thảo thực nghiệm quý giá cả đời cùng các đề tài nghiên cứu còn dang dở cho các cán bộ học thuật cốt cán trẻ mà không giấu giếm chút nào.

16 nét

HÁN VIỆT: GIAO ĐẠI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#392

郊区

jiāo qū

ngoại ô, vùng ven đô

每逢周末春光明媚，许多市民喜欢自驾前往生态优美宁静的城市郊区休闲度假露营。

Měi féng zhōu mò chūn guāng míng mèi, xǔ duō shì mǐn xǐ huān zì jià qián wǎng shēng tài yōu měi níng jìng de chéng shì jiāo qū xiū xián dù jiǎ lù yíng.

Mỗi dịp cuối tuần nắng xuân chan hòa, rất nhiều người dân thích lái xe về vùng ngoại ô thanh bình phong cảnh sinh thái hữu tình để nghỉ ngơi cắm trại thư giãn.

22 nét

HÁN VIỆT: GIAO ÂU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#393

胶带

jiāodài

băng keo, băng dính

实验员使用特制耐高温绝缘胶带，严密固定并包裹高精度超导实验腔体外部的传感测温导线。

Shí yán yuán shǐ yòng tè zhì nài gāo wēn jué yuán jiāo dài, yán mì gù dìng bǐng bāo guǒ gāo jīng mì chāo dǎo shí yán qiāng tǐ wài bù de chuán gǎn cè wēn dǎo xiǎn.

Thí nghiệm viên sử dụng băng dính băng keo cách điện chịu nhiệt độ cao đặc chế, cố định chặt chẽ và bao bọc các dây dẫn đo nhiệt độ cảm biến bên ngoài buồng thực nghiệm siêu dẫn độ chính xác cao.

19 nét

HÁN VIỆT: GIAO ĐỐI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#394

胶水

jiāo shuǐ

keo dán, hồ dán

在制作高精度手工航模时，请选用速干环保型专业模型专用树脂胶水进行粘接。

Zài zhì zuò gāo jīng dù shǒu gōng háng mó shí, qǐng xuǎn yòng sù gān huán bǎo xíng zhuān yè mó xíng zhuān yòng shù zhī jiāo shuǐ jìn xíng zhān jiē.

Khi làm mô hình máy bay thủ công có độ chính xác cao, xin hãy chọn loại keo dán nhựa chuyên dụng cho mô hình khô nhanh và thân thiện với môi trường.

19 nét

HÁN VIỆT: GIAO THUỶ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#395

脚步

jiǎobù

bước chân, nhịp bước, bước đi

尽管科学探索的前进道路充满未知坎坷，但广大科技工作者勇攀高峰的坚实脚步从未停歇。

Jìn guǎn kē xué tàn suǒ de qián jìn dào lù chōng mǎn wèi zhī kǎn kē, dàn guǎng dà kē jì gōng zuò zhě yǒng pǎn gāo fēng de jiān shí jiǎo bù cóng wèi tíng xiē.

Dẫu con đường tiến lên phía trước của thám hiểm khoa học ngập tràn chông gai và điều chưa biết, nhưng bước chân bước đi vững chắc dũng cảm trên lên đỉnh cao của đồng đội người làm khoa học chưa bao giờ ngừng nghỉ.

23 nét

HÁN VIỆT: CƯỚC BỘ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#396

接触

jiē chù

tiếp xúc, tiếp cận, va chạm

多去科技馆与大自然中亲身体验，能够让孩子们尽早接触前沿科学知识并开阔眼界。

Duō qù kē jì guān yǔ dà zì rán zhōng qīn shēn tǐ yàn, néng gòu ràng hái zǐ men jìn zǎo jiē chù qián yán kē xué zhī shí bìng kāi kuò yǎn jiē.

Thường xuyên đến các bảo tàng khoa học và hòa mình trải nghiệm ngoài thiên nhiên sẽ giúp các em nhỏ sớm được tiếp cận với tri thức khoa học tiên phong và mở rộng tầm nhìn hiểu biết.

18 nét

HÁN VIỆT: TIẾP XÚC



HSK 5 (3.0)

Phó từ

#397

接连

jiē lián

liên tiếp, liên tục, dồn dập

我国深空探测与载人航天工程接连取得历史性突破，多次向全球公开发布颠覆性重大科学原创成果。

Wǒ guó shēn kōng tàn cè yǔ zài rén háng tiān gōng chéng jiē lián qǔ dé lì shǐ xìng tǔ pò, duō cì xiàng quán qiú gōng kāi fā bù diǎn fù xīng zhòng dà kē xué yuán chuàng chéng guǒ.

Công trình hàng không vũ trụ có người lái và thám hiểm không gian sâu nước ta liên tiếp đạt được những đột phá mang tính lịch sử, nhiều lần công khai công bố các thành quả khoa học nguyên tác trọng đại mang tính cách mạng tới toàn thế giới.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : TIẾP LIÊN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#398

解除

jiě chú

giải trừ, gỡ bỏ, bãi bỏ (cảnh báo, lệnh cấm)

经过多轮严密的地质稳定性勘测与应急加固，防汛抗旱指挥部依法正式解除了特大滑坡险段的黄色预警。

Jīng guò duō lún yán mì de dì zhì wěn dìng xìng kǎn cè yǔ yǐng jí jiā gù, fáng xùn kǎng hàn zhǐ huī bù yī fǎ zhèng shì jiě chú le tè dà huá pō xiǎn duàn de huáng sè yù jǐng.

Trải qua nhiều đợt khảo sát độ ổn định địa chất nghiêm ngặt và gia cố khẩn cấp, ban chỉ huy phòng chống thiên tai theo luật định đã chính thức giải trừ gỡ bỏ mức cảnh báo màu vàng đối với đoạn nguy hiểm có nguy cơ sạt lở lớn.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : GIẢI TRỪ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#399

解放

jiě fàng

giải phóng, cởi trói (tư tưởng, sức lao động)

以生成式人工智能为代表的先进数字化工具，正在极大解放脑力劳动者的重复性生产力。

Yǐ shēng chéng shì rén gōng zhì néng wéi dài biǎo de xiān jìn shù zì huà gōng jù, zhèng zài jí dà jiě fàng nǎo lì láo dòng zhě de chóng fù xìng shēng chǎn lì.

Những công cụ kỹ thuật số tiên tiến với đại diện là trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang giải phóng mạnh mẽ sức lao động lặp đi lặp lại của những người lao động trí óc.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : GIẢI PHÓNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#400

戒

jiè

bỏ cuộc

老师鼓励大家积极戒，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiè, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bỏ cuộc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : GIỚI

HSK 5 (3.0)

Lượng từ

#401

届

jiè

khóa, kỳ, lần (hội nghị, khóa học)

第三届全球数字贸易博览会吸引了来自上百个国家和地区的数千家领军企业同台参展。

Dì sān jiè quán qiú shù zì mào yì bō lǎn huì xī yīn le lái zì shàng bǎi ge guó jiā hé qū de shù qiān jiā lǐng jūn qǐ yè tóng tái cān zhǎn.

Hội chợ Thương mại Số Toàn cầu lần thứ 3 đã thu hút hàng nghìn doanh nghiệp đầu ngành đến từ hàng trăm quốc gia và vùng lãnh thổ cùng nhau tham gia trưng bày triển lãm.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : GIỚI

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#402

今日

jīn rì

hôm nay, ngày hôm nay, thời nay

今日之中国，正以生机勃勃、昂扬奋进的崭新姿态，阔步走在以中国式现代化全面推进强国建设的康庄大道上。

Jīn rì zhī zhōng guó, zhèng yǐ shēng jī bó bó, áng yáng fèn jìn de zhǎn xīn zī tài, kuò bù zǒu zài yǐ zhōng guó shì xiàn dài huà quán miàn tuī jìn qiáng guó jiàn shè de kāng zhuāng dà dào shàng.

Trung Quốc của ngày hôm nay hôm nay thời nay, đang bằng tư thế hoàn toàn mới ngập tràn sức sống và hăng hái tiến lên, sải bước dài trên đại lộ thịnh vượng hùng hiện đại hóa kiểu Trung Quốc thúc đẩy toàn diện xây dựng đất nước giàu mạnh.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : KIM NHẬT

HSK 5 (3.0)

Liên từ

#403

尽管

jǐn guǎn

dù cho, dầu rằng, cứ việc

尽管科研攻关的道路上充满了未知与艰难险阻，团队依然坚定不移地向既定目标奋进。

Jǐn guǎn kē yán gōng guān de dào lù shàng chōng mǎn le wèi zhī yǔ jiān nán xiǎn zǔ, tuán duì yī rán jiān dìng bù yí de xiàng jì dìng mù biāo fèn jìn.

Dầu cho chặng đường đột phá nghiên cứu khoa học ngập tràn những ẩn số và gian nan trắc trở, cả đội ngũ vẫn kiên định không lay chuyển tiến về mục tiêu đã định.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : TẬN QUẢN

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#404

尽可能

jǐn kě néng

hết sức có thể, cố gắng tối đa trong khả năng

在重大科学实验方案设计中，必须尽可能消除外界温度波动与震动干扰对测量精度的微小影响。

Zài zhòng dà kē xué shí yàn fāng àn shè jì zhōng, bì xū jǐn kě néng xiāo chú wài jiè wēn dù bō dòng yǔ zhèn dòng gān rǎo duì cè liáng jīng dù de wēi xiǎo yǐng xiǎng.

Trong thiết kế phương án thực nghiệm khoa học trọng đại, bắt buộc phải cố gắng tối đa hết sức có thể triệt tiêu những ảnh hưởng vì mô của sự chấn động và biến động nhiệt độ bên ngoài đối với độ chính xác đo đạc.

📖 32 nét

HÁN VIỆT : TẬN KHẢ NĂNG

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#405

紧紧

jǐn jǐn

chặt chẽ, siết chặt, khăng khít

我们要紧紧围拢国家重大战略需求，坚持科技自立自强，全力攻克卡脖子关键核心技术瓶颈。

Wǒ men yào jǐn jǐn wéi rào guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú, jiān chí kē jì zì lì zì qiáng, quán lì gōng kè qiā bó zǐ guān jiàn hé xīn jì shù píng jīng.

Chúng ta phải bám sát chặt chẽ khăng khít nhu cầu chiến lược trọng đại của quốc gia, kiên trì tự chủ tự cường khoa học công nghệ, dốc toàn lực chinh phục nút thắt công nghệ cốt lõi then chốt nghẽn cổ chai.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : KHẮN KHẮN



HSK 5 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#406

近来

jìn lái

dạo gần đây, gần đây, thời gian qua

近来, 我国在量子计算、深海探测与新能源汽车等战略前沿科技领域, 重大科技创新成果密集涌现。

Jìn lái, wǒ guó zài liàng zǐ jì suàn, shēn hǎi tàn cè yǔ xīn néng yuán qì chē děng zhàn yán lǚ qián yán kē jì lǐng yù, zhòng dà kē jì chuàng xīn chéng guó mǐ jī yǒng xiǎn.

Dạo gần đây, trong các lĩnh vực khoa học công nghệ tiên phong chiến lược như tính toán lượng tử, thám hiểm biển sâu và xe ô tô năng lượng mới của nước ta, các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trong đại liên tục bùng nổ xuất hiện dày đặc.

📖 22 nét

HÁN VIỆT CẬN LAI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#407

进化

jìn huà

tiến hóa, sự tiến hóa sinh học

中国古生物学家通过寒武纪大爆发化石群的系统研究, 深刻揭示了地球早期复杂多细胞生命起源与进化的壮丽画卷。

Zhōng guó gǔ shēng wù xué jiā tōng guò hán wǔ jì dà bào fā huà shí qún de xī tōng yán jiū, shēn kè jiē shì le dì qiú zǎo qī fù zá duō xī bāo shēng mìng qǐ yuán yǔ jìn huà de zhuàng lì huà juǎn.

Các nhà cổ sinh vật học Trung Quốc thông qua nghiên cứu có hệ thống về quần thể hóa thạch bùng nổ kỷ Cambri đã hé lộ sâu sắc bức tranh tráng lệ về sự khởi nguồn và tiến hóa của sự sống đa bào phức tạp thời kỳ sơ khai của Trái Đất.

📖 20 nét

HÁN VIỆT TIẾN HOA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#408

经费

jīng fèi

kinh phí, ngân sách chi tiêu, nguồn vốn nghiên cứu

国家持续加大对基础前沿学科的财政科研经费支持力度, 全面推行基于信任的科研经费“包干制”管理。

Guó jiā chí xù jiā dà duì jī chǔ qián yán xué kē de cái zhèng kē yán jīng fèi zhī chí lì dù, quán miàn tuī xíng jī yú xìn rèn de kē yán jīng fèi "bāo gān zhì" guǎn lǐ.

Nhà nước liên tục tăng cường nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các môn học tiên phong cơ bản, phổ biến toàn diện cơ chế quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học theo hình thức 'Khoản trọn gói' dựa trên sự tin cậy.

📖 25 nét

HÁN VIỆT KINH PHÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#409

景象

jǐng xiàng

cảnh tượng, khung cảnh, quang cảnh

秋季广袤辽阔的农田里金浪翻滚、机声隆隆, 呈现出一派五谷丰登、喜获丰收的壮丽景象。

Qiū jì guǎng mào liáo kuò de nóng tián lǐ jīn làng fān gǔn, jī shēng lóng lóng, chéng xiàn chū yī pài wǔ gǔ fēng dēng, xǐ huò fēng shōu de zhuàng lì jǐng xiàng.

Vào mùa thu trên những cánh đồng bao la bát ngát sóng vàng cuộn trào, tiếng máy gặt vang rộn rã, hiện ra một cảnh tượng quang cảnh tráng lệ mùa màng bội thu ngũ cốc đầy bổ.

📖 23 nét

HÁN VIỆT CẢNH TƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#410

警告

jǐng gào

cảnh cáo, cảnh báo nghiêm khắc; lời cảnh cáo

国家气象预警中心向受强降雨影响的重点沿江地区紧急发布了最高级别暴雨红色警告, 要求各地全面严阵以待。

Guó jiā qì xiàng yù jǐng zhōng xīn xiàng shòu qiáng jiàng yǔ yǐng xiǎng de zhòng diǎn yán jiāng dì qū jǐn jí fā bù le zuì gāo jí bié bào yǔ hóng sè jǐng gào, yāo qiú gè dì quán miàn yán zhèn yǐ dài.

Trung tâm Cảnh báo Khí tượng Quốc gia đã khẩn cấp ban bố cảnh báo đỏ mưa to cấp cao nhất tới các khu vực trọng điểm ven sông chịu ảnh hưởng của mưa bão lớn, yêu cầu các địa phương chuẩn bị tư thế sẵn sàng toàn diện đối phó.

📖 20 nét

HÁN VIỆT CẢNH CÁO

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#411

竞赛

jìng sài

cuộc thi tài, thi đấu, đua tài

全国大学生智能汽车竞赛与创新创业大赛, 为培养拔尖工程创新人才搭建了极具挑战性的实战实训平台。

Quán guó dà xué shēng zhì néng qì chē jìng sài yǔ chuàng xīn chuàng yè dà sài, wéi péi yǎng bá jiā gōng chéng chuàng xīn rén cái dǎ jiàn le jí jù tiǎo zhàn xíng de shí zhàn shí xùn píng tái.

Cuộc thi Xe Thông minh và Đổi mới Sáng tạo Khởi nghiệp dành cho Sinh viên Đại học Toàn quốc đã tạo nên một nền tảng thực chiến thực hành đầy tính thử thách để bồi dưỡng nhân tài đổi mới sáng tạo công trình xuất sắc.

📖 23 nét

HÁN VIỆT CẠNH TÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#412

竞争

jìng zhēng

cạnh tranh, thi đua

在日新月异的高科技市场竞争中, 只有持续加大研发投入并掌握核心技术才能立于不败之地。

Zài rì xīn yuè yì de gāo kē jì shì chǎng jìng zhēng zhōng, zhǐ yǒu chí xù jiā dà yán fā tóu rù bìng zhǎng wò hé xīn jī shù cái néng lì yú bù bài zhī dì.

Trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thị trường công nghệ cao thay đổi từng ngày, chỉ có liên tục đầu tư cho nghiên cứu phát triển và làm chủ công nghệ lõi mới giữ vững được vị thế bất bại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT CẠNH TRANH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#413

酒鬼

jiǔ guǐ

kẻ say rượu, ma men, bợm nhậu

全社会大力倡导文明健康的生活方式, 坚决杜绝酗酒滋事与酒后危险驾驶等违法不良行为。

Quán shè huì dà lì chàng dǎo wén míng jiàn kāng de shēng huó fāng shì, jiǎn jué dù jué xǔ jiǔ zī shì yǔ jiǔ hòu wēi xiǎn jià shǐ shì děng wéi fǎ bù liáng xíng wéi.

Toàn xã hội ra sức kêu gọi lối sống văn minh lành mạnh, kiên quyết bài trừ các hành vi xấu xa vi phạm pháp luật như bợm nhậu say xỉn gây rối ma men và lái xe nguy hiểm sau khi uống rượu.

📖 21 nét

HÁN VIỆT TỬU QUỶ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#414

救灾

jiù zāi

cứu trợ thiên tai, cứu tế khắc phục thảm họa

国家防汛抗旱应急指挥部紧急调拨中央抢险救灾物资, 全力支持受灾地区抢修恢复基础设施。

Guó jiā fáng xùn kàng hàn yǐng jǐ zhǐ huī bù jīn jī diào bō zhōng yāng qiǎng xiǎn jiù zāi wù zǐ, quán lì zhī chí shòu zāi dì qū qiǎng xiū huī fù jī chǔ shè shī.

Ban Chỉ huy Ứng phó Khẩn cấp Chống hạn và Phòng chống Lũ lụt Quốc gia đã khẩn cấp điều chuyển vật tư cứu tế cứu trợ thiên tai của Trung ương, dốc toàn lực hỗ trợ các vùng bị thiên tai sửa chữa khẩn cấp phục hồi cơ sở hạ tầng.

📖 18 nét

HÁN VIỆT CỨU TÀI



HSK 5 (3.0)

Phó từ

#415

居然

jū rán

lại có thể, không ngờ, thế mà (bất ngờ)

这台已经在高真空超低温环境下连续无故障运转十年的仪器，各项精密参数居然依然保持在出厂标准之内。

Zhè tái yǐ jīng zài gāo zhēn kōng chāo dī wēn huán jīng xià lián xù wú gù zhàng yùn zhuǎn shí nián de yī qì, gè xiàng jīng mì cān shù jū rán yī rán bǎo chí zài chū chǎng biāo zhǔn zhī nèi.

Chiếc máy móc đã vận hành liên tục không một lỗi lầm trong môi trường chân không cao và nhiệt độ siêu thấp suốt 10 năm này, mọi thông số chính xác thế mà lại vẫn duy trì nguyên vẹn trong tiêu chuẩn xuất xưởng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CỨ NHIÊN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#416

局面

jú miàn

cục diện, tình thế, bối cảnh toàn diện

我国加快构建以国内大循环为主体、国内国际双循环相互促进的新发展格局，开创了高质量发展新局面。

Wǒ guó jiā kuài gòu jiàn yǐ guó nèi dà xún huán wéi zhǔ tǐ, guó nèi guó jì shuāng xún huán xiāng jìn hù cù jìn de xīn fā zhǎn gé jú, kāi chuāng le gāo zhì liàng fā zhǎn xīn jú miàn.

Nước ta đẩy nhanh xây dựng cục diện phát triển mới lấy tuần hoàn lớn trong nước làm chủ thể, tuần hoàn kép trong nước và quốc tế thúc đẩy lẫn nhau, mở ra một cục diện mới phát triển chất lượng cao.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CỤC DIỆN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#417

局长

jú zhǎng

cục trưởng, người đứng đầu cơ quan cục

国家知识产权局局长在新闻发布会上指出，我国发明专利有效拥有量已位居全球前列。Guó jiā zhī shǐ quán jú zhǎng jù jù zhāng zài xīn wén fā bù huì shàng zhǐ chū, wǒ guó fā míng zhuān lì yǒu xiào yōng yǒu liàng yǐ wèi jū quán qiú qián liè.

Cục trưởng Cục Sở hữu Trí tuệ Quốc gia tại buổi họp báo đã chỉ ra rằng, số lượng sở hữu bằng sáng chế phát minh có hiệu lực của nước ta đã đứng trong top đầu toàn cầu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CỤC TRƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#418

举动

jǔ dòng

hành động, nghĩa cử, cử chỉ hành vi

青年科学家扎根边疆荒漠数十载投身治沙事业的崇高举动，深深感动了全社会亿万人民群众。

Qīng nián kē xué jiā zhā gēn biān jiāng huāng mò shù shí zǎi tóu shēn zhì shā shì yè de chóng gāo jǔ dòng, shēn shēn gǎn dòng le quán shè huì yì wàn rén qún zhòng.

Nghĩa cử cao đẹp của nhà khoa học trẻ tuổi cảm bản nơi sa mạc biên cương suốt hàng chục năm dẫn thân vào sự nghiệp cải tạo chống sa mạc hóa đã làm lay động sâu sắc hàng trăm triệu quần chúng nhân dân trong toàn xã hội.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CỬ ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#419

拒绝

jù jué

từ chối, cự tuyệt

面对违背职业道德底线的非法商业利益诱惑，他义正言辞、毫不犹豫地予以了坚决拒绝。

Miàn duì wéi bèi zhí yè dǎo dé dǐ xiàn de fēi fǎ shāng yè lì yù huò, tā yì zhèng yán cí, háo bù yóu yù dì yǐ yì le jiǎn jué jù jué.

Đứng trước những cám dỗ lợi ích thương mại phi pháp đi ngược lại đạo đức nghề nghiệp, anh ấy đã thẳng thắn và kiên quyết cự tuyệt không chút đắn đo.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CỰ TUYỆT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#420

俱乐部

jù lè bù

câu lạc bộ (CLB)

高校青年科技创新俱乐部定期举办学术沙龙与动手创客工坊，为同学们提供了施展才华的广阔舞台。

Gāo xiào qīng nián kē jì chuàng xīn jù lè bù dìng qī jǐ bàn xué shù shā lóng yǔ dòng shǒu chuàng gōng fāng, wéi tóng xué men tí gòng le shì zhǎn cái huá de guǎng kuò wǔ tái.

Câu lạc bộ Sáng tạo Khoa học Công nghệ Thanh niên Trường đại học định kỳ tổ chức các buổi tọa đàm học thuật và xưởng sáng chế trải nghiệm thực tế, mang lại sân chơi rộng lớn để các bạn trẻ thi thố tài năng.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: CÂU LẠC BỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#421

剧本

jù běn

kịch bản (phim, kịch, sân khấu)

优秀文艺创作者坚持深入生活、扎根人民，历经数年精心打磨出了一部反映时代巨变与工匠精神的经典话剧剧本。

Yōu xiù wén yì chuàng zhuō zhě jiān chí shēn rù shēng huó, zhā gēn rén mín, lì jīng shù nián jīng xīn dǎ mó chū le yī bù fǎn yǐng shí dài jù biàn yǔ gōng jiàng jīng shén de jīng diǎn huà jù jù běn.

Người sáng tác văn nghệ xuất sắc kiên trì đi sâu vào đời sống thực tế, bám rễ nơi nhân dân, trải qua nhiều năm công phu trau chuốt đã sáng tác nên một kịch bản kịch nói kinh điển phản ánh sự đổi thay to lớn của thời đại cùng tinh thần người thợ cả.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: KỊCH BẢN

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#422

决不

jué bù

tuyệt đối không, nhất quyết không

在维护国家核心主权、安全与战略发展利益的根本原则问题上，我们决不作任何妥协退让。

Zài wéi hù guó jiā hē xīn zhǔ quán, ān quán yǔ zhàn lüè fā zhǎn lì yì de gēn běn yuán zé wèn tí shàng, wǒ men jué bù zuò rèn hé tuō xié tuì ràng.

Trên vấn đề nguyên tắc căn bản giữ gìn và bảo vệ an ninh, chủ quyền cốt lõi và lợi ích phát triển chiến lược của quốc gia, chúng ta tuyệt đối không nhất quyết không có bất kỳ sự nhượng bộ thỏa hiệp nào.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: QUYẾT BẤT

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#423

绝望

jué wàng

tuyệt vọng, bế tắc hoàn toàn

在特大自然灾害面前，只要全国人民心连心、守望相助，就绝不会有任何孤立无援与绝望的境地。

Zài tè dà zì rán zāi hài miàn qián, zhǐ yào quán guó rén mín xīn lián xīn, shǒu wàng xiāng zhù, jiù jué bù huì yǒu rén hé gū lì wú yuán yǔ jué wàng de jìng dì.

Đứng trước thảm họa thiên tai đặc biệt lớn, chỉ cần nhân dân cả nước đồng lòng một dạ, tương trợ che chở lẫn nhau, thì tuyệt đối sẽ không bao giờ có bất kỳ hoàn cảnh tuyệt vọng hay cô lập không người cứu giúp nào.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: TUYỆT VỌNG



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#424

军人

jūnrén

quân nhân, người lính bộ đội

人民子弟兵革命军人常年默默坚守在风雪高原边疆一线，用青春和热血筑牢祖国的钢铁长城。

Rén mín zǐ dì bīng gé míng jūn rén cháng nián mò mò jiān shǒu zài fēng xuě gāo yuán biān jiāng yī xiàn, yòng qīng chūn hé rè xuè zhù lǎo zǔ guó de gāng tiě cháng chéng.

Quân nhân người lính bộ đội là con em nhân dân quanh năm âm thầm bám trụ trên tuyến đầu biên cương cao nguyên bảo tuyết, dùng thanh xuân và máu nóng đúc nên bức Vạn Lý Trường Thành thép của Tổ quốc.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÂN NHÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#425

开幕

kāimù

khai mạc, mở màn

全球前沿科技创新与未来产业博览会在国家会议中心隆重开幕，吸引了全球数百家顶尖展商。

Quán qiú qián yán kē jì xī chuàng xīn yǔ wèi lái chǎn yè bó lǎn huì zài guó jiā huì yì zhōng xīn fāng zhòng kāi mù, xī yīn le quán qiú shù bǎi jiā dīng jiān zhān shāng.

Triển lãm Ngành nghệ Tương lai và Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Tiên phong Toàn cầu đã long trọng khai mạc mở màn tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, thu hút hàng trăm nhà triển lãm hàng đầu thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT: KHAI MÀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#426

开幕式

kāi mù shì

lễ khai mạc

北京冬奥会开幕式以“一朵雪花”贯穿始终的诗意美学创意，向全世界奉献了一场震撼人心的视听盛宴。

Běi jīng dōng ào huì kāi mù shì yǐ "yī duǒ xuě huā" guān chuān shǐ zhōng de shī yì měi xué chuàng yì, xiàng quán shì jiè fèng xiàn le yī cháng zhèn hàn rén xīn de shì tīng shèng yàn.

Lễ khai mạc Thế vận hội Mùa đông Bắc Kinh với ý tưởng mỹ học thi ca xuyên suốt mang hình tượng 'Một bông tuyết' đã cống hiến cho toàn thế giới một bữa tiệc nghe nhìn lay động lòng người.

35 nét

HÁN VIỆT: KHAI MÀN THỨC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#427

看成

kànchéng

coi như, xem như là

青年科学家要把服务国家重大战略需求看成是自己毕生追求的崇高学术理想与历史使命。

Qīng nián kē xué jiā yào bǎ fú wú guó jiǎ zhòng dà zhàn lüè xū qiú kàn chéng shì zì jǐ bì shēng zhī mìng de chóng gāo xué shù lì xiǎng yǔ lì shǐ shǐ mìng.

Nhà khoa học trẻ tuổi cần coi như xem như là việc phục vụ nhu cầu chiến lược trọng đại của đất nước là sứ mệnh lịch sử và lý tưởng học thuật cao đẹp mà cả đời mình theo đuổi.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁN THÀNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#428

看出

kànchū

nhìn ra, nhận thấy, nhận ra

从这组精密的物理实验对比曲线中，可以清晰看出新型材料在超低温下的优越超导特性。

Cóng zhè zǔ jīng mì de wù lǐ shí yàn duì bǐ qū xiàn zhōng, kě yǐ qīng xī kàn chū xīn xíng cái liào zài chāo dī wēn xià de yōu yuè chāo dǎo tè xìng.

Từ nhóm đường cong so sánh thực nghiệm vật lý chính xác này, có thể nhìn ra nhận thấy rõ ràng đặc tính siêu dẫn ưu việt của loại vật liệu kiểu mới dưới nhiệt độ siêu thấp.

20 nét

HÁN VIỆT: KHÁN XUẤT

HSK 5 (3.0)

Động từ

#429

看待

kàndài

nhìn nhận, xem xét, đối đãi đánh giá

我们要站在人类文明历史发展的高度，全面、辩证、长远地正确看待全球人工智能技术带来的深刻变革与安全挑战。

Wǒ men yào zhàn zài rén lèi wén míng lì shǐ fā zhǎn de gāo dù, quán miàn, biàn zhèng, cháng yuǎn de zhèng què kàn dài quán qiú rén gōng zhì néng jì shù dài lái de shēn kè biàn gé yǔ ān quán tiǎo zhàn.

Chúng ta cần đứng trên tầm cao phát triển lịch sử văn minh nhân loại để nhìn nhận xem xét một cách đúng đắn, toàn diện, biện chứng và lâu dài về những biến đổi sâu sắc cùng thách thức an ninh do công nghệ trí tuệ nhân tạo toàn cầu mang lại.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁN ĐÃI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#430

考核

kǎohé

khảo hạch, kiểm tra đánh giá chất lượng

国家完善以创新质量、绩效和实际贡献为导向的科技人才综合评价考核体系，破除唯论文、唯学历的不良倾向。

Guó jiā wán shàn yǐ chuàng xīn zhì liàng, jì xiào hé shí jì gòng xiàn wéi dǎo xiàng de kē jì rén cái zōng hé píng jià kǎo hé tǐ xì, pò chú wéi lùn wén, wéi xué lì de bù liáng qīng xiàng.

Nhà nước hoàn thiện hệ thống khảo hạch đánh giá tổng hợp nhân tài khoa học công nghệ lấy chất lượng đổi mới, hiệu suất và cống hiến thực tế làm định hướng, xóa bỏ triệt để các khuynh hướng xấu chỉ chăm chăm nhìn vào bài báo, bằng cấp.

23 nét

HÁN VIỆT: KHẢO HẠCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#431

烤肉

kǎoròu

thịt nướng, món thịt nướng

在传统特色美食文化街区，外焦里嫩、香气扑鼻的特色炭火烤肉吸引了众多中外游客品尝。

Zài chuán tǒng tè sè měi shí wén huà jiē qū, wài jiāo lǐ nèn, xiāng qì pū bí de tè sè tàn huǒ kǎo ròu xī yīn le zhòng duō zhōng wài yóu kè pīn cháng.

Bên trong khu phố văn hóa ẩm thực đặc sắc truyền thống, món thịt nướng than hoa đặc sắc giòn rụm bên ngoài mềm ngọt bên trong thơm phức ngào ngạt đã thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước thưởng thức.

25 nét

HÁN VIỆT: KHẢO NHỤC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#432

烤鸭

kǎoyā

vịt quay

正宗的北京挂炉烤鸭外皮红润酥嫩、肉质鲜嫩多汁，配上荷叶饼与甜面酱，堪称中华美食绝味。

Zhèng zōng de běi jīng guà lú kǎo yā wài pí hóng rùn sū cuì, ròu zhì xiān nèn duō zhī, pèi shàng hé yè bǐng yǔ tián miàn jiàng, kǎn chēng zhōng huá měi shí jué wèi.

Món vịt quay lò treo Bắc Kinh chính cống có lớp da đỏ au giòn rụm, thịt vịt tươi mềm mọng nước, ăn kèm với bánh tráng lá sen và nước sốt tương ngọt, xứng danh là tuyệt phẩm ẩm thực Trung Hoa.

25 nét

HÁN VIỆT: KHẢO ÁP



HSK 5 (3.0)

Động từ

#433

靠近

kào jìn

tiến lại gần, tiếp cận, kể bên

在极端深海科考中，无人潜水器小心翼翼地靠近海底热液喷口，精准采集到了极端嗜热微生物标本。

Zài jí duān shēn hǎi kē kǎo zhōng, wú rén qiǎn shuǐ qì xiǎo xīn yì yì dì kào jìn hǎi dǐ rè yè pēn kǒu, jīng zhǔn cǎi jí dào le jí duān shì rè wēi shēng wù biāo běn.

Trong khảo sát khoa học biển sâu cực đoan, tàu lặn không người lái đã cẩn thận nhẹ nhàng tiến lại gần tiếp cận miệng phun thủy nhiệt đáy biển, thu thập chuẩn xác mẫu vật vi sinh vật ưa nhiệt cực đoan.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: KHÁO CẬN

HSK 5 (3.0)

Lượng từ

#434

颗

kē

hạt, viên, quả, ngôi (sao, tim, hạt giống)

每一位青年科技工作者心中都应当怀揣着一颗赤诚报国的爱国红心，勇攀世界科技高峰。

Měi yí wèi qīng nián kē jì gōng zuò zhě xīn zhōng dōu yīng dāng huái chuāi zhe yí kē chì chéng bào guó de ài guó hóng xīn, yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng.

Trong trái tim của mỗi cán bộ khoa học công nghệ trẻ đều nên ấp ủ một tấm lòng son sắt phụng sự Tổ quốc, dũng cảm chinh phục đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: KHOA

HSK 5 (3.0)

Động từ năng nguyện / Phó từ / Liên từ

#435

可

kě

có thể; quả là, thật là; nhưng mà

大国重器的核心关键制造工艺可容不得半点粗心大意，哪怕微米级的偏差都会造成严重后果。

Dà guó zhòng qì de hé xīn guān jiàn zhì zào gōng yì kě róng bù dé bàn diǎn cū xīn dà yì, nǎ pà wēi mǐ jī de piān chā dù hui zào chéng yán zhòng hòu guǒ.

Quy trình chế tạo then chốt cốt lõi của đại khí quốc gia thật là quả là không thể dung thứ cho nửa điểm cầu thả bất cẩn, cho dù là sai lệch cấp độ micromet cũng sẽ gây nên hậu quả nghiêm trọng.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: KHẢ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#436

可怜

kě lián

đáng thương, tội nghiệp

看到街角那只在寒冬大雪中瑟瑟发抖的流浪幼猫十分可怜，热心市民特意将它带回宠物医院救治。

Kàn dào jiē jiǎo nà zhǐ zài hán dōng dà xuě zhōng sè sè fā dǒu de liú làng yòu māo shí fēn kě lián, rè xīn shì mǐn tè yì yì jiāng tā dài huí chǒng wù yī yuàn jiù zhì.

Nhìn thấy chú mèo con hoang run rẩy trong trời đông tuyết rơi nơi góc phố trông rất đáng thương, người dân tốt bụng đã đưa bé về bệnh viện thú y để chăm sóc chữa trị.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: KHẢ LIÊN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#437

可惜

kě xī

đáng tiếc, tiếc nuối

在这场势均力敌的决赛终场哨响前最后一秒点球遗憾中柱，真是太可惜了！

Zài zhè chǎng shì jūn lì dí de jué sài zhōng chǎng shào xiāng qiǎn zuì hòu yí miǎo diǎn qiú yǐ hàn zhōng zhù, zhēn shì tài kě xī le!

Trong giây cuối cùng trước tiếng còi mãn cuộc của trận chung kết cân tài cân sức, quả phạt đền đáng tiếc lại đập trúng cột dọc, thật là vô cùng tiếc nuối!

📖 22 nét

HÁN VIỆT: KHẢ TÍCH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#438

渴望

kě wàng

khao khát, mong mỏi tha thiết

面对浩瀚深邃的星空宇宙，人类探索未知世界的强烈求知渴望推动着基础科学不断实现颠覆性跨越。

Miàn duì hào hàn shēn suì de xīng kōng yǔ zhòu, rén lèi tàn suǒ wèi zhī shì jiè de qiáng lì qiú zhī kě wàng tuī dòng zhe jī chǔ kē xué bù duàn shí xiàn diǎn fù xìng kuà yuè.

Đứng trước vũ trụ tinh không bao la sâu thẳm, khát vọng tìm tòi tri thức mãnh liệt khám phá thế giới chưa biết của loài người đang thúc đẩy khoa học cơ bản không ngừng đạt được những bước nhảy vọt mang tính cách mạng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: KHÁT VỌNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#439

客户

kè hù

khách hàng, đối tác khách hàng

我国自主研发的支线客机以优异的安全可靠性与卓越的燃油经济性，赢得了海内外多家航空公司的客户订单。

Wǒ guó zì zhǔ yán zhì de zhī xiàn kè jī jǐ yì yōu yì de ān quán kě kào xìng yǔ zhuó yuè de rán yóu jīng jì xìng, yíng dé le hǎi nèi wài duō jiā háng kōng gōng sī de kè hù dìng dān.

Máy bay chở khách đường bay ngắn do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo với độ an toàn tin cậy vượt trội cùng tính kinh tế tiết kiệm nhiên liệu xuất sắc đã giành được các đơn đặt hàng khách hàng từ nhiều hãng hàng không trong và ngoài nước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: KHÁCH HỘ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#440

客气

kè qì

khách sáo, lịch sự khiêm nhường

老院士为人谦逊诚恳、平易近人，对待青年学者和学生总是格外热情客气、耐心指点。

Lǎo yuán shì wéi rén qiān xùn chéng kěn, píng yì jìn rén, duì dài qīng nián xué zhě hé xué shēng zōng shì gé wài rè qīng kè qì, nài xīn zhǐ diǎn.

Vị viện sĩ lão thành tính tình khiêm tốn chân thành, bình dị gần gũi, đối xử với các học giả trẻ và sinh viên luôn hết sức nhiệt tình lịch sự khách sáo, kiên nhẫn chỉ bảo tận tình.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: KHÁCH KHÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#441

客厅

kè tīng

phòng khách

新中式风格的宽敞客厅里摆放着一套古朴典雅的红木茶桌，显得格外明亮大气、温馨雅致。

Xīn zhōng shì fēng gé de kuān chǎng kè tīng lǐ bǎi fàng zhe yí tào gǔ piǎo diǎn yǎ de hóng mù chá zhuō, xiǎn de gé wài míng liàng dà qì, wēn xīn yǎ zhì.

Trong phòng khách rộng rãi phong cách tân Trung Hoa đặt một bộ bàn trà bằng gỗ gụ cổ kính thanh tao, toát lên vẻ sáng sủa khoáng đạt, ấm cúng và tao nhã.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: KHÁCH SẢNH



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#442

课题

kè tí

đề tài nghiên cứu khoa học; vấn đề lớn

国家重点研发计划设立了针对新一代半导体材料基础性机理的重大战略研究课题。

Guó jiā zhòng yán yán fā jì huà shè lì le xīn xīng dà xīn yì dài bàn dǎo tǐ cái liào jī chǔ wù xìng jī lǐ de zhòng dà zhàn lüè yán jiū kè tí.

Chương trình Nghiên cứu Phát triển Trọng điểm Quốc gia đã thiết lập các đề tài nghiên cứu chiến lược trọng đại nhằm vào cơ chế tính chất vật lý cơ bản của vật liệu bán dẫn thế hệ mới.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: KHOÁ ĐỀ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#443

肯定

kěn dìng

chắc chắn, khẳng định

只要全体团队成员心往一处想、劲往一处使，我们就肯定能够按时高质量攻下这个大项目。

Zhǐ yào quán tǐ tuán duì chéng yuán xīn wǎng yī chǔ xiāng, jìn wǎng yī chǔ shǐ, wǒ men jiù kěn dìng néng gòu àn shí gāo zhì liàng gōng xià zhè ge dà xiàng mù.

Chỉ cần toàn thể thành viên trong nhóm cùng chung một ý chí và đồng lòng dốc sức, chúng ta chắc chắn sẽ có thể hoàn thành xuất sắc dự án lớn này đúng hạn.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: KHẲNG ĐỊNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#444

空中

kōngzhōng

trên không, giữa không trung, trên bầu trời

我国完全自主研制的新型大型灭火水陆两栖飞机在空中完成精准投水测试，展现了卓越性能。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn xíng dà xīng miè huǒ shuǐ lù liǎng qī fēi jī zài kōng zhōng wán chéng jīng zhǔn tóu shuǐ cè shì, zhǎn xiàn le zhuó yuè xīng néng.

Dòng máy bay lưỡng dụng thủy lục chữa cháy cỡ lớn kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã hoàn thành bài thử nghiệm thả nước chuẩn xác trên không giữa không trung, phổ biến tính năng trắc việt.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: KHÔNG TRUNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#445

控制

kòng zhì

kiểm soát, khống chế, điều khiển

现代新能源智能汽车配备了先进的车身电子稳定与精准自动巡航控制系统。

Xiàn dài xīn néng yuán zhì néng qì chē pèi bèi le xiān jìn de chē shēn diǎn zì wěn dìng yǔ jīng zhǔn zì dòng xún háng kòng zhì xì tǒng.

Xe ô tô thông minh năng lượng mới hiện đại được trang bị hệ thống cân bằng điện tử thân xe tiên tiến cùng hệ thống điều khiển hành trình tự động chuẩn xác.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: KHỐNG CHẾ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#446

口号

kǒuhào

khẩu hiệu, biểu ngữ

伟大梦想不是喊口号喊出来的，而是广大科技工作者脚踏实地、埋头苦干拼出来的。

Wěi dà mèng xiǎng bú shì hǎn kǒu hào hǎn chū lái de, ér shì guāng dà kē jì gōng zuò zhě jiǎo shí dì, ér shì gōng guāng dà kè jì gōng zuò zhě jiǎo shí dì, mǎi tóu kǔ gàn pīn chū lái de.

Ước mơ vĩ đại không phải là thứ có thể hô to biểu ngữ khẩu hiệu mà thành, mà là do đồng đội những người làm khoa học chân thật vững vàng, vui đấu nỗ lực dốc sức mà nên.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: KHẨU GÀO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#447

库

kù

kho, kho chứa, kho tàng; cơ sở dữ liệu (database)

国家基因库建成了全球规模最大的生物遗传资源样本与高通量基因测序多组学数据库系统。

Guó jiā jī yīn kù jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà de shēng wù yí chuan zī yuán yàng běn yǔ gāo tōng liàng jī yīn cè xù duō zǔ xué shù jù kù xì tǒng.

Ngân hàng Gen Quốc gia đã xây dựng nên hệ thống cơ sở dữ liệu kho dữ liệu đa hệ gen (multi-omics) giải trình tự gen thông lượng cao và mẫu tài nguyên di truyền sinh học có quy mô lớn nhất thế giới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: KHỐ

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#448

快活

kuài huó

vui sướng, hoan hỉ, phấn khởi thành thoi

在全面脱贫致富后的现代化美丽乡村广场上，各族村民欢聚一堂载歌载舞，过上了充满欢声笑语的快活幸福新生活。

Zài quán miàn tuō pín zhì fù hòu de xiàn dài měi lì xiāng cūn guǎng chǎng shàng, gè zú cūn mǐn huān jù yī táng zài gē zài wǔ, guò shàng le chōng mǎn huān shēng xiào yǔ de kuài huó xìng fú xīn shēng huó.

Trên quảng trường làng quê tươi đẹp hiện đại hóa sau khi đã hoàn toàn thoát nghèo làm giàu, bà con các dân tộc quây quần tụ họp cùng nhau ca múa rộn ràng, bước vào cuộc sống mới hạnh phúc vui sướng ngập tràn tiếng cười nói rộn rã.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: KHOÁI HOẠT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#449

宽度

kuāndù

chiều rộng, độ rộng, bề rộng

该型号超大型跨海悬索桥钢箱梁的横截面设计宽度达到数十米，具备极高的抗台风气动力稳定性。

Gāi xíng hào chāo dà xíng kuà hǎi xuán suǒ qiáo gāng xiāng liáng de héng jié miàn shè jì kuān dù dá dào shù shí mǐ, jù bèi jí gāo de kàng fēng qì dòng lì wěn dìng xìng.

Bề rộng chiều rộng thiết kế mặt cắt ngang của dầm hộp thép cây cầu treo dây văng vượt biển siêu lớn thuộc mẫu này đạt tới hàng chục mét, sở hữu độ ổn định khí động học chống bão cực kỳ cao.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: KHOAN ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#450

狂

kuáng

cuồng, cuồng nhiệt; dữ dội, ngông cuồng

在南极极度恶劣的狂风暴雪极端气候中，我国科考队员以钢铁般的意志圆满完成了科考站建设任务。

Zài nán jí jí dù è liè de kuáng fēng bào xuě jí duān qí hòu zhōng, wǒ guó kē kǎo duì yuán yǐ gāng tiě bān de yì zhì yuán mǎn wán chéng le kē kǎo zhàn jiàn shè rèn wù.

Trong khí hậu cực đoan bão tuyết gió cuồng cuồng phong vô cùng khắc nghiệt của Nam Cực, các đội viên khảo sát khoa học nước ta bằng ý chí sắt đá đã hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ xây dựng trạm khảo sát.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: CUỒNG



HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#451

亏

kuī

lỗ, thua lỗ; may mà nhờ có; thiếu hụt

多亏了飞控团队提前制定的精密应急预案，空间站轨道交会对接才得以在突发干扰下万无一失。

Duō kuī le fēi kòng tuán duì tí qiǎn zhì dīng de jīng mì yìng yuàn àn, kōng jiàn zhàn guāo duì jiē cái dé yǐ zài fā fān gāo rǎo xià wàn wú yī shī.

May mà nhờ có phương án dự phòng khẩn cấp chính xác do đội ngũ điều khiển bay xây dựng từ trước, việc ghép nối giao hội quỹ đạo trạm vũ trụ mới có thể an toàn tuyệt đối không một sai sót dưới sự can nhiễu đột xuất.

8 nét

HÁN VIỆT: KHUY

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#452

困扰

kùnrǎo

quấy rầy, làm phiền lòng, nỗi bận tâm vướng mắc

我国科研团队成功攻克了长期困扰全球半导体学术界的高温工作环境下芯片散热失效难题。

Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng gōng kè le cháng qī kùn rǎo quán qiú bàn dǎo tǐ xué shù jiè de gāo wēn gōng zuò huán jīng xià xīn piàn sàn rè shǐ xiào nán tí.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã chinh phục thành công nan đề hồng học tản nhiệt chip trong môi trường làm việc nhiệt độ cao từng làm đau đầu quấy rầy quấy nhiễu giới học thuật bán dẫn toàn cầu suốt thời gian dài.

19 nét

HÁN VIỆT: KHỔNH NHIỄU

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#453

来信

láixìn

thư gửi đến, nhận được thư

总设计师在百忙之中认真阅读并回复了偏远山区青少年科技兴趣小组寄来的热情来信。

Zǒng shè jì shī zài bǎi máng zhī zhōng rèn zhēn yuè dú bìng huí fù le piǎn yuǎn shān qū qīng shào nián kē jì xìng qǔ xiǎo zǔ jī lái de rè qíng lái xìn.

Vị tổng công trình sư trong lúc trăm công nghìn việc đã cẩn thận đọc và trả lời lá thư gửi đến thư gửi đến chận chứa nhiệt huyết do nhóm sở thích khoa học công nghệ thanh thiếu niên vùng núi xa xôi gửi tới.

20 nét

HÁN VIỆT: LAI TÍN

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#454

烂

làn

mục nát, thối rữa; nhừ nát; rục rở (xán lạn)

五千年中华优秀传统文化生生不息，在新时代焕发出更加灿烂夺目的文明光芒。

Wǔ qiān nián zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà shēng shēng bù xī, zài xīn shí dài huàn fā chū gèng jiā càn làn duó mù de wén míng guāng máng.

Nền văn hóa truyền thống xuất sắc Trung Hoa 5000 năm đời đời bất diệt, trong thời đại mới lại tỏa sáng rực rỡ xán lạn chói lọi ánh hào quang văn minh.

13 nét

HÁN VIỆT: LAN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#455

朗读

lǎng dú

đọc to, đọc diễn cảm, ngâm đọc thành tiếng

在书香校园晨读活动中，青年学子们声情并茂地朗读中华古典名篇佳作，朗朗书声回荡在清晨美丽的校园之中。

Zài shū xiāng xiào yuán chén dú huó dòng zhōng, qīng nián xué zǐ men shēng qíng bìng mào dì lǎng dú zhōng huá gù diǎn míng piān jiā zuò, lǎng lǎng shū shēng huí dàng zài qīng chén měi lì de xiào yuán zhī zhōng.

Trong hoạt động đọc sách buổi sớm của khuôn viên trường học tràn ngập hương thơm sách vở, các bạn sinh viên trẻ tuổi đã đọc diễn cảm truyền cảm các áng văn thơ kinh điển xuất sắc của dân tộc, tiếng đọc sách vang vọng ngân nga khắp khuôn viên trường tươi đẹp lúc ban mai.

19 nét

HÁN VIỆT: LÃNG ĐẠU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#456

浪漫

làng màn

lãng mạn

傍晚和心爱的人手牵手漫步在金色落日余晖洒满的细软海滩上，感觉格外温馨浪漫。

Bàng wǎn hé xīn ài de rén shǒu qiān shǒu màn bù zài jīn sè luò rì yú huī sǎ mǎn de xì ruǎn hǎi tān shàng, gǎn jué gé wài wēn xīn làng màn.

Hoàng hôn nắm tay người mình yêu dạo bước trên bờ cát mịn ngập tràn ánh tà dương vàng óng ả, cảm giác ấm cúng và lãng mạn vô cùng.

23 nét

HÁN VIỆT: LÃNG MẠN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#457

劳动

láo dòng

lao động, làm việc

劳动是一切幸福与物质财富的源泉，全社会应当大力弘扬崇尚劳动、热爱劳动的光荣时代风尚。

Láo dòng shì yī qiè xìng fú yǔ wù zhì cái fù de yuán quán, quán shè huì yīng dāng dà lì hóng yáng chóng shàng láo dòng, rè ài láo dòng de guāng róng shí dài fēng shàng.

Lao động là cội nguồn của mọi hạnh phúc và của cái vật chất, toàn xã hội cần phát huy mạnh mẽ phong trào thời đại về vang tôn vinh và yêu quý lao động.

25 nét

HÁN VIỆT: LAO ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#458

梨

lí

quả lê, trái lê, cây lê

国家现代生态农业示范基地培育出的优质多汁蜜梨皮薄肉脆、甘甜爽口，畅销海内外大市场。

Guó jiā xiàn dài shēng tài nóng yè shì fān jī dì péi yù zhū de yōu zhì duō zhī mī lí pí báo ròu cuì, gān tián shuǎng kǒu, chāng xiāo hǎi nèi wài dà shì chāng.

Giống lê quả lê mật mọng nước chất lượng cao do Khu Trình diễn Nông nghiệp Sinh thái Hiện đại Quốc gia nhân giống vô mòng cùi giòn, ngọt thanh mát lành, bán chạy trên các thị trường lớn trong và ngoài nước.

11 nét

HÁN VIỆT: LÊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#459

礼

lǐ

lễ, lễ nghi, lễ nghĩa; quà tặng lễ vật

中华民族自古以来就是礼仪之邦，崇尚以诚待人、以礼相交、天下大同的崇高文明理念。

Zhōng huá mín zú zì gǔ yǐ lǐ jiū shì lǐ yí zhī bāng, chóng shàng yǐ chéng dài rén, yǐ lǐ xiāng jiāo, tiān xià dà tóng de chóng gāo wén míng lǐ niàn.

Dân tộc Trung Hoa từ xưa tới nay luôn là một đất nước chuộng lễ nghĩa lễ nghi, tôn sùng quan niệm văn minh cao đẹp thiên hạ đồng đồng, đối xử bằng lễ với nhau và lấy lòng chân thành đối đãi với mọi người.

13 nét

HÁN VIỆT: LỄ



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#460

礼拜

lǐ bài

tuần lễ (lǐ bài: thứ/tuần); lễ bái tôn giáo

经过连续几个礼拜的日夜奋战与反复调试, 科研团队终于成功完成了大科学装置的高精度联调。

Jīng guò lián xù jǐ gè lǐ bài de rì yè fèn zhàn yǔ fǎn fù shì tiáo, kē yán tuán duì zhōng yú chéng gōng wán chéng le dà kē xué zhuāng zhì de gāo jīng dù lián diào.

Trải qua vài tuần lễ tuần lễ liên tục ngày đêm chiến đấu và hiệu chỉnh lặp đi lặp lại, đội ngũ nghiên cứu cuối cùng đã hoàn thành thành công việc kiểm tra hiệu chỉnh liên động độ chính xác cao của thiết bị khoa học lớn.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: LỄ BÀI

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#461

礼貌

lǐ mào

lịch sự, lễ phép, phép lịch sự

在人际交往中讲文明、懂礼貌, 是展现一个人良好家庭教育与道德素养的窗口。

Zài rén jì jiāo wǎng zhōng jiǎng wén míng, dǒng lǐ mào, shì zhǎn xiàn yí gè rén liáng hǎo jiā tíng yù dào dé sù yǎng de chuāng kǒu.

Trong giao tiếp ứng xử biết tôn trọng và giữ phép lịch sự là tấm gương phản chiếu sự giáo dục gia đình tốt đẹp và phẩm chất đạo đức của một con người.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: LỄ MẠO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#462

厉害

lì hai

lợi hại, ghê gớm, dữ dội

这位青年程序员不仅算法功底极其扎实, 而且在开源社区享有极高声誉, 技术水平非常厉害。

Zhè wèi qīng nián chéng yǔ yuán bù jǐn suàn fǎ gōng dǐ jí qí zhā shí, ér qiě zài kāi yuán shè qū xiāng yǒu jí gāo shēng yù, jì shù shuǐ píng fēi cháng lì hai.

Lập trình viên trẻ tuổi này không những có nền tảng thuật toán cực kỳ vững chắc mà còn có uy tín rất cao trong cộng đồng mã nguồn mở, trình độ kỹ thuật vô cùng siêu đẳng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: LỆ HẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#463

立

lì

đứng, đứng thẳng; thiết lập, lập nên

广大青年学者要立大志、明大德、成大才、担大任, 努力成为堪当民族复兴重任的栋梁之才。

Guǎng dà qīng nián xué zhě yào lì dà zhì, míng dà dé, chéng dà cái, dān dà rèn, nǚ lì chéng wéi kǎn dāng mín zú fù xīng zhòng rèn de dòng liáng zhī cái.

Đồng đạo các học giả trẻ tuổi cần lập chí lớn, thấu hiểu đạo đức lớn, thành tựu tài năng lớn, gánh vác trọng trách lớn, nỗ lực trở thành rường cột gánh vác trọng trách phục hưng dân tộc.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: LẬP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#464

立场

lì chǎng

lập trường, quan điểm lập trường

在维护世界和平与促进共同发展重大原则问题上, 中国始终站在历史正确的一边、坚定站在公平正义的立场。

Zài wéi hù shì jiè hé píng yǔ cù jìn gòng tóng fā zhǎn zhòng dà yuán zé wèn tí shàng, zhōng guó shǐ zhōng zhàn zài lì shǐ zhèng què de yí biān, jiǎn dìng zhàn zài gōng píng zhèng yì de lì chǎng.

Trong các vấn đề nguyên tắc trọng đại về gìn giữ hòa bình thế giới và thúc đẩy cùng nhau phát triển, Trung Quốc luôn đứng về phía đúng đắn của lịch sử, kiên định đứng trên lập trường công bằng và công lý.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: LẬP TRƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#465

利润

lì rùn

lợi nhuận

企业在追求合理商业经营利润的同时, 必须自觉履行保护环境与关爱员工的崇高社会责任。

Qǐ yè zài zhuī qiú hé lǐ shāng yè jīng yíng lì rùn de tóng shí, bì xū zì jué lǚ xíng bǎo hù huán jīng yǔ guān ài yuán gōng de chóng gāo shè huì zé rèn.

Doanh nghiệp trong khi theo đuổi lợi nhuận kinh doanh thương mại hợp lý bắt buộc phải tự giác thực thi trách nhiệm xã hội cao đẹp về bảo vệ môi trường và chăm lo cho người lao động.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: LỢI NHUẬN

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ / Động từ

#466

例外

lì wài

ngoại lệ, ngoại lệ đặc biệt

法律面前人人平等; 任何组织或者个人都不得有超越宪法法律的特权, 绝不允许有任何法外特权和例外。

Fǎ lǚ miàn qián rén rén píng děng; rèn hé zǔ zhī huò gè rén dōu bù dé yǒu chāo yuè xià fǎ fǎ lǚ de tè quán, jué bù yǔn xǔ yǒu rèn hé fǎ wài tè quán hé lì wài.

Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào cũng không được có đặc quyền vượt lên trên Hiến pháp và pháp luật, tuyệt đối không cho phép có bất kỳ đặc quyền hay ngoại lệ nào đứng ngoài vòng pháp luật.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: LỆ NGOẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#467

连接

lián jiē

kết nối, liên kết, nối liền

港珠澳大桥如同一条巨龙横跨伶仃洋, 紧密连接起粤港澳大湾区三大核心城市枢纽。

Gǎng zhū ào dà qiáo rú tóng yí tiáo jù lóng héng guā lián jiē qǐ gǎng ào dà wān qū sān dà hé xīn chéng shì shǔ niǔ.

Cầu vượt biển Hồng Kông - Chu Hải - Ma Cao tựa như một con cự long vắt ngang biển Lĩnh Đình Dương, nối liền kết nối chặt chẽ ba đầu mối đô thị cốt lõi của Vùng vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: LIÊN TIẾP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#468

联络

lián luò

liên lạc, kết nối liên lạc, kênh liên lạc

深空测控通信网通过超大型天线阵列, 时刻保持与数亿公里之外火星环绕器及火星车的高速稳定联络。

Shēn kōng kè kòng tōng xìn wǎng tōng guò chāo dà xíng tiān xiàn zhèn liè, shí kè bǎo chí zǔ yǔ shù yì gōng lǐ zhī wài huǒ xīng huán rào qì jī huǒ xīng chē de gāo sù wěn dìng lián luò.

Mạng lưới thông tin đo đạc điều khiển không gian sâu thông qua mảng anten siêu lớn luôn luôn giữ vững sự liên lạc tốc độ cao và ổn định với tàu thăm dò bay quanh sao Hỏa và xe tự hành sao Hỏa cách xa hàng trăm triệu cây số.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: LIÊN LẠC



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#469

联想

lián xiǎng

liên tưởng, liên hệ suy tưởng

生物学仿生学者通过观察鸟类羽翼空气动力学流场特征，自然联想并成功设计出新型超低风阻高铁车头造型。

Shēng wù xué fǎng shēng xué zhě tōng guò guān chá niǎo lèi yǔ yì kōng qì dòng lì xué liú chǎng tè zhēng, zì rán lián xiǎng bìng chéng gōng shè jì chū xīn xíng chāo dī fēng zǔ gāo tiě chē tóu zào xíng.

Các học giả phỏng sinh học thông qua quan sát đặc trưng trường dòng khí động học trên cánh chim đã tự nhiên liên tưởng và thiết kế thành công kiểu dáng đầu tàu cao tốc giảm sức cản gió siêu thấp kiểu mới.

21 nét

HÁN VIỆT: LIÊN TƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#470

脸盆

liǎnpén

chậu rửa mặt, cái chậu rửa

在野外地质勘探营帐篷里，生活设施简朴整洁，队员们用搪瓷脸盆盛接清凉的山泉水洗漱。

Zài yě wài dì zhì kǎn tàn lǐ yíng zhàng péng lǐ, shēng huó shè shī jiǎn piǎo zhěng jié, duì yuán men yòng táng cí liǎn pén shèng jiē qīng liáng de shān quán shuǐ xǐ shù.

Bên trong lều cắm trại khảo sát địa chất dã ngoại, tiện nghi sinh hoạt mộc mạc tinh tươm, các đội viên dùng chiếc chậu chậu rửa mặt tráng men hứng dòng nước suối nguồn mát lành để rửa mặt vệ sinh cá nhân.

26 nét

HÁN VIỆT: KIỂM BỒN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#471

脸色

liǎnsè

sắc mặt, vẻ mặt, sắc diện

当在监测大屏上看到核心卫星载荷成功展开并正常运转时，总指挥紧绷的脸色终于露出了舒心的微笑。

Dāng zài jiān cè dà píng shàng kàn dào hé xīn wèi xīng zài hè chéng gōng zhǎn kāi bìng zhèng zhǔn cháng yùn zhuǎn shí, zǒng zhǐ huī jīn bēng de liǎn sè zhōng yú lù chū le shū xīn de wēi xiào.

Khi nhìn thấy tài trọng vệ tinh cốt lõi bung mở thành công và vận hành bình thường trên màn hình giám sát, vẻ mặt sắc mặt căng thẳng của vị tổng chỉ huy cuối cùng đã hé lộ nụ cười nhẹ nhõm an lòng.

25 nét

HÁN VIỆT: KIỂM SẮC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#472

恋爱

liàn ài

yêu đương, tình yêu đôi lứa

健康的恋爱关系建立在相互尊重、彼此包容、人格独立与共同追求进步的崇高基础之上。

Jiàn kāng de liàn ài guān xì jiàn lì zài xiāng hù zūn zhòng, bǐ cǐ bāo róng, rén gé dú lì yǔ gòng tóng zhuī qiú jìn bù de chóng gāo jī chǔ zhī shàng.

Một tình yêu đôi lứa lành mạnh được xây đắp trên nền tảng cao đẹp của sự tôn trọng lẫn nhau, bao dung thấu hiểu, nhân cách độc lập và cùng nhau phấn đấu tiến bộ.

21 nét

HÁN VIỆT: LUYỄN ÁI

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#473

两岸

liǎng'àn

hai bên bờ, hai bờ sông/hai bờ eo biển

长江两岸郁郁葱葱的生态防护林带蜿蜒千里，构筑起了坚实壮丽的绿色生态屏障。

Cháng jiāng liǎng'àn yù yù cōng cōng de shēng tài fáng hù lín dài wǎn yǎn qiān lǐ, gòu zhù qǐ le jiān shí zhuàng lì de lǜ sè shēng tài bǐ zhàng.

Dải rừng phòng hộ sinh thái xanh tươi bạt ngàn ở hai bên bờ hai bờ sông Trường Giang uốn lượn ngàn dặm, kiến tạo nên bức bình phong sinh thái xanh vững chãi và tráng lệ.

27 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG NGẠN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#474

邻居

lín jū

hàng xóm

俗话说“远亲不如近邻”，我们小区里的邻里关系非常和睦融洽、守望相助。

Sú huà shuō “yuǎn qīn bù rú jìn lín”, wǒ men xiǎo qū lǐ de lín lí guān xì fēi cháng hé mù róng qià, shǒu wǎng xiāng zhù.

Tục ngữ có câu "Bán anh em xa mua láng giềng gần", bà con lối xóm trong khu chung cư của chúng tôi sống rất chan hòa, tương trợ lẫn nhau.

19 nét

HÁN VIỆT: LÂN CƯ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#475

铃

líng

chuông, tiếng chuông

清脆悠扬的下课铃声在校园林荫道间回荡，同学们有说有笑地走出教学楼。

Qīng cuì yōu yáng de xià kè líng shēng zài xiào yuán lín yīn dào jiān huí dàng, tóng xué men yǒu shuō yǒu xiào de zǒu chū jiào xué lóu.

Tiếng chuông tan học trong trẻo ngân vang giữa những hàng cây rợp bóng mát trong khuôn viên trường, các bạn học sinh vừa cười nói vui vẻ vừa bước ra khỏi giảng đường.

11 nét

HÁN VIỆT: LINH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#476

铃声

língshēng

tiếng chuông, hồi chuông

随着清脆悦耳的下课铃响起，同学们怀着求知渴望有序前往图书馆阅览室继续查阅文献。

Suí zhe qīng cuì yuè ěr de xià kè líng shēng xiǎng qǐ, tóng xué men huái zhe qiú zhī de kě wǎng yǒu xù qián wǎng tú shū guǎn yuè lǎn shì jì xù chá yuè wén xiàn.

Cùng với tiếng chuông hồi chuông tan học trong trẻo êm tai vang lên, các bạn học sinh mang theo khát khao tìm kiếm tri thức trật tự đi tới phòng đọc thư viện để tiếp tục tra cứu văn hiến.

23 nét

HÁN VIỆT: LINH THANH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#477

领带

lǐngdài

cà vạt, ca-vát

在重大国际学术报告会上，青年学者身着深色西装并系好整洁的领带，从容登台发表前沿学术演讲。

Zài zhòng dà guó jì xué shù bào gào huì shàng, qīng nián xué zhě shēn zhe shēn sè xī zhuāng bìng jì hǎo zhěng jié de lǐng dài, cóng róng dēng tái fā biào qián yán xué shù yǎn jiǎng.

Tại hội nghị báo cáo học thuật quốc tế trọng đại, người học giả trẻ tuổi mặc bộ vest màu sẫm và thắt chiếc cà vạt ca-vát tinh tươm, ung dung bước lên bục giảng phát biểu bài thuyết trình học thuật tiên phong.

17 nét

HÁN VIỆT: LÃNH ĐỚI



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#478

令

lìng

khiến cho, làm cho; mệnh lệnh; tiết lệnh

中国自主建造空间站展现出的非凡科技实力与大国担当，令全世界科学界为之由衷赞叹。

Zhōng guó zì zhǔ jiàn zào kōng jiān zhàn zhǎn xiàn chū de fēi fán kē jì shí lì yǔ dà guó dān dāng, lìng quán shì jiè kē xué jiè wéi zhī yóu zhōng zàn tàn.

Thực lực khoa học công nghệ phi phạm và tinh thần gánh vác trách nhiệm nước lớn do việc Trung Quốc tự chủ xây dựng trạm vũ trụ phổ biến đã khiến cho làm cho giới khoa học toàn thế giới phải từ đáy lòng thần phục.

📖 9 nét

HÁN VIỆT · LỆNH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#479

流动

liúdòng

lưu động, trôi chảy, di chuyển lưu thông

国家大力破除体制机制壁垒，促进科研人才与创新要素在高校、科研院所与企业之间高效自主流动。

Guó jiā dà lì pò chú tǐ zhì jī zhì bì lěi, cù jìn kē yán rén cái yǔ chuàng xīn yào sù zài gāo xiào, kē yán yuán suǒ yǔ qì yè zhī jiān gāo xiào zì zhǔ liú dòng.

Nhà nước ra sức phá bỏ các rào cản cơ chế thể chế, thúc đẩy nhân tài nghiên cứu và các yếu tố đổi mới sáng tạo di chuyển lưu thông lưu động tự chủ hiệu quả cao giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

📖 26 nét

HÁN VIỆT · LƯU ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#480

流通

liú tōng

lưu thông, luân chuyển hàng hóa/tiền tệ

加快建设高效规范、公平竞争、充分开放的全国统一大市场，坚决打破地方保护和畅通现代商贸物流流通体系。

Jiǎ kuài jiàn shè gāo xiào guī fàn, gōng píng jìng zhēng, chōng fèn kāi fàng de quán guó tóng yì dà shì chǎng, jiǎn jué dà pò dì fāng bǎo hù hé chāng tōng xiān dài shāng mào wù liú liú tōng tǐ xì.

Đẩy nhanh xây dựng thị trường lớn thống nhất toàn quốc cạnh tranh công bằng, hiệu quả chuẩn mực và mở cửa đầy đủ, kiên quyết phá bỏ chủ nghĩa bảo hộ địa phương và khơi thông hệ thống lưu thông logistics thương mại hiện đại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT · LƯU THÔNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#481

漏

lòu

rò rỉ, chảy, dột, rò rỉ (thông tin)

在安全巡检中，技术人员使用激光气体探测仪精准排查出了一处隐蔽的天然气管道微漏隐患。

Zài ān quán xún jiǎn zhōng, jì shù rén yuán shǐ yòng jī guāng qì tǐ tàn cè yí jīng zhǔn pái chá chū le yí chù yǐn yuán de tiān rán qì guǎn dào wēi lòu yīn huàn.

Trong đợt tuần tra kiểm tra an toàn, cán bộ kỹ thuật đã dùng máy dò khí bằng tia laser để phát hiện chuẩn xác một điểm rò rỉ khí gas ngầm hiểm hóc trong đường ống dẫn khí đốt tự nhiên.

📖 12 nét

HÁN VIỆT · LẬU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#482

漏洞

lòudòng

lỗ hổng (bảo mật/pháp lý), sơ hở

国家网络安全防护团队建立了全天候智能监测响应机制，及时修复并堵塞了多项重大底层系统漏洞。

Guó jiā wǎng lǎo ān quán fáng hù tuán duì jiàn lì le quán tiān hòu zhì néng jiān cè xiāng yīng jī zhì, jí shí xiū fù bìng bǔ sāi le duō xiàng zhòng dà dī céng xì tǒng lòu dòng.

Đội ngũ phòng hộ an toàn không gian mạng quốc gia đã thiết lập cơ chế giám sát ứng phó thông minh 24/7, kịp thời bít lấp và sửa chữa nhiều lỗ hổng lỗ hổng bảo mật hệ thống nền tảng trọng đại.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · LẬU ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#483

率领

shuài lǐng

dẫn đầu, dẫn dắt, thống suất chỉ huy

总工程师率领科研攻坚团队夜以继日奋战在工程一线，攻克了特长海底沉管隧道高精度安装的世界级施工难题。

Zōng gōng chéng shī shuài lǐng kē yán gōng jiān tuán duì yè yǐ jì rì fèn zhàn zài gōng chéng yí xiàn, gōng kè le tè cháng hǎi dǐ chén guǎn suǐ dào gāo jīng dù ān zhuāng de shì jiè jí shī gōng nán tí.

Vị tổng công trình sư đã dẫn đầu dẫn dắt đội ngũ xung kích nghiên cứu khoa học ngày đêm chiến đấu nơi tuyến đầu công trình, chinh phục nan đề thi công đẳng cấp thế giới về lắp đặt hầm chìm dưới đáy biển siêu dài với độ chính xác cao.

📖 16 nét

HÁN VIỆT · LƯỢT LÃNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#484

逻辑

luó jì

logic, tính logic, lý lẽ chặt chẽ

撰写高水平学术专著时，论证结构必须严谨周密，层层递进、逻辑清晰自治。

Zhuàn xiě gāo shuǐ píng xué shù zhuān zhù shí, lùn zhèng jié gòu bì xū yán jìn zhōu mì, céng céng dì jìn, luó jì qīng xī zì qì.

Khi viết các công trình chuyên khảo học thuật đỉnh cao, cấu trúc lập luận nhất thiết phải chặt chẽ thấu đáo, dẫn dắt từng bước và logic rõ ràng, tự tương thích.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · LA TẬP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#485

落实

luò shí

thực hiện triệt để, cụ thể hóa vào thực tế, đồn đốc thi hành

各级政府部门以钉钉子精神狠抓各项强农惠农富农政策落实，确保各项便民惠企举措真正落地见效。

Gè jí zhèng fǔ bù mén yǐ dīng dīng zǐ jīng shén hēn zhuā gè xiàng qiáng nóng huì nóng fù nóng zhèng cè luò shí, què bǎo gè xiàng biàn mín huì qì jǔ cuò zhēn zhèng luò dì jiàn xiào.

Các cơ quan chính quyền các cấp bằng tinh thần đóng đinh bền bỉ tập trung đồn đốc thực thi triệt để các chính sách mạnh nông, hỗ trợ nông nghiệp và làm giàu cho nông dân, bảo đảm mọi biện pháp thuận tiện cho dân và hỗ trợ doanh nghiệp thực sự đi vào đời sống phát huy hiệu quả.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · LẠC THỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#486

码头

mǎ tóu

bến tàu, cầu cảng, bến cảng

在全自动化“无人”集装箱智能码头上，无人集卡车队与自动化轨道吊在算法指挥下高效精准装卸集装箱。

Zài quán zì dòng huà "wú rén" jí zhuāng xiāng zhì néng mǎ tóu shàng, wú rén jí kǎ chē duì yǔ zì dòng huà guǐ dào diào zài suàn fǎ zhǐ huī xià gāo xiào jīng zhǔn zhuāng xié jí zhuāng xiāng.

Trên bến cảng thông minh container 'không người' tự động hóa hoàn toàn, đoàn xe tải container tự hành cùng cần cầu trục đường ray tự động dưới sự chỉ huy của thuật toán đang bốc dỡ các container một cách chính xác và hiệu quả cao.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · MÃ ĐẦU



HSK 5 (3.0)

Động từ

#487

骂
mà

la mắng

老师鼓励大家积极骂，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí mà, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực la mắng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: MÀ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#488

买卖
mǎi mài

mua và bán

老师鼓励大家积极买卖，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí mǎi mài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mua và bán, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT: MǎI MÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#489

漫画
màn huà

truyện tranh, tranh biếm họa, tranh hoạt hình manga

优秀科普创作者运用幽默生动的国风手绘漫画形式，向广大中小学生学习生动普及深奥知识与人工智能前沿科学知识。

Yōu xiù kē pǔ chuàng zuò yùn yòng yōu mò shēng dòng de guó fēng shǒu huì màn huà xíng shì, xiàng guǎng dà zhōng xiǎo xué shēng shēng dòng pǔ jí shēn kōng tàn cè yǔ rén gōng zhī néng qián yán kē xué zhī shì.

Tác giả sáng tác phổ biến khoa học xuất sắc đã vận dụng hình thức truyện tranh vẽ tay phong cách dân tộc sinh động hóm hỉnh để phổ cập sinh động các kiến thức khoa học tiên phong về trí tuệ nhân tạo và thám hiểm không gian sâu tới đồng đạo các em học sinh phổ thông.

22 nét

HÁN VIỆT: MÀN HOA

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#490

漫长
màn cháng

dài

在面对复杂的挑战时，保持漫长的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí màn cháng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái dài đặc biệt quan trọng.

22 nét

HÁN VIỆT: MÀN TRƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#491

毛笔
máobǐ

bút lông, bút lông viết thư pháp

老书法家手握一支精良的湖州传统羊毫毛笔，在宣纸上挥毫泼墨、气韵生动。

Lǎo shū fǎ jiǎ shòu wò yī zhī jīng liáng de hú zhōu chuán tǒng yáng háo máo bǐ, zài xuān zhǐ shàng huī háo pō mò, qì yùn shēng dòng.

Nhà thư pháp lão thành tay cầm cây bút lông lông cừu truyền thống Hồ Châu tinh xảo, vung bút phóng mực trên giấy xuyên chỉ, khí vận sinh động ngập tràn sức sống.

20 nét

HÁN VIỆT: MAO BÚT

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#492

矛盾
máo dùn

mâu thuẫn, xung đột; trái ngược nhau

唯物辩证法告诉我们，事物内部固有的矛盾运动是推动一切事物向前发展的根本动力。

Wéi wù biàn zhèng fǎ gào sù wǒ men, shì wù nèi bù gù yǒu de máo dùn yùn dòng shì tuī dòng yī qiè shì wù xiàng qián fā zhǎn de gēn běn dòng lì.

Phép biện chứng duy vật chỉ ra rằng, sự vận động của những mâu thuẫn nội tại vốn có bên trong sự vật chính là động lực căn bản thúc đẩy mọi sự vật tiến lên phía trước.

23 nét

HÁN VIỆT: MÀU THUẦN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#493

冒
mào

bất chấp, mạo hiểm; bốc lên, tỏa ra (khói)

广大边防官兵冒着零下四十摄氏度的极度严寒与狂风暴雪，坚决守卫着祖国的神圣边防线。

Guǎng dà biān fáng guān bīng mào zhe líng xià sì shí shè shì dù de jí dù yán hán yǔ kuáng fēng bǎo xuě, jiǎn jué shǒu wèi zhe zǔ guó de shén shèng biān fáng xiàn.

Đồng đạo cán bộ chiến sĩ biên phòng bất chấp mạo hiểm bão tuyết gió cuồng và giá rét cực độ âm 40 độ C, kiên quyết giữ gìn bảo vệ đường biên phòng thiêng liêng của Tổ quốc.

9 nét

HÁN VIỆT: MAO

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#494

贸易
mào yì

thương mại, mậu dịch, buôn bán quốc tế

我国持续扩大高水平对外开放，与“一带一路”共建国家之间的双边经贸往来与货物贸易总额屡创新高。

Wǒ guó chí xù kuò dà gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng, yǔ "yī dài yī lù" gòng jiàn guó jiā zhī jiān de shuāng biān jīng mào wǎng lái yǔ huò wù mào yì zǒng é lì chuāng xīn gāo.

Nước ta tiếp tục mở rộng mở cửa đối ngoại ở trình độ cao, trao đổi kinh tế thương mại song phương và tổng kim ngạch thương mại hàng hóa với các nước cùng xây dựng 'Vành đai và Con đường' liên tục lập kỷ lục mới.

20 nét

HÁN VIỆT: MẬU DỊCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#495

煤
méi

than đá, than mỏ

国家加快推进煤炭绿色清洁高效利用与智能化绿色煤矿建设，全面保障国家能源安全。

Guó jiā jiǎ kuài tuī jìn méi tàn lǜ sè qīng jié gāo xiào lì yòng yǔ zhì néng huà lǜ sè méi kuàng jiàn shè, quán miàn bǎo zhàng guó jiā néng yuán ān quán.

Nhà nước đẩy nhanh thúc đẩy xây dựng mỏ than than đá xanh thông minh hóa và sử dụng hiệu quả cao sạch xanh than đá, bảo đảm toàn diện an ninh năng lượng quốc gia.

14 nét

HÁN VIỆT: MÔI



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#496

煤气

méiqì

khí gas than, khí đốt gas

城市全面实施燃气管网安全智慧改造，为千家万户安装管道煤气智能防泄漏自动切断阀。

Chéng shì quán miàn shí shī rán qì guǎn wǎng ān quán zhì huì gǎi zào, wéi qiān jiā wàn hù ān zhuāng guǎn dào méi qì zhì néng fáng xiè lòu zì dòng qiē duǎn fá.

Thành phố triển khai toàn diện cải tạo thông minh an toàn mạng lưới đường ống dẫn khí đốt, lắp đặt van tự động ngắt chống rò rỉ thông minh khí đốt gas đường ống cho muôn nhà muôn hộ.

📖 26 nét

HÁN VIỆT MÔI KHÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#497

门诊

mén zhěn

khám ngoại trú, phòng khám bệnh viện

三甲公立医院全面推行多学科联合门诊与分时段精准预约挂号服务，大幅缩短了急危重症患者的就医等候时间。

Sān jiǎ gōng lì yī yuàn quán miàn tuī xíng duō xué kē lián hé mén zhěn yǔ fēn shí duàn jīng zhǔn yù huà yuē guà hào fú wù, dà fú suǒ duǎn le jí wēi zhòng zhèng huàn zhě de jiù yī děng hòu shí jiān.

Bệnh viện công lập hạng 3A đã triển khai toàn diện phòng khám ngoại trú phối hợp đa ngành cùng dịch vụ đăng ký khám hẹn giờ chính xác theo từng khung giờ, rút ngắn vượt bậc thời gian chờ đợi khám chữa bệnh của người bệnh nhân nguy kịch hiểm nghèo.

📖 20 nét

HÁN VIỆT MÔN CHẨN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#498

迷人

mí rén

quyến rũ, mê hồn, cuốn hút lòng người

九寨沟那色彩斑斓的高山钙华梯池如梦似幻，水质澄澈见底，展现出了大自然鬼斧神工的迷人魅力。

Jiǔ zhài gǒu nà sè cǎi bān lán de gāo shān gài huá tī chí rú mèng sì huàn, shuǐ zhì chéng chè jiàn dǐ, zhǎn xiàn chū le dà zì rán guǐ fǔ shén gōng de mí rén mèi lì.

Những hồ nước bậc thang với hóa trên núi cao muôn màu muôn vẻ ở Cửu Trại Câu đẹp tựa như mơ như ảo, nước trong veo thấy tận đáy, phô diễn sức quyến rũ mê hồn tài tình kỳ diệu của mẹ thiên nhiên.

📖 17 nét

HÁN VIỆT MÊ NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#499

迷信

mí xìn

mê tín, mê tín mù quáng; sùng bái mù quáng

大力弘扬科学精神与普及现代科学知识，破除封建迷信与盲从权威，在全社会营造崇尚科学的浓厚氛围。

Dà lì hóng yáng kē xué jīng shén yǔ pǔ jí xiàn dài kē xué zhī shí, pò chú fēng jiàn mǐ xìn yǔ máng cóng quán wēi, zài quán shè huì yíng zào chóng shàng kē xué de nóng hòu fēn wéi.

Đẩy mạnh hoảng dương tinh thần khoa học và phổ cập tri thức khoa học hiện đại, bài trừ mê tín dị đoan phong kiến cùng việc mù quáng nghe theo thẩm quyền, xây dựng bầu không khí đậm đà tôn sùng khoa học trong toàn xã hội.

📖 18 nét

HÁN VIỆT MÊ TÍN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#500

面貌

miàn mào

diện mạo, bộ mặt, tinh thần diện mạo mới

全面推进乡村振兴战略使广袤农村的基础设施与人居环境发生了翻天覆地的历史性变化，乡村面貌焕然一新。

Quán miàn tuī jìn xiāng cūn zhàn xīng zhàn lüè shī shǐ guǎng mào nóng cūn de jī chǔ shè shī yǔ rén jū huán jīng fā shēng le fān tiān fù dì de lì shǐ xìng biàn huà, xiāng cūn miàn mào huàn rán yī xīn.

Thúc đẩy toàn diện chiến lược chấn hưng nông thôn đã giúp cơ sở hạ tầng cùng môi trường sống của các vùng nông thôn bao la có những biến đổi lịch sử nghiêng trời lệch đất, diện mạo làng quê rạng rỡ đổi mới hoàn toàn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT DIỆN MẠO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#501

面子

miàn zi

thể diện, sĩ diện, danh dự mặt mũi

开展党内严肃认真的批评与自我批评时，必须坚持实事求是、抛开面子，红红脸、出出汗以切实解决实际问题。

Kāi zhǎn dǎng nèi yán sù rèn zhēn de pī píng yǔ zì wǒ pī píng shí, bì xū jiān chí shí shì qǐú shì, pào kāi miàn zi, hóng hóng liǎn, chū chū hàn yī qiè shí jiē jué shí jì wèn tí.

Khi triển khai tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong Đảng, bắt buộc phải kiên trì thực sự cầu thị, gạt bỏ sĩ diện thể diện, đỏ mặt toát mồ hôi để giải quyết thiết thực các vấn đề trong thực tế.

📖 21 nét

HÁN VIỆT DIỆN TỬ

HSK 5 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#502

秒

miǎo

giây (đơn vị đo thời gian)

我国科研团队成功研制出几十亿年误差不过一秒的高精度光谱标光学原子钟，刷新世界精度纪录。

Wó guó kē yán tuán duì chéng gōng yán zhì chū jǐ shí yǐ nián wù chā bù chāo guò yī miǎo de gāo jīng dù guāng pīn biāo guāng xué yuán zì zhōng, shuā xīn shì jì jīng dù jì lù.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công đồng hồ nguyên tử quang học chuẩn tần số ánh sáng độ chính xác cao mấy tỷ năm sai số không vượt quá một giây giây, phá kỷ lục độ chính xác của thế giới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT MIỂU

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#503

敏感

mǐn gǎn

nhạy cảm

在面对复杂的挑战时，保持敏感的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí mǐn gǎn de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái nhạy cảm đặc biệt quan trọng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT MÃN CẢM

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#504

明亮

míngliàng

sáng sủa, sáng ngời, trong sáng

在宽敞明亮的现代国家重点实验室里，青年科研骨干正聚精会神地开展前沿芯片物理特性测试。

Zài kuǎn chǎng míng liàng de xiàn dài guó jiā zhòng yǎn shí yàn shì lì, qīng nián gǎn yàn gǔ gàn zhèng jù jīng huì shén dì kāi zhǎn qián yán xīn piàn wù lǐ tè xìng cè shì.

Bên trong phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia hiện đại sáng ngời rộng rãi sáng sủa, các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi đang tập trung cao độ triển khai kiểm tra đặc tính vật lý của chip tiên phong.

📖 21 nét

HÁN VIỆT MINH LƯỢNG



HSK 5 (3.0)

Phó từ

#505

明明

míng míng

rõ ràng là, rành rành, hiển nhiên

在铁证如山的出土文物铭文证据面前，个别西方政客明明知晓历史真相，却依然出于政治目的蓄意歪曲事实。

Zài tiě zhèng rú shān de chū tǔ wén wù míng wén zèng miàn qián, gè bié xī fāng zhèng kè míng míng zhī xiǎo lì shǐ zhēn xiàng, què yī rán chū yú zhèng zhì mù dì xù yì wāi qū shì shí.

Đứng trước các chứng cứ văn tự khắc trên cổ vật khai quật xác thực như núi chứng cứ, một số chính khách phương Tây rõ ràng là rành rành biết rõ chân tướng lịch sử nhưng vẫn vì mục đích chính trị cố tình bóp méo sự thật.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: MINH MINH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#506

命令

mìng lìng

ra lệnh, chỉ thị, mệnh lệnh

在抢险救灾的关键时刻，全体救援队员闻令而动、坚决贯彻执行指挥部的紧急救援命令。

Zài qiǎng xiǎn jiù zāi de guān jiàn shí kè, quán tǐ jiù yuán duì yuán wén lìng ér dòng, jiǎn jué gǔn ché zhí xíng zhǐ huī bù de jí jǐn jiù yuán mìng lìng.

Vào thời khắc then chốt của công tác cứu hộ thiên tai, toàn thể cán bộ cứu hộ vừa nghe lệnh đã lập tức hành động, kiên quyết quán triệt thực thi mệnh lệnh cứu hộ khẩn cấp của ban chỉ huy.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: MỆNH LỆNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#507

模范

mó fàn

mẫu mực, gương mẫu, tấm gương sáng

全国劳动模范和先进工作者在平凡岗位上默默奉献，用崇高的工匠精神与劳动品格书写了不平凡的时代荣光。

Quán guó láo dòng mó fàn hé xiān jìn gōng zuò zhě zài píng fán gǎng wèi shàng mò mò fèng xiàn, yòng chóng gāo de gōng jīng jīng shén yǔ láo dòng pǐn gé shū xiě le bù píng fán de shí dài róng guāng.

Những gương mặt lao động kiểu mẫu toàn quốc và cán bộ tiên tiến nơi vị trí công tác bình dị đã âm thầm cống hiến, dùng tinh thần người thợ cả cao đẹp cùng phẩm chất lao động viết nên ánh hào quang thời đại phi thường.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: MÔ PHẠM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#508

模仿

mó fǎng

bắt chước, mô phỏng, nhại theo

艺术创作可以从早期的临摹与模仿起步，但唯有融入独特的艺术个性才能自成一家。

Yì shù chuàng zuò kě yǐ kǎi yǐ cóng zǎo qī de lín mó yǔ mó fǎng qǐ bù, dàn wéi yǒu róng rù dù tè de yì shù gè xìng cái néng zì chéng yí jiā.

Sáng tác nghệ thuật có thể khởi đầu từ việc sao chép và mô phỏng ban đầu, nhưng chỉ khi hòa quyện cá tính nghệ thuật độc đáo của riêng mình mới có thể tạo nên trường phái đỉnh cao.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: MÔ PHỎNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#509

模糊

mó hu

mờ mờ, mơ hồ, không rõ ràng; làm mờ

经过高分辨率图像超分辨率重建算法处理，原先模糊不清的历史老照片瞬间变得清晰锐利。

Jīng guò gāo fēn biān lǜ tú xiàng chāo fēn biān lǜ chóng jiàn suàn fǎ chǔ lǐ, yuán xiān mó hu bù qīng de lì shǐ lǎo zhào piàn shùn jiān biàn dé qīng xī rǎi lì.

Sau khi được xử lý bằng thuật toán tái cấu trúc siêu phân giải hình ảnh độ nét cao, những bức ảnh lịch sử cũ vốn mờ mờ không rõ nét tức thì trở nên sắc nét và chi tiết.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: MÔ HỒ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#510

模式

mó shì

mô thức, mô hình phương thức vận hành

中国式现代化创造了人类文明新形态，拓展了发展中国家走向现代化的全新路径与多元发展模式选择。

Zhōng guó shì xiàn dài huà chuàng zào le rén lèi wén míng xīn xíng tài, tuò zhǎn le fā zhǎn zhōng guó jiǎ zǒu xiàng xiàn dài huà de quán xīn lù jīng yǔ duō yuán fā zhǎn mó shì xuǎn zé.

Hiện đại hóa đất nước đã kiến tạo nên hình thái mới của nền văn minh nhân loại, mở rộng con đường hoàn toàn mới cùng sự lựa chọn mô hình phương thức phát triển đa nguyên cho các quốc gia đang phát triển tiến tới hiện đại hóa.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: MÔ THỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#511

模样

mú yàng

dáng vẻ, diện mạo hình dáng; chừng độ khoảng chừng

在现代化智能农场里，曾经面朝黄土背朝天的传统耕作方式彻底改变，展现出了未来智慧农业的高科技模样。

Zài xiàn dài huà zhì néng nóng chǎng lǐ, céng jīng miàn cháo huáng tǔ bèi cháo tiān de chuán tǒng gēng zuò fāng shì chè dǐ gǎi biàn, zhǎn xiàn chū le wèi lái zhì huì nóng yè de gāo kē jì mú yàng.

Bên trong trang trại thông minh hiện đại hóa, phương thức canh tác truyền thống bán mặt cho đất bán lưng cho trời năm xưa đã thay đổi hoàn toàn, phô diễn dáng vẻ diện mạo công nghệ cao của nền nông nghiệp thông minh tương lai.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: MÔ DẠNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#512

摩擦

mó cā

ma sát; va chạm bất đồng, ma sát thương mại

通过多边平等对话与建设性协商化解经贸分歧，推动全球经济治理体系向着更加公正合理的方向健康发展。

Tōng guò duō biān píng děng duì huà yǔ jiàn shè xìng xié shāng huà jiě jīng mào fēn qí, tuī dòng quán qióu jīng jì zhì lǐ xī xī xiàng zhe gèng jiā gōng zhèng hé lí de fāng xiàng jiàn kāng fā zhǎn.

Thông qua đối thoại bình đẳng đa phương và thương lượng mang tính xây dựng để hóa giải các bất đồng ma sát kinh tế thương mại, thúc đẩy hệ thống quản trị kinh tế toàn cầu phát triển lành mạnh theo hướng công bằng và hợp lý hơn.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: MA SÁT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#513

摩托

mó tuō

xe mô-tô, xe máy

在偏远崎岖的高山林区，护林员骑着专业越野巡护摩托穿行在林间小道上，严密监测森林火情。

Zài piǎn yuǎn qí qū de gāo shān lín qū, hù lín yuán qí zhe zhuān yè yuē yě xún hù mó tuō chuān xíng zài lín jiān xiǎo dào shàng, yán mì jiān cè sēn lín huǒ qíng.

Tại khu vực rừng núi cao hiểm trở xa xôi, nhân viên kiểm lâm cưỡi chiếc xe máy xe mô-tô tuần tra việt dã chuyên dụng chạy xuyên qua những con đường mòn trong rừng, giám sát nghiêm ngặt tình hình cháy rừng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: MATHÁC



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#514

目光

mù guāng

ánh mắt, ánh nhìn; tầm nhìn xa
trông rộng

战略科学家以极其深邃前瞻的战略目光，准确预判了未来数十年人工智能与量子科学深度融合的发展趋势。

Zhàn lüè kē xué jiā yǐ jí qí shēn suī qián zhān de zhàn lüè mù guāng, zhǔn què yù pàn le wèi lái shù shí nián rén gōng zhì néng yǔ liàng zǐ kē xué shēn dù jiāo róng de fā zhǎn qū shì.

Nhà khoa học chiến lược bằng ánh mắt và tầm nhìn chiến lược vô cùng sâu sắc đón đầu đã dự đoán chuẩn xác xu thế phát triển dung hợp sâu rộng giữa khoa học lượng tử và trí tuệ nhân tạo trong nhiều thập kỷ tới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: MỤC QUANG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#515

耐心

nài xīn

kiên nhẫn, nhẫn nại

教导初学外语的幼童需要极大的爱心与耐心，循序渐进地引导他们感受语言的魅力。

Jiào dǎo chū xué wài yǔ de yòu tóng xū yào jí dà de ài xīn yǔ nài xīn, xún xù jiàn jìn dì yǐn dǎo tā men gǎn shòu yǔ yán de mèi lì.

Dạy dỗ các em nhỏ mới bắt đầu học ngoại ngữ cần rất nhiều tình yêu thương và sự kiên nhẫn, từng bước từng bước dẫn dắt các em cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NẠI TÂM

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#516

男性

nánxìng

nam giới, phái nam, đàn ông

在推进科技创新的伟大征程中，广大男性与女性科技工作者并肩携手攻坚，展现了卓越的智慧与担当。

Zài tuī jìn kē jì chuàng xīn de wēi dà zhēng chéng zhōng, guǎng dà nán xìng yǔ nǚ xìng kē jì gōng zuò zhě bìng jiān xié shǒu gòng jǐn, zhǎn xiàn le zhuó yuè de zhì huì yǔ dān dāng.

Trên hành trình vĩ đại thúc đẩy đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, đông đảo người làm công tác khoa học phái nam nam giới và nữ giới đã kề vai sát cánh cùng nhau vượt khó, phô diễn trí tuệ và tinh thần gánh vác trách nhiệm.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NAM TÍNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#517

南北

nánběi

nam bắc, hai miền Nam Bắc

纵贯南北的京沪高铁如同一条钢铁巨龙，将我国北方与南方两大核心经济圈紧密串联在一起。

Zòng guàn nán běi de jīng hù gāo tiě rú tóng yī tiáo gāng tiě jù lóng, jiāng wǒ guó běi fāng yǔ nán fāng liǎng dà hé xīn jīng jì quān jìn mì chuán lián zài yì qǐ.

Tuyến đường sắt cao tốc Bắc Kinh - Thượng Hải chạy dọc nam bắc hai miền Nam Bắc tựa như một con cự long thép, kết nối chặt chẽ hai vành đai kinh tế cốt lõi miền Nam và miền Bắc nước ta lại với nhau.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: NAM BẮC

HSK 5 (3.0)

Danh từ riêng

#518

南极

Nánjí

Nam Cực, vùng Nam Cực

我国在南极内陆冰盖最高点成功建成了高水平科学考察站，开启了探索极地气候演变的新篇章。

Wǒ guó zài nán jí nèi lù bīng gài zuì gāo diǎn chéng gōng jiàn chéng le gāo shuǐ píng kē xué kǎo chá zhàn, kāi qǐ le tàn suǒ jí dì qì hòu yǎn biàn de xīn piān zhāng.

Nước ta đã xây dựng thành công trạm khảo sát khoa học trình độ cao tại điểm cao nhất của dải băng nội lục Nam Cực, mở ra chương mới cho việc thám hiểm sự biến đổi khí hậu vùng địa cực.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NAM CỰC

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#519

难得

nán dé

hiếm có, quý báu khó tìm, hiếm khi

国家大科学装置在极佳的天文观测窗口期内，成功捕获到了极难得一见的高能宇宙射线超新星爆发全光谱数据。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì zài jí jiā de tiān wén guān cè chuāng kǒu qī nèi, chéng gōng bǔ huò dào le jí nán dé yí jiàn de gāo néng yǔ zhòu shè xiàn chāo xīn xīng bào fā quán guāng pǔ shù jù.

Đại thiết bị khoa học quốc gia bên trong khung cửa sổ quan trắc thiên văn tuyệt hảo đã bắt trọn thành công toàn bộ số liệu quang phổ về vụ nổ siêu tân tinh tia vũ trụ năng lượng cao cực kỳ hiếm có khó tìm.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: NAN ĐẮC

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#520

难以

nányǐ

khó mà, khó lòng, khó có thể

深空探测面临着超远距离测控与极端严酷宇宙环境等多重难以想象的巨大技术挑战。

Shēn kōng tàn cè miàn lín zhe chāo yuǎn líng jiào kòng yǔ jí duān yán kù yǔ zhòu huán jìng děng duō zhòng nán yǐ xiǎng xiàng de jù dà jì shù tiǎo zhàn.

Thăm trắc không gian sâu đang phải đối mặt với muôn vàn thử thách công nghệ to lớn khó mà khó lòng tưởng tượng nổi như môi trường vũ trụ khắc nghiệt cực đoan và đo kiểm điều khiển khoảng cách siêu xa.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NAN DĨ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#521

脑子

nǎozi

đầu óc, trí não, bộ óc

做高深理论推演不仅需要扎实的数学基础，更需要开动脑子、敢于打破思维定式。

Zuò gāo shēn lǐ lùn tuī yǎn bù jǐn xū yào zhā shí de shù xué jī chǔ, gèng xū yào kāi dòng nǎo zǐ, gǎn yú dǎ pò sī wéi dìng shì.

Làm suy diễn lý luận thâm sâu không chỉ đòi hỏi nền tảng toán học vững chắc, mà càng cần phải vận dụng đầu óc trí não, dám phá vỡ lối mòn tư duy.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NÃO TỬ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#522

内在

nèi zài

nội tại, bên trong, bản chất nội hàm
bên trong

绿色发展是高质量发展的底色，新质生产力本身就是符合新发展理念的绿色生产力，二者具有深刻的内在统一性。

Lǜ sè fā zhǎn shì gāo zhì liàng fā zhǎn de dǐ sè, xīn zhì shēng chǎn lì běn shēn jiù shì fù hé xīn fā zhǎn lǐ niàn de lǜ sè shēng chǎn lì, èr zhě jù yǒu shēn kè de nèi zài tǒng yī xìng.

Phát triển xanh là màu nền cốt lõi của phát triển chất lượng cao, bản thân lực lượng sản xuất chất lượng mới chính là lực lượng sản xuất xanh phù hợp với quan niệm phát triển mới, hai yếu tố này sở hữu tính thống nhất nội tại sâu sắc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NỘI TẠI



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#523

能量

néng liàng

năng lượng; nguồn năng lượng tích cực (xã hội)

【全超导托卡马克核聚变实验装置成功实现千秒级高参数高约束稳态运行，为未来聚变清洁能源应用奠定了基石。

Quán quán chāo dǎo tuō kǎ mǎ kē hé hé jù biàn shí yàn zhuāng zhì chéng gōng shí xiàn qiān miǎo jí gāo cān shù gāo yuē shù wěn tài yùn xíng, wèi wèi lái jù biàn qīng jié néng liàng yīng yòng diǎn dìng le jī shí.

Thiết bị thực nghiệm nhiệt hạch hạt nhân Tokamak siêu dẫn toàn phần đã thực hiện thành công việc vận hành trạng thái ổn định giam giữ cao với thông số cao ở cấp độ ngàn giây, đặt nền móng hòn đá tảng cho ứng dụng năng lượng sạch nhiệt hạch trong tương lai.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NĂNG LƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#524

年度

nián dù

niên độ, năm tài chính, năm thường niên

【在国家科学技术奖励年度大会上，数十位为国家重大战略工程作出卓越原创贡献的领军科学家受到了隆重表彰。

Zài guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì nián dù dà huì shàng, shù shí wèi wèi guó jiā zhòng dà zhàn lüè gōng chéng zuò chū zhūo yuè yuán chuàng gòng xiàn de lǐng jūn kē xué jiā shòu dào le lóng zhòng biǎo zhāng.

Tại Đại hội Thường niên Trao Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Quốc gia, hàng chục nhà khoa học đầu ngành có cống hiến nguyên tác kiệt xuất cho các công trình chiến lược trọng đại của đất nước đã được long trọng biểu dương khen thưởng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NIÊN ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#525

年龄

nián líng

tuổi tác, tuổi đời

【追求知识与追寻梦想从来不受年龄的限制，只要心怀热忱，任何时候出发都不算晚。

Zhuī qiú zhī shí yǔ zhuī xún mèng xiǎng cóng lái bù shòu nián líng de xiàn zhì, zhǐ yào xīn huai rè chén, rèn hé shí hòu chū fā dōu bù suàn wǎn.

Mưu cầu tri thức và theo đuổi ước mơ chưa bao giờ bị giới hạn bởi tuổi tác, chỉ cần trong lòng luôn ấp ủ bầu nhiệt huyết thì bất cứ vào bất cứ lúc nào cũng không hề muộn màng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: NIÊN LINH

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#526

年前

nián qián

trước Tết, trước năm mới; năm trước

【经过全队连续数月的日夜奋战，大科学装置核心部件联调测试终于在年前圆满完成。

Jīng guò quán duì lián xù shù yuè de rì yè fèn zhàn, dà kē xué zhuāng zhì hé xīn bù jiàn lián diào cè shì zhōng yú zài nián qián yuán mǎn wán chéng.

Trải qua nhiều tháng ngày đêm chiến đấu liên tục của toàn đội, bài thử nghiệm kiểm tra hiệu chỉnh liên động linh kiện cốt lõi của thiết bị khoa học lớn cuối cùng đã hoàn thành mỹ mãn trước Tết trước năm mới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NIÊN TIỀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#527

牛仔裤

niú zǎi kù

quần bò, quần jeans

【经典复古的深蓝色纯棉牛仔褲以其耐磨舒适与百搭版型，深受全球年轻人的喜爱。

Jīng diǎn fù gǔ de shēn lán sè chún mian niú zǎi kù yǐ qí nài mǎ shù shì yǔ bài dà bǎn xíng, shēn shòu quán qiú nián qīng rén de xǐ ài.

Chiếc quần jeans cotton màu xanh đậm phong cách cổ điển nhờ vào độ bền chống mài mòn, sự thoải mái và phom dáng dễ phối đồ đã được giới trẻ khắp thế giới vô cùng ưa chuộng.

📖 33 nét

HÁN VIỆT: NGƯU TỂ KHỐ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#528

农产品

nóng chǎn pǐn

nông sản, sản phẩm nông nghiệp

【现代农业冷链物流网络全面覆盖乡村，让优质绿色特色农产品能在二十四小时内直达全国各大城市餐桌。

Xiàn dài nóng yè lǐng lián wù liú wǎng luò quán miàn fù gài xiāng cūn, ràng yōu zhì lǜ sè tè sè nóng chǎn pǐn néng zài èr shí sì xiǎo shí nèi zhí dá quán guó gè dà chéng shì cān zhuō.

Mạng lưới logistics chuỗi cung ứng lạnh nông nghiệp hiện đại phủ khắp làng quê, giúp các nông sản sản phẩm nông nghiệp đặc sắc xanh chất lượng cao có thể vận chuyển thẳng tới bàn ăn các đô thị lớn trên toàn quốc trong vòng 24 giờ.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: NÔNG SẢN PHẨM

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#529

女性

nǚ xìng

phụ nữ, phái nữ, nữ giới

【在国家战略重大科技工程攻关战线上，一大批杰出女性科学家勇挑重担，展现了卓越的巾帼风采。

Zài guó jiā zhàn lüè zhòng dà kē jì gōng chéng gōng guān zhàn xiàn shàng, yí dà pī jié chū nǚ xìng kē xué jiā yǒng tiāo zhòng dān, zhǎn xiàn le zhuó yuè de jīn gū fēng cǎi.

Trên tiền tuyến mặt trận vượt khó công trình khoa học công nghệ trọng đại chiến lược quốc gia, một lực lượng lớn các nhà khoa học phụ nữ phái nữ kiệt xuất đã dũng cảm đảm đương việc lớn, phổ diễn phong thái anh thư trác việt.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NỮ TÍNH

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#530

暖

nuǎn

ấm, ấm áp, ấm áp tình người; sưởi ấm

【党和国家对广大一线科研人员与老专家生活上的无微不至关怀，温暖了全体科技工作者的心田。

Dāng hé guó jiā duì guǎng dà yí xiàn kē yán rén yuán yǔ lǎo zhuān jiā shēng huó shàng de wú wēi bù zhī guān huái, wēn nuǎn le quán tǐ kē jì gōng zuò zhě de xīn tián.

Sự quan tâm chăm sóc tỉ mỉ chu đáo trong cuộc sống của Đảng và Nhà nước đối với các chuyên gia lão thành và cán bộ nghiên cứu nơi tuyến đầu đã sưởi ấm làm ấm áp ấm áp cõi lòng của toàn thể những người làm công tác khoa học.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: NOǺN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#531

偶尔

ǒu ěr

thỉnh thoảng, đôi khi

【虽然平日科研工作极其繁忙，但他偶尔也会抽出周末时光去郊外湖畔垂钓放松心情。

Suī rán píng rì kē yán gōng zuò jí qí fán máng, dàn tā ǒu ěr yě huì chōu chū zhōu mò shí guāng què wài hú pàn chuí diào fàng sōng xīn qíng.

Dẫu ngày thường công tác nghiên cứu khoa học bận tới tận mặt mũi, nhưng thỉnh thoảng anh ấy vẫn bớt chút thời gian cuối tuần ra ven hồ ngoại ô câu cá thư giãn tâm hồn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: NGẪU NHĨ


HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#532

偶然

ǒu rán

ngẫu nhiên, tình cờ, ngẫu hợp

科学史上许多划时代的重大发现表面上看似偶然，实则是长期艰苦探索与深厚积累的必然结果。

Kē xué shǐ shàng xǔ duō huà shí dài de zhòng dà fā xiàn biǎo miàn shàng kàn sì ǒu rán, shí zé shì cháng qī jiǎn kǔ tàn suǒ yǔ shēn hòu jī lěi de bì rán jié guǒ.

Nhiều phát minh mang tính bước ngoặt trong lịch sử khoa học thoát nhìn bề ngoài có vẻ là sự tình cờ ngẫu nhiên, nhưng thực chất lại là kết quả tất yếu của quá trình tích lũy sâu dày và dày công tìm tòi lâu dài.

22 nét

HÁN VIỆT: NGẪU NHIÊN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#533

偶像

ǒuxiàng

thần tượng, hình tượng mẫu mực

新时代青年把胸怀祖国、勇攀高峰的功勋科学家视为自己心目中崇高的人生偶像与学习楷模。

Xīn shí dài qīng nián bǎ xiōng huái zǔ guó, yǒng pān gāo fēng de gōng xūn kē xué jiā shì wèi zì jǐ xīn mù zhōng chóng gāo de rén shēng ǒu xiàng yǔ xué xí kǎi mó.

Thanh niên thời đại mới coi các nhà khoa học có công lao dựng cảm treo lên đỉnh cao mang trong tim Tổ quốc là hình mẫu học tập và thần tượng nhân sinh cao đẹp trong lòng mình.

22 nét

HÁN VIỆT: NGẪU TƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#534

拍摄

pāishè

quay phim, chụp ảnh, ghi hình

深空遥感卫星搭载的高分辨率全色相机成功拍摄并传回了月球背面高清晰度撞击坑立体地貌。

Shēn kōng yǎo gǎn wèi xīng dā zài de gāo fēn biàn lǜ quán sè xiàng jī chéng gōng pāi shè bìng chuán huí le yuè qiú bèi miàn gāo qīng dù zhuàng jī tǐ dì mào.

Máy ảnh toàn sắc độ phân giải cao trang bị trên vệ tinh viễn thám không gian sâu đã quay phim chụp ảnh ghi hình và truyền về thành công địa mạo lập thể độ nét cao của các hố va chạm ở mặt sau Mặt Trăng.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÁCH NHIẾP

HSK 5 (3.0)

Động từ

#535

排除

páichú

loại trừ, loại bỏ, khắc phục (sự cố, nguy cơ)

技术专家团队在火箭点发射前数分钟，以极高专业素养快速诊断并成功排除了微弱的气体压力波动异常。

Jì shù zhuān jiǎ tuán duì zài huǒ jiàn diǎn fā shòu qián jǐ fēn zhōng, yǐ jí gāo zhuān yè sù yǎng kuài sù zhěn duàn bìng chéng gōng pái chú le wēi ruò de qì tǐ yā lì bō dòng yì chāng.

Đội ngũ chuyên gia kỹ thuật vào thời điểm vài phút trước khi tên lửa điểm hỏa phóng đã bằng tổ chức chuyên môn cực cao nhanh chóng chẩn đoán và loại trừ khắc phục thành công sự cố dị thường dao động áp suất khí cực yếu.

19 nét

HÁN VIỆT: BÀI TRỪ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#536

旁

páng

bên cạnh

老师鼓励大家积极旁，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí páng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bên cạnh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: BÀNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#537

陪

péi

đi cùng

老师鼓励大家积极陪，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí péi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi cùng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: BÔI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#538

赔

péi

bồi thường, đền bù; chịu lỗ

国家依法严厉打击侵犯知识产权违法行为，全面推行侵权惩罚性赔偿制度，让侵权者付出沉重代价。

Guó jiā yī fǎ yán lì dǎ jī qīn fǎ zhī quán xíng fǎ shí chān quán wéi fǎ xíng wéi, quán miàn tuī xíng qīn quán chéng fá xíng péi cháng zhì dù, ràng qīn quán zhě fù chū chén zhòng dài jià.

Nhà nước căn cứ theo pháp luật trừng trị nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, thực thi toàn diện chế độ bồi thường đền bù mang tính trừng phạt, khiến kẻ xâm phạm phải trả cái giá đắt.

12 nét

HÁN VIỆT: BÔI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#539

赔偿

péi cháng

bồi thường, đền bù

保险公司严格按照保单合同条款与实际定损评估结果，在三个工作日内全额赔偿了客户的受损财产。

Bǎo xiǎn gōng sī yán gē àn zhào bǎo dān hé tóng tiáo kuān yǔ shí jì dìng sūn píng gū jié guǒ, zài sān gē gōng zuò rì nèi quán é péi cháng le kè hù de shòu sūn cái chǎn.

Công ty bảo hiểm đã chi trả bồi thường toàn bộ tài sản bị thiệt hại cho khách hàng trong vòng 3 ngày làm việc theo đúng các điều khoản hợp đồng bảo hiểm và kết quả giám định tổn thất thực tế.

26 nét

HÁN VIỆT: BÔI THƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#540

配备

pèi bèi

trang bị, bố trí lắp đặt; trang thiết bị

新建成的国家级深水海洋工程综合实验水池配备了全球造波能力最强的特种造波造风综合造波系统。

Xīn jiàn chéng de guó jiā jí shēn shuǐ hǎi yáng gōng chéng zōng hé shí yàn shuǐ chí pèi bèi le quán qiú zào bō néng lì zuì qiáng de tè zhōng zào bō fēng zōng hé zào bō bō xī tǒng.

Bể thực nghiệm tổng hợp công trình đại dương nước sâu cấp quốc gia mới khánh thành được trang bị lắp đặt hệ thống tạo sóng, tạo gió và tạo dòng chảy tổng hợp đặc chủng có năng lực tạo sóng mạnh nhất toàn cầu.

28 nét

HÁN VIỆT: PHỐI BỊ

HSK 5
(3.0)Động từ / Tính từ /
Danh từ

#541

配套

pèi tào

đồng bộ, đi kèm đồng bộ, gói phụ
trợ hoàn chỉnh

国家在高新技术产业开发区统筹布局研发中试基地，建设了高度完备的高精尖产业链供应链配套基础设施。

Guó jiā zài gāo xīn jì shù kāi fā qū tǒng chóu bù jú yán fā zhōng shì jī dì, jiàn shè le gāo dù wán bèi de gāo jīng jiǎn zhàn chǎn yè liàn gōng yīng liàn pèi tào jī chǔ shè shī.

Nhà nước tại các khu khai thác phát triển công nghiệp công nghệ cao đã bố cục đồng bộ các căn cứ thử nghiệm quy mô pilot nghiên cứu phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng bổ trợ đồng bộ chuỗi cung ứng chuỗi ngành công nghệ cao tối tân vô cùng hoàn chỉnh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT PHỐI SÁO

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#542

喷

pēn

phun ra, xịt ra, phun trào

重型运载火箭发动机喷射出炽热耀眼的烈焰，托举着大国重器以磅礴气势直冲云霄。

Zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn fā dòng jī pēn shè chū zhǐ rè yǎo yǎn de liè yǎn, tuō jǔ zhe dà guó zhòng qì yǐ páng bó qì shì zhí chōng yún xiāo.

Động cơ tên lửa đẩy hạng nặng phun trào phun ra ngọn lửa sáng rực chói lọi nóng bỏng, nâng đỡ đại khí quốc gia bằng khí thế dời non lấp biển bay thẳng lên tầng mây xanh.

📖 13 nét

HÁN VIỆT PHUN

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#543

盆

pén

chậu, bồn, bát to; chậu (lượng từ)

书房向阳的窗台上摆放着一盆生机盎然的君子兰，翠绿厚实的叶片间绽放出娇艳高雅的花朵。

Shū fáng xiàng yáng de chuāng tái shàng bài fàng zhe yí pén shēng jī àng rán de jūn zǐ lán, cuì lǜ hòu shí de yè piàn jiān zhàn fàng chū jiāo yàn gāo yǎ de huā duǒ.

Bên bệ cửa sổ đón nắng của phòng đọc sách đặt một chậu lan Quân tử tràn trề sức sống, giữa những phiến lá xanh dày dặn bung nở những đóa hoa tao nhã kiêu sa.

📖 13 nét

HÁN VIỆT BỒN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#544

披

pī

khoác lên, choàng lên, khoác áo

冬雪过后，巍峨挺拔的万里长城披上了银装素裹的冰雪盛装，蜿蜒在群山之巅，气势磅礴。

Dōng xuě guò hòu, wēi é tíng bá de wàn lǐ cháng chéng pī shàng le yín zhuāng sù guāo de bīng xuě shèng zhuāng, wǎn yǎn zài qún shān zhī diǎn, qì shì páng bó.

Sau trận tuyết mùa đông, Vạn Lý Trường Thành sừng sững uy nghiêm khoác lên mình tấm áo choàng bằng tuyết màu bạc tinh khôi như lụa trắng, uốn lượn trên đỉnh núi non trùng điệp, khí thế dời non lấp biển.

📖 11 nét

HÁN VIỆT PHI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#545

皮肤

pí fū

làn da, da

户外长时间暴露在强烈紫外线照射下，务必涂抹防晒霜以保护娇嫩的皮肤免受灼伤。

Hù wài zhǎng shí jiǎn bào lù zài qiáng liè zì wài xiàn zhào shè xià, wù bì tú mǒ fáng shài shuāng yǐ bǎo hù jiǎo nèn de pí fū miǎn shòu zhuó shāng.

Khi hoạt động ngoài trời lâu dưới ánh nắng có tia cực tím gay gắt, nhất định phải bôi kem chống nắng để bảo vệ làn da mỏng manh tránh khỏi bị bỏng rát.

📖 22 nét

HÁN VIỆT BÌ PHU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#546

皮鞋

pí xié

giày da

在出席重要的国际外事礼宾会见时，穿着擦拭得一尘不染的黑色真皮皮鞋是基本的商务礼仪规范。

Zài chū zhū xī zhòng yào de guó jì wài shì lǐ bīn huì jiàn shí, chuān zhe cǎ shì dé yí chén bù rǎn de hēi sè zhēn pí pí xié shì jī běn de shāng wù lǐ yí guī fàn.

Khi tham dự các buổi tiếp kiến lễ tân đối ngoại quốc tế quan trọng, việc mang đôi giày da màu đen được đánh bóng sạch sẽ không gợn hạt bụi là quy chuẩn lễ nghi công sở cơ bản.

📖 19 nét

HÁN VIỆT BÌ HẢI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#547

脾气

pí qì

tính khí, tính tình, cáu gắt

张教授平日待人随和温厚，但对待学术研究中的弄虚作假行为却极其严厉、从不留情面。

Zhāng jiào shòu píng rì dài rén suí hé wēn hòu, dàn dài wèi xué shù yán jiū zhōng de nuǒng xū zuò jiǎ xíng wéi què jí qí yán lì, cóng bù liú qíng miàn.

Giáo sư Trương ngày thường tính tình hòa nhã ấm áp, nhưng đối với các hành vi gian dối trong nghiên cứu học thuật thì thấy lại vô cùng nghiêm khắc, tính khí cương trực không nể nang ai.

📖 24 nét

HÁN VIỆT TỠ KHÍ

HSK 5 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#548

匹

pǐ

con (ngựa); cuộn (vải); mã lực

在辽阔苍茫的内蒙古大草原上，一匹浑身毛色如缎的矫健骏马在夕阳下迎风驰骋。

Zài liáo kuò cāng máng de nèi mōng dà cǎo yuán shàng, yí pǐ hún shēn máo sè rú dùàn de jiǎo jiàn jùn mǎ zài xī yáng xià yíng fēng chí chěng.

Trên thảo nguyên Nội Mông bao la bát ngát, một chú tuấn mã dũng mãnh với bộ lông óng mượt như nhung đang phi nước đại ngược gió dưới ánh tà dương.

📖 12 nét

HÁN VIỆT THẤT

HSK 5 (3.0)

Động từ

#549

骗

piàn

lừa dối, lừa gạt, gạt gẫm

做学问搞科研必须老老实实、求真务实，容不得任何弄虚作假，科学规律决不会被任何虚假表象所欺骗。

Zuò xué wèn gǎo kē yán bì xū yǎn bǐ xū lǎo shí shí, qiú zhēn wú shí, róng bù dé rèn hé nuǒng xū zuò jiǎ, kē xué guī lǜ jué bù huì bèi rèn hé xū jiǎ biǎo xiàng suǒ qī piàn.

Làm học vấn và nghiên cứu khoa học bắt buộc phải thật thà ngay thẳng, cầu thị thực chất, không thể dung thứ cho bất kỳ sự dối trá giả mạo nào, quy luật khoa học tuyệt đối sẽ không bị bất kỳ hiện tượng giả tạo nào lừa gạt lừa dối.

📖 12 nét

HÁN VIỆT PHIÊN



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#550

骗子

piàn zi

kẻ lừa đảo, kẻ gian trá

公安机关重拳出击、严厉打击电信网络诈骗，坚决守护广大人民群众的切身财产安全不受骗子侵害。

Gōng ān jī guān zhòng quán chū jī, yán lì dǎ jī diàn xìn wǎng lüè zuǎn piàn, jiǎn jué shǒu hù guāng dà rén qún qín zhòng de qiè shēn cái chān ān quán bù shòu piàn zǐ qín hài.

Cơ quan công an ra đòn mạnh mẽ, trừng trị nghiêm khắc nạn lừa đảo qua mạng viễn thông, kiên quyết bảo vệ an toàn tài sản thiết thân của đồng bào quần chúng nhân dân không bị kẻ lừa đảo kẻ gian trá xâm hại.

23 nét

HÁN VIỆT: **PHIẾN TỬ**

HSK 5 (3.0)

Động từ

#551

拼

pīn

đốc sức liều mình, phấn đấu hết mình; ghép nối

伟大梦想不是等得来的，而是靠一代代人脚踏实地拼出来、干出来的。

Wěi dà mèng xiǎng bú shì děng dé lái de, ér shì kào yī dài dài rén jiāo tà shí dì pīn chū lái, gàn chū lái de.

Ước mơ vĩ đại không phải là thứ có thể ngồi chờ đợi mà tới, mà là do từng thế hệ con người chân thật vững vàng phấn đấu hết mình đốc sức liều mình làm nên mà có.

8 nét

HÁN VIỆT: **BÍNH**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#552

频道

pín dào

kênh truyền hình, kênh phát thanh, tần số

国家地理科学纪录片频道全天候播放高清自然科普纪录片，深受广大青少年自然爱好者的青睐。

Guó jiā dì lǐ kē xué jì lù piàn pín dào quán tiān hòu bō fàng gāo qīng zì rán kē pǔ jì lù piàn, shēn shòu guāng dà qīng nián zì rán ài hào zhě de qīng ài.

Kênh phim tài liệu khoa học địa lý quốc gia phát sóng các thước phim tài liệu phổ biến khoa học tự nhiên độ nét cao suốt 24/7, rất được đồng bào các bạn trẻ yêu thiên nhiên ưa thích.

21 nét

HÁN VIỆT: **TẦN ĐẠO**

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#553

频繁

pín fán

thường xuyên, dồn dập, tần suất dày đặc

随着我国深空探测与载人航天工程的常态化推进，大推力运载火箭发射任务进入了高密度、频繁发射新阶段。

Suí zhe wǒ guó shēn kōng tàn cè yǔ zài rén háng tiān gōng chéng de cháng tài huà tuī jìn, dà tuī lì yùn zài huó jiàn fā shè rén wù jìn rù le gāo mì dù, pín fán fā shè xīn jiē duàn.

Cùng với việc thúc đẩy thường thái hóa công trình hàng không vũ trụ có người lái và thám hiểm không gian sâu nước ta, các nhiệm vụ phóng tên lửa đẩy lực đẩy lớn đã bước vào giai đoạn mới phóng thường xuyên và mật độ cao.

22 nét

HÁN VIỆT: **TẦN PHỒN**

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#554

品

pǐn

phẩm chất, phẩm cách; sản phẩm; nếm trải thường thức

老一辈功勋科学家淡泊名利、求真务实的崇高人品与治学风范，是激励年轻一代前行的光辉灯塔。

Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā dàn bó míng lì, qióng zhēn wú shí de chóng gào rén pǐn yǔ zhì xué fēng fàn, shì jī lì nián qīng yì dài qián xíng de guāng huī dēng tǎ.

Tác phong làm học vấn và nhân cách phẩm cách phẩm chất cao đẹp cấu thị thực chất, đậm bạc danh lợi của các nhà khoa học có công lao tiến bộ chính là ngọn hải đăng soi sáng khích lệ thế hệ trẻ tiến lên.

12 nét

HÁN VIỆT: **PHẨM**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#555

品种

pǐn zhǒng

chủng loại, giống loài (cây trồng, vật nuôi)

农业科研专家历时十余年潜心选育出的抗旱耐盐碱优质水稻新品种，在盐碱荒滩上喜获高产。

Nóng yè kē yán zhuān jiā lì shí shí yǔ nián qián xīn xuān yù chū de kàng hàn nài yán jiǎn yōu zhì shuǐ dào xīn pǐn zhǒng, zài yán jiǎn huāng tān shàng xǐ huò gāo chān.

Giống lúa mới chất lượng cao chịu hạn kháng mặn do các chuyên gia khoa học nông nghiệp dày công lai tạo suốt hơn mười năm qua đã đạt năng suất bội thu trên các vùng đất hoang ngập mặn.

23 nét

HÁN VIỆT: **PHẨM CHỦNG**

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#556

平坦

píng tǎn

bằng phẳng, phẳng lạng, thênh thang bằng phẳng

四通八达的高标准车道柏油沥青公路如同黑色缎带延伸进大山深处，宽阔平坦的道路彻底改变了村庄的出行条件。

Sì tōng bā dá de gāo biāo zhǔn sì chē dào bǎi yóu lù rú tóng hēi sè duàn yán shēn jìn dà shān shēn chù, kuān kuò píng tǎn de dào lù chǐ dī biàn le cūn zhuāng de chū xíng tiáo jiàn.

Tuyến đường nhựa asphalt tiêu chuẩn cao 4 làn xe thông suốt bốn phương tám hướng tựa như dải lụa đen trải dài vào sâu trong lòng núi, con đường thênh thang bằng phẳng rộng rãi đã thay đổi hoàn toàn điều kiện đi lại của các thôn làng.

19 nét

HÁN VIỆT: **BÌNH THẢN**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#557

平原

píng yuán

đồng bằng, bình nguyên

东北松辽大平原作为国家最重要的商品粮核心基地，拥有广袤肥沃的黑土地与高度现代化的农业机械化集群。

Dōng běi sōng liáo dà píng yuán zuò wéi guó jiā zuì zhòng yào de shāng pǐn liáng hé xīn jī dì, yōng yǒu guǎng mào féi wò de hēi tǔ dì yǔ gāo dù xiān dài huà de nóng yè jī xiè huà jī qún.

Đồng bằng lớn Tùng Liêu vùng Đông Bắc với tư cách là căn cứ cốt lõi sản xuất lương thực hàng hóa quan trọng nhất của đất nước sở hữu dải đất đen phì nhiêu màu mỡ bao la cùng các cụm cơ giới hóa nông nghiệp hiện đại hóa trình độ cao.

18 nét

HÁN VIỆT: **BÌNH NGUYÊN**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#558

评估

píng gū

đánh giá, thẩm định đánh giá chuyên môn

国家科技伦理委员会组织权威跨学科专家，对前沿基因编辑临床研究项目的安全伦理风险开展了深入综合评估。

Guó jiā kē jì lǐ lùn wéi yuán huì zǔ zhī quán wēi kuà xué kē zhuān jiā, duì qián yán jī yīn biān jī lín chuāng yán jiū xiàng mù dì ān quán lún lǐ fēng xiǎn kāi zhǎn le shēn rù zōng hé píng gū.

Hội đồng Đạo đức Khoa học Công nghệ Quốc gia đã tổ chức các chuyên gia liên ngành có thẩm quyền tiến hành đánh giá thẩm định tổng hợp chuyên sâu về các rủi ro đạo đức an toàn của các dự án nghiên cứu lâm sàng chỉnh sửa gen tiên phong.

19 nét

HÁN VIỆT: **BÌNH CỔ**



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#559

评论

píng lùn

bình luận, đánh giá nhận xét; bài
bình luận

人民日报发表权威言论特约评论员文章，深刻阐述了加快发展新质生产力对推进中国式现代化的重大战略意义。

Rén mín rì bào fā biāo quán wēi yán lùn tè yuē píng lùn yuán wén zhāng, shēn kè chān shù lè jiā kuài fā zhǎn xīn zhì shēng chǎn lì duì tuī jìn zhōng guó shì xiàn dài huà de zhòng dà zhàn lüè yì yì. Báo Nhân dân Nhật báo đã đăng tải bài viết của bình luận viên đặc biệt có thẩm quyền, phân tích sâu sắc ý nghĩa chiến lược trọng đại của việc đẩy nhanh phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới đối với việc thúc đẩy hiện đại hóa đất nước.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · BÌNH LUẬN

HSK 5 (3.0)

Giới từ / Động từ

#560

凭

píng

dựa vào, căn cứ vào; dựa, tựa

广大旅客凭电子身份证与人脸识别验证，即可在几秒钟内实现高铁车站无感快速刷脸进站。

Guāng dà lǚ kè píng diàn zǐ shēn fèn zhēng yǔ rén lián shí bié yàn zhèng, jí kě zài jǐ miǎo zhōng nèi shí xiǎn gāo tiě chē zhàn wú gǎn kuài sù shuā liǎn jìn zhàn.

Đồng đảo hành khách dựa vào căn cước công dân điện tử và nhận diện khuôn mặt có thể quét mặt qua cổng vào ga tàu cao tốc nhanh chóng chỉ trong vài giây.

📖 9 nét

HÁN VIỆT · BẰNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#561

泼

pō

hắt, tạt, tưới xối; dội (nước)

在傣族传统泼水节狂欢现场，各族群众与中外游客互泼吉祥幸福之水，现场洋溢着欢声笑语与团结和谐气氛。

Zài dǎi zú chuán tǒng pō shuǐ jié kuáng huān xiàn chǎng, gè zú qún zhòng yǔ zhōng wài yóu kè hù pō jí xiáng xīng fú zhǐ shuǐ, xiàn chǎng yáng yì zhe huān gē xiào yǔ yǔ tuán jié hé xié qì fēn.

Tại hiện trường ngày hội Tắm Phật té nước truyền thống của dân tộc Thái (Dai), đồng bào nhân dân các dân tộc cùng du khách trong và ngoài nước té tạt những dòng nước mát lành hạnh phúc cho nhau, hiện trường ngập tràn tiếng ca múa cười vui cùng bầu không khí đoàn kết hòa hợp.

📖 13 nét

HÁN VIỆT · BÁT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#562

葡萄

pú tao

nho

新疆吐鲁番产地直采的无核紫葡萄晶莹剔透，甘甜多汁，风味绝佳。

Xīnjiāng Tǔlǔfān chǎndì zhí cǎi de wúhé zǐ pútáo jīngyīng tītòu, gāntián duōzhī, fēngwèi juéjiā. Nho tím không hạt hái trực tiếp từ vùng Turpan Tân Cương quả trong veo mong nước, vị ngọt thanh tuyệt hảo.

📖 18 nét

HÁN VIỆT · BỒ ĐÀO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#563

葡萄酒

pútáojiǔ

rượu vang, rượu nho

我国宁夏贺兰山东麓凭借得天独厚的光热资源与现代酿造工艺，打造出了享誉国际的高品质葡萄酒产区。

Wǒ guó níng xià hè lán shān dōng lù píng jié dé tiān dù hòu de guāng rè zī yuán yǔ xiàn dài niàng zào gōng yì, dǎ zào chū le xiǎng yù guó jì de gāo pín zhì pú táo jiǔ chǎn qū.

Khu vực chân núi phía đông Hạ Lan Sơn thuộc Ninh Hạ nước ta nhờ vào quy trình nấu rượu hiện đại và tài nguyên ánh sáng nhiệt độ trời phú đã kiến tạo nên vùng sản xuất rượu vang rượu nho chất lượng cao nổi tiếng quốc tế.

📖 30 nét

HÁN VIỆT · BỒ ĐÀO TỬU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#564

期望

qī wàng

kỳ vọng, mong mỏi; sự kỳ vọng

党和人民对新一代青年科技人才寄予殷切厚望，期望大家在攻坚克难中书写无愧于时代的青春华章。

Dǎng hé rén mín duì xīn yī dài qīng nián kē jì rén cái jì yǔ yīn qín hòu wàng, qī wàng dà jiā zài gōng kǎn jiàn kōng zhōng shū xiě wú kuì yú shí dài de qīng chūn huá zhāng.

Đảng và nhân dân gửi gắm kỳ vọng sâu nặng tha thiết đối với thế hệ nhân tài khoa học công nghệ trẻ tuổi, mong mọi người trong hành trình vượt qua gian khổ sẽ viết nên những thiên sử thi thanh xuân rực rỡ xứng đáng với thời đại.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · KỶ VỌNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#565

齐全

qí quán

đầy đủ, tươm tất trọn vẹn, không
thiếu thứ gì

我国拥有世界上规模最大、门类最齐全的现代化工业制造体系，为国家产业链供应链安全稳定提供了坚不可摧的支撑。

Wǒ guó yǒng yǒu shì jiè shàng guī mó dà, mén lèi zuì qí quán de xiàn dài huà gōng yè zhì zào tǐ xì, wèi guó jiā chǎn yè lián gōng ying lián ān quán wěn dìng tí gōng le jiān bù kě cuī de zhī chēng.

Nước ta sở hữu hệ thống chế tạo công nghiệp hiện đại hóa có quy mô lớn nhất và đầy đủ các phân ngành danh mục nhất trên thế giới, mang lại sự nâng đỡ kiên cố không thể phá vỡ cho sự an toàn và ổn định của chuỗi cung ứng chuỗi ngành quốc gia.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · TỒN TOÀN

HSK 5 (3.0)

Đại từ

#566

其

qí

của nó, của họ, đó; kỳ (đại từ)

该型号国产重大装备顺利通过全负荷连续运转考核，其关键技术指标均达到国际顶尖水准。

Gāi xíng hào guó chǎn zhòng dà zhuāng bèi shùn lì tōng guò quán fù hé lián xù yùn zhuǎn kǎo hé, qí guān jiàn jì shù zhǐ biāo jūn dǎ dào guó jì dīng jiǎn shuǐ zhǔn.

Trang thiết bị trọng đại sản xuất trong nước thuộc mẫu này đã vượt qua kỳ sát hạch vận hành liên tục toàn tải thuận lợi, các chỉ tiêu công nghệ then chốt của nó của nó đều đạt mức chuẩn đỉnh cao quốc tế.

📖 9 nét

HÁN VIỆT · KỶ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#567

启动

qǐ dòng

khởi động, kích hoạt, phát động

国家正式启动新一代重大科技基础设施建设规划，全面布局量子信息与生命健康等前沿战略领域。

Guó jiā zhèng shǐ qǐ dòng xīn yī dài zhòng dà kē jì jī chǔ shè shì jiàn shè guī huà, quán miàn bù jú liàng zǐ xīn xī yǔ shēng mìng jiāng kāng děng qián yán zhàn lüè lǐng yù.

Nhà nước chính thức khởi động kích hoạt quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại thế hệ mới, bố trí toàn diện các lĩnh vực chiến lược tiên phong như sức khỏe sự sống và thông tin lượng tử.

📖 27 nét

HÁN VIỆT · KHỞI ĐỘNG



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#568

启发

qǐ fā

khơi gợi, gợi mở, truyền cảm hứng

导师在研讨课上循循善诱的启发式提问，极大激发了研究团队在模型架构设计上的全新创新灵感。

Dào shī zài yán tǎo kè shàng xún xún shàn yòu de qǐ fā shì tí wèn, jí dà jī fā le yán jiū tuán duì zài mó xíng jià gòu shè jì shàng de quán xīn chuàng xīn líng gǎn.

Những câu hỏi gợi mở khéo léo và kiên nhẫn của người thầy hướng dẫn trong buổi hội thảo đã khơi dậy mạnh mẽ nguồn cảm hứng đối mới sáng tạo hoàn toàn mới về thiết kế kiến trúc mô hình cho nhóm nghiên cứu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : KHỞI PHÁT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#569

启事

qǐ shì

thông báo công khai, yết thị thông tri

国家自然科学基金委员会在官方网站公开发布了关于组织申报新一批国家重大科研仪器研制专项的项目申报启事。

Guó jiā zì rán kē xué jī jīn wéi yuán huì zài guān fāng wǎng zhàn gōng kāi fā bù le guān yú zǔ zhī shēn bào xīn yī pī guó jiā zhòng dà kē yán yí qì yán zhì zhuān xiàng de xiàng mù shēn bào qǐ shì.

Ủy ban Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia trên trang web chính thức đã công khai đăng tải thông báo yết thị về việc tổ chức đăng ký xét duyệt các dự án để nghiên cứu chế tạo dụng cụ khoa học trọng đại cấp quốc gia đột mới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : KHỞI SỰ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#570

起到

qǐ dào

đóng vai trò, phát huy tác dụng

国家科技创新专项基金对激发青年学者原始创新活力、支撑高水平基础研究起到了至关重要的作用。

Guó jiā kē jì chuàng xīn xiāng zhuān xiàng jī jīn duì jī fā qīng nián xué zhě yuán shǐ chuàng xīn huó lì, zhī chēng gāo shuǐ píng jī chǔ yán jiū qǐ dào le zhì guān zhòng yào de zuì dòng zuò yòng.

Quỹ chuyên án đối mới sáng tạo khoa học công nghệ quốc gia đã phát huy tác dụng đóng vai trò thúc đẩy vô cùng quan trọng đối với việc làm điểm tựa cho nghiên cứu cơ bản trình độ cao và khơi dậy sức sống đối mới sáng tạo nguyên bản của các học giả trẻ.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : KHỞI ĐÁO

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#571

起码

qǐ mǎ

tối thiểu, ít nhất, bết nhất

从事严谨的科学实验与工程制造，严格遵守操作安全规程与如实记录实验数据是最起码的职业操守与底线。

Cóng shì yán jīn de kē xué shí yàn yǔ gōng chéng zhǐ zào, yán gé zūn shǒu cāo zuò ān quán guī chéng yǔ rú shí jì lù shí yàn shù jù shì zuì qǐ mǎ de zhí yè cāo shǒu yǔ dǐ xiàn.

Làm công tác chế tạo công trình và thực nghiệm khoa học nghiêm cẩn, việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình an toàn thao tác và ghi chép trung thực số liệu thực nghiệm chính là đạo đức nghề nghiệp và lằn ranh đỏ tối thiểu cơ bản nhất.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : KHỞI MÃ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#572

气体

qì tǐ

chất khí, thể khí, chất khí hóa học

高精度质谱仪能够超灵敏检测环境空气中浓度低至万亿分之一的痕量有害气体成分。

Gāo jīng dù zhì pǔ yí néng chāo lǐn gǎn jiǎn cè huán jìng kōng qì zhōng nóng dù dī zhì wàn yī fēn zhī yī de hén liàng yǒu hài wēn shì qì tǐ chéng fèn.

Máy quang phổ khối lượng độ chính xác cao có thể dò tìm siêu nhạy cảm các thành phần chất khí thể khí nhà kính độc hại dạng vết có nồng độ thấp tới một phần nghìn tỷ trong không khí môi trường.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : KHÍ THỂ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#573

气象

qì xiàng

khí tượng, thời tiết; diện mạo khí thể mới

风云系列气象卫星星座在轨组网运行，构建起了全天候全天时高频次全球天气综合立体气象观测大网络。

Fēng yún xì liè qì xiàng wéi xīng xīng zuò zài guī zǔ wǎng yún xíng, gòu jiàn qì le quán tiān hòu quán tiān shí gāo pín cì quán qíu tiān qì zōng hé lì tǐ qì xiàng guān cè dà wǎng luò.

Chòm sao vệ tinh khí tượng dòng Phong Vân vận hành kết nối mạng trên quỹ đạo đã xây dựng nên mạng lưới lớn quan trắc khí tượng lập thể tổng hợp thời tiết toàn cầu tần suất cao suốt ngày đêm mọi lúc mọi nơi.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : KHÍ TƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#574

签

qiān

ký tên, ký kết; cái thẻ tre cái que (chữ Hán)

在重大科技成果转化签约仪式上，科研院所与领军企业正式签署了联合研发攻关合作协议。

Zài zhòng dà kē jì chéng guǒ zhuǎn huà qiān yuē yí shì shàng, kē yán yuán suǒ yǔ lǐng jūn qì yè zhèng shì yǐ qiān shù le lián hé yán fā gòng guān hé zuò xié yì.

Tại nghi thức ký kết ý tên chuyển giao thành quả khoa học công nghệ trọng đại, các viện nghiên cứu và doanh nghiệp dẫn đầu đã chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác cùng nghiên cứu phát triển vượt khó.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : THIÊM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#575

签订

qiān dīng

ký kết, ký kết hợp đồng/hiệp định chính thức

中外两国元首共同见证了关于共建绿色低碳基础设施与数字经济合作重大双边合作协议的正式签订。

Zhōng wài liǎng guó yuán shǒu gòng tóng jiàn zhèng le guān yú gòng jiàn lǜ sè dī tàn jī chǔ shè shī yǔ shù zì jīng jì hé zuò zhòng dà shuāng biān hé zuò xié yì de zhèng shì qiān dīng.

Nguyên thủ hai nước Trung Quốc và đối tác đã cùng chứng kiến lễ ký kết chính thức hiệp định hợp tác song phương trọng đại về việc cùng xây dựng cơ sở hạ tầng xanh ít phát thải và hợp tác kinh tế số.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : THIÊM ĐÌNH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#576

签名

qiān míng

ký tên, chữ ký (chữ ký tay)

功勋科学家在赠予青年学子的科普专著扉页上亲笔签名，并题词勉励年轻一代勇攀科学高峰。

Gōng xūn kē xué jiā zài zèng yǔ qīng nián xué zǐ de kē pǔ zhuān zhù fēi yè shàng qīn bǐ qiān míng, bìng tí cí miǎn lì nián qīng yì dài yǒng pān kē xué gāo fēng.

Nhà khoa học có công lao đã ký tên để chữ ký do chính tay mình viết lên trang đầu cuốn sách chuyên khảo phổ biến khoa học tặng các bạn sinh viên trẻ, đồng thời để tặng lời khích lệ thể hệ trẻ dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : THIÊM DANH



HSK 5 (3.0)

Động từ

#577

签约

qiānyuē

ký hợp đồng, ký kết thỏa thuận hợp tác

在国际科技创新合作大会上，多家中外顶尖科研机构成功签约共建全球前沿联合实验室。

Zài guó jì kē jì chuàng xīn hé zuò dà huì shàng, duō jiā zhōng wài dīng jiān kē yán jī gòu chéng gōng qiān yuē gòng jiàn quán qiú qián yán lián hé shí yàn shì.

Tại Đại hội Hợp tác Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Quốc tế, nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học hàng đầu trong và ngoài nước đã ký hợp đồng ký kết thành công thỏa thuận cùng xây dựng phòng thí nghiệm liên hợp tiên phong toàn cầu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **THIỆM YÊU**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#578

签证

qiān zhèng

thị thực, visa

前往海外高校开展学术访问交流前，请务必提前准备齐全所需材料并办理好相应类别的入境签证。

Qián wǎng hǎi wài gāo xiào kāi zhǎn xué shù fǎng wèn jiāo liú qián, qīng wù bì tí qián zhǔn bèi qí quán suǒ xū cái liào bìng bàn lǐ hǎo xiāng yīng lèi bié de rù jìng qiān zhèng.

Trước khi lên đường sang các trường đại học nước ngoài thực hiện chuyến thăm và giao lưu học thuật, bạn nhất định phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và hoàn tất thủ tục xin thị thực nhập cảnh đúng diện.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : **THIỆM CHỨNG**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#579

签字

qiān zì

ký tên, ký kết

在隆重的国际经贸合作签约仪式上，双方席代表正式在战略合作协议文本上签字盖章。

Zài lóng zhòng de guó jì jīng mào hé zuò qiān yuē yí shì shàng, shuāng fāng shí yǎn wú xī dài biǎo zhèng shì zài zhàn lǚ hé zuò xié yì wén běn shàng qiān zì gài zhāng.

Tại buổi lễ ký kết hợp tác kinh tế thương mại quốc tế trang trọng, đại diện trưởng đoàn hai bên đã chính thức đặt bút ký tên và đóng dấu vào văn bản thỏa thuận hợp tác chiến lược.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **THIỆM TỰ**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#580

前景

qián jǐng

triển vọng, tiến độ tươi sáng phía trước

我国在新一代人工智能大模型与受控核聚变前沿技术领域展现出极其广阔的战略应用前景与澎湃创新活力。

Wǒ guó zài xīn yí dài rén gōng zhì néng dà mó xíng yǔ shòu kòng hé jù biàn qián yán jì shù líng yù zhǎn xiǎn chū jī qí guǎng kuò de zhàn lüè yīng yòng qián jǐng yǔ péng pài chuàng xīn huó lì.

Nước ta trên các lĩnh vực công nghệ tiên phong nhiệt hạch hạt nhân có kiểm soát và mô hình lớn trí tuệ nhân tạo thế hệ mới đang phổ biến tiến độ triển vọng ứng dụng chiến lược vô cùng rộng lớn cùng sức sống đổi mới sáng tạo cuộn trào.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **TIẾN CẢNH**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#581

前提

qián tí

tiền đề, điều kiện tiên quyết

坚持国家总体安全观，确保国家核心安全与社会稳定，是推进高质量发展与实现中国式现代化的根本前提。

Jiān chí guó jiā zǒng tǐ ān quán guān, què bǎo guó jiā hé shè ān quán yǔ shè huì wěn dìng, shì tuī jìn gāo zhì liàng fā zhǎn yǔ shí xiàn zhōng guó shì xiàn dài huà de gēn běn qián tí.

Kiên trì Quan niệm An ninh Quốc gia Tổng thể, bảo đảm ổn định xã hội và an ninh cốt lõi của quốc gia chính là tiền đề căn bản để thúc đẩy phát triển chất lượng cao và hiện thực hóa hiện đại hóa đất nước.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : **TIẾN ĐỀ**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#582

欠

qiàn

nợ, thiếu thốn; ngập

企业必须严格遵守商业信用与法律规定，按时足额支付员工薪酬，严禁任何形式的拖欠工资行为。

Qǐ yè bì xū yán gé kè shǒu shāng yè xìn yòng yǔ fǎ lǚ guī dìng, àn shí zú é zhī fù yuán gōng xīn chóu, yán jìn rèn hé xíng shì de tuō qiǎn gōng zī xíng wéi.

Doanh nghiệp bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt chữ tín thương mại và pháp luật, thanh toán tiền lương đầy đủ đúng hạn cho người lao động, nghiêm cấm tuyệt đối mọi hành vi nợ lương chậm lương.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : **KHIẾM**

HSK 5 (3.0)

Động từ

#583

枪

qiāng

súng

老师鼓励大家积极枪，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī qīng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực súng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : **THƯƠNG**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#584

强度

qiáng dù

cường độ, độ bền chịu lực, độ mạnh

我国自主研发成功的新型超高强度碳纤维复合材料，具备极高的抗拉强度与超轻量化结构特性。

Wǒ guó zì zhǔ yán zhì chéng gōng de xīn xíng chāo gāo qiáng dù dù tàn xiān wéi fù hé cái liào, jù bèi jī gāo de kàng lā qiáng dù yǔ chāo qīng liàng huà jié gòu tè xìng.

Vật liệu composite sợi carbon cường độ siêu cao kiểu mới do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo thành công sở hữu đặc tính kết cấu siêu nhẹ và độ bền chịu lực cường độ chịu kéo cực kỳ cao.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **CƯỜNG ĐỘ**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#585

强迫

qiǎng pò

cưỡng bức, ép buộc, bắt buộc khiến cưỡng

国家劳动监察与司法机关坚决依法严厉打击任何强迫劳动与非法用工行径，切实保障全体劳动者的合法劳动权益。

Guó jiā láo dòng jiān chá yǔ sī fǎ juàn jiān jué yì fǎ yán lì dǎ jī rèn hé qiǎng pò láo dòng yǔ fēi fǎ yòng gōng háng jīng, qiè shí bǎo zhàng quán tǐ láo dòng zhě de hé fǎ láo dòng quán yì.

Cơ quan tư pháp và thanh tra lao động quốc gia kiên quyết xử lý nghiêm minh theo pháp luật mọi hành vi cưỡng bức lao động và sử dụng lao động trái phép, bảo vệ thiết thực các quyền và lợi ích lao động hợp pháp của toàn thể người lao động.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **CƯỜNG BÀI**



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#586

墙壁

qiángbì

bức tường, tường vách nhà

在大科学装置超洁净度地下实验大厅的防静电墙壁上，整齐悬挂着严谨的操作安全规程展板。

Zài dà kē xué zhuāng zhì chāo gāo jié jīng dì dì xià shí yàn dà tīng de fáng jīng diàn qiáng bì shàng, zhěng qí xuān guà zhe yán jǐn de cāo zuò ān quán guī chéng zhǎn bǎn.

Trên bức tường tường vách chống tĩnh điện của đại sảnh thực nghiệm dưới lòng đất có độ sạch siêu cao của thiết bị khoa học lớn treo ngay ngắn các bảng quy trình an toàn thao tác nghiêm cần.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TƯỜNG BÍCH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#587

抢

qiǎng

tranh giành, cướp, khẩn trương giành lấy

在抢险救灾黄金救援期内，全体搜救队员分秒必争、全力抢救每一条被困受灾群众的宝贵生命。

Zài qiǎng xiān jiù zāi huáng jīn jiù yuán qī nèi, quán tǐ sōu jiù duì yuán fēn miǎo bì zhēng, quán lì qiǎng jiù měi yī tiáo bèi kùn shòu zāi qún zhòng de bǎo guì shēng mìng.

Trong khoảng thời gian vàng cứu hộ thiên tai, toàn thể cán bộ chiến sĩ tìm kiếm cứu nạn đã tranh thủ từng giây từng phút, dốc toàn lực giành giật lại từng mạng sống quý giá của người dân bị nạn.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#588

抢救

qiǎngjiù

cấp cứu, cứu hộ khẩn cấp; cứu vãn (di sản)

国家紧急启动濒危古籍善本与非遗口述史抢救性保护工程，采用高保真数字化技术永久留存千年珍贵文脉。

Guó jiā jǐn jí qǐ dòng bīn wēi gǔ jī shàn běn yǔ fēi yí kǒu shù shǐ qiǎng jiù xìng bǎo hù gōng chéng, cǎi yòng gāo bǎo zhēn shù zì huà jì shù yǒng jiǔ liú cún qiān nián zhēn guì wén mài.

Nhà nước khẩn cấp kích hoạt dự án bảo tồn mang tính cứu vãn cấp cứu đối với các thư tịch cổ quý hiếm đang có nguy cơ mai một và lịch sử truyền khẩu di sản phi vật thể, áp dụng công nghệ số hóa độ trung thực cao để lưu giữ vĩnh viễn mạch nguồn văn hóa ngàn năm quý giá.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG CỨU

HSK 5 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#589

悄悄

qiāoqiāo

lặng lẽ, nhẹ nhàng, êm đềm, rón rén

春夜喜雨，随风潜入夜，润物细无声；细密柔和的春雨在深夜里悄悄滋润着干涸的田野大地。

Chūn yè xǐ yǔ, suí fēng qián rù yè, rùn wù xì wú shēng; xì mì róu hé de chūn yǔ zài shēn yè lǐ qiāo qiāo zī rùn zhe gān hé de tián yě dà dì.

Mưa xuân tốt lành theo gió nhẹ nhàng len lỏi vào đêm, làm tươi tốt vạn vật một cách êm đềm không một tiếng động; những hạt mưa xuân mềm mại trong đêm khuya đã lặng lẽ tưới mát ruộng đồng khô cằn.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: TIỂU TIỂU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#590

敲

qiāo

gõ, đánh, đập

进入他人办公室前请先轻轻敲门，得到允许后再进入，这是基本的商务礼仪。

Jìn rù tā rén bàn gōng shì qián qīng xiān qīng qīng qiāo mén, dé dào yǔn xǔ hòu zài jìn rù, zhè shì jī běn de shāng wù lǐ yí.

Trước khi bước vào phòng làm việc của người khác xin hãy gõ cửa nhẹ nhàng, sau khi được sự đồng ý mới bước vào, đây là phép lịch sự cơ bản nơi công sở.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: XAO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#591

敲门

qiāomén

gõ cửa, gõ vào cửa

为了请教核心公式推导疑点，青年学者轻轻敲门走进院士办公室，得到了院士耐心细致的解答。

Wèi le qīng jiào hē xīn gōng shì tuī dǎo yí diǎn, qīng nián xué zhě qīng qīng qiāo mén zǒu jìn yuàn shì bàn gōng shì, dé dào le yuàn shì nài xīn xì zī de jiě dá.

Để thỉnh giáo những điểm nghi vấn trong suy diễn công thức cốt lõi, người học giả trẻ tuổi đã nhẹ nhàng gõ cửa bước vào văn phòng của vị viện sĩ lão thành, và nhận được sự giải đáp tỉ mỉ kiên nhẫn từ viện sĩ.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: XAO MÔN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#592

瞧

qiáo

nhìn, xem, ngắm nhìn (khẩu ngữ)

你瞧，在数千米深海底底底的载人潜水器机械臂正极其稳健灵活地采集热液矿物样品。

Nǐ qiáo, zài shù qiān mǐ shēn hǎi dǐ dǐ dǐ de zài rén qiǎn shuǐ qì jī xié bì zhèng jí qí wěn jiǎn líng huó dì cǎi jí rě yè kuàng wù yàng pín.

Bạn nhìn xem bạn hãy nhìn kia, cánh tay robot của tàu lặn có người lái hạ đáy dưới đáy biển sâu vài ngàn mét đang thu thập mẫu vật khoáng sản thủy nhiệt một cách vô cùng linh hoạt và vững chãi.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: TIỂU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#593

琴

qín

đàn (cổ cầm, dương cầm, nhạc cụ)

古琴艺术作为中华传统音乐文化的瑰宝，以其清幽旷远的典雅意境流传千年、历久弥新。

Gǔ qín yì shù zuò wéi zhōng huá chuán tǒng yīn yuè wén huà de guī bǎo, yǐ qí qīng yōu kuàng yuǎn de diǎn yǎ yì jīng liú chuán qiān nián, lì jiǔ mí xīn.

Nghệ thuật đàn cổ cầm với tư cách là viên ngọc quý của văn hóa âm nhạc truyền thống Trung Hoa, bằng ý cảnh thanh nhã khoáng đạt sâu lắng đã lưu truyền ngàn năm, càng trải qua thời gian lại càng tươi mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: CẦM

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#594

勤奋

qín fèn

cần cù, chăm chỉ, siêng năng

书山有路勤为径，学海无涯苦作舟；唯有常年保持勤奋笃学的坚毅姿态，才能攀登学术的高峰。

Shū shān yǒu lù qín wéi jìng, xué hǎi wú yá kǔ zuò zhōu; wéi yǒu cháng nián bǎo chí qín fèn dǔ xué de jiān yì zī tài, cái néng pān dēng xué shù de gāo fēng.

Đường lên núi sách siêng năng làm lối, biển học vô bờ gian khổ làm thuyền; chỉ có luôn giữ trọn tư thế cần cù siêng năng học hỏi mới có thể trèo lên đỉnh cao học thuật.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CẦN PHẦN



HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#595

青

qīng

xanh (xanh lá cây, xanh lam, xanh đen); thanh niên

春回大地, 万物复苏, 连绵起伏的山峦披上了一层郁郁葱葱的青翠新装。

Chūn huí dà dì, wàn wù fù sū, lián miǎn qǐ fú de shān luǎn pī shàng le yí céng yù yù cōng cōng de qīng cuì xīn zhuāng.

Mùa xuân trở lại, vạn vật hồi sinh, những dãy núi nhấp nhô trập trùng khoác lên mình chiếc áo mới màu xanh non tràn trề sức sống.

8 nét

HÁN VIỆT: THANH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#596

清晨

qīng chén

sáng sớm, sớm mai, ban mai

清晨, 天安门广场上万人肃立, 伴随着雄壮庄严的国歌声, 鲜艳的五星红旗与初升的朝阳一同冉冉升起。

Qīng chén, tiān ān mén guǎng chǎng shàng wàn rén sù lì, bàn suí zhe xióng zhuàng zhuāng yán de guó gē shēng, xiān yàn de wǔ xīng hóng qí yǔ chū shēng de zhāo yáng yì tóng rǎn rǎn shēng qǐ.

Sáng sớm, hàng vạn người đứng nghiêm trang trên Quảng trường Thiên An Môn, hòa cùng tiếng quốc ca hùng tráng trang nghiêm, lá cờ đỏ năm sao tươi thắm cùng văng thải dương mới mọc từ từ bay lên.

21 nét

HÁN VIỆT: THANH THẦN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#597

清理

qīng lǐ

dọn dẹp, chỉnh lý rà soát, thanh lý xử lý

文博考古团队在发掘现场运用微痕精细化提取工具, 极其小心翼翼地清理出土青铜器表面附着的千年前丝织品残迹。

Wén bó kǎo gǔ tuán duì zài fā xué xiǎng chǎng yùn yòng wēi hén jīng xì huà tí qǔ gōng jù, jí qí xiǎo xīn yì yì de qīng lǐ chū tǔ qīng tóng qì biǎo miàn fù zhuó de qiān nián sī zhī pǐn cán jì.

Đội ngũ khảo cổ bảo tàng tại hiện trường khai quật đã sử dụng dụng cụ trích xuất tinh xảo vi vết, hết sức cẩn thận tỉ mỉ dọn dẹp làm sạch các tàn tích tơ lụa ngàn năm bám trên bề mặt các đồ đồng vừa xuất thổ.

21 nét

HÁN VIỆT: THANH LÝ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#598

情节

qíng jié

trình tiết, diễn biến cốt truyện; tình tiết vụ án

优秀现实主义影视作品通过跌宕起伏、真实感人的生动情节, 生动展现了脱贫攻坚一线千群同心的奋斗史诗。

Yōu xiù xiàn shí zhǔ yì yǐng shì zuò pīn tóng guò diē dǎng qí fú, zhēn shí gǎn rén de shēng dòng qíng jié, shēng dòng zhǎn xiàn le tuō pín gōng jiàn yì xiàn gǎn qún tóng xīn de fèn dòu shǐ shī.

Các tác phẩm điện ảnh và truyền hình hiện thực xuất sắc thông qua các tình tiết cốt truyện sinh động chân thực và lay động lòng người lúc thăng lúc trầm đã phổ diễn sinh động thiên sử thi phần đấu đồng lòng giữa cán bộ và quần chúng nơi tuyến đầu xóa đói giảm nghèo.

22 nét

HÁN VIỆT: TRÌNH TIẾT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#599

情形

qíng xíng

tình hình, hoàn cảnh thực tế

在重大防汛抗旱应急处置中, 指挥中心通过卫星遥感与水文监测大屏实时研判各地水情险情发展情形。

Zài zhòng dà fáng xùn kǎn hàn yǐng jí zhǔ zhì zhōng, zhǐ huī zhōng xīn tōng guò wèi xīng yáo gǎn yǔ shuǐ wén jiān cè dà píng shí shí yán pàn gè dì shuǐ qíng xiǎn qíng fā zhǎn qíng xíng.

Trong công tác ứng phó khẩn cấp phòng chống lũ lụt hạn hán trọng đại, trung tâm chỉ huy thông qua viễn thám vệ tinh và màn hình lớn giám sát thủy văn đã phân tích đánh giá theo thời gian thực tình hình diễn biến hiểm họa con nước ở các địa phương.

18 nét

HÁN VIỆT: TÌNH HÌNH

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#600

晴朗

qíng lǎng

nắng ráo, quang đãng, trời trong xanh không gợn mây

在秋高气爽、晴朗如洗的高原天文台观测夜空中, 浩瀚璀璨的银河拱桥横跨天际、壮丽无比。

Zài qiū gāo qì shuǎng, qíng lǎng rú xǐ de gāo yuán tiān wén tái guān cè yè kōng zhōng, hào hàn cuǐ càn de yín hé gǒng qiáo héng kuà tiān jì, zhuàng lì wú bǐ.

Trên bầu trời đêm quan trắc của đài thiên văn cao nguyên trong tiết thu mát mẻ quang đãng nắng ráo trong xanh như rửa, chiếc cầu vòm dải Ngân Hà rực rỡ bao la vắt ngang bầu trời, đẹp tráng lệ vô song.

23 nét

HÁN VIỆT: TRÌNH LĂNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#601

区域

qū yù

khu vực, vùng lãnh thổ, mang tính khu vực

国家深入实施区域协调发展战略, 加快推进京津冀协同发展、长江经济带发展与长三角一体化高质量发展。

Guó jiā shēn rù shí shǐ qū yù xié tiáo fā zhǎn zhàn lüè, jiā kuài tuī jìn jīng jīng jīng jīng jī xié tiáo fā zhǎn, cháng jiāng jīng jīng jīng jīng jī xié tiáo fā zhǎn, cháng jiāng jīng jīng jīng jīng jī xié tiáo fā zhǎn.

Nhà nước đi sâu thực thi chiến lược phát triển phối hợp vùng khu vực, đẩy nhanh thúc đẩy phát triển phối hợp Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc, phát triển Vành đai Kinh tế Sông Trường Giang cùng phát triển chất lượng cao tích hợp Vùng Đồng bằng Sông Dương Tử.

25 nét

HÁN VIỆT: ÂU VỰC

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#602

全都

quándōu

toàn bộ, tất cả đều

经过高低温与振动极限工况综合考核, 新一代卫星全部元器件测试数据全都符合国际最高适航标准。

Jīng guò gāo dī wēn yǔ zhèn dòng jí xiàn gōng kuàng zōng hé kǎo hé, xīn yí dài wèi xīng quán bù yuán qì jiàn cè shí shù jù quán dōu fú hé guó jì zuì gāo shì háng biāo zhǔn.

Trải qua kỳ sát hạch tổng hợp điều kiện làm việc giới hạn rung chấn và nhiệt độ cao thấp, số liệu kiểm tra toàn bộ linh kiện của vệ tinh thế hệ mới toàn bộ tất cả đều đáp ứng các tiêu chuẩn hàng không quốc tế cao nhất.

20 nét

HÁN VIỆT: TOÀN ĐỒ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#603

全世界

quánshìjiè

toàn thế giới, cả thế giới, toàn cầu

中国在大力推进绿色低碳转型与应对全球气候变化中展现的大国担当, 赢得了全世界的普遍赞誉。

Zhōng guó zài dà lì tuī jìn lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng yǔ yīng duì quán qíu qì hòu biàn huà zhōng zhǎn xiàn de dà guó dān dāng, yíng dé le quán shì jiè de pǔ biàn zàn yù.

Tinh thần gánh vác trách nhiệm nước lớn do Trung Quốc phổ diễn trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và ra sức thúc đẩy chuyển đổi xanh ít phát thải carbon đã giành được sự ngợi khen rộng khắp của toàn thế giới cả thế giới.

35 nét

HÁN VIỆT: TOÀN THẾ GIỚI



HSK 5 (3.0)

Động từ

#604

泉

quán

mùa xuân

老师鼓励大家积极泉，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí quán, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mùa xuân, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: TUYẾN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#605

劝

quàn

thuyết phục

老师鼓励大家积极劝，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí quàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thuyết phục, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#606

缺乏

quē fá

thiếu thốn, thiếu hụt, không đủ

在重大科技攻关课题中，既要克服核心专业人才缺乏的短板，又要切实保障科研基础设施投入。

Zài zhòng dà kē jì gōng guān kè tí zhōng, jì yào kè fú hé xīn zhuān yè rén cái quē fá de duǎn bǎn, yòu yào qiè shí bǎo zhàng kē yán jī chǔ shè shī tóu rù.

Trong các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ trọng đại, vừa phải khắc phục điểm nghẽn thiếu hụt nhân tài chuyên môn cốt lõi, vừa phải bảo đảm thực chất sự đầu tư cho hạ tầng cơ sở nghiên cứu.

28 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾT PHẠP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#607

确立

què lì

xác lập, thiết lập vững chắc (mục tiêu, địa vị)

新时代党和国家事业取得历史性成就、发生历史性变革，根本在于确立了党的核心地位与科学理论指导思想。

Xīn shí dài dǎng hé guó jiā shì yè qǔ de lì shǐ xìng chéng jiù, fā shēng lì shǐ xìng biàn gé, gēn běn zài yú què lì le dǎng de hé xīn dì wèi yǔ kē xué lǐ lùn zhī dǎo sī xiǎng.

Sự nghiệp của Đảng và Nhà nước trong thời đại mới đạt được những thành tựu mang tính lịch sử và tạo ra những biến đổi lịch sử, căn bản nằm ở việc xác lập vững chắc vị thế hạt nhân của Đảng cùng tư tưởng chỉ đạo lý luận khoa học.

23 nét

HÁN VIỆT: XÁC LẬP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#608

群体

qúntǐ

quần thể, tập thể nhóm người, cộng đồng

国家大力加强对青年拔尖人才科研群体的长周期稳定支持，鼓励青年科学家勇闯前沿科学“无人区”。

Guó jiā dà lì jiā qiáng duì qīng nián bá jiān rén cái kē yán qún tǐ de zhǎng zhōu qī wěn dìng zhī chí, gǔ lì qīng nián kē xué jiā yǒng chuǎng qián yán kē xué "wú rén qū".

Nhà nước ra sức tăng cường hỗ trợ ổn định chu kỳ dài đối với tập thể nhóm cộng đồng quần thể nghiên cứu khoa học của nhân tài xuất chúng trẻ tuổi, khích lệ các nhà khoa học trẻ dũng cảm xông vào "vùng không người" của khoa học tiên phong.

16 nét

HÁN VIỆT: QUẦN THỂ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#609

群众

qún zhòng

quần chúng, quần chúng nhân dân

党的根基在人民、血脉在人民、力量在人民，必须始终坚持一切为了群众、一切依靠群众的群众路线。

Dǎng de gēn jī zài rén mín, xuè mài zài rén mín, lì liàng zài rén mín, bì xū shǐ zhōng jiān chí yī qiè wèi le qún zhòng, yī qiè yī kào qún zhòng de qún zhòng lù xiàn.

Nền móng của Đảng nằm ở nhân dân, huyết mạch nằm ở nhân dân, nguồn sức mạnh nằm ở nhân dân, bắt buộc phải luôn luôn kiên trì đường lối quần chúng: tất cả vì quần chúng, tất cả dựa vào quần chúng.

19 nét

HÁN VIỆT: QUẦN CHÚNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#610

染

rǎn

nhuộm, nhuộm màu; lây nhiễm, tiêm nhiễm

金秋时节霜降过后，漫山遍野的枫叶被大自然染成了绚丽如火的深红色，景色美不胜收。

Jīn qiū shí jié shuāng jiàng guò hòu, mǎn shān biàn yě de fēng yè bèi dà zì rán rǎn chéng le xuàn lì rú huǒ de shēn hóng sè, jǐng sè měi bù shèng shōu.

Vào tiết mùa thu vàng sau đợt sương rơi, những chiếc lá phong khắp núi đồi được thiên nhiên tạo hóa nhuộm màu thành màu đỏ thắm rực rỡ như lửa, cảnh sắc đẹp không sao xiết.

8 nét

HÁN VIỆT: NHIỄM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#611

绕

rào

quấn, vòng quanh, đi vòng, lượn quanh

清晨沿着风景如画的环湖绿道慢跑，微风拂面、绿树成荫，令人心旷神怡。

Qīng chén yán zhe fēng jǐng rú huà de huán hú lǜ dào màn pǎo, wēi fēng fú miàn, lǜ shù chéng yīn, líng rén xīn qīng shù chāng.

Sáng sớm chạy bộ dọc theo con đường xanh uốn lượn quanh hồ đẹp như tranh vẽ, gió nhẹ mát mẻ, bóng cây rợp mát khiến tâm hồn thư thái dễ chịu.

11 nét

HÁN VIỆT: NHIỄU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#612

热量

rè liàng

nhiệt lượng, lượng calo năng lượng

新型超功率数据中心采用先进的液冷散热技术，能够极其高效地导出芯片运转产生的巨大热量。

Xīn xíng chāo gōng lǜ shù jù zhōng xīn cǎi yòng xiān jìn de yè lěng sàn rè jì shù, néng gòu jí qí gāo xiào dì dǎo chū chī piàn yùn zhuǎn chǎn shēng de jù dà rè liàng.

Trung tâm dữ liệu công suất siêu cao kiểu mới áp dụng công nghệ tản nhiệt làm mát bằng chất lỏng tiên tiến, có thể dẫn truyền xuất ra nhiệt lượng lượng calo khổng lồ sinh ra do sự vận hành của chip một cách cực kỳ hiệu quả.

25 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT LƯỢNG


HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#613

热门

rè mén

hot, ăn khách, ngành nghề/chủ đề thu hút

人工智能算法、量子信息与新能源电池技术成为了全球顶尖高校与青年学者争相报考申请的热门专业方向。

Rén gōng zhī néng suàn fǎ, liàng zǐ xìn xī yǔ xīn néng yuán diǎn chí jì shù chéng wéi le quán qiú dǐng jiān gāo xiào yǔ qīng nián xué zhě zhēng xiāng bào kǎo shēng qǐng de rè mén zhuān yè fāng xiàng.

Công nghệ pin năng lượng mới, thông tin lượng tử cùng thuật toán trí tuệ nhân tạo đã trở thành các hướng chuyên ngành 'hot' thu hút đông đảo các bạn học giả trẻ và các trường đại học hàng đầu thế giới tranh nhau đăng ký dự tuyển.

24 nét

 HÁN VIỆT : **NHIỆT MÔN**
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#614

人间

rén jiān

nhân gian, trần thế, cõi đời trần gian

西湖十景那如梦似幻的秀美山水与深厚历史人文底蕴交相辉映，自古便享有“人间天堂”的崇高盛誉。

Xī hú shí jǐng nà rú mèng sì huàn de xiù měi shān shuǐ yǔ shēn hòu lì shǐ rén wén dì yùn jiāo xiāng huī yǐng, zì gǔ biàn xiǎng yǒu "rén jiān tiān táng" de chóng gāo shèng yù.

Nón nước tươi đẹp thanh tú tựa như mơ như ảo của Thập cảnh Tây Hồ cùng bề dày lịch sử nhân văn sâu sắc soi bóng hòa quyện vào nhau, từ ngàn xưa đã được tôn vinh với danh tiếng lẫy lừng 'Thiên đường nơi trần thế'.

17 nét

 HÁN VIỆT : **NHÂN GIAN**
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#615

人力

rén lì

nhân lực, nguồn nhân lực, sức người

我国拥有全球规模最大的工程技术人才与高素质劳动力队伍，形成了无与伦比的人力资源优势综合优势。

Wǒ guó yōng yǒu quán qiú guī mó zuì dà de gōng chéng jì shù rén cái yǔ gāo sù zhì lǎo dòng lì duì wú, xíng chéng liǎo wú yǔ lún bǐ de rén lì zī yuán zōng hé yōu shì.

Nước ta sở hữu đội ngũ lao động tổ chức cao và nhân tài kỹ thuật công trình có quy mô lớn nhất thế giới, hình thành nên lợi thế tổng hợp nguồn nhân lực sức người không gì sánh kịp.

17 nét

 HÁN VIỆT : **NHÂN LỰC**
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#616

人士

rén shì

nhân sĩ, nhân vật, giới chức chuyên môn

来自全球数十个国家的顶尖科学家与知名科技界人士齐聚一堂，围绕应对全球气候危机深入开展跨学科研讨。

Lái zì quán qiú shù shí gè guó jiā de dǐng jiān kē xué jiā yǔ zhī míng kē jì jì rén shì qí jù yì táng, wéi rào yíng duì quán qiú qì hòu wéi jī shēn rù kāi zhān kuà xué kē yán tào.

Các nhà khoa học hàng đầu cùng các nhân sĩ nhân vật danh tiếng trong giới khoa học công nghệ đến từ hàng chục quốc gia trên toàn cầu đã tụ họp đông đủ, xoay quanh việc ứng phó khủng hoảng khí hậu toàn cầu để sâu triển khai hội thảo liên ngành.

23 nét

 HÁN VIỆT : **NHÂN SĨ**
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#617

人物

rén wù

nhân vật, nhân vật lịch sử/văn học

在这部气势磅礴的长篇历史小说中，作者通过生动细腻的笔触成功塑造了数十位性格鲜明的历史风云人物。

Zài zhè bù qì shì páng bó de cháng piān lì shǐ xiǎo shuō zhōng, zuò zhě tōng guò shēng dòng xì nù de bǐ chù chéng gōng sù zào le shù shí wèi xíng gé xiǎn míng de lì shǐ fēng yún rén wù.

Trong cuốn tiểu thuyết lịch sử dài tập hào hùng tráng lệ này, tác giả bằng ngòi bút sinh động và tinh tế đã khắc họa thành công hàng chục nhân vật phong vân lịch sử với tính cách rõ nét.

18 nét

 HÁN VIỆT : **NHÂN VẬT**
HSK 5 (3.0)

Động từ

#618

忍

rěn

nhẫn nại, chịu đựng, nhẫn nại

做前沿基础科学研究必须耐得住寂寞、忍得住清贫，始终保持追求科学真理的专注与执着。

Zuò qián yán jī chǔ kē xué yán jiū bì xū nài dé zhù jì mò, rěn dé zhù qīng pín, shǐ zhōng bǎo chí zhuān qǐ kē xué zhēn lǐ de zhuān zhù yǔ zhí zhù.

Làm nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong bắt buộc phải chịu được sự cô đơn tĩnh mịch, nhẫn nại nhẫn nại chịu đựng được sự thanh bần đạm bạc, luôn giữ vững lòng kiên định và chuyên chú theo đuổi chân lý khoa học.

12 nét

 HÁN VIỆT : **NHẪN**
HSK 5 (3.0)

Động từ

#619

忍不住

rěn bu zhù

không kìm được, không nhịn nổi

看着台上相声演员那滑稽幽默的肢体动作与妙趣横生的包袱，全场观众都忍不住捧腹大笑起来。

Kàn zhe tái shàng xiàng shēng yǎn yuán nà huá jī yōu mò de zhǐ tǐ dòng zuò yǔ miào qù héng shēng de bāo fu, quán chǎng guān zhòng dōu rěn bu zhù pěng fù dà xiào qǐ lái.

Nhìn những động tác hình thể hài hước vui nhộn cùng những miếng hài duyên dáng của nghệ sĩ tấu hài trên sân khấu, toàn thể khán giả đều không nhịn được cười nghiêng ngả.

34 nét

 HÁN VIỆT : **NHẪN BẮT TRÚ**
HSK 5 (3.0)

Động từ

#620

忍受

rěn shòu

chịu đựng, nhẫn nại chịu đựng (đau đớn, gian khổ)

高原边防官兵在极度缺氧与严寒极端的艰苦恶劣环境下，忍受着常人难以想象的生理极限考验坚守战位。

Gāo yuán biān fáng guān bīng zài jí dù quē yǎng yǔ yán hán jí duān de jiǎn kù è liè huán jīng xià, rěn shòu zhe cháng rén nán yǐ xiǎng xiàng de shēng lǐ jì xiàn kǎo yàn yàn shǒu zhàn wèi.

Các cán bộ chiến sĩ bộ đội biên phòng cao nguyên dưới môi trường khắc nghiệt cùng cực thiếu oxy và giá rét cực đoan đã nhẫn nại chịu đựng những thử thách cực hạn sinh lý mà người bình thường khó lòng tưởng tượng nổi để kiên cường bám trụ vị trí chiến đấu.

21 nét

 HÁN VIỆT : **NHẪN THỌ**
HSK 5 (3.0)

Động từ

#621

认

rèn

nhận ra, nhận biết; thừa nhận; nhận định

科研攻关团队认准了自主创新的技术攻坚路线，克服重重艰难险阻，坚决不向技术封锁妥协。

Kē yán gōng guān tuán duì rèn zhǔn le zì zhủ chuàng xīn de jì shù gōng jiàn lù xiàn, kè fú chóng chóng jiān nán xiǎn zǔ, jiǎn jué bù xiàng jì shù fēng suǒ tuǒ xié.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học vượt khó đã nhận định xác định vững chắc con đường vượt khó công nghệ tự chủ đổi mới sáng tạo, khắc phục muôn trùng gian nan hiểm trở, kiên quyết không thỏa hiệp trước sự phong tỏa công nghệ.

14 nét

 HÁN VIỆT : **NHẬN**



HSK 5 (3.0)

Động từ

#622

认定

rèn dìng

nhận định, xác định chính thức, công nhận

国家科技成果评审委员会依据严格的学术复现数据，正式认定该新型超导材料实现了国际领先的零电阻转变温度突破。

Guó jiā kē jì chéng guó pǐng shēn wēi yuán huì yì jù yán gé de xué shù fù xiān shù jù, zhèng shì rèn dìng gāi xīn xíng chāo dǎo cái liào shí xiàn le guó jì lǐng xiān de líng diǎn zǔ zhuan biàn wēn dù tū pò.

Hội đồng Đánh giá Thành quả Khoa học Công nghệ Quốc gia căn cứ vào các số liệu tái lập học thuật nghiêm cẩn đã chính thức xác định công nhận vật liệu siêu dẫn kiểu mới này đã đạt được đột phá nhiệt độ chuyển tiếp điện trở bằng không dẫn đầu quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT: NHẬN ĐỊNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#623

扔

rēng

ném, vứt, quăng

保护环境人人有责，请将各类垃圾准确分类后投入垃圾桶，切勿随手乱扔。

Bảo hộ công cộng huán jīng rén rén yǒu zé, qīng jiāng gè lèi lā jī zhǔn què fēn lèi hòu tóu rù lā jī tǒng, qiè wù suí shǒu luàn rēng.

Bảo vệ môi trường chung là trách nhiệm của mọi người, hãy phân loại rác cẩn thận và bỏ vào thùng rác, tuyệt đối không vứt rác bừa bãi.

8 nét

HÁN VIỆT: NHƯNG

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#624

仍旧

rénghóu

vẫn, vẫn cứ, vẫn như cũ

尽管经历了长达数十年风吹雨打的严苛岁月洗礼，古老木结构古建筑群的主梁结构仍旧坚固完好、傲然屹立。

Jǐn guǎn jīng lì le zhǎng dá shù shí nián fēng chuī yǔ dǎ de yán gé suì yuè xǐ lǐ, gǔ lǎo mù jié gòu gǔ jiàn zhǔ qún de zhǔ liáng jié gòu réng jiù jiān gù wán hǎo, ào rán yì lì.

Dẫu trải qua sự gội rửa tôi luyện của năm tháng khắc nghiệt mưa gió dãi dấp suốt hàng chục năm, kết cấu xà chủ của quần thể kiến trúc cổ bằng kết cấu gỗ cổ xưa vẫn cứ vững chắc nguyên vẹn, sừng sững uy nghiêm.

27 nét

HÁN VIỆT: NHƯNG CỤ

HSK 5 (3.0)

Đại từ / Phó từ

#625

如此

rú cǐ

như vậy, như thế này, đến mức này

正因为有无数科研工作者夜以继日的默默奉献，我国前沿科技事业才能取得如此辉煌的历史性成就。

Zhèng yīn wèi yǒu wú shù kē yán gōng zuò zhě yè yǐ jì rì de mò mò fèng xiàn, wǒ guó qián yán kē jì shì yè cái néng qǔ dé rú cǐ huī huáng de lì shǐ xìng chéng jiù.

Chính bởi vì có sự cống hiến âm thầm ngày đêm không ngừng nghỉ của vô số người làm công tác nghiên cứu khoa học, sự nghiệp khoa học công nghệ tiên phong của nước ta mới có thể đạt được những thành tựu mang tính lịch sử rực rỡ đến mức này như thế này.

22 nét

HÁN VIỆT: NHƯ THỬ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Giới từ

#626

如同

rú tóng

giống như, tựa như, hệt như

基础科学研究如同参天大树的根系，根深方能叶茂，唯有根基扎实才能结出产业创新的累累硕果。

Jī chǔ kē xué yán jiū rú tóng cān tiān dà shù de gēn xī, gēn shēn fāng néng yè mào, wéi yǒu gēn jī zhā shí cái néng jié chū chǎn yè chuàng xīn de lěi lěi shuǒ guǒ.

Nghiên cứu khoa học cơ bản tựa như giống như hệ thống rễ của cây đại thụ chọc trời, rễ có sâu thì lá mới tốt tươi sum sê, chỉ có nền móng vững chắc mới có thể đơm hoa kết trái ngọt ngào của đổi mới sáng tạo ngành nghề.

24 nét

HÁN VIỆT: NHƯ ĐỒNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#627

如下

rú xià

như sau, dưới đây

国家科技奖励评审委员会对该项突破性成果的综合评审意见如下，给予了高度肯定与评价。

Guó jiā kē jì jiǎng lì pīng shēn wēi yuán huì duì gāi xiàng tǒu pò xìng chéng guǒ de zōng hé píng shēn yì jiàn rú xià, jǐ yǔ le gāo dù kěn dìng yǔ píng jià.

Ý kiến thẩm định tổng hợp của Hội đồng Thẩm định Khen thưởng Khoa học Công nghệ Quốc gia đối với thành quả mang tính đột phá này như sau dưới đây, đã dành sự đánh giá và khẳng định rất cao.

20 nét

HÁN VIỆT: NHƯ HẠ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#628

入门

rù mén

Bắt đầu

老师鼓励大家积极入门，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí rù mén, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Bắt đầu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT: NHẬP MÔN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#629

软

ruǎn

mềm mại

在面对复杂的挑战时，保持软的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí ruǎn de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái mềm mại đặc biệt quan trọng.

12 nét

HÁN VIỆT: NHUỖN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#630

软件

ruǎn jiàn

phần mềm (máy tính, điện thoại)

研发团队成功推出了自主可控的高性能工业设计仿真软件，打破了长期以来的国外垄断局面。

Yán fā tuán chéng gōng tuī chū le zì zhǔ kě kòng de gāo xìng néng gōng yè shè jì fǎng zhēn ruǎn jiàn, dǎ pò le cháng qī yǐ lái de guó wài lǒng duàn jú miàn.

Đội ngũ nghiên cứu phát triển đã cho ra mắt thành công phần mềm mô phỏng thiết kế công nghiệp hiệu năng cao tự chủ tự kiểm soát, phá vỡ cục diện độc quyền của nước ngoài trong thời gian dài.

25 nét

HÁN VIỆT: NHUỖN KIẾN


HSK 5 (3.0)

Động từ

#631

洒

sǎ

rắc, rải, tưới, chiếu rọi (ánh nắng)

清晨那一缕明媚温暖的金色朝阳洒进宽敞明亮的书房，为整个房间披上了一层柔和的光晕。

Qīng chén nà yī lǚ míng mèi wēn nuǎn de jīn sè zhāo yáng sǎ jìn kuān chǎng míng liàng de shū fáng, wèi zhěng gè fáng jiān pī shàng le yī céng róu hé de guāng yùn.

Vật nắng ban mai vàng óng ánh ấm áp và rực rỡ buổi sớm mai chiếu rọi vào căn phòng đọc sách sáng sủa rộng rãi, phủ lên khắp căn phòng một vầng sáng dịu dàng êm ả.

14 nét

HÁN VIỆT : SǎI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#632

散文

sǎn wén

tản văn, văn xuôi tùy bút

这部描绘祖国大好河山与乡村巨变的经典抒情散文集文笔细腻优美，深深打动了海内外数以百万计的读者。

Zhè bù miáo huì zǔ guó dà hǎo hé shān yǔ xiāng cūn jù biàn de jīng diǎn shū qíng sǎn wén jǐ wén bǐ xī nì yǒu měi, shēn shēn dǎ dòng le hǎi nèi wài shù yǐ bǎi wàn jì de dú zhě.

Tập tản văn tùy bút trữ tình kinh điển khắc họa non sông gấm vóc tươi đẹp của Tổ quốc cùng sự biến đổi to lớn của làng quê này có ngòi bút vô cùng tinh tế điểm lệ, đã làm lay động sâu sắc hàng triệu độc giả trong và ngoài nước.

22 nét

HÁN VIỆT : TẢN VĂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#633

杀

shā

giết

老师鼓励大家积极杀，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shā, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực giết, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT : SÁT

HSK 5 (3.0)

Động từ

#634

杀毒

shā dú

diệt virus máy tính; khử trùng sát khuẩn

国家超算中心核心网络部署了新一代全自主智能杀毒与流量入侵实时主动防御系统。

Guó jiā chāo suàn zhōng xīn hé xīn wǎng luò bù shǔ le xīn yí dài quán zì zhǔ zhì néng shā dú yǔ liú liàng rù qīn shí shí zhǔ dòng fáng yù xì tǒng.

Mạng cốt lõi của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia đã triển khai hệ thống phòng ngự chủ động theo thời gian thực chống xâm nhập lưu lượng và diệt virus phần mềm diệt virus thông minh hoàn toàn tự chủ thế hệ mới.

17 nét

HÁN VIỆT : SÁT ĐỘC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#635

沙漠

shā mò

sa mạc

在我国西北广袤辽阔的大沙漠深处，建成了全球单体规模最大的光伏“绿色能源蓝海”发电基地。

Zài wǒ guó xī běi guǎng mào liáo kuò de dà shā mò shēn chù, jiàn chéng le quán qiú dān tǐ guī mó zuì dà de guāng fú "lǜ sè néng yuán lán hǎi" fā diàn jī dì.

Sâu bên trong sa mạc bao la bát ngát vùng Tây Bắc nước ta, một căn cứ phát điện quang điện 'Biển xanh năng lượng xanh' với quy mô đơn lẻ lớn nhất thế giới đã được xây dựng hoàn thành.

20 nét

HÁN VIỆT : SA MẠC

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#636

傻

shǎ

ngốc nghếch, khờ khạo, ngớ ngẩn

当代雷锋式的好榜样用一生的默默奉献诠释了“甘当傻子、全心全意为人民服务”的崇高境界。

Dāng dài léi fēng shì de hǎo bǎng yàng yòng yì shēng de mò mò fèng xiàn quán shì le "gān dāng shǎ zǐ, quán xīn quán yì wéi rén mǐn fú wù" de chóng gāo jìng jiè.

Những tấm gương điển hình học tập tấm gương Lôi Phong thời đại mới bằng sự cống hiến âm thầm cả đời đã minh chứng cho cảnh giới cao đẹp 'Sẵn sàng làm người khờ khạo, tận tâm tận lực phục vụ nhân dân'.

11 nét

HÁN VIỆT : XOA

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#637

山区

shān qū

khu vực miền núi, vùng núi

随着国家数字乡村与高速公路网络的延伸，偏远山区群众的生活条件与发展环境发生了翻天覆地的历史巨变。

Suí zhe guó jiā shù zhī xiāng cūn yǔ gāo sù gōng lù wǎng luò de yǎn shēn, piān yuǎn shān qū qún zhòng de shēng huó tiáo jiàn yǔ fā zhǎn huán jīng fā shēng le fān tiān fù dì de lì shǐ jù biàn.

Cùng với sự vươn dài của mạng lưới đường cao tốc và làng quê số hóa quốc gia, điều kiện sinh hoạt và môi trường phát triển của bà con vùng núi khu vực miền núi xa xôi đã diễn ra sự biến đổi to lớn mang tính lịch sử nghiêng trời lệch đất.

26 nét

HÁN VIỆT : SƠN ÂU

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Lượng từ / Động từ

#638

扇

shàn

cái quạt; cánh (cửa/cửa sổ - lượng từ); quạt (shān: động từ)

深空探测飞行中心大厅的大型电磁屏蔽防护门如同一扇厚重坚实的安全闸门，严密隔绝外界一切电磁干扰。

Shēn kōng tàn cè fēi kōng zhōng xīn dà tīng de dà xíng diàn cí píng bǐ fáng hù hù mén rú tóng yì shàn hòu zhòng jiān shí de ān quán zhá mén, yán mì gé jué wài jiè yì qiè diàn cí gān rǎo.

Cánh cửa phòng hộ che chắn điện từ quy mô lớn của đại sảnh trung tâm điều khiển bay thám trắc không gian sâu tựa như một cánh cửa một cánh cổng van an toàn dày dặn kiên cố, cách ly nghiêm ngặt mọi sự can nhiễu điện từ bên ngoài.

9 nét

HÁN VIỆT : THIÊN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#639

扇子

shān zi

chiếc quạt, quạt gấp

老手艺人精工制作的手工苏扇骨架轻盈柔韧，绢面书画清雅，展现了非遗传统工艺的极致韵味。

Lǎo shǒu yì rén jīng gōng zhì zuò de shǒu gōng sū shàn gǔ jiǎ qīng yīng róu rèn, juàn miàn shù huà qīng yǎ, zhǎn xiàn le fēi yí chuán tǒng gōng yì de jí zhì yùn wèi.

Chiếc quạt Tô Châu thủ công do người thợ già tinh xảo chế tác có nan quạt nhẹ nhàng dẻo dai, mặt lụa vẽ tranh thư pháp thanh tao, thể hiện trọn vẹn phong vị đỉnh cao của nghề thủ công phi vật thể truyền thống.

20 nét

HÁN VIỆT : THIÊN TỬ



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#649

设想

shè xiǎng

hình dung, tưởng tượng; giả thiết
phác thảo ý tưởng

科学家在数十年前提出的利用受控核聚变打造“人造太阳”的宏伟科学设想，如今正在一步步变为现实。

Kē xué jiā zài shù shí nián qián tí chū de lì yòng shòu kòng hé jù biàn dǎ zào "rén zào tài yáng" de hóng wěi kē xué shè xiǎng, rú jīn zhèng zài yí bù bù biàn wéi xiàn shí.

Ý tưởng phác thảo khoa học vĩ đại về việc lợi dụng nhiệt hạch có kiểm soát để tạo nên 'Mặt Trời nhân tạo' do các nhà khoa học đề xuất từ nhiều thập kỷ trước, ngày nay đang từng bước một trở thành hiện thực.

24 nét

HÁN VIỆT: THIẾT TƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#650

社

shè

xã hội; cơ quan, nhà xuất bản/hợp
tác xã

科学出版社精心编辑出版了这部系统总结我国大国重器工程研发经验的权威学术专著。

Kē xué chū bǎn shè jīng xīn biān jí chū bǎn le zhè bù xì tǒng zǒng jié wǒ guó dà guó zhòng qì gōng chéng yán fā jīng yàn de quán wēi xué shù zhuān zhù jù zhù.

Nhà xuất bản Nhà xuất bản Khoa học đã cẩn thận biên tập và xuất bản cuốn đại tác phẩm sách chuyên khảo học thuật có tầm quyền tổng kết một cách hệ thống kinh nghiệm nghiên cứu chế tạo công trình đại khí quốc gia của nước ta.

8 nét

HÁN VIỆT: XÃ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#651

社区

shè qū

khu dân cư, cộng đồng dân cư khu
phố

各级党组织坚持党建引领基层治理，把社区打造成为凝聚人心、服务群众、化解矛盾的坚强战斗堡垒与温馨家园。

Gè jí dǎng zǔ zhī jiān chí dǎng yǐn lǐng jī cǎng zhì lǐ, bǎ shè qū dǎ zào chéng wéi níng jù rén xīn, fú wù qún zhòng, huà jiě máo dùn de jiān qiáng zhàn dòu bǎo lěi yǔ wēn xīn jiā yuán.

Các cấp ủy Đảng kiên trì lấy công tác xây dựng Đảng dẫn dắt quản trị cơ sở, xây dựng khu dân cư trở thành pháo đài chiến đấu kiên cường và mái ấm chan hòa gắn kết lòng người, phục vụ nhân dân, hóa giải mâu thuẫn.

21 nét

HÁN VIỆT: XÃ QU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#652

射

shè

bắn

老师鼓励大家积极射，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shè, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bắn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: XA

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#653

射击

shè jī

bắn súng, xạ kích

在世界级射击锦标赛十米气步枪决赛中，年轻选手屏息凝神，最后一枪沉着命中十环九环斩获金牌。

Zài shì jiè jí shè jī jīn biāo sài shí mí qì bǔ qiāng jué sài zhōng, nián qīng xuǎn shǒu bǐng xī níng shén, zuì hòu yí qiāng chén zhù míng zhòng shí diǎn jiǔ huán zhàn huò jīn pái.

Trong trận chung kết súng trường hơi 10 mét giải vô địch bắn súng thể giới, vận động viên trẻ nín thở tập trung, phát bắn cuối cùng điểm tìch bắn trúng 10,9 điểm giành huy chương vàng.

18 nét

HÁN VIỆT: XẠ KÍCH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#654

摄像

shè xiàng

quay phim, ghi hình, quay video

空间站机械臂末端配备的超高清全景数字摄像系统，实时记录并传回了航天员出舱太空行走的壮丽画面。

Kōng jiān zhàn jī xié bì mò duān pèi bèi de chāo qīng quán jǐng shù zì shè xiàng xì tǒng, shí shí jì lù bìng chuán huí le háng tiān yuán chū cāng tài kōng xíng zǒu de zhuàng lì huà miàn.

Hệ thống ghi hình quay phim kỹ thuật số toàn cảnh siêu nét trang bị ở đầu cánh tay robot trạm vũ trụ đã ghi lại theo thời gian thực và truyền về những khung hình tráng lệ của phi hành gia bước ra ngoài không gian.

24 nét

HÁN VIỆT: NHIẾP TƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#655

摄像机

shè xiàng jī

máy quay phim, máy ghi hình video

深潜器搭载的万米耐超高压超高清深海专用摄像机，清晰拍摄到了深渊海底奇特的深海地貌与未知生物。

Shēn qián qì dǎ zài de wàn mí nài chāo gāo yā chāo gāo qīng shēn hǎi zhuān yòng shè xiàng jī, qīng xī pāi shè dào le shēn yuǎn hǎi dǐ qí tè de shēn hǎi dǐ mào yǔ wèi zhī shēng wù.

Chiếc máy quay phim máy ghi hình chuyên dụng biển sâu siêu nét chịu được áp lực siêu cao vạn mét trang bị trên tàu lặn đã ghi hình rõ nét các sinh vật chưa biết cùng địa mạo biển sâu kỳ lạ dưới đáy vực sâu.

33 nét

HÁN VIỆT: NHIẾP TƯỢNG CƠ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#656

摄影

shè yǐng

nhiếp ảnh, quay phim, chụp ảnh

这位野生动物摄影师常年在青藏高原风雪露营，用高倍长焦镜头记录下了雪豹捕食的珍贵瞬间。

Zhè wèi yě shēng dòng wù shè yǐng shī cháng nián zài qīng zàng gāo yuán fēng xuě cán lù, yòng gāo bèi zhǎng jiāo jìng tóu jì lù xià le xuě bào bǔ shí de zhēn guì shùn jiān.

Nhiếp ảnh gia động vật hoang dã này quanh năm dầm mưa dãi nắng nơi cao nguyên Thanh Tạng, dùng ống kính tele độ nét cao ghi lại khoảnh khắc săn mồi vô giá của báo tuyết.

25 nét

HÁN VIỆT: NHIẾP ẢNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#657

摄影师

shè yǐng shī

nhiếp ảnh gia, thợ chụp ảnh

知名生态摄影师在国家森林公园深山峡谷中历经数月艰苦蹲守，成功抓拍到了珍稀野生雪豹奔跑的珍贵瞬间。

Zhī míng shēng tài shè yǐng shī zài guó jiā gōng yuán shēn shān xiá gǔ zhōng lì jīng shù yuè jiǎn kù dūn shǒu, chéng gōng zhuā pǎi dào le zhēn xī yě shēng xué bào bēn pǎo de zhēn guì shùn jiān.

Nhiếp ảnh gia sinh thái nổi tiếng trải qua nhiều tháng gian khổ mai phục nơi hẻm núi rừng sâu Công viên Quốc gia đã bắt trọn thành công khoảnh khắc vô giá báo tuyết hoang dã quý hiếm đang chạy.

35 nét

HÁN VIỆT: NHIẾP ẢNH SƯ


HSK 5 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#667

声

shēng

âm thanh, tiếng vang; tiếng (lượng từ)

伴随着指挥大厅里传出的倒计时指令声与震耳欲聋的轰鸣声，长征重型运载火箭拔地而起，直入苍穹。

Bàn suí zhe zhǐ huī dà tīng lǐ chuán chū de dào sù zhǐ lìng shēng yǔ zhèn ěr yù lóng de hōng míng shēng, cháng zhēng zhòng yòng zài chāo yùn zài huò jiàn bǎo dí ér qǐ, zhí rù cāng qióng.

Hòa cùng tiếng vang âm thanh của khẩu lệnh đếm ngược truyền ra từ đại sảnh chỉ huy và tiếng gầm rú rung trời chuyển đất, quả tên lửa đẩy hạng nặng Trường Chinh vươn mình từ mặt đất bay thẳng vào vòm trời xanh bao la.

12 nét

HÁN VIỆT: THANH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#668

胜负

shèng fù

thắng bại, thắng thua, kết quả cuộc đọ sức

在关乎大国前沿综合科技实力的战略博弈中，原始创新能力的强弱决定着未来战略竞争的最终胜负。

Zài guān hū dà guó qián yán zōng hé kē jì shí lì de zhàn lüè bó yì zhōng, yuán shǐ chuàng xīn néng lì de qiáng ruò zhí jiē jué dìng zhe wèi lái zhàn lüè jīng zhēng de zuì zhōng shèng fù.

Trong ván cờ chiến lược liên quan tới sức mạnh khoa học công nghệ tổng hợp tiên phong của các nước lớn, sự mạnh yếu của năng lực đổi mới sáng tạo nguyên tác trực tiếp quyết định đến thắng bại được thua cuối cùng của cuộc cạnh tranh chiến lược tương lai.

20 nét

HÁN VIỆT: THẮNG PHỤ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#669

剩

shèng

trái

老师鼓励大家积极剩，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shèng, yǒng yǔ tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực trái, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: THẶNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#670

剩下

shèng xià

còn lại, thừa lại, sót lại

在攻克大科学装置两项最艰难的核心工艺指标后，团队乘胜追击，全力攻坚剩下的一项关键技术难题。

Zài gōng kè dà kē xué zhuāng zhì liǎng zuì jiān nán de hé xīn gōng yì zhǐ biāo hòu, tuán duì chéng shèng zhuī jī, quán lì gōng jiān shèng xià de yì xiàng guān jiàn jì shù nán tí.

Sau khi chinh phục hai chỉ tiêu quy trình công nghệ cốt lõi khó khăn nhất của thiết bị khoa học lớn, đội ngũ đã thừa thắng xông lên, dốc toàn lực vượt khó một nan đề công nghệ then chốt còn lại sót lại.

23 nét

HÁN VIỆT: THẶNG HẠ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#671

失误

shī wù

sai sót, sơ suất, lỗi lầm kỹ thuật

在航天发射与深空测控全流程指挥调度中，科研团队做到了万无一失、零失误、零差错，圆满完成任务。

Zài háng tiān fā shè yǔ shēn kōng kòng cè quán liú chéng zhǐ huī diào dù zhōng, kē yán tuán duì zuò dào le wàn wú yī shī, líng shī wù, líng chā cuò yuán mǎn wán chéng rèn wù.

Trong công tác chỉ huy điều độ toàn quy trình đo đạc điều khiển không gian sâu và phóng tàu vũ trụ, nhóm nghiên cứu khoa học đã làm được điều tuyệt đối an toàn, không một sai sót, không một lỗi lầm, hoàn thành thắng lợi mỹ mãn nhiệm vụ.

26 nét

HÁN VIỆT: THẤT NGỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#672

师傅

shī fu

thầy, thợ cả, sư phụ

这位经验丰富的老师傅带徒弟极其耐心细致，将一辈子积累的精湛工匠手艺倾囊相授。

Zhè wèi jīng yàn fēng fù de lǎo shī fù dài tú dì jí qī nài xīn xì zhì, jiāng yì bèi zǐ jī lěi de jīng zhàn gōng jiàng shòu yì qīng náng xiāng shòu.

Bác thợ cả giàu kinh nghiệm này dạy dỗ học trò vô cùng kiên nhẫn tỉ mỉ, dốc hết tâm huyết truyền thụ toàn bộ tay nghề thủ công bậc thầy tích lũy cả một đời.

27 nét

HÁN VIỆT: SƯ PHÓ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#673

诗歌

shī gē

thơ ca, thi ca

中华优秀传统文化积淀了浩如烟海的璀璨诗歌名篇，展现了博大精深的人文精神底蕴。

Zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà jī diàn le hào yān yǎn hǎi de cuī càn shī gē míng piān, zhǎn xiàn le bó dà jīng shēn de rén wén jīng shén dī yùn.

Nền văn hóa truyền thống xuất sắc Trung Hoa đã tích lũy nên biết bao danh tác thơ ca thi ca rực rỡ nhiều như biển rộng bao la, phô diễn bề dày tinh thần nhân văn uyên thâm sâu rộng.

17 nét

HÁN VIỆT: THỊ CA

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#674

十足

shí zú

mười phần, tràn đầy, đậm đặc hoàn toàn (100%)

在重大科技工程决战决胜的关键冲刺阶段，全体建设者斗志昂扬、干劲十足，确保工程按期高质量交付。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng jué zhàn jué shèng de guān jiàn chōng cì jiē duàn, quán tǐ jiàn shè zhě dòu zhì áng yáng, gàn jìn shí zú, què bǎo gōng chéng àn qī gāo zhì liàng jiāo fù.

Trong giai đoạn nước rút then chốt quyết chiến quyết thắng của công trình khoa học công nghệ trọng đại, toàn thể những người xây dựng ý chí chiến đấu sục sôi, khí thế làm việc tràn đầy mười phần, bảo đảm công trình bàn giao đúng hạn đạt chất lượng cao.

22 nét

HÁN VIỆT: THẬP TÚ

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#675

时常

shí cháng

thường, thường xuyên, hay

老科学家时常深入学生实验室，手把手指导青年学子开展前沿实验并悉心启发大家的批判性科研思维。

Lǎo kē xué jiā shí cháng shēn rù xué shēng shí yàn shì, shǒu bǎ shǒu zhǐ dǎo qīng nián xué zǐ kāi zhǎn qián yán shí yàn bǐng xī xīn qǐ fā dà jiā de pī pàn xíng kē yán sī wéi.

Nhà khoa học lão thành thường xuyên đi sâu vào phòng thí nghiệm của sinh viên, cầm tay chỉ việc hướng dẫn các bạn sinh viên trẻ tuổi triển khai các thực nghiệm tiên phong và tận tình gợi mở tư duy nghiên cứu khoa học phân biện cho mọi người.

27 nét

HÁN VIỆT: THỜI THƯỜNG


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#676

时光

shí guāng

 thời gian, năm tháng thời quang
tươi đẹp

广大青年学子当珍惜美好的大学青春时光，
勤奋笃学、苦练本领，立志在科技报国实践
中绽放绚丽光彩。

Guǎng dà qīng nián xué zǐ dāng zhēn xī měi hǎo
de dà xué qīng chūn shí guāng, qín fèn dǔ xué,
kǔ liàn běn lǐng, lì zhì zài kē jì bào guó shí jiàn
zhōng zhàn fàng xuàn lì guāng cǎi.

Đồng đảo các bạn sinh viên thanh niên hãy
biết trân trọng những năm tháng thời gian
thanh xuân tươi đẹp nơi giảng đường đại
học, cần mẫn chăm học, khổ luyện bản lĩnh,
lập chí tỏa sáng rực rỡ trong thực tiễn đem
khoa học phụng sự Tổ quốc.

27 nét

HÁN VIỆT: THỜI QUANG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#677

时机

shí jī

 thời cơ, thời điểm chín muồi thuận
lợi

深刻把握新一轮全球科技革命和产业变革历
史时机，加快培育壮大新质生产力与战略性
新兴产业集群。

Shēn kè bǎ wò xīn yī lún quán qiú kē jì gé mìng hé
chǎn yè biàn gé lì shǐ shí jī, jiā kuài péi yù zhuàng
dà xīn zhì shēng chǎn lì yǔ zhàn lüè xīn xīng
chǎn yè jí qún.

Nắm bắt sâu sắc thời cơ lịch sử của làn sóng
cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa
học công nghệ mới trên toàn cầu, đẩy nhanh
bối dưong và phát triển lớn mạnh các cụm
ngành công nghiệp mới nổi mang tính chiến
lược cùng lực lượng sản xuất chất lượng mới.

23 nét

HÁN VIỆT: THỜI CƠ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#678

时事

shí shì

 thời sự, tin tức tình hình thời sự hiện
tại

高校通过常态化开展形势政策教育与国际时
事专题讲座，引导广大青年学子树立宏阔的
全球战略视野。

Gāo xiào tōng guò cháng tài huà kāi zhǎn xíng
shì zhèng cè jiào yù yú guó jì shí shì zhuān tí jiǎng
zuò, yīn dǎo guāng dà qīng nián xué zǐ shù lì
hóng kuò de quán qiú zhàn lüè shì yě.

Các trường đại học thông qua việc thường
xuyên triển khai các buổi giảng chuyên đề
thời sự quốc tế và giáo dục tình hình chính
sách đã dẫn dắt đồng đảo sinh viên thanh
niên xây dựng tầm nhìn chiến lược toàn cầu
rộng lớn.

25 nét

HÁN VIỆT: THỜI SỰ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#679

实惠

shí huì

 thực tế, có lợi thực sự, giá cả phải
chăng

国家大力推进基本公共服务均等化与医保跨
省异地直接结算，让广大老百姓享受到了实
实在在的民生实惠。

Guó jiā dà lì tuī jìn jī běn gōng gòng fú wù jūn
děng huà yú yī bǎo kuà shěng yì dì zhí jiē jié
suàn, ràng guǎng dà lǎo bǎi xìng xiǎng shòu dào
le shí shí zài zài de mǐn shēng shí huì.

Nhà nước đẩy mạnh bình đẳng hóa các dịch
vụ công cộng cơ bản cùng việc thanh toán
trực tiếp bảo hiểm y tế khác tỉnh trái tuyến,
giúp đồng đảo người dân được thụ hưởng
những lợi ích thực tế thiết thực rõ nét về mặt
dân sinh.

26 nét

HÁN VIỆT: THỰC HUỆ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#680

使得

shǐ de

làm

老师鼓励大家积极使得，勇于探索新的知
识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shǐ de, yǒng yú tàn suǒ xīn
de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

24 nét

HÁN VIỆT: SỬ ĐẮC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#681

示范

shì fàn

 thí điểm làm mẫu, mô hình kiểu
mẫu, làm gương

国家在长三角区域一体化与粤港澳大湾区设
立了一批高水平绿色低碳与数字经济创新示
范先导区。

Guó jiā zài zhǎng jiǎng sǎn jiāo qū yǔ yī tǐ huà yǔ yuè
gāng ào dà wǎn qū shè lì le yī pī gāo shuǐ píng lǚ
sè dì tàn yǔ shù zì jīng jì chuāng xīn shì fàn xiǎn
dǎo qū.

Nhà nước tại Vùng Vịnh Lớn (Quảng Đông -
Hồng Kông - Ma Cao) và Vùng Tích hợp Đồng
bằng Tam giác Sông Dương Tử đã thành lập
một loạt các khu thí điểm làm mẫu tiên
phong đổi mới kinh tế số và xanh ít phát thải
trình độ cao.

21 nét

HÁN VIỆT: THỊ PHẠM

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Hậu tố

#682

式

shì

 kiểu, dạng, phong cách; phương
thức, công thức

我们要坚持走中国特色自主创新道路，积极
探索构建中国式现代化科技强国发展新范
式。

Wǒ men yào jiān chí zǒu zhōng guó tè sè zì zhủ
chuàng xīn dào lù, jī jí tàn suǒ gòu jiàn zhōng guó
shì xiàn dài huà kē jì qióng guó fā zhǎn xīn fàn shì.

Chúng ta phải kiên trì bước đi trên con
đường tự chủ đổi mới sáng tạo mang đặc sắc
Trung Quốc, tích cực tìm tòi xây dựng mô
thức mới phát triển cường quốc khoa học
công nghệ hiện đại hóa kiểu Trung Quốc
phong cách Trung Quốc.

11 nét

HÁN VIỆT: THỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#683

势力

shì lì

thế lực, lực lượng phe cánh

国家坚定不移维护国家主权、安全、发展利
益，坚决粉碎任何外部敌对势力分裂国家和
干涉内政的图谋。

Guó jiā jiān dìng bù yí wéi hù guó jiā zhǔ quán, ān
quán, fā zhǎn lì yì, jiǎn jué fēn suī rěn hé wài bù
dǐ duì shì lì fēn liè guó jiā hé gān shè nèi zhèng de tú
móu.

Nhà nước kiên định không ngừng bảo vệ lợi
ích phát triển, an ninh, chủ quyền quốc gia,
kiên quyết đập tan mọi mưu toan can thiệp
vào công việc nội bộ và chia rẽ đất nước của
bất kỳ thế lực thù địch bên ngoài nào.

17 nét

HÁN VIỆT: THẾ LỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#684

视频

shì pín

 video, đoạn phim video, hình ảnh
video

空间站航天员通过超高清实时数字视频通
话，向全国中小学生带来了一堂生动奇妙的
“天宫课堂”太空科普课。

Kōng jiān zhàn háng tiān yuán tōng guò chāo
gāo qīng shí shí shù zì shì pín tōng huà, xiàng
quán guó zhōng xiǎo xué shēng dài lái le yī táng
shēng dòng qí miào de "tiān gōng kē kè táng" tài
kōng kē pǔ kè.

Phi hành gia trạm vũ trụ thông qua cuộc đàm
thoại video hình ảnh video kỹ thuật số thời
gian thực siêu nét đã mang tới cho học sinh
tiểu học và trung học trên toàn quốc một tiết
học phổ biến khoa học vũ trụ "Lớp học Thiên
Cung" kỳ diệu sinh động.

24 nét

HÁN VIỆT: THỊ TẤN



HSK 5 (3.0)

Động từ

#685

视为

shìwéi

coi như, xem như là, coi là

国际学术界把我国在量子纠缠与深空探测领域取得的原创突破, 视为当代物理学界的重要里程碑事件。

Guó jì xué shù jiè bǎ wǒ guó zài liàng zǐ jiū chán yǔ shēn kōng tàn cè líng yǔ qū dé de yuán chuàng tū pò, shì wéi dāng dài wù lǐ xué jiè de zhòng dà lǐ chéng bēi shì jiàn.

Giới học thuật quốc tế đã coi như xem như là những đột phá nguyên tắc mà nước ta đạt được trong lĩnh vực thăm trắc không gian sâu và vướng viú lượng tử là sự kiện cột mốc trọng đại của giới vật lý học đương đại.

26 nét

HÁN VIỆT: THỊ VI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#686

试图

shì tú

mưu toan, cố gắng, có ý định

任何试图以单边脱钩断链来遏制阻碍别国正常科技与经贸发展的行径, 终将被历史车轮证明是徒劳无功的。

Rèn hé shì tú yǐ dān biān tuō gōu duàn liàn lái è zhì zǔ ài bié guó zhèng cháng kè jì jī yǔ jīng mào fā zhān de xíng jīng, zhōng jiāng bèi lì shǐ chē lún zhèng míng shì tú láo wú gōng dé.

Mọi hành vi mưu toan dùng thủ đoạn đơn phương cắt đứt chuỗi cung ứng tách rời kinh tế để kiềm chế cản trở sự phát triển kinh tế thương mại và công nghệ bình thường của nước khác, cuối cùng sẽ bị bánh xe lịch sử chứng minh là hoàn toàn công cốc vô ích.

25 nét

HÁN VIỆT: THÍ ĐỒ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Số từ

#687

拾

shí

nhặt, lượm lặt; thu dọn; mười (chữ số tài chính: thập)

青年志愿者们在生态海岸线上开展环保公益行动, 认真拾起潮水冲上岸边的塑料垃圾与漂浮废弃物。

Qīng nián zhì yuàn zhě men zài shēng tài hǎi àn xiàn shàng kāi zhān huán bǎo gōng yì xíng dòng, rèn zhēn shí qǐ cháo shuǐ chōng shàng àn biān de sù liào lā jī yǔ piāo fú wù qì wù.

Các bạn tình nguyện viên trẻ tuổi triển khai hoạt động công ích bảo vệ môi trường trên bờ biển sinh thái, cẩn thận nhặt lượm nhặt các rác thải trôi nổi và rác thải nhựa do sóng thủy triều đánh dạt vào bờ.

10 nét

HÁN VIỆT: THIỆP

HSK 5 (3.0)

Động từ

#688

收购

shōu gòu

mua lại

老师鼓励大家积极收购, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shōu gòu, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mua lại, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

19 nét

HÁN VIỆT: THU CẦU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#689

收集

shōu jí

thu thập, gom nhặt, tập hợp thu gom

月球探测器在月球表面与深层月壤中成功收集了近两千克珍贵的月球实物样品并顺利带回地球。

Yuè qiú tàn cè qì zài yuè qiú biǎo miàn yǔ shēn céng yuè rǎng zhōng chéng gōng shōu jí le jìn liǎng qiān kè zhēn guì de yuè qiú shí wù yàng pǐn bìng shùn lì dài huí dì qiú.

Tàu thám trắc Mặt Trăng đã thu thập gom nhặt thành công gần hai kilôgam mẫu vật thực thể Mặt Trăng vô giá từ lớp đất mặt trăng tầng sâu và trên bề mặt Mặt Trăng, mang trở về Trái Đất an toàn.

19 nét

HÁN VIỆT: THU TẬP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#690

收拾

shōu shì

thu dọn, dọn dẹp, chỉnh lý

周末全家人齐心协力把书房和阳台收拾得井井有条、一尘不染, 居住心情格外舒畅。

Zhōu mò quán jiā rén qí xīn xié lì bǎ shū fáng hé yáng tái shōu shì dé jīng jīng yǒu tiáo, yǐ chén bù rǎn, jū zhù xīn qíng gé wài shū chàng.

Cuối tuần cả nhà chung tay thu dọn phòng đọc sách và ban công ngăn nắp gọn gàng sạch bóng không một hạt bụi, cảm giác sống trong nhà khoan khoái dễ chịu vô cùng.

21 nét

HÁN VIỆT: THU THIỆP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#691

手段

shǒuduàn

thủ đoạn, phương tiện, phương thức biện pháp

我们必须综合运用前沿人工智能大数据与量子遥感等先进科技手段, 全面提升自然灾害预警监测能力。

Wǒ men bì xū zōng hé yùn yòng qián yán rén gōng dà shù yǔ liàng zǐ yuǎn gǎng děng xiān jìn kē jì shǒu duàn, quán miàn tí shēng zì rán zāi hài yù jǐng jiān cè néng lì.

Chúng ta bắt buộc phải vận dụng tổng hợp các phương thức biện pháp phương tiện khoa học công nghệ tiên tiến như viễn thám lượng tử và dữ liệu lớn trí tuệ nhân tạo tiên phong, nâng cao toàn diện năng lực quan trắc cảnh báo sớm thiên tai.

21 nét

HÁN VIỆT: THỦ ĐOẠN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#692

手法

shǒu fǎ

thủ pháp, kỹ thuật tay nghề, ngón nghề nghệ thuật

国家级非遗紫砂陶艺大师运用精湛圆熟的传统全手工泥片镶接手法, 创作出了线条优雅流畅的传世艺术精品。

Guó jiā fēi yí shǐ zǎo táo yì dà shī yùn yòng jīng zhān yuán shú de chuán tǒng quán gōng ní piàn xiāng jiē shǒu fǎ, chuàng zuò chū le xiàn tiáo yōu yǎ liú cháng de chuán shì yì shù jīng pǐn.

Bậc thầy nghệ nhân gốm Tử Sa di sản phi vật thể quốc gia vận dụng thủ pháp ghép nối từng mảnh đất hoàn toàn thủ công truyền thống điêu luyện thành thực, đã sáng tạo nên những kiệt tác nghệ thuật để đời với đường nét thanh thoát tao nhã.

22 nét

HÁN VIỆT: THỦ PHÁP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#693

寿司

shòusī

món sushi (cơm cuộn kiểu Nhật)

在国际美食文化交流博览会上, 各国厨师现场制作并展示了精致地道的手工传统特色风味寿司。

Zài guó jì měi shí wén huà jiāo liú bō lǎn huì shàng, gè guó chú shī xiàn chǎng zhì zuò bìng zhǎn shì le jīng zhì dì dào de shǒu gōng chuán tè fēng wèi shòu sī.

Tại Triển lãm Giao lưu Văn hóa Ẩm thực Quốc tế, các đầu bếp của các nước đã chế biến và phổ diễn trực tiếp món cơm cuộn sushi hương vị đặc sắc truyền thống làm thủ công chuẩn vị tinh xảo.

25 nét

HÁN VIỆT: THỌ TÌ



HSK 5 (3.0)

Động từ

#694

受灾

shòuzāi

chịu thảm họa, bị thiên tai tàn phá, gặp nạn

国家防灾减灾救灾指挥部迅速启动最高级别应急响应，紧急调集精锐救援力量全力救助受灾群众。

Guójiā fáng zāi jiǎn zāi jiù zù zāi zhī huī bù xùn sù qǐ dòng zuì gāo jí bié yǐng jí xiǎng yīng, jǐn jí diào jí jīng ruì jiù yuán lì liàng quán lì jiù zhù shòu zāi qún zhòng.

Ban Chỉ huy Cứu nạn Giảm nhẹ và Phòng chống Thiên tai Quốc gia đã nhanh chóng kích hoạt mức độ ứng phó khẩn cấp cao nhất, khẩn cấp điều động lực lượng cứu nạn tinh nhuệ dốc toàn lực cứu giúp bà con gặp nạn chịu thảm họa bị thiên tai.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: THỌ TAI

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#695

瘦

shòu

gầy

坚持长跑与合理饮食几个月后，他整个人明显瘦了一大圈，显得神采奕奕、充满朝气。
Jiān chí cháng pǎo yǔ hé lǐ yǐn shí jǐ gè yuè hòu, tā zhěng gè rén míng xiǎn shòu le yí dà quān, xiǎn de shén cǎi yì yì, chōng mǎn zhāo qì.

Sau mấy tháng kiên trì chạy đường dài và ăn uống điều độ, anh ấy thon gọn đi trông thấy, toát lên vẻ rạng rỡ và tràn đầy sức sống.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: SẼU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#696

书法

shū fǎ

thư pháp, nghệ thuật viết chữ đẹp
Hán tự

中国传统书法艺术融汇了中华美学精神与哲学意境，行云流水般的笔墨线条展现了东方文化的独特魅力。

Zhōng guó chuán tǒng shū fǎ yì yù shù róng huì le zhōng huá měi xué jīng shén yǔ zhé xué yì jìng, xíng yún liú shuǐ bān de bǐ mò xiàn tiáo zhǎn xiàn le dōng fāng wén huà de dú tè mèi lì.

Nghệ thuật thư pháp truyền thống Trung Hoa dung hợp tinh thần mỹ học cùng ý cảnh triết học Á Đông, những đường nét bút mực thanh thoát như mây trôi nước chảy đã phô diễn sức quyến rũ độc đáo của văn hóa phương Đông.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: THƯ PHÁP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#697

书柜

shū guì

tủ sách, giá sách có cửa

在老科学家的书房里，几座高大的实木书柜上整齐摆满了泛黄的学术手稿与中外前沿科学典籍。

Zài lǎo kē xué jiā de shū fáng lǐ, jǐ zuò gāo dà de shí mù shū guì shàng zhěng zhěng qí qí bǎi mǎn le fàn huáng de xué shù shǒu gǎo yǔ zhōng wài qián yán kē xué diǎn jī.

Bên trong thư phòng của nhà khoa học lão thành, trên vài chiếc giá sách tủ sách bằng gỗ thật cao lớn xếp đầy ắp ngay ngắn những cuốn điển tịch khoa học tiên phong trong và ngoài nước cùng các bản thảo học thuật óng vàng.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: THƯ QUỲ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#698

书桌

shū zhuō

bàn học, bàn làm việc, bàn đọc sách

深夜的书房里，台灯将柔和的光芒洒在书桌上，青年学者正全神贯注地推导着复杂的理论物理公式。

Shēn yè de shū fáng lǐ, tái dēng jiāng róu hé de guāng máng sǎ zài shū zhuō shàng, qīng nián xué zhě zhèng quán shén guān zhù de tuī dǎo zhe fù zá de lǐ lùn wù lǐ gōng shì.

Bên trong thư phòng lúc đêm khuya, chiếc đèn bàn tỏa ánh sáng êm dịu lên trên chiếc bàn đọc sách bàn làm việc bàn học, người học giả trẻ tuổi đang tập trung toàn bộ tinh thần suy diễn các công thức vật lý lý luận phức tạp.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: THƯ TRÁC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#699

输出

shū chū

xuất ra, đầu ra, phát ra (năng lượng/tín hiệu/sản phẩm)

我国百万千瓦级清水水电超级机组平稳运行，源源不断向东部经济大省稳定输出强劲绿色电力。

Wǒ guó bǎi wàn qiā wǎ jī qīng shuǐ yuán jī jù píng wěn yùn xíng, yuán yuán bù duàn xiàng dōng bù jīng jì dà shěng wěn dìng shū chū qiáng jīng lǜ sè diàn lì.

Tổ máy siêu cấp thủy điện sạch cấp triệu kilowatt của nước ta vận hành êm ái, liên tục không ngừng phát ra xuất ra nguồn điện xanh mạnh mẽ ổn định cho các tỉnh lớn kinh tế miền Đông.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: THÊU XUẤT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#700

蔬菜

shū cài

rau củ, rau xanh

全国“菜篮子”工程通过建设现代化智能温室大棚，切实保障了寒冷冬季北方各大城市新鲜绿色有机蔬菜的平价稳定供应。

Quán guó "cài lán zi" gōng chéng tōng guò jiàn shè xiān dài huà zhì néng wēn shì dà péng, qiè shí bǎo zhàng le hán lěng dōng jì běi fāng dà chéng shì xīn xiān lǜ sè yǒu jī shū cài de píng jià wěn dìng gòng yīng.

Đề án 'Rổ rau thực phẩm' quốc gia thông qua việc xây dựng các nhà màng nhà kính thông minh hiện đại đã bảo đảm thiết thực nguồn cung ứng ổn định bình ổn giá rau xanh hữu cơ tươi ngon cho các đô thị phía Bắc trong mùa đông giá rét.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: SƠ THÁI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#701

熟悉

shú xī

quen thuộc, am hiểu

作为在老城区生活了三十多年的老居民，他对这里的大街小巷与历史掌故熟悉得如数家珍。

Zuò wéi zài lǎo chéng qū shēng huó le sān shí duō nián de lǎo jū mǐn, tā duì zhè lǐ de dà jiē xiǎo xiàng yǔ lì shǐ zhǎng gù shú xī dé rú shù jiā zhēn.

Là một cư dân lâu năm sống ở khu phố cổ hơn 30 năm, ông thuộc lòng từng ngõ ngách đường phố cùng những câu chuyện lịch sử nơi đây như lòng bàn tay.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẤT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#702

鼠

shǔ

con chuột; tuổi Tý

在国家生物医学实验室里，研究员利用基因编辑模式小鼠模型深入探索恶性肿瘤发病机制与靶向新药。

Zài guó jiā shēng wù yī xué shí yàn shì lǐ, yán jiū yuán lì yòng jī yīn biān jí mó shǐ xiǎo shǔ mó xíng shēn rù tàn suǒ è xìng zhǒng liú fā bìng jī zhì yǔ bǎ xiàng xīn yào.

Bên trong phòng thí nghiệm y sinh học quốc gia, các nghiên cứu viên sử dụng mô hình chuột con chuột chỉnh sửa gen để đi sâu khám phá các loại thuốc mới trúng đích và cơ chế phát bệnh của khối u ác tính.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: THỬ



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#703

鼠标

shǔ biāo

chuột máy tính

这款专为数字工程建模与高精度图形设计定制的人体工学无线鼠标，手感极其舒适灵敏。

Zhè kuǎn zhuān wéi shù zì gōng chéng jiàn mó yǔ gāo jīng dù tú xíng shè jì de rén tǐ gōng xué wú xiàn shǔ biāo, shǒu gǎn jí qí shǔ shì líng mǐn.

Chiếc chuột máy tính không dây công thái học được tùy biến chuyên dụng cho công việc dựng hình kỹ thuật số và thiết kế đồ họa chính xác cao này cảm rất êm tay và nhạy bén.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỬ TIÊU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#704

数目

shù mù

con số, số lượng, tổng số

随着生态文明建设深入推进，我国野生大熊猫与藏羚羊等珍稀濒危物种的种群数目实现了恢复性显著增长。

Suí zhe shēng tài wén míng jiàn shè shēn rù tuī jìn, wǒ guó yě shēng dà xióng māo yǔ cáng líng yáng děng zhēn xī bīn wēi wú zhǒng de zhòng qún shù mù shí xiàn le huī fù xíng xiǎn zhù zēng zhǎng.

Cùng với việc xây dựng văn minh sinh thái được đi sâu thúc đẩy, số lượng con số quần thể các loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng như linh dương Tây Tạng và gấu trúc lớn hoang dã của nước ta đã đạt mức tăng trưởng phục hồi rõ rệt.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: SỐ MỤC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#705

摔

shuāi

ngã, rơi, đập vỡ; vật, ném

在冰雪路面行走时应当放慢脚步、步步踏实，避免因脚底打滑而意外摔倒受伤。

Zài bīng xuě lù miàn xíng zǒu shí yīng dǎng fàng màn jiǎo bù, bù bù cái shí, bù miǎn yīn jiǎo dī dǎ huá ér yì wài shuāi dǎo shòu shāng.

Khi đi bộ trên mặt đường đóng băng trơn trượt cần đi chậm lại, từng bước bước thật chắc chắn để tránh bị trượt chân ngã bất ngờ dẫn tới chấn thương.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: SUẤT

HSK 5 (3.0)

Động từ

#706

摔倒

shuāi dǎo

ngã, vấp ngã, ngã nhào

在科学探索的漫漫征途上哪怕遭遇挫折不慎摔倒，我们也要坚毅地站起来、拍拍尘土继续勇毅前行。

Zài kē xué tàn suǒ de màn màn zhēng tú shàng nǎ pà zǎo yù cuò zhé bù shèn shuāi dǎo, wǒ men yě yào jiān yì dì zhàn qǐ lái, pāi pāi chén tǔ jì xù yǒng yì qián xíng.

Trên hành trình dài đằng đẵng của thám hiểm khoa học cho dù có gặp phải trắc trở chẳng may vấp ngã ngã nhào, chúng ta cũng phải kiên cường đứng dậy, phủi sạch bụi đất và tiếp tục dũng cảm tiến bước.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: SUẤT ĐẢO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#707

双手

shuāng shǒu

đôi bàn tay, hai tay

大国工匠用一双巧夺天工的双手，在微米级精密航天发动机核心部件上完成极致装配。

Dà guó gōng jiàng yòng yī shuāng qiǎo duó tiān gōng de shuāng shǒu, zài wēi mǐ jī jīng mì háng tiān fā dòng jī hé xīn bù jiàn shàng wán chéng jí zhì zhuāng pèi.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn dùng một đôi bàn tay khéo léo đoạt cả công trời (xào đoạt thiên công), hoàn thành việc lắp ráp đỉnh cao trên lĩnh vực cốt lõi của động cơ hàng không vũ trụ chính xác cấp micromet.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: SONG THỦ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#708

水产品

shuǐ chǎn pǐn

thủy sản, thủy hải sản

国家大力推进现代化深远海智能养殖工船建设，生产出高品质、无污染的深海绿色优质水产品。

Guó jiā dà lì tuī jìn xià dài yuǎn hǎi zhì néng yǎng zhí gōng chuán jiàn shè, shēng chǎn chǔ gāo pǐn zhì, wú wū rǎn de shēn hǎi lǜ sè yōu zhì shuǐ chǎn pǐn.

Nhà nước ra sức đẩy mạnh xây dựng các tàu công xưởng nuôi trồng thông minh vùng biển xa tầng sâu hiện đại hóa, sản xuất ra các thủy sản thủy hải sản chất lượng cao xanh sạch không ô nhiễm vùng biển sâu.

📖 32 nét

HÁN VIỆT: THỦY SẢN PHẨM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#709

水分

shuǐ fēn

độ ẩm, lượng nước, thành phần nước; yếu tố thổ phũng

智能土壤传感器网络能够实时精准监测农田深层土壤的水分、温度与肥力变化动态。

Zhì néng tǔ rǎng chuán gǎn qí wǎng luò néng gōu shí shí jīng zhǔn jiān cè nóng tián shēn céng tǔ rǎng de shuǐ fēn, wēn dù yǔ féi lì biàn huà dòng tài.

Mạng lưới cảm biến đất thông minh có thể quan trắc chuẩn xác theo thời gian thực động thái biến đổi độ phì nhiêu, nhiệt độ và độ ẩm lượng nước của đất tầng sâu trên đồng ruộng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỦY PHẦN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#710

水库

shuǐ kù

hồ chứa nước, hồ thủy điện/thủy lợi

国家重大水利枢纽特大型水库全面发挥防洪、发电、生态补水与航运综合战略效益。

Guó jiā zhòng dà shuǐ lì shū niǔ tè dà xíng shuǐ kù quán miàn fā huī fáng hōng, fā diàn, shēng tài bǔ shuǐ yǔ háng yùn zōng hé zhàn lüè xià yì.

Hồ chứa nước hồ thủy lợi đặc biệt lớn của đầu mối thủy lợi trọng đại quốc gia phát huy toàn diện các hiệu ích chiến lược tổng hợp về giao thông thủy, bổ sung nước sinh thái, phát điện và phòng chống lũ lụt.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỦY KHỐ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#711

水灾

shuǐ zāi

lũ lụt, thiên tai ngập lụt

国家防总利用数字孪生流域模型精准调度干支流骨干水库群，成功抵御了特大流域性水灾险情。

Guó jiā fáng zōng lì yòng shù zì luǎn shēng liú yǔ mó xíng jīng zhǔn diào dù gān zhī liú gǔ gān shuǐ kù qún, chéng gōng dǐ yù le tè dà liú yǔ xíng shuǐ zāi xiǎn qíng.

Ban Chỉ đạo Phòng chống Lũ lụt Quốc gia sử dụng mô hình lưu vực kỹ thuật số song sinh để điều độ chuẩn xác cụm hồ chứa nước trực xướng sống trên các dòng sông nhánh và dòng chính, ngăn chặn thành công hiểm họa lũ lụt thiên tai ngập lụt mang tính lưu vực đặc biệt lớn.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: THỦY TAI



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#712

睡眠

shuimian

giấc ngủ, giấc ngủ say, ngủ nghỉ

科学健康规律作息与充足高质量的夜间睡眠，对保持充沛精力与高效科研工作状态至关重要。

Kē xué jiàn kāng guī lǜ zuò xī yǔ chōng zú gāo zhì liàng de yè jiān shuì mián, duì bǎo chí chōng pèi jīng lì yǔ gāo xiào kē yán gōng zuò zhuàng tài zhì guān zhòng yào.

Nghỉ ngơi sinh hoạt điều độ khoa học lành mạnh và giấc ngủ đêm chất lượng cao đầy đủ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc duy trì trạng thái công tác nghiên cứu khoa học hiệu quả cao và tinh lực dồi dào.

26 nét

HÁN VIỆT: THUY MIỀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#713

说法

shuō fǎ

cách nói, quan điểm cách nhìn; lời giải thích

在严谨的科学探索实践中，任何学术理论观点与结论都必须有确凿实证支撑，不能人云亦云盲从片面说法。

Zài yán jǐn de kē xué tàn suǒ shí jiàn zhōng, rèn hé xué shù lǐ lùn guān diǎn yǔ jié lùn dōu bì xū yǒu què zào shí zhèng zhī chēng, bù néng rén yún yì yún máng cóng piàn miàn shuō fǎ.

Trong thực tiễn thám hiểm khoa học nghiêm cần, bất kỳ kết luận và quan điểm lý luận học thuật nào cũng bắt buộc phải có bằng chứng xác thực làm điểm tựa, không thể mù quáng tin theo cách nói quan điểm phiến diện của người khác.

19 nét

HÁN VIỆT: THUYẾT PHÁP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#714

硕士

shuò shì

thạc sĩ

完成硕士研究生学业以后，他毅然决定继续在人工智能大模型领域攻读博士学位。

Wán chéng shuò shì yán jiū shēng xué yè yǐ hòu, tā yì rán jué dìng jì xù zài rén gōng zhì néng dà mó xíng lǐng yù gōng dú bó shì xué wèi.

Sau khi hoàn thành chương trình thạc sĩ nghiên cứu sinh, anh ấy đã quyết định tiếp tục theo học bậc tiến sĩ chuyên sâu về lĩnh vực mô hình lớn trí tuệ nhân tạo.

27 nét

HÁN VIỆT: THẠC SĨ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#715

私人

sī rén

riêng tư, cá nhân, tư nhân

法律严格保护公民合法的私人财产所有权与个人信息隐私权不受任何非法侵犯。

Fǎ lǚ yán gé bǎo hù gōng mín hé fǎ de sī rén cái chǎn suǒ yǒu quán yǔ gè rén xīn xī yīn sī quán bù shòu rén hé fēi fǎ qīn fǎn.

Pháp luật bảo vệ nghiêm ngặt quyền sở hữu tài sản tư nhân hợp pháp và quyền riêng tư thông tin cá nhân của công dân không bị bất kỳ sự xâm phạm trái phép nào.

22 nét

HÁN VIỆT: TƯ NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#716

思维

sī wéi

tư duy, phương thức tư duy logic

培养新时代高素质拔尖创新人才，必须着力启发青少年的批判性思维、跨学科综合视野与敢于质疑前人的科学求索精神。

Péi yǎng xīn shí dài gāo sù zhì bā jiān chuàng xīn rén cái, bì xū zhuó lì qǐ fā qīng shǎo nián de pī pàn xīng sī wéi, kuà xué kē zōng hé shì yè yǔ gǎn yú zhì yí qián rén de kē xué qiú suǒ jīng shén.

Bồi dưỡng nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng chất lượng cao thời đại mới, bắt buộc phải tập trung gợi mở tư duy phản biện, tầm nhìn tổng hợp liên ngành cùng tinh thần khám phá khoa học dám hoài nghi tiến nhân của thanh thiếu niên.

22 nét

HÁN VIỆT: TƯ DUY

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#717

四周

sì zhōu

bốn bề, xung quanh, bốn phía

站在大科学装置观礼台上极目远眺，四周崇山峻岭郁郁葱葱，现代化科研基地坐落其中格外壮美。

Zhàn zài dà kē xué zhuāng zhì guān lǐ tái shàng jì mù yuǎn tiào, sì zhōu chóng shān jùn lǐng yù yù cōng cōng, xiān dài huà kē yán jī dì zuò luò qí zhōng gè wài zhuàng měi.

Đứng trên bải lễ đài quan sát của thiết bị khoa học lớn phóng tầm mắt ra xa, xung quanh bốn bề bốn phía núi non trùng điệp xanh tươi tốt bạt ngàn, căn cứ nghiên cứu khoa học hiện đại hóa tọa lạc ở giữa đẹp vô cùng tráng lệ.

25 nét

HÁN VIỆT: TƯ CHU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#718

搜

sōu

tìm kiếm, lục tìm, truy lùng

深海无人搜救机器人配备了高分辨率前哨声呐，在万米深渊中精准搜寻失联海底黑匣子。

Shēn hǎi wú rén sōu jiù jī rén pèi bèi le gāo fēn biàn lǜ qián shàn shēng nà, zài wàn mǐ shēn yuǎn zhōng jīng zhǔn sōu xún shī lián hǎi dī hēi xiá zǐ.

Robot tìm kiếm cứu nạn không người lái biển sâu trang bị sonar nhìn về phía trước độ phân giải cao, tìm kiếm truy lùng chuẩn xác hộp đen dưới đáy biển bị mất liên lạc dưới vực sâu vạn mét.

9 nét

HÁN VIỆT: SƯU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#719

搜索

sōu suǒ

tìm kiếm, truy tìm và soát, tìm kiếm tra cứu

国家科技文献智能检索系统能够对全球数亿篇权威科技期刊论文开展秒级高精度跨语言语义搜索。

Guó jiā kē jì wén xiàn zhì néng jiǎn suǒ xì tǒng néng gòu duì quán qiú shù yì piān quán wēi kē jì qī kān lùn wén kāi zhǎn miǎo jí gāo jīng dù kuà yǔ yán yǔ sōu suǒ.

Hệ thống tra cứu thông minh văn hiến khoa học công nghệ quốc gia có thể triển khai tìm kiếm tra cứu tìm kiếm ngữ nghĩa xuyên ngôn ngữ độ chính xác cao cấp độ giây đối với hàng trăm triệu bài báo tạp chí khoa học công nghệ có thẩm quyền trên toàn cầu.

19 nét

HÁN VIỆT: SƯU SÁCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#720

宿舍

sù shě

ký túc xá, phòng trọ tập thể

高校为广大研究生配备了设施完善、环境温馨且配备高速光纤网络的现代化智慧学生宿舍。

Gāo xiào wèi guǎng dà yán jiū shēng pèi bèi le shè shī wán shàn, huán jīng wēn xīn qiè pèi bèi gāo sù guāng xiān wǎng luò de xiān dài huà zhì huì xué shēng sù shě.

Trường đại học đã trang bị cho các học viên cao học khu ký túc xá sinh viên thông minh hiện đại với đầy đủ tiện nghi, môi trường ấm cúng cùng mạng cáp quang tốc độ cao.

19 nét

HÁN VIỆT: TÚC XÁ



HSK 5 (3.0)

Thành ngữ / Danh từ #721

酸甜苦辣

suāntiánkǔlà

chua cay ngọt bùi, cay đắng ngọt bùi, thăng trầm đời người

回顾几十年献身大国重器研发攻坚的峥嵘岁月，老科学家感慨万千，尝遍了酸甜苦辣，但无怨无悔。

Huí gù jǐ shí nián xiàn shēn dà guó zhòng qì yán fā gōng jiān de zhēng róng suǐ yuè, lǎo kē xué jiā gān kǎi wàn qiān, cháng biàn le suān tián kǔ là, dàn wú yuàn wú huǐ.

Nhìn lại những tháng năm hào hùng mấy mươi năm cống hiến cho trận đánh nghiên cứu phát triển đại khí quốc gia, người nhà khoa học lão thành bồi hồi muôn vàn cảm xúc, đã nếm trải đủ chua cay ngọt bùi cay đắng ngọt bùi cuộc đời nhưng không một lời oán than hối tiếc.

35 nét

HÁN VIỆT: TOAN ĐIỂM KHỔ LẠT

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ #722

随后

suíhòu

sau đó, ngay sau đó, tiếp theo

运载火箭一二级成功实现空中精准分离，随后三级发动机点火加速将科学探测卫星精准送入预定轨道。

Yùn zài huǒ jiàn yī èr jí chéng gōng shí xiàn kōng zhōng jīng zhǔn fēn lí, suí hòu sān jí fā dòng jī diǎn huǒ jiǎ sù jiāng kē xué tàn cè wèi xīng jīng zhǔn sòng rù yù dìng guī dào.

Tăng một và tăng hai tên lửa đẩy thực hiện thành công việc phân tách chuẩn xác trên không, ngay sau đó sau đó động cơ tăng ba điểm hỏa tăng tốc đưa vệ tinh thám trắc khoa học vào chuẩn xác quỹ đạo định sẵn.

17 nét

HÁN VIỆT: TUỖ HẬU

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ #723

随意

suí yì

tùy ý, tự tiện, tùy tiện không theo quy củ

在重大精密航空发动机装配作业现场，必须严格执行标准化工艺手册，严禁凭经验随意更改装配力矩参数。

Zài zhòng dà jīng mì háng kōng fā dòng jī zhuāng pèi zuò yè xiàn chǎng, bì xū yán gé zhǐ xīng biāo zhǔn huà gōng yì shǒu cè, yán jìn píng jīng yàn suí yì gēng gǎi zhuāng pèi lì jǔ cān shù.

Tại hiện trường tác nghiệp lắp ráp động cơ hàng không chính xác trọng đại, bắt buộc phải thực thi nghiêm ngặt số tay quy trình công nghệ chuẩn hóa, nghiêm cấm việc dựa vào cảm tính kinh nghiệm mà tùy tiện tùy ý thay đổi các thông số mô-men xoắn lực lắp ráp.

21 nét

HÁN VIỆT: TUỖ Ý

HSK 5 (3.0)

Giới từ #724

随着

suízhe

cùng với, đi cùng với, theo sự phát triển

随着人工智能技术的飞速演进，人机协同工作正在成为未来职场的主流新常态。

Suí zhe rén gōng zhì néng jì shù de fēi sù yǎn jìn, rén jī xié tóng gōng zuò zhèng zài chéng wéi wèi lái zhí chǎng de zhǔ liú xīn cháng tài.

Cùng với sự phát triển tiến hóa như vũ bão của công nghệ trí tuệ nhân tạo, sự phối hợp làm việc giữa con người và máy móc đang trở thành trạng thái bình thường mới chủ đạo nơi công sở tương lai.

18 nét

HÁN VIỆT: TUỖ TRƯỚC

HSK 5 (3.0)

Danh từ #725

岁月

sui yuè

năm tháng, thời gian năm tháng dòng đời

塞罕坝林场建设者用半个多世纪的艰苦奋斗岁月，在昔日风沙肆虐的荒原上筑起了一道绿色的生态长城。

Sāi hǎn bà lín chǎng jiàn shè zhě zhě yòng bàn gè duō shí jì de jiǎn kǔ fèn dòu suǐ yuè, zài xī rì fēng shā sì nüè de huāng yuán shàng zhù qǐ le yī dào lǜ sè de shēng tài cháng chéng.

Những người xây dựng Lâm trường Saihanba bằng hơn nửa thế kỷ năm tháng phấn đấu gian khổ, trên mảnh đất hoang tàn cát bụi hoành hành năm xưa đã đắp xây nên một bức tường thành sinh thái màu xanh biếc.

16 nét

HÁN VIỆT: TUỖ NGUYỆT

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ #726

碎

sui

vỡ vụn, nát vụn; làm vỡ

新型防爆安全夹胶玻璃即便在遭遇极端外力强烈冲击时，碎块依然紧密粘附在胶层上不会飞溅伤人。

Xīn xíng fáng bào ān quán jiā jiāo bō lí jì jí biàn zài zǎo yù jī duǎn wài lì qiáng liè chōng jī shí, suì kuài yī rán jīn mì zhān fù zài jiāo céng shàng bú huì fēi jiàn shāng rén.

Kính dán an toàn chống nổ thể hệ mới ngay cả khi chịu va đập mạnh từ ngoại lực cực đoan thì các mảnh vỡ vụn vẫn dính chặt vào lớp keo phim, không văng ra gây sát thương cho con người.

14 nét

HÁN VIỆT: TOÁI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ #727

损害

sǔnhài

gây tổn hại, làm hư hại, xâm hại

我们必须坚决依法打击任何侵犯知识产权、损害科技创新主体合法权益的违法行为。

Wǒ men bì xū jiān jué yī fǎ dǎ jī rèn hé qīn fǎn zhī shí chǎn quán, sǔn hài kē jì chuàng xīn zhǔ tǐ hé fǎ quán yì de wéi fǎ xíng wéi.

Chúng ta bắt buộc phải kiên quyết trừng trị theo pháp luật mọi hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, làm hư hại gây tổn hại đến quyền lợi ích hợp pháp của các chủ thể đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ.

21 nét

HÁN VIỆT: TỔN HẠI

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ #728

损失

sǔn shī

tổn thất, thiệt hại; làm thiệt hại

得益于早期精准的气象洪涝预警与高效的人员紧急疏散，该地区在超强台风中将灾害损失降到了最低。

Dé yì yú zǎo qī jīng zhǔn de qì xiàng hóng lǎo yù jǐng yǔ gāo xiào de rén yuán jǐn jí shǔ sàn, gāi dì qū zài chāo qiáng tái fēng zhōng jiàng zǎi hài sǔn shī jiàng dào le zuì dī.

Nhờ vào công tác cảnh báo sớm mưa lũ khí tượng chuẩn xác cùng việc khẩn cấp sơ tán người dân hiệu quả cao, khu vực này đã giảm thiểu tổn thất do mọi thiệt hại do thiên tai siêu bão gây ra.

23 nét

HÁN VIỆT: TỔN THẤT

HSK 5 (3.0)

Danh từ #729

所在

suǒ zài

nơi chốn, địa điểm; mấu chốt nằm ở

基础科学研究的根本魅力所在，正是对自然界未知真理的无尽好奇与不懈勇敢探索。

Jī chǔ kē xué yán jiū de gēn běn mèi lì suǒ zài, zhèng shì duì zì rán jiè wèi zhī zhēn lǐ de wú jìn hào qí yǔ bù xié yǒng gǎn tàn suǒ.

Mấu chốt sức quyến rũ căn bản nằm ở của nghiên cứu khoa học cơ bản, chính là trí tò mò bất tận và lòng dũng cảm tìm tòi không mệt mỏi đối với chân lý chưa biết của giới tự nhiên.

20 nét

HÁN VIỆT: SỞ TẠI



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#730

锁
suǒ

ổ khóa, khóa; khóa lại

现代智能入户门配备了融合指纹、人脸识别与活体掌静脉多重生物特征识别的高安全级别智能锁。

Xiàndài zhìnéng rù mén pèibèi le rónghé zhǐwén, rénliǎn shíbié yǔ huó tǐ zhǎngjīng mài duō chǒng shēngwù tè zhēng shíbié de gāo ān quán jí bié zhìnéng suǒ.

Cửa chính căn hộ thông minh hiện đại được trang bị ổ khóa thông minh cấp độ an toàn cao tích hợp đa sinh trắc học gồm vân tay, nhận diện khuôn mặt và tĩnh mạch lòng bàn tay thể sống.

10 nét

HÁN VIỆT : TOÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#731

台风
tái fēng

bão nhiệt đới, cơn bão bão biển

国家气象中心利用风云气象卫星与高精度超级计算机气象大模型，对超强台风登陆路径与风雨影响实施了高精度实时预报。

Guójiā qìxiàng zhōngxīn lì yòng fēng yún qì xiàng wèi xīng yǔ gāo jīng dù chāo qiáng táifēng dēng lù jǐng lù yǔ fēng yǔ yǐng xiǎng shí shí le gāo jīng dù shí shí yǔ bào.

Trung tâm Khí tượng Quốc gia vận dụng mô hình lớn khí tượng siêu máy tính độ chính xác cao và vệ tinh khí tượng Phong Vân đã triển khai dự báo chuẩn xác theo thời gian thực đối với tầm ảnh hưởng mưa gió cùng đường đi đổ bộ của siêu bão nhiệt đới.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐÀI PHONG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#732

抬
tái

nâng lên, khiêng, nâng

大家齐心协力一起将沉重的实验操作台平稳抬进了新装修好的实验室。

Dàjiā qíxīn xié lì yì qǐ jiāng chénzhòng de shíyàn cāozuò tái píng wěn tái jìn le xīn zhuāngxiū hǎo de shíyàn shì.

Mọi người chung tay cùng nhau khiêng chiếc bàn thí nghiệm nặng nề đặt ngay ngắn vào phòng thí nghiệm mới hoàn thiện.

12 nét

HÁN VIỆT : ĐÀI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#733

抬头
táitóu

ngẩng đầu, ngược nhìn lên

我们在埋头苦干抓科研攻关的同时，也要抬头看路、敏锐把握全球前沿科技发展新趋势。

Wǒmen zài mǎitóu kǔgǎn zhuā kēyán gōngguān de tóngshí, yě yào táitóu kàn lù, mǐn ruì bǎ wò quánqiú qiányán kējì fā zhǎn xīn qū shì.

Chúng ta trong lúc vùi đầu nỗ lực dốc sức vào trận đánh nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng phải ngẩng đầu ngược nhìn xem xét đường đi, nhạy bén nắm bắt những xu thế mới của phát triển khoa học công nghệ tiên phong toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐÀI ĐẦU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#734

太空
tàikōng

không gian vũ trụ, ngoài vũ trụ

中国空间站“天宫”全面建成并转入常态化应用与发展阶段，开启了人类在太空长期驻留探索浩瀚宇宙的新纪元。

Zhōngguó kōngjiān zhàn "tiān gōng" quán miàn jiàn chéng bìng zhuǎnrù chángtài huà yòng yǔ fā zhǎn jiē duàn, kāiqǐ le rén lèi zài tài kōng chángqī zhùliú tàn suǒ hàohàn yǔzhōu de xīn jìyuán.

Trạm vũ trụ Trung Quốc 'Thiên Cung' đã được xây dựng hoàn thành toàn diện và chuyển sang giai đoạn phát triển và ứng dụng thường thái hóa, mở ra kỷ nguyên mới người Trung Quốc lưu trú lâu dài ngoài không gian vũ trụ để khám phá vũ trụ bao la.

23 nét

HÁN VIỆT : THÁI KHÔNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#735

逃
táo

trốn, đào tẩu, lẩn trốn, chạy thoát

深空探测与载人航天系统全面配备了高可靠性逃逸塔与紧急救生系统，确保航天员在任何突发险情下都能安全逃生。

Shēnkōng tàn cè yǔ zài rén háng tiān xī tǒng quán miàn pèibèi le gāo kě kào xìng táoyì tǎ yǔ jǐn jí jiù shēng xī tǒng, quèbǎo háng tiān yuán zài rēn hé tǔ fā xiǎn qíng xià dōu néng ān quán táo shēng.

Hệ thống hàng không vũ trụ có người lái và thám trắc không gian sâu trang bị toàn diện tháp thoát hiểm độ tin cậy cao cùng hệ thống cứu sinh khẩn cấp, bảo đảm phi hành gia trong bất kỳ tình huống hiểm nghèo đột xuất nào đều có thể chạy thoát thoát hiểm an toàn.

13 nét

HÁN VIỆT : ĐÀO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#736

逃跑
táopǎo

chạy trốn

老师鼓励大家积极逃跑，勇于探索新的知识。

lǎoshī gǔ lì dàjiā jījī táopǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chạy trốn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

24 nét

HÁN VIỆT : ĐÀO BẢO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#737

逃走
táozǒu

chạy trốn, đào tẩu, tẩu thoát

面对突发地质灾害预警，应急疏散系统精准引导受灾区域群众迅速沿着安全路线有序逃走避险。

Miànduì tūfā dìzhì zāi hài yù jǐng, yìng jí sǎn xī tǒng jǐng zhǔn yīn dǎo shòu zāi qū qún zhòng xùn sù yán zhe ān quán lù xiàn yǒu xù táo zǒu bì xiǎn.

Đứng trước cảnh báo sớm thiên tai địa chất đột xuất, hệ thống sơ tán khẩn cấp đã hướng dẫn chuẩn xác bà con nhân dân vùng bị ảnh hưởng nhanh chóng tẩu thoát chạy trốn lánh nạn theo tuyến đường an toàn một cách trật tự.

25 nét

HÁN VIỆT : ĐÀO TẨU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#738

桃
táo

đào

老师鼓励大家积极桃，勇于探索新的知识。

lǎoshī gǔ lì dàjiā jījī táo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đào, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT : ĐÀO



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#739

桃花

táohuā

hoa đào, bông hoa đào

阳春三月微风拂面，漫山遍野盛开的粉红桃花将生态乡村装点得宛如人间仙境、如诗如画。

Yángchūn sān yuè wēi fēng fú miàn, mǎn shān biān yě shèng kāi de fēn hóng táo huā jiāng shēng tài xiāng cūn zhuāng diǎn dé wǎn rú rén jiān xiānjìng, rú shī rú huà.

Tháng Ba mùa xuân ấm áp làn gió nhẹ phả vào mặt, những bông hoa đào hoa đào màu hồng phấn nở rộ khắp núi đồi đã trang hoàng cho làng quê sinh thái đẹp tựa như thơ như họa, chốn bồng lai tiên cảnh nhân gian.

20 nét

HÁN VIỆT : ĐÀO HOA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#740

桃树

táoshù

cây đào

国家生态农业示范园引种了数万株优质高产蜜桃树，培育出深受市场青睐的有机绿色水果品牌。

Guójiā shēng tài nóng yè shì fàn yuán yīn zhòng le shù wàn zhū yōu zhì gāo chǎn mǐ táo shù, péi yù chū shēn shòu shì chāng qīng lài de yōu jī lǜ sè shuǐ guǒ pǐn pái.

Khu trình diễn nông nghiệp sinh thái quốc gia đã đưa vào gieo trồng hàng vạn cây đào đào mật chất lượng cao năng suất cao, nuôi dưỡng nên thương hiệu trái cây xanh hữu cơ được thị trường vô cùng ưa chuộng.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐÀO THỤ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#741

讨厌

tǎo yàn

ghét

老师鼓励大家积极讨厌，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tǎo yàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ghét, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT : THẢO YẾM

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#742

特定

tè dìng

đặc định, được chỉ định cụ thể, riêng biệt

国家科技重大专项聚焦在特定极端工况环境下战略装备耐高温耐磨损特种新型合金材料的原创突破。

Guójiā kējì zhòng dà xuān xiàng jù jiāo zài tè dìng jí duǎn gāo wēn nài mǎo sǔn tè zhōng xīn xíng hé jīn cái liào de yuán chuàng tū pò.

Đề án khoa học công nghệ trọng đại quốc gia tập trung vào đột phá nguyên tắc của các vật liệu hợp kim kiểu mới đặc chủng chịu mài mòn chịu nhiệt độ cao của các trang thiết bị chiến lược dưới môi trường điều kiện làm việc cực đoan đặc định cụ thể.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐẶC ĐỊNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#743

特性

tè xìng

đặc tính, tính chất đặc thù

这种完全自主研发的新型超导材料在极低温下展现出了零电阻与完全抗磁性的优异物理特性。

Zhè zhōng wán quán zì zhǔ yán fā de xīn xíng chāo dǎo cái liào zài jí dī wēn xià zhǎn xiàn chū le líng diǎn zú yǔ wán quán kàng cí xìng de yōu yì wù lǐ tè xìng.

Loại vật liệu siêu dẫn kiểu mới do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển này dưới nhiệt độ cực thấp đã phô diễn những tính chất đặc tính vật lý ưu việt của tính hoàn toàn nghịch từ và điện trở bằng không.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐẶC TÍNH

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#744

特有

tè yǒu

đặc hữu, riêng có, chỉ có ở

中华优秀传统文化中蕴含着中华民族特有的精神标识与深厚的人类命运共同体智慧。

Zhōnghuá yōu xiù chuán tǒng wén huà zhōng yùn hán zhe zhōng huá mín zú tè yǒu de jīng shén biāo shí yǔ shēn hòu de rén lèi mìng yùn gòng tóng tí zhì huì.

Bên trong nền văn hóa truyền thống xuất sắc Trung Hoa hàm chứa trí tuệ cộng đồng cùng chung vận mệnh nhân loại sâu sắc và biểu tượng tinh thần đặc hữu riêng có của dân tộc Trung Hoa.

20 nét

HÁN VIỆT : ĐẶC HỮU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#745

提倡

tí chàng

đề xướng, khuyến khích, cổ vũ

全社会积极提倡绿色出行、光盘行动与节俭节电，让勤俭节约的崇高风尚在全社会蔚然成风。

Quán shè huì jī jí tí chàng lǜ sè chū xíng, guāng pán xíng dòng yǔ jié shuǐ jié diàn, ràng qín jiǎn jié yuē de chóng gāo fēng shàng zài quán shè huì wèi rán chéng fēng.

Toàn xã hội tích cực đề xướng giao thông xanh, phong trào 'ăn sạch bát' không lãng phí thức ăn cùng việc tiết kiệm điện nước, khiến phong trào cần kiệm liêm chính cao đẹp trở thành nếp sống văn minh lan tỏa khắp mọi nơi.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ XƯỚNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#746

提起

tí qǐ

nhắc đến, đề cập tới; nhắc lên cảm lên

每当提起为国家国防科技事业隐姓埋名奉献一生的功勋科学家，大家心中都充满无限崇敬之情。

Měi dāng tí qǐ wèi guó jiā guó fáng kējì shì yè yǐn xíng mái míng fèng xiān yì shēng de gōng xūn kē xué jiā, dà jiā xīn zhōng dōu chōng mǎn wú xiàn chóng jīng zhī qíng.

Mỗi khi nhắc đến đề cập tới các nhà khoa học có công lao đã cống hiến trọn đời ẩn danh giấu tên cho sự nghiệp khoa học công nghệ quốc phòng của Tổ quốc, trong lòng mỗi người đều tràn ngập niềm tôn kính vô bờ bến.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ KHỞI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#747

提示

tí shì

nhắc nhở, gợi ý cảnh báo; tín hiệu nhắc nhở

国家网络安全预警平台向全社会实时发布高危系统漏洞与钓鱼网络攻击风险提示，筑牢全民数字安全屏障。

Guójiā wǎng lù ān quán yǔ jǐng píng tái xiàng quán shè huì shí shí fā bù gāo wēi xì tǒng lòu dòng yǔ diào yú wǎng lù gōng jī fēng xiǎn tí shì, zhù lǎo quán mín shù zì ān quán píng zhàng.

Nền tảng cảnh báo sớm an ninh mạng quốc gia đã công bố theo thời gian thực trước toàn xã hội các nhắc nhở cảnh báo rủi ro tấn công mạng lừa đảo và lừa đảo hệ thống nguy cơ cao, đắp xây vững chắc tấm lá chắn an ninh số cho toàn dân.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ THỊ


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#748

题材

tí cái
đề tài, chủ đề sáng tác nghệ thuật

一大批聚焦新时代大国重器制造、脱贫攻坚与乡村振兴宏大现实题材的优秀影视剧作在海内外引发了强烈共鸣。

Yí dà pī jù jiāo xīn shí dài dà guó zhòng qì zhì zào, tuō pín gōng jiān yǔ xiāng cūn zhēn xīng hóng dà xiàn shí tí cái de yōu xiù yǐng shì jù zuò zài hǎi nèi wài yīn fā le qiáng liè gòng míng.

Một loạt các tác phẩm điện ảnh và truyền hình xuất sắc tập trung vào các đề tài hiện thực hoành tráng như chấn hưng nông thôn, xóa đói giảm nghèo và chế tạo đại khí quốc gia thời đại mới đã tạo nên sự đồng cảm mạnh mẽ sâu sắc trong và ngoài nước.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ TÀI
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#749

体积

tǐ jī
thể tích, dung tích, kích thước khối

新一代全固态锂电池在实现超高能量密度的同时，大幅缩小了电池包的整体物理体积与自重。

Xīn yí dài quán gù tài lì diàn chí zài shí xiàn chāo gāo néng liàng mì dù de tóng shí, dà fú suō xiǎo le diàn chí bao de zhěng tǐ wù lǐ tǐ jī yǔ zì zhòng.

Thế hệ pin lithium thể rắn mới trong khi đạt được mật độ năng lượng cực cao thì đã thu nhỏ đáng kể thể tích vật lý tổng thể cùng trọng của khối pin.

18 nét

HÁN VIỆT : THỂ TÍCH
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#750

体力

tǐ lì
thể lực, sức lực thể chất

在南极极寒恶劣环境下开展野外地质勘探，既是对科研人员专业素质的考验，也是对体力与意志的极限磨砺。

Zài nán jí jí hán è liè huán jīng xià kāi zhǎn yě wài dì zhì kǎn tàn, jì shì duì kē yán rén yuán zhuān yè sù zhì dì kǎo yàn, yě shì duì tǐ lì yǔ yì zhì de jí xiàn mó lì.

Triển khai khảo sát địa chất dã ngoại trong môi trường khắc nghiệt giá rét Nam Cực vừa là thử thách đối với tố chất chuyên môn của cán bộ nghiên cứu, lại vừa là sự tôi luyện đến giới hạn của ý chí và thể lực sức lực thể chất.

16 nét

HÁN VIỆT : THỂ LỰC
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#751

天才

tiān cái
thiên tài, tài năng bẩm sinh xuất chúng

重大科学发现不仅需要敏锐卓越的天才灵感，更离不开十年如一日甘坐冷板凳的默默耕耘与艰辛付出。

Zhòng dà kē xué fā xiàn bù jīn xū yào mǐn ruì zhào yuè de tiān cái líng gǎn, gèng lí bù kāi shí nián rú yī rì gān zuò lěng bǎn dèng de mò mò gēng yún yǔ jiān xīn fù chū.

Những phát hiện khoa học trọng đại không chỉ cần nguồn cảm hứng thiên tài xuất chúng và nhạy bén, mà còn không thể tách rời sự âm thầm cày sâu cuốc bẫm và cống hiến nhọc nhằn mười năm như một cam lòng ngồi ghế lạnh.

21 nét

HÁN VIỆT : THIÊN TÀI
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#752

天然气

tiān rán qì
khí đốt tự nhiên, khí thiên nhiên

西气东输超大型战略能源管道工程常年安全平稳运行，源源不断为东部经济重镇输送清洁天然气能源。

Xī qì dōng shū chāo dà xíng zhàn lüè néng yuán guǎn dào gōng chéng cháng nián ān quán píng wěn yùn xíng, yuán yuán bù duàn wéi dōng bù jīng jì zhòng zhèn sòng shèng qīng tiān rán qì néng yuán.

Đại công trình đường ống năng lượng chiến lược siêu lớn Dẫn khí từ Tây sang Đông quanh năm vận hành ổn định an toàn, liên tục không ngừng truyền tải nguồn năng lượng khí đốt tự nhiên sạch tới các đô thị trọng điểm kinh tế miền Đông.

35 nét

HÁN VIỆT : THIÊN NHIÊN KHÍ
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#753

天文

tiān wén
thiên văn, thiên văn học

被誉为“中国天眼”的五百米口径球面射电天文望远镜 (FAST), 已累计发现并认证了上千颗新脉冲星。

Bèi yù wéi "zhōng guó tiān yǎn" de wǔ bǎi mǐ kǒu jīng qiú miàn shè diàn tiān wén wàng yuǎn jīng (FAST), yǐ lěi jì fā xiàn bìng rèn zhèng le shàng qiān kē xīn mài chōng xīng.

Kính viễn vọng thiên văn vô tuyến hình cầu khẩu độ 500 mét (FAST) được vinh danh là 'Thiên Nhân Trung Quốc' đã phát hiện và xác thực tích lũy hơn một ngàn ngôi sao xung (pulsar) mới.

21 nét

HÁN VIỆT : THIÊN VĂN
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#754

厅

tīng
đại sảnh, phòng lớn; sở, cơ quan cấp sở

省科技厅积极出台一系列专项扶持政策，全力支持青年科技骨干领衔承担重大前沿科技攻坚项目。

Shěng kē jì tīng jī jí chū tái yī xié zhuān xiàng fú chí zhèng cè, quán lì zhī chí qīng nián kē jì gǔ gàn lǐng xián chéng dǎn zhòng dà qián yán kē jì gōng jiān xiàng mù.

Sở Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đã tích cực ban hành một loạt chính sách hỗ trợ chuyên án, dốc toàn lực hỗ trợ cán bộ khoa học nòng cốt trẻ tuổi dẫn dắt gánh vác các dự án vượt khó khoa học công nghệ tiên phong trọng đại.

11 nét

HÁN VIỆT : SẢNH
HSK 5 (3.0)

Động từ

#755

停留

tíng liú
dừng lại, lưu lại, đọng lại

科学探索决不能停留在过去的既有结论与功劳簿上，而要勇于向未知前沿发起新的冲锋。

Kē xué tàn suǒ jué bù néng tíng liú zài guò qù de jì yǒu jié lùn yǔ gōng láo bù shàng, ér yào yǒng yú xiàng wèi zhī qián yán fā qǐ xīn de chōng fēng.

Thăm hiểm khoa học tuyệt đối không được dừng lại lưu lại trên sổ ghi công lao và những kết luận đã có sẵn trong quá khứ, mà phải can đảm phát động đợt tấn công mới hướng tới ranh giới tiên phong chưa biết.

26 nét

HÁN VIỆT : ĐÌNH LƯU
HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#756

通用

tōng yòng
thông dụng, đa năng phổ quát, áp dụng chung

我国科研团队在前沿认知大模型与通用人工智能 (AGI) 底座研发领域取得了多项具有全球影响力的重大突破。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài qián yán zhī dà mó xíng yǔ tōng yòng rén gōng zhì néng (AGI) dǐ zuò yán fā lǐng yù qǔ dé le duō xiàng jù yǒu quán qiú yǐng xiǎng lì de zhòng dà tú pò.

Nhóm nghiên cứu khoa học nước ta trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển nền móng trí tuệ nhân tạo đa năng (AGI) và mô hình lớn nhận thức tiên phong đã đạt được nhiều đột phá trọng đại có tầm ảnh hưởng toàn cầu.

20 nét

HÁN VIỆT : THÔNG DỤNG



HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#757

偷
tōu

ăn trộm, trộm cắp; lén lút tranh thủ

总设计师在紧张繁重的科研攻关间隙偷得半日闲，前往高校为青年学子带来了一场精彩的励志学术讲座。

Zǒng shè jì shī zài jīn zhāng fán zhòng de kē yán gōng guān jiàn xiū dé bàn rì xián, qián wǎng gāo xiào wéi qīng nián xué zǐ dài lái yí chǎng jīng cǎi de lì zhì xué shù jiǎng zuò.

Vị tổng công trình sư trong những khoảng trống ngắn ngủi của trận đánh nghiên cứu khoa học nặng nề căng thẳng đã lén lút tranh thủ nửa ngày thành thời, tới trường đại học mang lại một buổi thuyết trình học thuật truyền cảm hứng đặc sắc cho sinh viên trẻ.

13 nét

HÁN VIỆT: THÊU

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#758

偷偷
tōutōu

lén lút, thăm kín, âm thầm vụng trộm

为了不打扰同事们专注钻研核心算法代码，值班工程师偷偷把实验室的大门轻轻掩上。

Wèi le bù dǎ rǎo tóng shì men zhuān zhù zuān yán hé xīn suàn fǎ dài mǎ, zhí bān gōng chéng shī tōu tōu bǎ shí yàn shì de dà mén qīng qīng yǎn shàng.

Để không làm phiền các đồng nghiệp đang chuyên chú nghiên cứu mã lệnh thuật toán cốt lõi, kỹ sư trực ban đã lén lút âm thầm nhẹ nhàng khép cánh cửa lớn của phòng thí nghiệm lại.

26 nét

HÁN VIỆT: THÊU THÊU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#759

突破
tū pò

đột phá, bứt phá rào cản

我国科研团队在高温超导机理与量子纠缠调控前沿领域取得了多项世界公认的原创性重大科学突破。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài gāo wēn chāo dǎo jī lǐ yǔ liàng zǐ jiū chán tiáo kòng qián yán yǎn yù qū dé le duō xiàng shì jiè gòng rèn de yuán chuàng xīng zhòng dà kē xué tū pò.

Nhóm nghiên cứu khoa học nước ta trong các lĩnh vực tiên phong điều khiển rối lượng tử và cơ chế siêu dẫn nhiệt độ cao đã đạt được nhiều đột phá khoa học trọng đại mang tính nguyên tắc được toàn thế giới công nhận.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐỘT PHÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#760

土豆
tǔ dòu

khoai tây

作为国家第四大主粮作物，优质脱毒马铃薯土豆在西北旱作农业增产增收中发挥了重要作用。

Zuò wéi guó jiā dì sì dà zhǔ liáng zuò wù, yōu zhì tuō dú mǎ líng shǔ tǔ dòu zài xī běi hàn zuò nóng yè zēng chǎn zēng shōu zhōng fā huī le zhòng yào zuò yòng.

Với tư cách là loại cây lương thực chính thứ tư của quốc gia, củ khoai tây sạch virus chất lượng cao đã phát huy vai trò to lớn trong việc tăng năng suất và thu nhập của nền nông nghiệp vùng khô hạn Tây Bắc.

17 nét

HÁN VIỆT: THỔ ĐẬU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#761

吐
tǔ

nhổ ra, nhả ra, thốt ra; nôn ói (tù)

春回大地微风拂面，公园里翠绿的杨柳吐出嫩绿的新芽，呈现出一派生机勃勃的初春景致。

Chūn huí dà dì wēi fēng fú miàn, gōng yuán lǐ cuì lǜ de yáng liǔ tǔ chū nèn lǜ de xīn yá, chéng xiàn chū yí pài shēng jī jǐng rán de chūn chūn jīng zhì.

Mùa xuân trở lại trên mảnh đất làn gió nhẹ phả vào mặt, những rặng liễu xanh biếc trong công viên nhả ra nhả ra những chồi non xanh biếc, hiện ra một cảnh sắc đầu xuân ngập tràn sức sống.

10 nét

HÁN VIỆT: THỔ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#762

兔
tù

con thỏ; tuổi Mão

我国探月工程“玉兔号”月球车在月球表面开展了长时间巡视勘测，圆满完成了系列科学探测任务。

Wǒ guó tàn yuè gōng chéng "yù tù hào" yuè qiú chē zài yuè qiú biāo miàn kāi zhǎn le zhǎng shí jiān xú shì kǎn cè, yuán mǎn wán chéng le yí xiè kē xué tàn cè rèn wù.

Xe tự hành thám hiểm Mặt Trăng 'Thỏ Ngọc' (Ngọc Thỏ) thuộc công trình thám trắc Mặt Trăng của nước ta đã triển khai tuần tra khảo sát suốt thời gian dài trên bề mặt Mặt Trăng, hoàn thành mỹ mãn một loạt nhiệm vụ thám trắc khoa học.

10 nét

HÁN VIỆT: THỎ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#763

团长
tuánzhǎng

đoàn trưởng, trưởng đoàn đại biểu/trung đoàn trưởng

国家高级青年科学家代表团团长在世界科学大会闭幕式上发表主旨报告，呼吁全球青年携手共创美好未来。

Guó jiā gāo jí qīng nián kē xué jiā dài biǎo tuán tuán zài shì jiè kē xué dà huì bìng mù shì shàng fā biǎo zhǔ zhì bào gào, hū yù quán qiú qīng nián xié shǒu gòng chuàng měi hǎo wèi lái.

Trưởng đoàn đoàn trưởng Đoàn Đại biểu Các Nhà Khoa học Trẻ Cao cấp Quốc gia tại lễ bế mạc Đại hội Khoa học Thế giới đã có bài báo cáo chủ đề, kêu gọi thanh niên toàn cầu chung tay cùng kiến tạo tương lai tươi đẹp.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN TRƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#764

推行
tuī xíng

thực thi, đẩy mạnh thi hành, triển khai áp dụng

国家全面推行科研项目评审“揭榜挂帅”机制，不论资历、唯求实效，全面激发青年人才创新活力。

Guó jiā quán miàn tuī xíng kē yán xiàng mù píng shěn "jiē bǎng guà shuài" jī zhì, bù lùn zī lì, wéi qiú shí xiào, quán miàn jī fā qīng nián rén cái chuàng xīn huó lì.

Nhà nước đẩy mạnh thi hành thực thi toàn diện cơ chế thẩm định dự án nghiên cứu khoa học "công khai tìm tướng tài (yết bảng quải soái)", không màng thâm niên chỉ chuộng hiệu quả thực chất, khơi dậy toàn diện sức sống đổi mới sáng tạo của nhân tài trẻ.

24 nét

HÁN VIỆT: SUI HÀNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#765

脱离
tuō lí

tách rời, thoát khỏi, xa rời thực tế

党风廉政建设与群众路线要求各级干部坚决反对官僚主义与形式主义，绝不能脱离人民群众和实践实际。

Dǎng fēng liǎn zhèng jiàn shè yǔ qún zhòng xiàn lù yāo qiú gè jí gān bù jiǎn jué fǎn duì guān liáo zhū yì yǔ xíng shì zhǔ yì, jué bù néng tuō lí rén mín qún zhòng hé shí jiàn shí jì.

Đường lối quần chúng và công tác xây dựng phong cách Đảng liên chính yêu cầu cán bộ các cấp kiên quyết chống chủ nghĩa quan liêu và chủ nghĩa hình thức, tuyệt đối không được xa rời tách rời quần chúng nhân dân và thực tế thực tiễn.

27 nét

HÁN VIỆT: THOÁT LY



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#766

外界

wàijiè

ngoại giới, thế giới bên ngoài, môi trường ngoài

深海万米载人潜水器球舱采用了高强度超厚钛合金材料，能够从容抵御外界数百兆帕的极端毁灭性海水水压。

Shēn hǎi wàn mí zài rén qián shuǐ qì qú cāng cái yòng le gāo qiáng dù chāo hòu tài hé jīn cái liào, néng cóng róng dǐ yù wài jiè shù bǎi zhào pǎ de jí duǎn huī miè xíng hǎi shuǐ shuǐ yā.

Khoang hình cầu của tàu lặn có người lái vạn mét dưới biển sâu áp dụng vật liệu hợp kim titan siêu dày cường độ cao, có thể ứng dụng chống chịu áp lực nước biển cực đoan mang tính hủy diệt hàng trăm MPa từ thế giới bên ngoài môi trường ngoài.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

NGOẠI GIỚI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#767

完了

wánle

xong rồi, kết thúc rồi; hỏng hết, nguy rồi

经过昼夜连续高强度测试，该型号国产芯片全部极端工况性能评估测试终于顺利做完了。

Jīng guò zhòu yè lián xù gāo qiáng dù cè shì, gāi xíng hào guó chǎn xīn piàn quán bù jí duǎn gōng kuàng xíng néng píng gū cè shì zhōng yú shùn lì zuò wán le.

Trải qua các bài kiểm tra cường độ cao liên tục ngày đêm, toàn bộ bài thử nghiệm đánh giá tính năng điều kiện làm việc cực đoan của dòng chip sản xuất trong nước này cuối cùng đã làm xong kết thúc rồi một cách thuận lợi.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

HOÀN LIỄU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#768

微博

wēibó

mạng xã hội Weibo, trang blog ngắn

国家天文台官方官方微博实时发布重大深空探测最新科学成果，吸引了数千万青年网民关注点赞。

Guó jiā tiān wén tái guān fāng wēi bó shí shí fā bù zhòng dà shēn kōng tàn cè zuì xīn kē xué chéng guǒ, xī yǐn le shù qiān wàn qīng nián wǎng mín guān zhù diǎn zàn.

Trang Weibo mạng xã hội Weibo chính thức của Đài Thiên văn Quốc gia đã đăng tải theo thời gian thực các thành quả khoa học mới nhất của thám trắc không gian sâu trọng đại, thu hút hàng chục triệu cư dân mạng trẻ tuổi theo dõi và bấm thích.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

VI BÁC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#769

围绕

wéirào

xoay quanh, bám sát, vây quanh

本次国际前沿科学峰会紧紧围绕新一代量子计算体系架构与人工智能核心算法展开了多维度深入研讨。

Bènn cì guó jì qián yán kē xué fēng huì jīn jīn wéi rào xīn yí dài liàng zī jì suàn fǎ xī jià gòu yǔ rén gōng zhì néng hé xīn suàn fǎ zhān kǎi le duō wéi dù shēn rù yán tǎo.

Hội nghị thượng đỉnh khoa học tiên phong quốc tế lần này đã bám sát xoay quanh kiến trúc hệ thống tính toán lượng tử thế hệ mới cùng các thuật toán cốt lõi của trí tuệ nhân tạo để triển khai thảo luận sâu sắc đa chiều.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

VINHIỄU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#770

违法

wéifǎ

vi phạm pháp luật, trái pháp luật, phạm pháp

国家全面加强知识产权司法保护力度，依法严惩任何侵犯商业秘密与假冒专利等违法行为。

Guó jiā quán miàn jiā dà zhī shí chǎn quán sī fǎ bǎo hù lì dù, yī fǎ yán chéng rèn hé qīn fǎn shāng yè mì mǐ yǔ jiǎ mào zhuān lì děng wéi fǎ qīn quán xíng wéi.

Nhà nước tăng cường toàn diện mức độ bảo vệ tư pháp quyền sở hữu trí tuệ, trừng trị nghiêm khắc theo pháp luật mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật vi phạm pháp luật như giả mạo bằng sáng chế và xâm phạm bí mật thương mại.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

VI PHÁP

HSK 5 (3.0)

Động từ

#771

违反

wéi fǎn

vi phạm, làm trái (quy định, pháp luật)

在科学研究与数据分析中必须严格恪守学术诚信红线，严惩任何违反学术道德与数据造假的学术不端行为。

Zài kē xué yán jiū yǔ shù jù fēn xī zhōng bì xū yán gé kè shǒu xué shù chéng xìn hóng xiàn, yán chéng rèn hé wéi fǎn xué shù dǎo zǎo de yǔ shù jù zào jiǎ de xué shù bù duān xíng wéi.

Trong nghiên cứu khoa học và phân tích số liệu bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt lần ranh đỏ liêm chính học thuật, xử lý nghiêm mọi hành vi gian lận vi phạm đạo đức học thuật và làm giả số liệu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT

VI PHẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#772

违规

wéiguī

vi phạm quy định, làm trái nội quy quy chế

微电子纳米超净实验室实行极严格的准入规范，坚决杜绝任何违规操作行为，确保车间环境绝对达标。

Wēi diàn zǐ nà mí chāo jīng shí yàn shì shí shí xíng jǐ yán gé de zhǔn rù guī fǎn, jiǎn jué dù jué rèn hé wéi guī cāo zuò xíng wéi, què bǎo chē jiān huán jīng jué duì dá biāo.

Phòng thí nghiệm siêu sạch nano vi điện tử thực thi quy chuẩn ra vào cực kỳ nghiêm ngặt, kiên quyết bài trừ mọi hành vi làm trái quy chế vi phạm quy định thao tác, bảo đảm môi trường phân xưởng tuyệt đối đạt chuẩn.

📖 20 nét

HÁN VIỆT

VI QUY

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#773

唯一

wéi yī

duy nhất

实践是检验真理的唯一标准，这一马克思主义科学论断引领了中国波澜壮阔的伟大思想解放进程。

Shí jiàn shì jiǎn yàn zhēn lǐ de wéi yī biāo zhǔn, zhè yī mǎ kè sī zhǔ yì kē xué lùn duàn yǐn lǐng le zhōng guó bō lán zhuàng kuò de wēi dà sī xiǎng jiě fàng jìn chéng.

'Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý', luận điểm khoa học chủ nghĩa Mác này đã dẫn dắt tiến trình giải phóng tư tưởng vĩ đại hào hùng sống gió muôn trùng của đất nước.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

DUY NHẤT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#774

委托

wěi tuō

ủy thác, giao phó, ủy quyền

国家科技部依法委托第三方独立国际权威评估机构，对国家重点实验室五年运行绩效进行全面严谨的综合评估。

Guó jiā kē jì bù yī fǎ wěi tuō dì sān fāng dú lì guó jì quán wēi píng gū jī gòu, duì guó jiā zhòng yān shí yàn shì wù nián yùn xíng jì xiào jìn xíng quán miàn yán jìn de zōng hé píng gū.

Bộ Khoa học Công nghệ theo quy định pháp luật đã ủy thác cho cơ quan đánh giá uy tín quốc tế độc lập bên thứ ba tiến hành đánh giá tổng hợp nghiêm cần toàn diện về hiệu quả vận hành 5 năm của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

ỦY THÁC

HÁN VIỆT : **VĂN NGHÊ**


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#784

卧室

wò shì

phòng ngủ

主卧室朝向正南，明媚柔和的自然阳光透过双层隔音断桥铝落地窗洒满房间，显得格外温馨惬意。

Zhǔ wò shì cháo xiàng zhèng nán, míng mèi róu hé de zì rán yáng guāng tòu guò shuāng céng gé yīn duàn qiáo lǔ luò dì chuāng sǎ mǎn fáng jiān, xiǎn de gé wài wēn xīn qiè yì.

Phòng ngủ chính quay về hướng chính Nam, ánh nắng tự nhiên ấm áp dịu dàng chiếu rọi qua cửa sổ sát đất bằng nhôm cách âm hai lớp trần ngập căn phòng, toát lên vẻ ấm cúng và vô cùng thư thái.

20 nét

HÁN VIỆT : NGOẠ THẤT

HSK 5 (3.0)

Động từ

#785

握

wò

nắm, cầm chặt, nắm giữ (trong tay)

老科学家紧紧握着青年科研骨干的手，语重心长地嘱托年轻一代要把科技强国的接力棒传下去。

Lǎo kē xué jiǎ jīn jīn wò zhe qīng nián kē yán gǔ gàn de shǒu, yǔ zhòng xīn cháng dì zhǔ tuō nián qīng yì dài yào bǎ kē jì qiáng guó de jiē lì bàng chuán xià qù.

Nhà khoa học lão thành nắm chặt cầm chặt lấy đôi bàn tay người cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi, ân cần căn dặn thế hệ trẻ phải tiếp tục trao truyền ngọn đuốc tiếp sức xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

13 nét

HÁN VIỆT : ÁC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#786

污染

wū rǎn

ô nhiễm, làm ô nhiễm

打赢蓝天保卫战需要界共同努力，大力治理工业废气与尾气排放以彻底根治大气环境污染。

Dǎ yíng lán tiān bǎo wèi zhàn yù xū yào gè jiè gòng tóng nǚ lì, dà lì zhì lí gōng yè fēi qì yǔ wèi qì pái fàng yǐ chè dǐ gēn zhī dà qì huán jīng wū rǎn.

Để giành thắng lợi trong chiến dịch bảo vệ bầu trời xanh cần sự chung tay của toàn xã hội, đẩy mạnh xử lý khí thải công nghiệp và khói xe nhằm triệt phá tận gốc ô nhiễm môi trường không khí.

20 nét

HÁN VIỆT : Ô NHIỄM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#787

污水

wū shuǐ

nước thải, nước bẩn ô nhiễm

大型现代工业园区全面建成高标准智慧水循环系统，实现了工业污水零排放与全部循环利用。

Dà xíng xiàn dài gōng yuán qū quán miàn jiàn chéng gāo biāo zhǔn zhī huì shuǐ xún huán xì tǒng, shí xiàn le gōng yè wū shuǐ líng pái fàng yǔ quán bù xún huán lì yòng.

Khu công nghiệp hiện đại quy mô lớn đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tuần hoàn nước thông minh tiêu chuẩn cao, thực hiện việc tái sử dụng tuần hoàn toàn bộ và không phát thải nước thải công nghiệp.

21 nét

HÁN VIỆT : Ô THUỶ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#788

屋

wū

nhà ở

老师鼓励大家积极屋，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí wū, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhà ở, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT : ỐC

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Liên từ

#789

无奈

wú nài

bất đắc dĩ, đành chịu; nhưng mà

面对不可抗力的极端恶劣暴风雨天气，组委会虽然深感无奈，但为了确保全体参赛选手的绝对生命安全只能宣布推迟比赛。

Miàn duì bù kě kàng lì de jí duān è liè bào fēng yǔ tiān qì, zǔ wěi huì suī rán shēn gǎn wú nài, dàn wèi le què bǎo quán tǐ cān sài xuǎn shǒu de jué duì shēng mìng ān quán zhǐ néng xuān bù chí chí bǐ sài.

Đứng trước điều kiện thời tiết đông bão khắc nghiệt bất khả kháng, ban tổ chức tuy cảm thấy vô cùng bất đắc dĩ nhưng vì sự an toàn tính mạng tuyệt đối của toàn thể vận động viên chỉ đành tuyên bố hoãn ngày thi đấu.

22 nét

HÁN VIỆT : VÔ NẠI

HSK 5 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#790

无疑

wú yí

không còn nghi ngờ gì nữa, chắc chắn, hiển nhiên

这项具有完全自主知识产权的颠覆性原创成果，无疑为我国抢占全球量子科技制高点奠定了坚实基础。

Zhè xiàng jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shí chǎn guǎn de diān fù xīng yuán chuàng chéng guǒ, wú yí wèi wó guó qiǎng zhàn quán qiú liáng zì kē jì zhì gāo diǎn diǎn dīng le jiān shí jī shí.

Thành quả nguyên tác mang tính cách mạng sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ này không còn nghi ngờ gì nữa chắc chắn đã đặt nền móng vững chắc cho việc nước ta chiếm lĩnh đỉnh cao công nghệ lượng tử toàn cầu.

25 nét

HÁN VIỆT : VÔ NGHI

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#791

舞

wǔ

khiêu vũ, múa; điệu múa; múa may vung

在国际文化交流艺术节开幕式上，青年艺术家们翩翩起舞，精彩演绎了中华古典舞蹈的典雅风韵。

Zài guó jì wén huà jiāo liú yì shù jié kāi mù shì shàng, qīng nián yì shù jiā men piān piān qǐ wǔ, jīng cǎi yǎn yì le zhōng huá gǔ diǎn wǔ dǎo de diǎn yǎ fēng yùn.

Tại lễ khai mạc Lễ hội Nghệ thuật Giao lưu Văn hóa Quốc tế, các nghệ sĩ trẻ uyển chuyển múa khiêu vũ, diễn xuất đặc sắc phong vị thanh nhã của các điệu múa cổ điển Trung Hoa.

12 nét

HÁN VIỆT : VŨ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#792

物价

wù jià

giá cả, mặt bằng giá cả thị trường

国家多措并举并举筹做好重要民生商品保供稳价工作，确保国内物价总水平始终保持温和稳定运行。

Guó jiā duō cuò cuò bìng jǔ tóng chóu zuò hào zhòng yào mǐn shēng shāng pǐn bǎo gòng wēn jià gōng zuò, què bǎo guó nèi wù jià zǒng shuǐ píng shì zhōng bǎo chí wēn hé wēn dīng yùn xíng.

Nhà nước áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ quy hoạch làm tốt công tác ổn định giá cả và bảo đảm nguồn cung các hàng hóa dân sinh quan trọng, bảo đảm mặt bằng giá cả giá cả chung trong nước luôn duy trì vận hành ổn định và ôn hòa.

23 nét

HÁN VIỆT : VẬT GIÁ



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#793

物业

wù yè

dịch vụ quản lý bất động sản, ban
quản lý tòa nhà

智慧社区全面推行数字化便民物业管理系统，全天候为居民提供高效优质的维修与安保服务。

Zhì huì shè qū quán miàn tuī xíng shù zì huà biàn mǐn wù yè guǎn lǐ xì tǒng, quán tiān hòu wéi jū mín tí gòng gāo xiào yōu zhì de wéi xiū yǔ ān bǎo fú wù.

Khu dân cư thông minh đẩy mạnh toàn diện hệ thống quản lý bất động sản ban quản lý tòa nhà tiện dân số hóa, cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh và sửa chữa chất lượng cao hiệu quả suốt 24/7 cho cư dân.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · VẬT NGHIỆP

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#794

物质

wù zhì

vật chất

在追求充裕丰富的物质文明生活的同时，必须大力推进精神文明建设，促进人的全面发展。

Zài zhuī qiú chōng yù fù fù de wù zhì wén míng shēng huó de tóng shí, bì xū dà lì tuī jìn jīng shén wén míng jiàn shè, cù jìn rén de quán miàn xié tiáo fā zhǎn.

Trong khi theo đuổi đời sống văn minh vật chất phong phú sung túc, nhất thiết phải đẩy mạnh xây dựng văn minh tinh thần, thúc đẩy con người phát triển toàn diện và hài hòa.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · VẬT CHẤT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#795

误解

wù jiě

hiểu lầm, ngộ nhận hiểu sai

中国积极倡导深化跨文化平等交流与文明互鉴，增进各国人民相知相亲，有效消除偏见隔阂与误解。

Zhōng guó jī jí chàng dǎo shēn huà kuà wén huà píng děng jiāo liú yǔ wén míng hù jiàn, zēng jìn gè guó rén mín xiāng zhī xiāng qīn, yǒu xiào xiāo chú piān jiàn gé hé yǔ wù jiě.

Trung Quốc tích cực để xướng làm sâu sắc hơn sự giao lưu bình đẳng xuyên văn hóa và học hỏi lẫn nhau giữa các nền văn minh, tăng cường sự hiểu biết và thân thiết giữa nhân dân các nước, xóa bỏ hiệu quả các định kiến ngăn cách và hiểu lầm ngộ nhận.

📖 25 nét

HÁN VIỆT · NGỘ GIẢI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#796

喜剧

xǐ jù

hài kịch, phim hài kịch, chuyện vui
về

这部生动展现基层科技特派员带领乡亲们科技致富历程的优秀幽默喜剧，深受广大观众热烈好评。

Zhè bù shēng dòng zhǎn xiàn jī céng kē jì dài lǐng xiāng qīn men kē jì fù zhī lǐ chéng de yōu xiù yōu mò xī jù, shēn shòu guāng dà guān zhòng rè liè hào píng.

Vở hài kịch phim hài hước xuất sắc phổ biến sinh động chặng đường phái viên khoa học công nghệ cơ sở dẫn dắt bà con làm giàu bằng khoa học kỹ thuật này đã nhận được sự đánh giá rất cao từ đồng đạo khán giả.

📖 26 nét

HÁN VIỆT · HỖ KỊCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#797

戏

xì

vở kịch, hí kịch; diễn kịch; đùa giỡn

传统京剧与昆曲经典折子戏走进大学校园，让广大学子近距离领略了中华传统戏曲艺术的无穷魅力。

Chuán tǒng jīng jù yǔ kūn qǔ jīng diǎn zhé zǐ xì zǒu jìn dà xué xiǎo yuán, ràng guāng dà xué zǐ jīn jù lí lǐng lüè le zhōng huá chuán tǒng xì qǔ yì shù de wú qióng mèi lì.

Các trích đoạn vở kịch hí kịch kinh điển của Côn khúc và Kinh kịch truyền thống đi vào khuôn viên trường đại học, giúp đồng đạo sinh viên được thưởng thức ở cự ly gần sức quyến rũ vô tận của nghệ thuật sân khấu truyền thống Trung Hoa.

📖 9 nét

HÁN VIỆT · HÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#798

戏剧

xì jù

sân khấu kịch, hí kịch, kịch nghệ

京剧、昆曲等中国传统经典戏剧艺术形式，在现代数字多媒体声光电舞台技术的赋能下焕发出璀璨新生。

Jīng jù, kūn qǔ děng zhōng guó chuán tǒng jīng diǎn xì jù yì shù xíng shì, zài xiàn dài shù zì duō tǐ míng shēng guāng diàn wǔ tái jì shù de fù néng xià huàn fā chū cǎi càn xīn shēng.

Các loại hình nghệ thuật kịch nghệ cổ điển truyền thống Trung Hoa như Kinh kịch, Côn khúc dưới sự trợ lực của công nghệ sân khấu âm thanh ánh sáng đa phương tiện kỹ thuật số hiện đại đã bùng lên sức sống mới rực rỡ chói lọi.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · HÍ KỊCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#799

西红柿

xī hóng shì

cà chua

西红柿炒鸡蛋是一道老少皆宜、色泽鲜亮、酸甜可口的中国经典家常菜。

Xī hóng shì chǎo jī dàn shì yī dào lǎo shào jiē yí, sè zé xiān liàng, suān tián kě kǒu de zhōng guó jīng diǎn jiā cháng míng cài.

Trứng xào cà chua là một món ăn gia đình kinh điển trứ danh của ẩm thực Trung Hoa, màu sắc bắt mắt, vị chua ngọt thanh dịu phù hợp với khẩu vị của cả người già lẫn trẻ nhỏ.

📖 30 nét

HÁN VIỆT · TÂY HỒNG THỊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#800

西装

xī zhuāng

bộ com-lê, âu phục, đồ vest

在重大国际科学学术峰会上，青年学者身着得体挺拔的深色西装，从容自信地走上讲台发表学术报告。

Zài zhòng dà guó jì kē xué xué shù fēng huì shàng, qīng nián xué zhě shēn zhe dé tǐ tǐng bá de shēn sè xī zhuāng, cóng róng zì xìn de zǒu shàng jiǎng tái fā biǎo xué shù bào gào.

Tại hội nghị thượng đỉnh học thuật khoa học quốc tế trọng đại, người học giả trẻ tuổi mặc bộ âu phục đồ vest bộ com-lê màu sẫm đỉnh đặc vừa vặn, ung dung tự tin bước lên bục giảng trình bày báo cáo học thuật.

📖 25 nét

HÁN VIỆT · TÂY TRANG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#801

吓

xià

dọa, làm sợ hãi, giật mình

中华民族历经五千多年风雨沧桑，任何外部极限施压与霸凌威胁都绝不可能把坚韧顽强的中国人民吓倒。

Zhōng huá mín zú lì jīng wǔ qiān duō nián fēng yǔ cāng sāng, rèn hé wài bù jí xiàn shī yǎ yù bà líng wēi xié dòu jué bù kě néng bǎ jiān rèn wán qiáng de zhōng guó rén mín xià dǎo.

Dân tộc ta đã trải qua hơn 5.000 năm mưa gió thăng trầm của lịch sử, bất kỳ sự chèn ép cực hạn và đe dọa bá quyền nào từ bên ngoài cũng tuyệt đối không thể nào làm cho nhân dân kiên cường bất khuất khiếp sợ chùn bước.

📖 13 nét

HÁN VIỆT · HÁCH


HSK 5 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#802

先后

xiānhòu

lần lượt, trước sau; thứ tự trước sau

我国先后成功研制并发射了多颗高分辨率气象卫星，为全球气象灾害监测预警作出了卓越贡献。

Wǒ guó xiān hòu chéng gōng yán zhì bìng fā shè le duō kē gāo fēn biān lǜ qì xiāng wèi xīng, wèi quán qiú qì xiāng zāi hài jiǎn cè yú jīng zuò chū le zhuó yuè gòng xiàn.

Nước ta lần lượt trước sau đã nghiên cứu chế tạo và phóng thành công nhiều vệ tinh khí tượng độ phân giải cao, lập nên công hiến trác việt cho công tác quan trắc cảnh báo sớm thiên tai khí tượng toàn cầu.

20 nét

HÁN VIỆT: TIỀN HẬU

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#803

先前

xiān qián

trước đó, trước đây, thuở ban đầu

经过高标准现代生态修复治理，先前严重污染的工业废弃矿坑成功蜕变为碧水环绕的生态湿地公园。

Jīng guò gāo biāo zhūn xiàn dài shēng tài xiū fù zhì lí, xiān qián yán zhòng wū rǎn de gōng yè fēi qì kuàng kēng chéng gōng tuì biàn wéi le bì shuǐ huán rào de shēng tài tāi shí dì gōng yuán.

Trải qua việc chỉnh trang phục hồi sinh thái hiện đại tiêu chuẩn cao, mỏ khoáng sản công nghiệp phế thải bị ô nhiễm nghiêm trọng trước đây trước đó đã lột xác thành công viên biển thành công viên đất ngập nước sinh thái nước biếc bao quanh.

26 nét

HÁN VIỆT: TIỀN TIỀN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#804

鲜艳

xiān yàn

tươi thắm, rực rỡ, sặc sỡ (màu sắc)

金秋十月天安门广场上五星红旗迎风飘扬，大型花坛里数十万盆鲜艳夺目的鲜花竞相绽放，美不胜收。

Jīn qiū shí yuè tiān ān mén guǎng chǎng shàng wǔ xīng hóng qí yíng fēng piāo yáng, dà xíng huā tán lǐ shù shí wàn pén xiān yàn duó mù de xiān huā jīng xiāng zhàn fàng, měi bù shèng shōu.

Tháng Mười mùa thu vàng trên Quảng trường Thiên An Môn lá cờ đỏ năm sao tung bay phấp phật trước gió, trong các bồn hoa đại cảnh hàng chục vạn chậu hoa tươi thắm rực rỡ sắc màu đua nhau khoe sắc, đẹp không sao kể xiết.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỀN ĐIỂM

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#805

闲

xián

nhàn rỗi, rảnh rỗi; để trống không dùng

老一辈战略科学家一生为国奉献、分秒必争，工作日程排得满满当当，从来没有真正闲下来过。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yī shēng wèi guó fèng xiàn, fēn miǎo bì zhēng, gōng zuò rì chéng pái dé mǎn mǎn dāng dāng, cóng lái méi yǒu zhēn zhèng xián xià lái guò.

Các nhà khoa học chiến lược tiền bối trọn đời cống hiến cho Tổ quốc, tranh thủ từng phút từng giây, lịch trình làm việc xếp đầy áp kín mít, chưa bao giờ thực sự rảnh rỗi nhàn rỗi bao giờ.

13 nét

HÁN VIỆT: NHÀN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#806

显

xiǎn

hiện rõ, phô bày, biểu lộ; rõ ràng nổi bật

大科学装置超精密光学干涉测量大屏幕上，微米级的物理干涉条纹变化特征显得极其清晰分明。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì guāng xué gān shè cè liáng dà píng mù shàng, wēi mǐ jí de wù lǐ gān shè tiáo wén biàn huà tè zhēng xiǎn lù dé jí qī qīng xī fēn míng.

Trên màn hình lớn đo đạc giao thoa quang học siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn, các đặc trưng biến đổi vân giao thoa vật lý cấp độ micromet hiển lộ hiện rõ cực kỳ rõ ràng rành mạch.

9 nét

HÁN VIỆT: HIỂN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#807

现有

xiànyǒu

hiện có, hiện hữu sẵn có

科研攻关团队勇于打破现有学术教条与技术框架定式，提出了颠覆性的前沿量子芯片设计架构方案。

Kē yán gōng guān tuán duì yǒng yú dǎ pò xiàn yǒu xué shù jiào tiáo yǔ jì shù kuāng jià dìng shì, tí chū le diǎn fú xíng de qián yán liàng zǐ xīn piàn shè jì jià gòu fāng àn.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học vượt khó dũng cảm phá vỡ các khuôn mẫu kỹ thuật và giáo điều học thuật hiện hữu hiện có, đề xuất phương án kiến trúc thiết kế chip lượng tử tiên phong mang tính cách mạng.

23 nét

HÁN VIỆT: HIỆN HỮU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#808

现状

xiàn zhuàng

hiện trạng, tình hình thực tế hiện tại

国家生态环境监测网络能够全方位实时掌握全国各大流域与重点湖泊水质生态环境现状与变化趋势。

Guó jiā shēng tài huán jīng jiān cè wǎng luò néng gòu quán fāng wèi shí shí zhǎng wò quán guó gè dà liú yù yǔ zhòng diǎn hú pō shuǐ zhì shēng tài huán jīng xiàn zhuàng yǔ biàn huà qū shì.

Mạng lưới giám sát môi trường sinh thái quốc gia có thể nắm bắt toàn diện theo thời gian thực về xu thế biến đổi cùng hiện trạng môi trường sinh thái chất lượng nước của các hồ trọng điểm và các lưu vực lớn trên cả nước.

23 nét

HÁN VIỆT: HIỆN TRẠNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#809

线索

xiàn suǒ

manh mối, đầu mối điều tra vụ án/khoa học

深空射电巡天望远镜在百亿光年之外捕捉到了极其微弱的脉冲信号线索，为人类探索宇宙早期演化提供了重要线索。

Shēn kōng shè diàn xún tiān wǎng yuǎn jīng zài bǎi yì guāng nián zhī wài bú zhuō dào le jí qí wēi ruò de mài chōng xìn hào xiàn suǒ, wéi rén lèi tàn sù yǔ zhōu zǎo qī yǎn huà tí gòng le zhòng yào xiàn suǒ.

Kính viễn vọng tuần thiên vô tuyến không gian sâu đã bắt trọn manh mối tín hiệu xung cực kỳ yếu ớt cách xa hàng chục tỷ năm ánh sáng, cung cấp đầu mối manh mối quan trọng cho nhân loại khám phá sự tiến hóa thời kỳ đầu của vũ trụ.

20 nét

HÁN VIỆT: TUYẾN SÁCH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#810

献

xiàn

dâng hiến, hiến dâng, cống hiến

广大科技工作者把个人理想融入强国建设伟业，把毕生青春与心血奉献给了祖国的科学事业。

Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě bǎ gè rén lǐ xiǎng róng rù qiáng guó jiàn shè wéi yè, bǎ bì shēng qīng chūn yǔ xīn xuè fèng xiàn gěi le zǔ guó de kē xué shì yè.

Đồng đảo những người làm khoa học hòa nhập lý tưởng cá nhân vào đại nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, dâng hiến cống hiến trọn vẹn cả thanh xuân và tâm huyết cả đời cho sự nghiệp khoa học của Tổ quốc.

10 nét

HÁN VIỆT: HIẾN



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#811

乡

xiāng

quê hương; làng xã, thôn quê vùng quê

青年科技特派员深入广大乡村田间地头开展技术帮扶，把先进农业科技成果送到千家万户农民手中。

Qīng nián kē jì tè pài yuán shēn rù guǎng dà xiāng cūn jiān diào tóu kǎi zhān jì shù bāng fú, bǎ xiān jìn nóng yè kē jì chéng guó sòng dào qiān jiā wàn hù nóng mǐn shǒu zhōng.

Các phái viên khoa học công nghệ trẻ tuổi đi sâu vào tận đồng ruộng nông thôn làng xã để triển khai hỗ trợ kỹ thuật, mang các thành quả khoa học kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến trao tận tay muôn nhà muôn hộ nông dân.

11 nét

HÁN VIỆT: HƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#812

乡村

xiāng cūn

nông thôn, làng quê, thôn dã

国家全面推进宜居宜业和美乡村建设，广袤乡村大地呈现出一派产业兴旺、生态优美的新图景。

Guó jiā quán miàn tuī jìn jū yí jū yè hé měi xiāng cūn jiàn shè, guǎng mào xiāng cūn dà dì chéng xiàn chū yí pài chǎn yè xīng wǎng, shēng tài yōu měi de xīn tú jǐng.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng làng quê nông thôn tươi đẹp hài hòa, đáng sống và thuận lợi làm ăn, mảnh đất làng quê bao la hiện ra một bức tranh mới ngành nghề thịnh vượng và sinh thái tuyệt đẹp.

22 nét

HÁN VIỆT: HƯƠNG THÔN

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#813

相等

xiāng děng

bằng nhau, tương đương ngang bằng

在推进教育优质均衡发展中，国家确保城乡学校在办学硬件设施、生均经费与师资配置水平上总体大体相等。

Zài tuī jìn jiào yù zhōu yōu zhì jūn héng fā zhǎn zhōng, guó jiā què bǎo chéng xiāng xué xiào zài bàn xué yīng jiàn shè shè shī, shēng jūn jīng fèi yǔ shī zī pèi zhì shuǐ píng shàng zōng tǐ dà tǐ xiāng děng.

Trong việc thúc đẩy phát triển cân bằng chất lượng cao giáo dục, Nhà nước bảo đảm các trường học nông thôn và thành thị đại thể ngang bằng nhau về mức phân bổ đội ngũ giáo viên, kinh phí bình quân đầu học sinh và cơ sở vật chất phần cứng dạy học.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG ĐẲNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#814

相声

xiàngsheng

hài kịch xiếc thoại, tấu hài tương thanh

在高校传统文化艺术节晚会上，青年相声演员以幽默风趣的语言与精湛包袱博得全场阵阵掌声与欢笑。

Zài gāo xiào chuán tǒng wén huà yì shù jié wǎn huì shàng, qīng nián xiàngsheng yǎn yuán yǐ yōu mò fēng qù de yǔ yán yǔ jīng zhàn bāo fú bó dé quán chǎng zhēn zhēn zhǎng shēng yǔ huān xiào.

Tại đêm hội Lễ hội Văn hóa Nghệ thuật Truyền thống trường đại học, các diễn viên tấu hài tương thanh hài kịch xiếc thoại trẻ tuổi bằng ngôn từ dí dỏm hài hước và các miếng hài tinh tế đã nhận được những tràng pháo tay và tiếng cười ròn rã khắp toàn khán phòng.

26 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG THANH

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#815

相应

xiāng yìng

tương ứng, phù hợp tương xứng

国家根据宏观经济运行的新变化与新特点，及时出台了相应的减税降费与金融精准支持政策措施。

Guó jiā gēn jù hóng guān jīng jì yùn xíng de xīn biàn huà yǔ xīn tè diǎn, jí shí chū tái le xiāng yìng de jiǎn shuǐ jiàng fèi yǔ jīn róng jīng zhǔn zhī chí zhèng cè cuò shī.

Nhà nước căn cứ vào những biến đổi mới và đặc điểm mới trong vận hành kinh tế vĩ mô đã kịp thời ban hành các giải pháp chính sách hỗ trợ tài chính chuẩn xác cùng miễn giảm thuế phí tương ứng.

28 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG ỨNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#816

香肠

xiāngcháng

xúc xích, Lạp xưởng (làm từ thịt băm)

我国传统非遗传统风味麻辣香肠选用优质土猪精肉与地道川味花椒，经过古法柴火慢熏、醇香扑鼻。

Wǒ guó chuán tǒng fēi yí chuán tǒng fēng wèi mǎ là xiāng cháng xuǎn yòng yōu zhì tǔ zhū jīng ròu yǔ dào dào chuān wèi huà jiāo, jīng guò gǔ fǎ chái huǒ màn xūn, chún xiāng pū bí.

Món Lạp xưởng xúc xích cay tê hương vị truyền thống di sản phi vật thể của nước ta lựa chọn thịt nạc lợn bản chất lượng cao cùng hoa tiêu Tứ Xuyên chuẩn vị, trải qua hun khói củi chậm theo phương pháp cổ truyền, hương thơm nồng nàn quyến rũ.

18 nét

HÁN VIỆT: HƯƠNG TRĂNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#817

详细

xiáng xì

chi tiết, cặn kẽ, tỉ mỉ

这份技术可行性分析报告不仅列出了详细的工程施工时间节点，还制定了周密的应急预案。

Zhè fèn jì shù kě xíng xīng fēn xī bào gào bù jīn liè chū le xiáng xì de gōng chéng shí shí jiē diǎn, hái zhì dìng le zhōu mì de yìng jǐ yù àn.

Bản báo cáo phân tích tính khả thi kỹ thuật này không chỉ liệt kê chi tiết các mốc thời gian triển khai công trình mà còn lập sẵn các kịch bản ứng phó khẩn cấp chu toàn.

20 nét

HÁN VIỆT: TƯỜNG TẾ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#818

享受

xiǎng shòu

hưởng thụ, tận hưởng; sự thụ hưởng

在风景如画的生态湿地公园里泛舟湖上、聆听鸟鸣，是一种远离城市喧嚣、洗涤心灵的极致美好享受。

Zài fēng jīng rú huà de shēng tài gōng yuán lǐ fàn zhōu hú shàng, líng tīng niǎo míng, shì yí zhòng yuán lí chéng shì xuān xiāo, xǐ dì xīn líng de jí zhì měi hǎo xiǎng shòu.

Chèo thuyền trên mặt hồ trong công viên đất ngập nước sinh thái đẹp như tranh vẽ, lắng nghe tiếng chim hót líu lo là một sự tận hưởng tuyệt mỹ rời xa ồn ào phố thị để gạt rửa tâm hồn.

17 nét

HÁN VIỆT: HƯỞNG THỤ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#819

向导

xiàng dǎo

người dẫn đường, hướng dẫn viên dẫn lối

在奔赴青藏高原无人区开展冰川科考过程中，经验丰富的高原藏族向导带领科研队员安全穿越冰裂缝险区。

Zài bēn fù qīng zàng gāo yuán wú rén qū kāi zhǎn bīng chuān kǎo guò chéng zhōng, jīng yàn fēng fù de gāo yuán zàng zú xiàng dǎo dài lǐng kē yán duì yuán ān quán chuān yuè bīng liè fēng xiàn qū.

Trong tiến trình tiến về vùng không người trên cao nguyên Thanh Tạng để triển khai khảo sát khoa học sông băng, người dẫn đường người Tạng cao nguyên giàu kinh nghiệm đã dẫn dắt các đội viên nghiên cứu khoa học băng qua an toàn các khu vực hiểm trở có khe nứt băng.

19 nét

HÁN VIỆT: HƯỚNG ĐẠO


HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#820

向前

xiàngqián

tiến về phía trước, hướng về phía trước

历史的车轮滚滚向前，我们要紧紧抓住新一轮科技革命历史机遇，坚定不移推进高质量科技自立自强。

Lì shǐ de chē lún gǔn gǔn xiàng qián, wǒ men yào jǐn jǐn zhuā zhù xīn yī lún kē jì gé mìng lì shǐ jī yù, jiǎn dìng bù yí tuī jìn gāo zhì liàng kē jì zì lì zì qiáng.

Bánh xe lịch sử cuộn cuộn tiến về phía trước hướng về phía trước, chúng ta phải nắm chắc thời cơ lịch sử của cuộc cách mạng khoa học công nghệ mới, kiên định không ngừng thúc đẩy tự chủ tự cường khoa học công nghệ chất lượng cao.

25 nét

HÁN VIỆT : HƯỚNG TIẾN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ / Phó từ

#821

向上

xiàngshàng

hướng lên trên, vươn lên, tinh thần cầu tiến

新时代青年科技工作者始终保持蓬勃朝气与积极向上的昂扬斗志，在前沿科技攻关中奋勇当先。

Xīn shí dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě shǐ zōng bǎo chí péng bó cháo qì yǔ jī jí xiàng shàng de āng yáng dòu zhì, zài qián yán kē jì gōng guān zhōng fèn yǒng dǎng xiān.

Những người làm công tác khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới luôn giữ vững sức sống đạt dào cùng ý chí chiến đấu sục sôi vươn lên tích cực hướng lên trên, dũng cảm đi đầu trong các trận đánh công nghệ tiên phong.

19 nét

HÁN VIỆT : HƯỚNG THƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#822

象征

xiàng zhēng

tượng trưng, biểu tượng

巍峨耸立的万里长城不仅是中华民族坚韧不拔精神的象征，更是人类建筑史上的伟大历史奇迹。

Wēi é sǒng lì de wàn lǐ cháng chéng bù jīn shì zhōng huá mín zú jiǎn rèn bù bá jīng shén de xiàng zhēng, gèng shì rén lèi jiàn zhù shǐ shàng de wēi dà lì shǐ qí jì.

Vạn Lý Trường Thành sừng sững uy nghiêm không chỉ là biểu tượng cho tinh thần kiên cường bất khuất của dân tộc, mà còn là kỳ tích lịch sử vĩ đại trong lịch sử kiến trúc của nhân loại.

27 nét

HÁN VIỆT : TƯỢNG CHÍNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#823

消除

xiāo chú

xóa bỏ, triệt tiêu loại trừ tận gốc

经过全党全国各族人民共同努力，我国历史性地彻底消除了绝对贫困，书写了人类减贫史上的伟大奇迹。

Jīng guò quán dǎng quán guó gè zú rén mín gòng tóng nǔ lì, wǒ guó lì shǐ xìng dì chè di xiāo chú le jué duì pín kùn, shù xiě le rén lèi jiǎn pín shǐ shàng de wēi dà qí jì.

Trải qua sự nỗ lực chung của toàn Đảng và nhân dân các dân tộc trên cả nước, nước ta đã xóa bỏ loại trừ triệt để tình trạng nghèo tuyệt đối mang tính lịch sử, viết nên kỳ tích vĩ đại trong lịch sử giảm nghèo của nhân loại.

21 nét

HÁN VIỆT : TIÊU TRỪ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#824

消毒

xiāo dú

khử trùng, tiêu độc sát khuẩn

现代化生物制药无菌生产车间采用全自动过氧化氢脉冲等离子体灭菌技术，实现了纳克级超高洁净环境消毒。

Xiān dài huà shēng wú jī yào wú jūn shēng chǎn chē jiān cǎi yòng quán zì dòng guò yǎng huà qīng mài chōng dēng lí zǐ tǐ miè jūn jī shù, shí xiàn le nà kè jí chāo gāo jié jīng huán jīng xiāo dú.

Phân xưởng sản xuất vô trùng được phẩm sinh học hiện đại hóa áp dụng công nghệ khử trùng plasma xung hydro peroxide hoàn toàn tự động, đã thực hiện việc tiêu độc khử trùng môi trường siêu sạch ở cấp độ nanogram.

22 nét

HÁN VIỆT : TIÊU ĐỘC

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#825

消防

xiāo fáng

phòng cháy chữa cháy (PCCC), cứu nạn cứu hộ

国家综合性消防救援队伍赴汤蹈火、竭诚为民，在重大森林火灾与特大洪涝险情处置中筑起坚不可摧的生命防线。

Guó jiā zōng hé xié xíng xiāo fáng jiù yuán duì wú fù tǎng dǎo huǒ, jié chéng wéi mín, zài zhòng dà sēn lín huǒ zāi yù tè dà hóng lǎo xiǎn qīng chǔ zhì zhōng zhù qí jiān bù kě cuī de shēng míng fáng xiàn.

Đội ngũ cứu nạn cứu hộ và phòng cháy chữa cháy tổng hợp quốc gia xông pha lửa đạn, hết lòng vì nhân dân, trong xử lý hiểm họa lũ lụt đặc biệt lớn và các vụ cháy rừng trọng đại đã đắp xây nên phòng tuyến sinh mệnh kiên cố không thể phá vỡ.

27 nét

HÁN VIỆT : TIÊU PHÒNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#826

消费者

xiāofèizhě

người tiêu dùng, khách hàng tiêu thụ

国家全面健全消费者权益保护法律体系，持续优化公平规范、安全放心的消费市场环境。

Guó jiā quán miàn jiàn quán quán xiāo fèi zhě quán yì bǎo hù fǎ lǜ tǐ xì, chí xù yōu huà gōng píng guān fàn, ān quán fàng xīn de xiāo fēi shì chǎng huán jīng.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện hệ thống pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, liên tục tối ưu hóa môi trường thị trường tiêu dùng an tâm, công bằng chuẩn mực và an toàn.

35 nét

HÁN VIỆT : TIÊU PHÍ GIẢ

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#827

消极

xiāo jí

tiêu cực, thụ động bị quan chán nản

在面临重大科研难题与技术瓶颈时，决不能抱有消极懈怠与畏难情绪，而要勇于探索、攻坚克难。

Zài miàn lín zhòng dà kē yán nán tí yǔ jì shù píng jīng shí, jué bù néng bào yǒu xiāo jí xiè dài yǔ wèi nán qíng xù, ér yào yǒng yú tàn suǒ, gōng gōng jiǎn kè nán.

Khi đối mặt với các nút thắt kỹ thuật và nan đề nghiên cứu khoa học trọng đại, tuyệt đối không được ôm tâm lý bị quan tiêu cực uể oải và sợ khó, mà cần phải dũng cảm tìm tòi khám phá, vượt khó xung kích.

23 nét

HÁN VIỆT : TIÊU CỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#828

小偷儿

xiǎotōur

kẻ trộm vặt, tên móc túi ăn cắp

城市全面推进智能化全域天网防范系统建设，让任何企图作案的小偷儿在密集的智慧监控下无处遁形。

Chéng shì quán miàn tuī jìn zhì néng huà quán yù tiān wǎng fáng fàn xì tǒng jiàn shè, ràng rèn hé qín tú zuò àn de xiǎo tóu ér zài mì jí de zhì huì jiān kòng xià wú chù dùn xíng.

Thành phố đẩy mạnh toàn diện việc xây dựng hệ thống phòng ngừa lưới trời thông minh toàn diện, khiến bất kỳ tên móc túi kẻ trộm vặt nào có ý đồ phạm tội cũng không có chỗ ẩn trốn dưới sự giám sát thông minh dày đặc.

35 nét

HÁN VIỆT : TIÊU THÊU NHÂN



HSK 5 (3.0)

Động từ

#829

歇

xiē

nghỉ ngơi, dừng chân nghỉ ngơi, tạm dừng

在连续徒步攀登了数小时险峻山路后，科考队员们坐在山腰的阴凉凉亭里稍作歇息、补充水分与能量。

Zài lián xù tú bù pān dēng le shù xiǎo shí xiǎn jùn shān lù hòu, kē kǎo duì yuán men zuò zài shān yāo de yīn liáng liáng tīng lǐ shāo zuò xiē xi, bǔ chōng shuǐ fēn yǔ néng liàng.

Sau khi liên tục đi bộ leo dốc trên cung đường núi hiểm trở suốt nhiều giờ, các thành viên đoàn khảo sát đã ngồi nghỉ chân đôi chút trong đình râm mát lưng chừng núi để bổ sung nước và năng lượng.

10 nét

HÁN VIỆT: HIẾT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#830

协议

xié yì

thỏa thuận, hiệp định ký kết

在联合国国际气候大会开幕式上，近两百个国家共同正式签署了具有深远历史意义的全球绿色转型行动框架协议。

Zài lián hé guó guó jì qì hòu dà huì bì mù shì shàng, jìn liǎng bǎi gè guó jiā gòng tóng zhēng shì qiān shǔ le jù yǒu shēn yuǎn lì shǐ yì de quán qiú lǜ sè zhuǎn xíng xíng dòng kuāng jià xié yì.

Tại lễ bế mạc Hội nghị Khí hậu Quốc tế Liên Hợp Quốc, gần 200 quốc gia đã cùng nhau chính thức ký kết thỏa thuận khung hành động chuyển đổi xanh toàn cầu có ý nghĩa lịch sử sâu xa.

23 nét

HÁN VIỆT: HIỆP NGHỊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#831

协议书

xié yì shū

văn bản thỏa thuận, hợp đồng thỏa ước

在国际科技高峰论坛闭幕式上，中外顶尖大学正式签署了联合建立前沿科学实验室合作协议书。

Zài guó jì kē jì gāo fēng lùn tán bì mù shì shàng, zhōng wài dīng jiān dà xué zhèng shì qiān shǔ le lián hé jiàn lì qián yán kē xué shí yàn shì hé zuò xié yì shū.

Tại lễ bế mạc Diễn đàn Thượng đỉnh Khoa học Quốc tế, các trường đại học hàng đầu trong và ngoài nước đã chính thức ký kết văn bản thỏa thuận văn bản hiệp định hợp tác cùng xây dựng phòng thí nghiệm khoa học tiên phong.

32 nét

HÁN VIỆT: HIỆP NGHỊ THƯ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#832

斜

xié

nghiêng, dốc, chéo; nghiêng xiêu

夕阳西下，金黄色的斜阳透过高大梧桐树的枝叶缝隙洒在石板小径上，拉出长长的斑驳光影。

Xī yáng xī xià, jīn huáng sè de xié yáng tòu guò gāo dà wú tóng shù de zhī yè fèng xì sǎ zài shí bǎn xiǎo jīng shàng, lā chū cháng cháng de bān bó guāng yǐng.

Chiều tà bóng ngả, vạt nắng vàng xiên qua những khe lá của hàng cây ngô đồng cao lớn chiếu rọi trên lối đi lát đá, kéo dài những vệt sáng bóng râm loang lổ.

8 nét

HÁN VIỆT: TÀ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#833

心态

xīn tài

tâm thái, thái độ tâm lý, tâm thế

攀登世界顶尖科技最高峰必须保持甘坐数十年冷板凳的平和心态与敢于突破一切常规的非凡创新胆识。

Pān dēng shì jiè dīng jiān kē jì zuì gāo fēng bì xū bǎo chí gān zuò shù shí nián lěng bǎn dēng de píng hé xīn tài yǔ gǎn yú tú pò yī qiè cháng guī de fēi fán chuàng xīn dǎn shí.

Trèo lên đỉnh cao công nghệ hàng đầu thế giới bắt buộc phải giữ vững một tâm thế tâm thái hòa nhã cam lòng ngồi ghế lạnh suốt mấy chục năm cùng lòng quả cảm đổi mới phi thường dám đột phá mọi lễ lối thông thường.

17 nét

HÁN VIỆT: TÂM THÁI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#834

心疼

xīn téng

xót xa, đau lòng thương xót

看到高原边防官兵在零下几十度的冰峰哨所顶风冒雪巡逻时皲裂的双手，全国人民无不感到由衷的心疼与崇敬。

Kàn dào gāo yuán biān fáng guān bīng zài líng xià jǐ shí dù de bīng fēng shào suǒ dīng fēng mào xuě xún luó shí jūn liè de shuāng shǒu, quán guó rén mǐn wú bù gǎn dào yóu zhōng de xīn téng yǔ chóng jīng.

Nhìn thấy đôi bàn tay nứt nẻ vì giá rét của các cán bộ chiến sĩ bộ đội biên phòng cao nguyên khi đi tuần tra đội gió đập tuyết nơi đồn chốt đỉnh núi băng âm mấy chục độ, nhân dân cả nước không ai là không cảm thấy xót xa thương cảm và tôn kính từ đáy lòng.

22 nét

HÁN VIỆT: TÂM ĐỒNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#835

辛苦

xīn kǔ

vất vả, gian khổ, nhọc nhằn

为了抢修暴风雨中受损的电力主干线路，电力工人们在风雨中连续辛苦奋战了十几个小时。

Wèi le qiū xiū bǎo fēng yǔ zhōng shòu sǔn de diàn lì zhǔ gàn xiàn lù, diàn lì gōng rén men zài fēng yǔ zhōng lián xù xīn kǔ fēn zhàn le shí jǐ gè xiǎo shí.

Để khẩn trương khắc phục đường dây điện trực chính bị hư hại trong cơn bão, các công nhân ngành điện đã dốc mình trong mưa gió làm việc vất vả liên tục suốt hơn 10 tiếng đồng hồ.

23 nét

HÁN VIỆT: TÂN KHỔ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#836

欣赏

xīn shǎng

thưởng thức, chiêm ngưỡng, tán thưởng

在国际交响音乐大厅里，全场观众全神贯注地欣赏由世界著名指挥大师执棒演绎的贝多芬第九交响曲。

Zài guó jì jiāo xiǎng yīn yuè dà tīng lǐ, quán chǎng guān zhòng quán shén guān zhù dì xīn shǎng yóu shì jiè zhǔ míng zhǐ huī dà shī zhǐ bàng yǎn yì de bēi fēn jiǔ jiāo xiǎng qǔ.

Bên trong khán phòng hòa nhạc giao hưởng quốc tế, toàn thể khán giả chăm chú lắng nghe thưởng thức Bản giao hưởng số 9 của Beethoven do bậc thầy chỉ huy dàn nhạc lừng danh thế giới trực tiếp chỉ huy.

23 nét

HÁN VIỆT: HÂN THƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#837

信念

xìn niàn

niềm tin, tín niệm kiên định bất diệt

坚定理想信念是共产党人精神上的“钙”；必须始终坚守共产党人精神追求，筑牢信仰之基、补足精神之钙。

Jiān dìng lǐ xiǎng xìn niàn shì gòng chǎn dǎng rén jīng shén shàng de "gài"; bì xū shǐ zhōng jiān shǒu gòng chǎn dǎng rén jīng shén zhuī qiú, zhù láo xìn yǎng zhī jī, bǔ zú jīng shén zhī gài.

Kiên định lý tưởng niềm tin chính là 'canxi' trong tinh thần của những người cộng sản; bắt buộc phải luôn giữ trọn sự theo đuổi tinh thần của người cộng sản, đắp xây vững chắc nền móng đức tin, bổ sung đầy đủ canxi tinh thần.

20 nét

HÁN VIỆT: TÍN NIỆM



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#838

信箱

xìnxīang

hộp thư, hòm thư, hòm thư điện tử

国家重点实验室开通了青年学术创新意见征集电子信箱, 广泛听取广大青年学者的原创科研建议。

Guójiā zhòngdiǎn shíyàn shì kāitōng le qīngnián xuéshù chuàngxīn yìjiàn zhēngjí diànzǐ xìnxiāng, guāngfàn tīngqǔ dàqīng nián xuézhě de yuán chuàng kēyán jiànyì.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đã mở hòm thư hộp thư điện tử thu thập ý kiến đổi mới sáng tạo học thuật thanh niên, lắng nghe rộng rãi các kiến nghị nghiên cứu khoa học nguyên tác của đồng đảo học giả trẻ.

22 nét

HÁN VIỆT: TÍN RƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#839

行驶

xíngshǐ

chạy xe, vận hành di chuyển (tàu xe/thuyền bè)

我国完全自主研制的新一代时速三百五十公里智能高速动车组, 在崇山峻岭间平稳安全行驶。

Wǒguó wánquán zìzhǔ yánzhì de xīnyǐ dàishí sù sānbǎi wǔshí gōnglǐ zhìnéng gāosù dōngchē zǔ, zài chóngshān jùn lǐng jiānpíng wéiǎn ānquǎn xíngshǐ.

Đoàn tàu động lực cao tốc thông minh vận tốc 350 km/h thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đang di chuyển chạy xe an toàn và êm ái giữa núi non trùng điệp.

26 nét

HÁN VIỆT: HÀNG SỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#840

形态

xíngtài

hình thái, hình thái tồn tại/kết cấu

中国式现代化创造了人类文明新形态, 拓展了发展中国家走向现代化的途径, 为人类探索更好社会制度提供了中国方案。

Zhōngguó shì xiàndài huà chuàngzào le rén lèi wénmíng xīn xíngtài, tuò zhǎn le fā zhǎn zhōngguó jiǎ zǒu xiàng xiàndài huà de tú jìng, wéi rén lèi tàn suǒ gèng hǎo shè huì zhìdù tíngdòng le zhōngguó fāng'àn.

Hiện đại hóa đất nước đã tạo nên hình thái mới của văn minh nhân loại, mở rộng con đường tiến tới hiện đại hóa của các quốc gia đang phát triển, cung cấp phương án Trung Hoa cho nhân loại tìm một chế độ xã hội tốt đẹp hơn.

18 nét

HÁN VIỆT: HÌNH THÁI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#841

性能

xíngnéng

tính năng, hiệu năng kỹ thuật trang thiết bị

我国完全自主研制的新一代国产重型航空发动机在各项极限飞行工况测试中, 展现出极其优越的推力性能与可靠性。

Wǒguó wánquán zìzhǔ yánzhì de xīnyǐ dàiguó chángzhòng xíng háng kōng fā dòng jī zài gè xiàng jǐ xiàn fēi xíng gōng kuàng cè shì zhōng, zhǎn xiàn chū jí qí yōu yuè de tuī lì xíng néng yǔ kě kào xìng.

Động cơ hàng không hạng nặng do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo trong các bài kiểm tra điều kiện bay cực đoan đã phổ biến tính năng lực đẩy cùng độ tin cậy vô cùng vượt trội.

21 nét

HÁN VIỆT: TÍNH NĂNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#842

雄伟

xióngwěi

hùng vĩ, tráng lệ, nguy nga

横跨珠江口伶仃洋海域的港珠澳大桥如同一条钢铁巨龙蜿蜒在碧海晴空之间, 气势雄伟壮观。

Héng kuà zhū jiāng kǒu líng dīng yáng hǎi yù de gānggǎng zhū ào dà qiǎo rú tóng yī tiáo gāngtiě jù lóng wǎn yǎn zài bì hǎi qíng kōng zhī jiān, qì shì xióngwěi zhuànguān.

Cây cầu vượt biển Hồng Kông - Chu Hải - Ma Cao vắt ngang vùng biển Linh Đinh Dương cửa sông Châu Giang tựa như một con rồng thép không lồ uốn lượn giữa biển biếc trời xanh, khí thế hùng vĩ nguy nga tráng lệ khôn cùng.

25 nét

HÁN VIỆT: HÙNG VĨ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#843

熊

xióng

con gấu

在国家公园高海拔针叶林带内, 珍稀野生棕熊等大型野生动物种群得到了极其严格的常态化生态保护。

Zài guójiā gōngyuán gāo hǎi bá zhēn yè lín dài nèi, zhēn xī yě shēng zōng xióng děng dà xíng yě shēng dòng wù zhǒng qún dédào le jí qí yáng gē de chángtài huà shēng tài bǎo hù.

Bên trong vành đai rừng lá kim độ cao lớn của Công viên Quốc gia, các quần thể động vật hoang dã cỡ lớn như con gấu gấu nâu hoang dã quý hiếm đã nhận được sự bảo tồn sinh thái thường xuyên vô cùng nghiêm ngặt.

10 nét

HÁN VIỆT: HÙNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#844

休闲

xiūxián

nghỉ ngơi thư giãn, giải trí nhàn nhã

环城国家森林公园建有上百公里的生态骑行慢道与露营地, 成为了市民周末休闲健身的热门打卡地。

Huánchéng guójiā sēnlín gōngyuán jiàn yǒu shàngbǎi gōnglǐ de shēngtài qíxíng màndào yǔ lù yíng dì, chéngwéi le shìmín zhōumò xiūxián jiànshēn de rènmén dǎkǎdì.

Công viên Rừng Quốc gia bao quanh thành phố được xây dựng hàng trăm km đường mòn đạp xe sinh thái và trạm nghỉ cắm trại, đã trở thành điểm hẹn lý tưởng thu hút đông đảo người dân đến nghỉ ngơi thư giãn và rèn luyện thể thao vào dịp cuối tuần.

25 nét

HÁN VIỆT: HƯU NHÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#845

修复

xiūfù

phục hồi, tu bổ phục chế (môi trường, di tích)

国家全面实施长江黄河重要生态系统保护和修复重大工程, 昔日受损湿地重现水清岸绿、万物生机。

Guójiā quánmiàn shíshī chángjiāng huánghé zhòngyào shēngtài xìtǒng bǎohù hé xiūfù zhòngdà gōngchéng, xīrì shòu sǔn shí dì chóng xiū shuǐ qīng àn lǜ, wàn wù shēng jī.

Nhà nước thực thi toàn diện công trình trọng đại phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái quan trọng sông Trường Giang và Hoàng Hà, vùng đất ngập nước bị tổn hại năm xưa nay đã tái hiện vạn vật sinh sôi, nước trong bờ xanh mát.

22 nét

HÁN VIỆT: TU PHỤC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#846

修建

xiūjiàn

xây dựng, thi công xây cất (cầu, đường, công trình)

我国在平均海拔四千米以上的世界屋脊青藏高原上, 奇迹般修建成了举世瞩目的高原超级生态绿色铁路。

Wǒguó zài píngjūn hǎiábiāo sìqiān mǐ yǐ shàng de shìjiè wǔjǐ qīngzàng gāo yuán shàng, qíjì bān xiūjiàn chéng le jǔshì zhǔmù de gāo yuán chāojiē shēngtài lǜsè tiělù.

Nước ta trên cao nguyên Thanh Tạng nóc nhà thế giới có độ cao trung bình trên 4.000 mét so với mực nước biển đã thi công xây dựng nên một tuyến đường sắt xanh sinh thái siêu cấp cao nguyên tráng lệ khiến toàn thế giới phải đổi theo.

20 nét

HÁN VIỆT: TU KIẾN



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#847

修养

xiūyǎng

tu dưỡng, đạo đức tu dưỡng; trau dồi nhân cách

青年学者不仅要有精湛深厚的学术造诣，更要具备高尚崇高的道德情操与深厚的人文修养。

Qīng nián xué zhě bù jǐn yào yǒu jīng zhàn shēn hòu de xué shù zào yì, gèng yào jù bèi gāo shàng chóng gāo de dào dé qíng cāo yǔ shēn hòu de rén wén xiū yǎng.

Học giả trẻ tuổi không chỉ cần có thành tựu học thuật thâm sâu xuất sắc, mà càng phải sở hữu đạo đức tu dưỡng nhân văn sâu sắc cùng tình cảm đạo đức cao thượng.

23 nét

HÁN VIỆT: TU DƯỠNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#848

虚心

xū xīn

khêm tốn, biết lắng nghe học hỏi

青年学者在开展跨学科前沿探索时，要虚心听取老一辈科学家的宝贵指导意见与同行建设性批评。

Qīng nián xué zhě zài kāi zhǎn kuà xué kē qián yán tàn suǒ shí, yào xū xīn tīng qǔ lǎo yī bèi kē xué jiā de bǎo guì zhǐ dǎo yì yàn yǔ tóng xíng jiàn shè xìng pī píng.

Các học giả trẻ khi triển khai thám hiểm tiên phong liên ngành cần khêm tốn lắng nghe những ý kiến chỉ đạo quý báu của các nhà khoa học tiền bối cùng những lời phê bình mang tính xây dựng của đồng nghiệp.

20 nét

HÁN VIỆT: HƯ TÂM

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#849

许可

xǔ kě

cho phép, cấp phép, giấy phép chứng chỉ

国产大型客机在完成数百项极端气象严苛飞行适航验证后，顺利获得了国家民用航空局颁发的型号生产许可与适航认证。

Guó chǎn dà xíng kè jī zài wán chéng shù bǎi xiàng jí duān qì xiàng yán kē fēi xíng shì háng yàn zhèng hòu, shùn lì huò dé le guó jiā mǐn yòng háng kōng jú fān gǎo de xíng hào shēng chǎn xǔ kě yǔ shì háng rèn zhèng.

Máy bay chở khách cỡ lớn do nước ta sản xuất sau khi hoàn thành hàng trăm hạng mục kiểm chứng đủ điều kiện bay nghiêm ngặt trong điều kiện khí tượng cực đoan đã thuận lợi đạt được chứng nhận đủ điều kiện bay và cấp phép sản xuất kiểu loại do Cục Hàng không Dân dụng Quốc gia cấp.

25 nét

HÁN VIỆT: HỨA KHẢ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#850

选修

xuǎnxiū

học tự chọn, chọn môn học (elective course)

高校推行完全学分制改革，鼓励优秀本科生根据个人学术兴趣跨学科跨学院自主选修前沿人工智能课程。

Gāo xiào tuī xíng wán quán xué fēn zhì gǎi gé, gǔ lì yōu xiù běn kē shēng gēn jù gè rén xué shù xìng qù kuà xué kē kuà xué yuàn zì zhǔ xuǎn xiū qián yán rén gōng zhì néng kē chéng.

Trường đại học đẩy mạnh cải cách chế độ tín chỉ hoàn toàn, khích lệ sinh viên đại học xuất sắc căn cứ vào sở thích học thuật cá nhân tự chủ học tự chọn các môn học trí tuệ nhân tạo tiên phong liên khoa liên trường.

21 nét

HÁN VIỆT: TUYỂN TU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#851

学科

xuékē

ngành học, môn học, bộ môn khoa học

国家全面推进“双一流”建设，加快构建中国特色、世界一流的高水平优势学科体系与前沿交叉平台。

Guó jiā quán miàn tuī jìn "shuāng yī liú" jiàn shè, jiā kuài gòu jiàn zhōng guó tè sè, shì jiè yì liú de gāo shuǐ píng yōu shì xué kē tǐ xì yǔ qián yán jiāo chā píng tái.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng 'Song Nhất Lưu', đẩy nhanh kiến tạo hệ thống ngành học môn học ưu thế trình độ cao hàng đầu thế giới mang đặc sắc Trung Quốc cùng nền tảng liên ngành tiên phong.

20 nét

HÁN VIỆT: HỌC KHOA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#852

学位

xué wèi

học vị (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ)

国家完善交叉学科研究生学位授权审核机制，大力支持高校自主培养人工智能与量子信息领域高水平博士人才。

Guó jiā wán shàn jiāo chā xué kē yán jiū shēng xué wèi shòu quán shēn hé jí zhì, dà lì zhī chí gāo xiào zì zhǔ péi yǎng rén gōng zhì néng yǔ liàng zǐ xìn xī lǐng yù gāo shuǐ píng bó shì rén cái.

Nhà nước hoàn thiện cơ chế thẩm định cấp phép học vị nghiên cứu sinh ngành liên ngành, ra sức hỗ trợ các trường đại học tự chủ đào tạo nhân tài tiến sĩ trình độ cao trong các lĩnh vực thông tin lượng tử và trí tuệ nhân tạo.

21 nét

HÁN VIỆT: HỌC VỊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#853

学者

xuézhě

học giả, nhà nghiên cứu học thuật

来自全球五十多个国家和地区的顶尖学者齐聚一堂，共同探讨人类基础科学前沿未来发展蓝图。

Lái zì quán qiú wǔ shí duō ge guó jiā hé dì qū de dīng jiān xué zhě qí jù yì táng, gòng tóng tàn tào rén lèi jī chǔ kē xué qián yán wèi lái fā zhǎn lán tú.

Các học giả nhà nghiên cứu hàng đầu đến từ hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu cùng tụ tập một nhà, cùng bàn thảo về bản đồ quy hoạch phát triển tương lai tiên phong của khoa học cơ bản nhân loại.

26 nét

HÁN VIỆT: HỌC GIẢ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#854

寻求

xúnqiú

tìm kiếm, mưu cầu, tìm tòi

广大科研人员在前沿量子物理“无人区”不断探索寻求理论突破，勇攀世界科学最高殿堂。

Guǎng dà kē yán rén yuán zài qián yán liàng zǐ wú rén qū bù duàn xún qiú lǐ lùn tuō wǎ, yǒng pān shì jiè kē xué zuì gāo diàn táng.

Đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học trong 'vùng không người' của vật lý lượng tử tiên phong không ngừng tìm tòi tìm kiếm đột phá lý luận, dũng cảm trèo lên cung điện khoa học cao nhất thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT: TÌM CẦU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#855

询问

xúnwèn

hỏi thăm, dò hỏi, thăm vấn tra hỏi

国家自然科学基金委员会评审专家深入实验室，详细询问青年科研骨干前沿项目的最新实验进展与遇到的困难。

Guó jiā zì rán kē xué jī jīn wěi yuán huì píng shěn shēn zhǔn jiǎ shēn rú shí yán shì, xiáng xì xún wèn qīng nián kē yán gǔ gàn qián yán xiàng mù dì zui xīn shí yán jìn zhǎn yǔ yù dào de kùn nán.

Các chuyên gia thẩm định của Ủy ban Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia đã đi sâu vào phòng thí nghiệm, hỏi thăm dò hỏi chi tiết các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi về những khó khăn gặp phải và tiến triển thực nghiệm mới nhất của dự án tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: TUẦN VẤN


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#856

押金

yā jīn

tiền đặt cọc, tiền thế chân

国家全面规范共享经济与互联网租赁平台押金监管制度, 实行第三方资金存管, 切实保障消费者合法资金安全。

Guó jiā quán miàn guī fàn gòng xiǎng jīng jì yǔ wǎng lǎn wáng zū lín píng tái yā jīn jiān guǎn zhì dù, shí xíng dì sān fāng zī jīn cún guǎn, qiè shí bǎo zhàng xiǎo fèi zhě hé fǎ zī jīn ān quán.

Nhà nước quy chuẩn hóa toàn diện chế độ giám sát quản lý tiền đặt cọc thế chân của các nền tảng cho thuê trực tuyến và kinh tế chia sẻ, thực thi lưu ký tiền qua bên thứ ba, bảo vệ thiết thực an toàn nguồn tiền hợp pháp của người tiêu dùng.

27 nét

HÁN VIỆT: ÁP KIM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#857

鸭子

yā zi

con vịt

在国家生态湿地保护区纯净清澈的湖面上, 成群结队的野生野鸭子在芦苇荡间欢快嬉戏觅食。

Zài guó jiā shēng tài shì dì bǎo hù qū chún jìng qīng chè de hú miàn shàng, chéng qún jié duì de yě shēng yě yā zì zài lú wěi dàng jiān huān kuài xī xǐ mí shí.

Trên mặt hồ trong vắt thuần khiết của Khu Bảo tồn Đất ngập nước Sinh thái Quốc gia, từng đàn từng đàn vịt trời con vịt hoang đã đang vui vẻ kiếm ăn nô đùa giữa rừng lau sậy.

24 nét

HÁN VIỆT: ÁP TỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#858

亚军

yà jūn

á quân, giải nhì

在世界青年科学与工程大奖赛上, 我国代表队凭借原创的微流控生物芯片设计荣获全球总决赛团体亚军。

Zài shì jiè qīng nián kē xué yǔ gōng chéng dà jiǎng sài shàng, wǒ guó dài biǎo duì píng jiè yuán chuàng de wēi liú kòng shēng wù xīn piàn shè jì róng huò quán qiú zǒng jué sài tuán tǐ yà jūn.

Tại Giải thưởng Khoa học và Kỹ thuật Thanh niên Thế giới, đội tuyển đại diện nước ta nhờ vào thiết kế chip sinh học vi lưu thể nguyên tác đã vinh dự đoạt giải Á quân đoàn thể tại vòng chung kết toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: Á QUÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#859

延伸

yán shēn

mở rộng

老师鼓励大家积极延伸, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yán shēn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mở rộng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT: DIỄN THÂN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#860

严厉

yán lì

 nghiêm khắc, nghiêm trị trừng phạt
đanh thép

国家司法行政机关保持高压严打态势, 依法严厉打击任何侵害妇女儿童合法权益与破坏生态环境的违法犯罪行为。

Guó jiā sī fǎ xíng zhèng jī guǎn bǎo chí gāo yā yán dǎ tài shì, yī fǎ yán lì dǎ jī rèn hé qīn hài fù nǚ ér tóng hé fǎ quán yì yǔ pò huài shēng tài huán jīng de wéi fǎ fàn zuì xíng wéi.

Cơ quan hành chính tư pháp quốc gia duy trì thế trận tấn công trấn áp nghiêm trị áp lực cao, xử lý nghiêm khắc nghiêm trị theo pháp luật mọi hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm phá hoại môi trường sinh thái và xâm hại quyền lợi hợp pháp của phụ nữ trẻ em.

22 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊM LỆ

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#861

严肃

yán sù

 nghiêm túc, trang nghiêm, nghiêm
ngặt

在涉及重大科学结论与学术诚信伦理评审中, 评审委员会始终保持着极其严谨严肃的治学态度。

Zài shè jí zhòng dà kē xué jié lùn yǔ xué shù chéng xìn lún lǐ píng shěn zhōng, píng shěn wěi yuán huì shǐ zhōng bǎo chí zhe jí qí yán jìn yán sù de zhì xué tài dù.

Trong các đợt thẩm định liên quan tới kết luận khoa học trọng đại và đạo đức liêm chính học thuật, hội đồng thẩm định luôn giữ vững thái độ nghiêm cứu học thuật vô cùng nghiêm túc và chuẩn mực.

28 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊM TÚC

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#862

言语

yán yǔ

lời nói, ngôn từ, tiếng nói; lên tiếng

老一辈战略科学家的崇高奉献精神无法用平凡的言语完全表达, 他们的功勋将永载民族史册。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā de chóng gāo fèng xiàn jīng shēn wú fǎ yòng píng fán de yán yǔ wán quán biǎo dá, tā men de gōng xūn jiāng yǒng zài mín zú shǐ cè.

Tinh thần cống hiến cao đẹp của các nhà khoa học chiến lược tiền bối không có lời nói ngôn từ bình dị nào có thể diễn tả hết được, công lao của họ sẽ mãi mãi được khắc ghi trong sử sách dân tộc.

24 nét

HÁN VIỆT: NGÔN NGỮ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#863

研究所

yánjiūsuǒ

viện nghiên cứu

中国科学院国家重点研究所汇聚了多学科领军人才, 在前沿量子科技研发中取得了重大原创突破。

Zhōng guó kē xué yuán guó jiā zhòng diǎn yán jiū suǒ huì jù le duō xué kē lǐng jūn rén cái, zài qián yán liàng zǐ kē jì yán fā zhōng qǔ dé le zhòng dà yuán chuàng tú pò.

Viện nghiên cứu viện trọng điểm quốc gia thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc quy tụ nhân tài dẫn đầu đa ngành học, đạt được đột phá nguyên tác trọng đại trong nghiên cứu phát triển công nghệ lượng tử tiên phong.

32 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊN CỨU SỞ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#864

眼光

yǎn guāng

 ánh mắt; tầm nhìn, con mắt nhìn
nhận chiến lược

战略科学家必须具备洞察世界未来科技发展大势的宏观战略眼光, 善于在前瞻性颠覆性前沿领域下好先手棋。

Zhàn lüè kē xué jiā bì xū jù bèi dòng chá shì jiè dà shì de hóng guāng zhàn lüè yǎn guāng, shàn yú zài qián zhān xīng diǎn fù xīng qián yán lǐng yǔ xià hǎo xiān shǒu qí.

Nhà khoa học chiến lược bắt buộc phải sở hữu con mắt nhìn nhận tầm nhìn chiến lược sâu rộng thấu suốt đại thể phát triển khoa học công nghệ tương lai của thế giới, giỏi đi trước một nước cờ trong các lĩnh vực tiên phong mang tính cách mạng nhìn xa trông rộng.

25 nét

HÁN VIỆT: NHÃN QUANG



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#865

邀请

yāo qǐng

mời, lời mời

非常荣幸能够收到主办方的盛情邀请，作为特邀主旨演讲嘉宾出席本次国际人工智能高端领袖峰会。

Fēi cháng róng xìng néng gōu shōu dào zhǔ bàn fāng de shèng qíng yāo qǐng, zuò wéi tè yāo zhǔ zhǐ yǎn jiǎng jī bīn chǔ xī běn cì guó jì rén gōng zhì néng gāo duān lǐng xiù fēng huì.

Vô cùng vinh hạnh khi nhận được lời mời thịnh tình từ ban tổ chức tham dự Hội nghị thượng đỉnh các nhà lãnh đạo trí tuệ nhân tạo quốc tế với tư cách diễn giả chính danh dự.

25 nét

HÁN VIỆT: YÊU THỈNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#866

摇头

yáotóu

lắc đầu (từ chối/không đồng tình)

在严谨的实验数据核对中，总设计师严肃地摇头指出：“哪怕仅有一微米的偏差，方案也必须重新推导！”

Zài yán jǐn de shí yàn shù jù hé duì zhōng, zǒng shè jì shī yán sù dì yáo tóu zhǐ chū: "nǎ pà jǐn yǒu yī wēi mǐ de piān chā, fāng àn yě bì xū chóng xīn tuī dǎo!"

Trong khi kiểm tra đối chiếu số liệu thực nghiệm nghiêm cẩn, vị tổng công trình sư đã nghiêm nghị lắc đầu chỉ ra rằng: 'Cho dù chỉ có sai lệch một micromet, phương án cũng bắt buộc phải suy diễn lại từ đầu!'

20 nét

HÁN VIỆT: DAO ĐẦU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#867

咬

yǎo

cắn

老师鼓励大家积极咬，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cắn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: GIẢO

HSK 5 (3.0)

Liên từ / Trợ từ

#868

也好

yě hǎo

cũng tốt, dẫu là A hay B đều được

无论是从事前瞻性基础理论研究也好，还是投身大国重器工程攻关也罢，青年学者都大有可为。

Wú lùn shì cóng shì qián zhān xìng jī chǔ lǐ lùn yán jiū yě hǎo, hái shì tóu shēn dà guó zhòng qì gōng chéng gòng gǎn yē bà, qīng nián xué zhě dōu dà yǒu kě wéi.

Bất kể là dẫn thân vào nghiên cứu lý luận cơ bản nhìn xa trông rộng cũng tốt hay là cống hiến cho trận đánh công trình đại khí quốc gia, các học giả trẻ tuổi đều có thể lập nên đại nghiệp.

22 nét

HÁN VIỆT: DẪ HẢO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#869

业务

yè wù

nghệ vụ, kinh doanh, chuyên môn nghiệp vụ

企业通过持续优化跨境电商综合服务平台，推动了离岸数字贸易与海外仓供应链业务的爆发式增长。

Qǐ yè tōng guò chí xù yōu huà kuà jìng diàn shāng zōng hé fú wù píng tái, tuī dòng le lǎn shān shù zì mào yì yǔ hǎi wài cāng gòng yīng liàn yè wù de bào fā shì zēng zhǎng.

Doanh nghiệp thông qua việc liên tục tối ưu hóa nền tảng dịch vụ tổng hợp thương mại điện tử xuyên biên giới đã thúc đẩy sự tăng trưởng bùng nổ của nghiệp vụ thương mại số ngoài khơi và chuỗi cung ứng kho bãi ở nước ngoài.

24 nét

HÁN VIỆT: NGHIỆP VỤ

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#870

夜间

yè jiān

ban đêm, trong đêm, thời gian ban đêm

深空天文观测站在夜间利用超大口径光学望远镜，清晰捕捉到了遥远星系深处微弱的光谱信号。

Shēn kōng tiān wén guān cè zhàn zài yè jiān lì yòng chāo dà kǒu jīng guāng xué wǎng yuǎn jìng, qīng xī bǔ zhuō dào le yǎo yuǎn xīng xì shēn chù wēi ruò de guāng pǔ xìn hào.

Trạm quan trắc thiên văn không gian sâu trong đêm ban đêm sử dụng kính viễn vọng quang học khẩu độ siêu lớn, đã bắt trọn rõ nét các tín hiệu quang phổ yếu ớt nơi sâu thẳm của các thiên hà xa xôi.

22 nét

HÁN VIỆT: DẠ GIÀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#871

一辈子

yī bèi zi

cả đời, một đời, suốt đời

老一辈科学家把一辈子最美好的青春年华与毕生心血，无怨无悔地奉献给了祖国的国防科技事业。

Lǎo yī bèi kē xué jiā bǎ yī bèi zi zuì měi hǎo de qīng chūn nián huá yǔ bì shēng xīn xuè, wú yuàn wú huì dì fèng xiàn gěi le zǔ guó de guó fáng kē jì shì yè.

Thế hệ nhà khoa học tiến bối đã đem trọn vẹn những năm tháng thanh xuân tươi đẹp nhất của cả một đời cùng tâm huyết trọn kiếp, không một lời oán than cống hiến cho sự nghiệp khoa học công nghệ quốc phòng của Tổ quốc.

32 nét

HÁN VIỆT: NHẤT BỐI TỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#872

一带

yī dài

vùng, khu vực, dải ven xung quanh

国家在沿海经济带一带大力布局建设海洋战略性新兴产业集群与全球航运绿色枢纽港。

Guó jiā zài yán hǎi jīng jì yī dài yòng dà lì bù jú jiàn shè hǎi yáng zhàn lǚ xīn xīng chǎn yè jí qún yǔ quán qiú hǎng yùn lǚ sè shū niǔ gǎng.

Nhà nước ra sức bố trí xây dựng cảng đầu mối xanh vận tải biển toàn cầu và cụm ngành nghề mới nổi chiến lược biển tại dải ven khu vực vùng vành đai kinh tế duyên hải.

21 nét

HÁN VIỆT: NHẤT ĐỚI

HSK 5 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#873

一旦

yī dàn

một khi, một sớm một chiều

核心技术是花钱买不来的，关键核心技术一旦受制于人，产业发展就会面临随时被断供的巨大风险。

Hé xīn jì shù shì huā qián mǎi bù lái de, guān jiàn hé xīn jì shù yí dàn shòu zhì yú rén, chǎn yè fā zhǎn jiù huì miàn lín suí shí bèi duàn gòng de jù dà fēng xiǎn.

Công nghệ cốt lõi là thứ không thể dùng tiền mà mua được, công nghệ then chốt cốt lõi một khi bị phụ thuộc vào người khác thì sự phát triển công nghiệp sẽ đối mặt với nguy cơ khổng lồ bị cắt đứt nguồn cung bất cứ lúc nào.

24 nét

HÁN VIỆT: NHẤT ĐẢN



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Cụm từ

#874

一句话

yí jù huà

một câu nói, tóm lại một câu

总工程师用简短有力的一句话勉励全体青年骨干：“唯有自主创新，才能把核心命脉牢牢掌握在自己手中！”

Zǒng gōng chéng shī yòng jiǎn duǎn yǒu lì de yí jù huà miǎn lì quán tǐ qīng nián gǔ gàn : "wéi yǒu zì zhǔ chuàng xīn , cái néng bǎ hé xīn mìng mài láo láo zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng!"

Vị tổng công trình sư đã dùng một câu nói ngắn gọn đầy sức mạnh để khích lệ toàn thể cán bộ cốt cán trẻ tuổi: 'Chỉ có tự chủ đổi mới sáng tạo, mới có thể nắm chắc huyết mạch cốt lõi trong chính tay mình!'

29 nét

HÁN VIỆT : NHẤT CÂU THOẠI

HSK 5 (3.0)

Cụm từ / Số lượng

#875

一口气

yí kǒu qì

một hơi, một mạch liền tù tì

青年学者在灵感迸发的攻关之夜，一口气推导完成了数十页复杂的非线性动力学微分方程组。

Qīng nián xué zhě zài líng gǎn bèng fā de gōng guān zhī yè , yí kǒu qì tuī dǎo wán chéng le shù shí yè fù zá de fēi xián xíng dòng lì xué piān wēi fēn fāng chéng zǔ .

Người học giả trẻ tuổi trong đêm vượt khó cảm hứng bùng nổ đã một mạch một hơi suy diễn giải hoàn thành hàng chục trang hệ phương trình đạo hàm riêng động lực học phi tuyến phức tạp.

35 nét

HÁN VIỆT : NHẤT KHẨU KHÍ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#876

一流

yī liú

nhất lưu, hàng đầu, đẳng cấp số 1 thế giới

我国加快推进“双一流”建设，着力打造一批具备世界一流学术影响力的高水平研究型大学与国家实验室。

Wǒ guó jiā kuài tuī jìn "shuāng yī liú" jiàn shè , zhuó lì dǎ zào yí pī jù bèi shì jì yì liú xué shù yǐng xiǎng lì de gāo shuǐ píng yán jiū xíng dà xué yǔ guó jiā shí yán shì .

Nước ta đẩy nhanh thúc đẩy xây dựng 'Song Nhất Lưu' (Đại học hàng đầu và ngành học hàng đầu), tập trung xây dựng một loạt các phòng thí nghiệm quốc gia và các trường đại học nghiên cứu trình độ cao sở hữu tầm ảnh hưởng học thuật đẳng cấp hàng đầu thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT : NHẤT LƯU

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#877

一路

yí lù

suốt dọc đường, cùng đường; một mạch

从塞北雪原到江南水乡，高速铁路一路风驰电掣，将祖国大江南北的壮美风光尽收眼底。

Cóng sài běi xuě yuán dào jiāng nán shuǐ xiāng , gāo sù tiě lù yí lù fēng chí diǎn chè , jiāng zǔ guó dà jiāng nán běi de zhuàng měi fēng guāng jìn shōu yǎn dī .

Từ vùng tuyết trắng ải Bắc tới miền sông nước Giang Nam, đoàn tàu cao tốc lướt đi vun vút suốt dọc đường như gió giật sét đánh, thu trọn vào tầm mắt cảnh sắc non sông tráng lệ khắp nam bắc đất nước.

25 nét

HÁN VIỆT : NHẤT LỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Số lượng

#878

一身

yí shēn

toàn thân, khắp người; một bộ trang phục

航天员身着一身洁白庄严的自主研发舱外航天服，从容迈入空间站核心舱开展太空出舱行走。

Háng tiān yuán shēn zhe yí shēn jié bái zhuāng yán de zì zhǔ yán fā cāng wài háng tiān fú , cóng róng mài rù chū kōng jiàn zhàn hé xīn cāng kǎi zhǎn tài kōng chū cāng xíng zǒu .

Phi hành gia khoác lên mình một bộ trang phục toàn thân bộ quần áo phi hành ngoài khoang tự chủ nghiên cứu phát triển màu trắng tinh khiết trang nghiêm, ung dung bước ra khỏi khoang cốt lõi trạm vũ trụ để đi bộ trong không gian.

24 nét

HÁN VIỆT : NHẤT THÂN

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#879

一下子

yí xià zǐ

ngay lập tức, một chốc một lát, thoáng chốc

当大国重器成功完成试飞的捷报传来，现场压抑已久的紧张气氛一下子变成了沸腾欢呼的海洋。

Dāng dà guó zhòng qì chéng gōng wán chéng shì fēi de jié bào chuán lái , xiàn chǎng yā yì jiǔ de jǐn zhāng qì fēn yí xià zǐ biàn chéng le fēi téng huān hū de hǎi yáng .

Khi tin thắng trận đại khí quốc gia hoàn thành chuyển bay thử thành công truyền tới, bầu không khí căng thẳng kim nén bấy lâu tại hiện trường thoáng chốc ngay lập tức biến thành một biển trời reo hò sôi sục.

32 nét

HÁN VIỆT : NHẤT HẠ TỬ

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#880

一向

yí xiàng

xưa nay, luôn luôn, vốn dĩ từ trước

老一辈战略科学家一向严于律己、宽以待人，在学术科研上求真务实、精益求精，是青年一代学习的光辉楷模。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yí xiàng yán yú jì , kuān yǐ dài rén , zài xué shù kē yán shàng qǐ zhēn wù shí , jīng yì qiú jīng , shì qīng nián yí dài xué xí de guāng huī kǎi mó .

Các nhà khoa học chiến lược tiến bộ xưa nay luôn luôn nghiêm khắc với bản thân, rộng lượng với người khác, trong nghiên cứu học thuật luôn cầu thị thực chất, tinh ích cầu tinh, chính là tấm gương sáng chói lợi cho thế hệ trẻ học tập.

23 nét

HÁN VIỆT : NHẤT HƯỚNG

HSK 5 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#881

依法

yī fǎ

theo pháp luật, căn cứ theo luật, theo luật định

国家全面推进依法治国，依法坚决保护科技创新主体的知识产权与合法权益不受任何侵害。

Guó jiā quán miàn tuī jìn yī fǎ zhì guó , yī fǎ jiān jué bǎo hù kē xué chuàng xīn zhǔ tǐ de zhī shí chán quán yǔ hé fǎ quán yì bù shòu rèn hé qīn hài .

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện quản lý đất nước theo pháp luật, kiên quyết bảo vệ theo pháp luật theo đúng luật quyền sở hữu trí tuệ và quyền lợi ích hợp pháp của các chủ thể đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ không bị bất kỳ sự xâm hại nào.

21 nét

HÁN VIỆT : Y PHÁP

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#882

依旧

yī jiù

vẫn như cũ, như xưa, không hề thay đổi

尽管经历了半个多世纪的风霜雨雪洗礼，红旗渠那盘绕在太行绝壁上的壮丽人工天河干渠集水渠依旧坚固完好。

Jìn guǎn jīng lì le bàn gè duō shì jì de fēng shuāng yǔ xuě xǐ lǐ , hóng qí qú nà pán rào zài tài xíng xué jué bì shàng de zhuàng lì rén gōng tiān hé gàn qú zhù shuǐ qú yī jiù jiān gù wán hǎo .

Dẫu trải qua sự gội rửa tới luyện của mưa tuyết gió sương suốt hơn nửa thế kỷ, dòng kênh chính của con sông nhân tạo trên trời tráng lệ Hồng Kỳ Cừ uốn lượn bên vách đá Thái Hàng vẫn cứ nguyên vẹn vững chắc như xưa.

25 nét

HÁN VIỆT : Y CỤU



HSK 5 (3.0)

Giới từ / Danh từ

#883

依据

yījù

căn cứ vào, dựa theo; cơ sở, căn cứ
bằng chứng

科研团队依据大量详实的第一手微观物理实验数据，建立了高精度的多物理场耦合仿真推演模型。

Kē yán tuán duì yījù dà liàng xiáng shí de dì yī shǒu wēi guān wù lǐ shí yàn shù jù, jiàn lì le gāo jīng dù de duō wù lǐ chǎng hé hé fāng zhēn tuī yǎn mó xíng.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học căn cứ vào dựa theo khối lượng lớn số liệu thực nghiệm vật lý vì mô trực tiếp tại hiện trường chi tiết xác thực đã xây dựng nên mô hình mô phỏng suy diễn ghép nối đa trường vật lý độ chính xác cao.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : Y CƯ

HSK 5 (3.0)

Giới từ

#884

依照

yīzhào

chiếu theo, căn cứ theo, theo đúng

科研攻关团队依照最严苛的国际适航安全标准，对国产大飞机的每一处细节构件进行了全面适航取证测试。

Kē yán gōng guān tuán duì yīzhào zuì yán kē de guó jì shì háng ān quán biāo zhǔn, duì guó chǎn dà fēi jī de měi yī chù xì jié gòu jiàn jīn xíng le quán miàn shì háng qǔ zhèng cè shì.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học vượt khó căn cứ theo chiếu theo các tiêu chuẩn an toàn hàng không quốc tế khắt khe nhất, đã tiến hành các bài kiểm tra cấp chứng chỉ đủ điều kiện bay toàn diện đối với từng chi tiết cấu kiện của máy bay cỡ lớn sản xuất trong nước.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : Y CHIẾU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#885

乙

yǐ

B

老师鼓励大家积极乙，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极乙，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực B, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : ẤT

HSK 5 (3.0)

Liên từ

#886

以便

yǐbiàn

để, nhằm, ngõ hầu tiện cho

国家重大科研基础设施全面推行数字化全天候线上预约开放平台，以便全球科学家便捷高效开展科研实验。

Guó jiā zhòng dà kē yán jī chǔ shè shī quán miàn tuī xīng shù zì huà quán tiān hòu xiàn shàng yù yuē kāi fàng píng tái, yǐ biàn quán qiú kē jiā jiǎn jié gāo xiào kāi zhǎn kē yán shí yàn.

Cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia triển khai toàn diện nền tảng mở đặt chỗ trực tuyến số hóa 24/7, nhằm để ngõ hầu tiện cho các nhà khoa học toàn cầu triển khai các thực nghiệm nghiên cứu khoa học hiệu quả cao và tiện lợi.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : DĨ TIỆN

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#887

以往

yǐwǎng

trước đây, ngày xưa, những năm
trước

通过全面深化“放管服”数字化政务改革，企业群众办事流程大幅精简，彻底告别了以往多头跑路、反复提交材料的烦恼。

Tōng guò quán miàn shēn huà "fàng guǎn fú" shù zì huà zhèng wù gǎi gé, qì yè qún zhòng bàn shì liú chéng dà fú jīng jiǎn, chè dǐ gào bié le yǐ wǎng duō tóu pǎo lù, fǎn fù tǐ jiāo cái liào de fá nǎo.

Thông qua việc đi sâu cải cách hành chính công nghệ số 'Phân cấp - Quản lý - Phục vụ' toàn diện, quy trình làm thủ tục của người dân và doanh nghiệp được tinh giản vượt bậc, vĩnh biệt hoàn toàn nỗi phiền toái chạy đôn chạy đáo nhiều nơi nộp giấy tờ lặp đi lặp lại như trước đây ngày xưa.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : DĨ VǎNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#888

意识

yìshí

ý thức, nhận thức; nhận thức được

全社会大力加强全民国家安全教育与网络安全国防意识教育，筑牢维护国家核心主权安全的坚强人民防线。

Quán shè huì dà lì jiā qiáng quán mǐn guó jiā ān quán yù wǎng luò ān quán guó fáng yì shí jiào yù, zhù láo wéi hù guó jiā hé xīn zhǔ quán ān quán de jiān qiáng rén mǐn fáng xiàn.

Toàn xã hội đẩy mạnh việc tăng cường giáo dục nhận thức ý thức quốc phòng an ninh mạng và an ninh quốc gia toàn dân, đắp xây vững chắc phòng tuyến nhân dân kiên cường gìn giữ an ninh chủ quyền cốt lõi của quốc gia.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : Ý THỨC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#889

意味着

yìwèizhe

có nghĩa là, đồng nghĩa với việc,
báo hiệu

国产大型客机实现规模化商业运营并平稳跨越百万旅客大关，意味着我国民机产业全面迈入高质量产业化发展新阶段。

Guó chǎn dà xíng kè jī shí xiàn guī mó huà shāng yè yùn yíng bìng píng wěn kuà yuè bǎi wàn lǚ kè dà guān, yì wèi zhe wǒ guó mǐn jī chǎn yè quán miàn mài rù gāo zhì liàng chǎn yè huà fā zhǎn xīn jiē duàn.

Máy bay chở khách cỡ lớn do nước ta sản xuất thực hiện vận hành thương mại hóa quy mô lớn và vượt mốc 1 triệu lượt hành khách một cách êm thuận, có nghĩa là đồng nghĩa với việc ngành máy bay dân dụng nước ta đã chính thức bước vào giai đoạn phát triển công nghiệp hóa chất lượng cao mới.

📖 32 nét

HÁN VIỆT : Ý VỊ TRƯỚC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#890

意志

yìzhì

ý chí, nghị lực kiên cường

人民军队展现了敢打必胜的英勇战斗精神与坚如磐石的钢铁意志，坚决维护国家统一与领土完整。

Rén mǐn jūn duì zhǎn xiàn le gǎn dǎ bì shèng de yīng yǒng zhàn dòu jīng shén yǔ jiǎn rú pán shí de gāng tiě yì zhì, jiǎn jué wéi hù guó jiā tóng yì yǔ lǐng tǔ wán zhěng.

Quân đội nhân dân đã phô diễn tinh thần chiến đấu anh dũng quả cảm dám đánh là thắng cùng ý chí sắt đá kiên cố như bàn thạch, kiên quyết bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất quốc gia.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : Ý CHÍ

HSK 5 (3.0)

Liên từ

#891

因而

yīn'ér

vì thế, do đó, cho nên

该项核心算法全面优化了微观矩阵计算架构，因而大幅降低了超级计算机的运算耗电量与散热负荷。

Gāi xiàng hé xīn suàn fǎ quán miàn yōu huà le wēi guān jǔ zhēn jì suàn jià gòu, yīn'ér dà fú jiàng dī le chāo jí jì suàn jī de yùn suàn hào diàn liáng yǔ sàn rè fù hè.

Thuật toán cốt lõi này đã tối ưu hóa toàn diện kiến trúc tính toán ma trận vi mô, cho nên do đó vì thế đã giảm mạnh phụ tải tản nhiệt và lượng tiêu hao điện năng tính toán của siêu máy tính.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : NHÂN NHI



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#892

饮料

yǐn liào

đồ uống, nước giải khát

为了身体健康与控制糖分摄入，营养学家建议日常尽量多饮用温开水与清茶，少喝高糖碳酸饮料。

Wèi le shēn tǐ jiàn kāng yǔ kòng zhì táng fēn shè rù, yíng yǎng xué jiā jiàn yì rì cháng jìn liàng duō yǐn yòng wēn kāi shuǐ yǔ qīng chá, shǎo hē gāo táng tàn suān yīn liào.

Vì sức khỏe và để kiểm soát lượng đường nạp vào cơ thể, các chuyên gia dinh dưỡng khuyên chúng ta nên uống nhiều nước lọc ấm và trà thanh nhiệt, hạn chế các loại nước ngọt có gas nhiều đường.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : ẨM LIỆU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#893

饮食

yǐn shí

ẩm thực, chế độ ăn uống dinh dưỡng

健康中国行动倡导“三减三健”健康生活方式，引导公众养成少盐少油少糖与营养均衡的科学饮食习惯。

Jiàn kāng zhōng guó xíng dòng chàng dǎo "sān jiǎn sān jiàn" jiàn kāng shēng huó fāng shì, yǐn dǎo gōng zhòng yǎng chéng shǎo yán shǎo yóu shǎo táng yǔ yíng yǎng jūn héng de kē xué yǐn shí xí guān.

Chiến dịch Nước Nhà Khỏe mạnh để xướng lối sống lành mạnh 'Ba giảm ba lành', dẫn dắt công chúng hình thành thói quen ăn uống ẩm thực khoa học dinh dưỡng cân bằng và ít muối, ít dầu mỡ, ít đường.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ẨM THỰC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#894

印刷

yìn shuā

in ấn, ngành công nghiệp in

中国古代活字印刷术与雕版印刷术的发明与广泛传播，对人类文明演进与知识普及作出了不可磨灭的划时代贡献。

Zhōng guó gǔ dài huó zì yìn shuā shù yǔ diào bǎn yìn shuā shù de fā míng yǔ guǎng fān chuán bō, duì rén lèi wén míng yǎn jìn yǔ zhī shí pǔ jí zuò chū le bù kě móu miè de huà shí dài gòng xiàn.

Phát minh và sự truyền bá rộng rãi của kỹ thuật in khắc bản gỗ và in chữ rời thời cổ đại của Trung Hoa đã lập nên cống hiến mang tính thời đại không thể phai mờ đối với sự phổ cập tri thức và tiến hóa văn minh của nhân loại.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : ẤN XOÁT

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#895

硬

yìng

cứng, danh thép, kiên cường

这种新型航空级钛合金材料不仅质地轻盈，而且硬度极高、耐高温腐蚀性能卓越。

Zhè zhǒng xīn xíng háng kōng jí tài hé jīn cái liào bù jǐn zhì dì qīng yīng, ér qiè yìng dù jí gāo, nài gāo wēn fǔ shí xīng néng zhúo yuè.

Loại vật liệu hợp kim titan chuẩn hàng không vũ trụ mới này không chỉ có trọng lượng nhẹ mà độ cứng lại cực kỳ cao, khả năng chịu nhiệt độ cao và chống ăn mòn siêu việt.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : NGẠNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#896

硬件

yìng jiàn

phần cứng (máy tính, thiết bị điện tử)

该型自主可控高性能人工智能服务器在硬件底层采用了全国产化的异构加速芯片与高带宽互联架构。

Gāi xíng zì zhǔ kě kòng gāo xìng néng rén gōng zhì néng fú wù qì zài yìng jiàn dì céng cài yòng le quán guó chǎn huà de yì gòu jiǎ sù xīn piàn yǔ gāo dài kuān hù lián jià gòu.

Dòng máy chủ trí tuệ nhân tạo hiệu năng cao tự chủ kiểm soát này ở tầng dưới phần cứng đã áp dụng chip tăng tốc dị thể cùng kiến trúc liên kết băng thông cao hoàn toàn sản xuất trong nước.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : NGẠNH KIẾN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#897

拥抱

yōng bào

ôm chặt, ôm ấp; đón nhận (công nghệ mới)

传统制造业应当以开放进取的胸怀积极拥抱人工智能与数字化浪潮，全面加快智能化改造升级步伐。

Chuán tǒng zhì zào yāng yǐ kāi fàng jìn qǔ de xiōng huái jī jí yōng bào rén gōng zhì néng yǔ shù zì huà làng cháo, quán miàn jiǎ kuài zhì néng huà gǎi zào shēng jí bù fá.

Ngành chế tạo truyền thống cần lấy tấm lòng cởi mở cầu tiến để tích cực đón nhận làn sóng trí tuệ nhân tạo và số hóa, đẩy nhanh toàn diện bước chuyển mình cải tạo nâng cấp thông minh.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ỪNG BẢO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#898

拥有

yōng yǒu

sở hữu, có trong tay (nguồn lực, tài nguyên)

我国拥有全球规模最大、门类最齐全的现代先进工业制造体系与世界上最大规模的高素质工程师人才队伍。

Wǒ guó yōng yǒu quán qiú guī mó zuì dà, mén lèi zuì quán de xiān dài huà xiān jìn gōng yè zhì zào tǐ xì yǔ shì jiè shàng guī mó zuì dà guī mó de gāo sù zhì gōng chéng shī rén cái duì wú.

Nước ta sở hữu đội ngũ nhân tài kỹ sư chất lượng cao có quy mô lớn nhất thế giới cùng hệ thống sản xuất chế tạo công nghiệp tiên tiến hiện đại hóa hoàn chỉnh nhất và quy mô lớn nhất trên toàn cầu.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ỪNG HỮU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#899

用不着

yòng bu zháo

không cần, chẳng cần thiết

政务服务推行全程数字化网上通办，群众足不出户就能办好各项业务，用不着再来回奔波排队。

Zhèng wù fú wù tuī xíng quán chéng shù zì huà wǎng shàng tōng bàn, qún zhòng zhù bú chū hù jiù néng bàn hǎo gè xiàng yè wù, yòng bu zhe zài lái huí bēn pái duì.

Dịch vụ hành chính công thực thi giải quyết toàn trình số hóa trên mạng trực tuyến, người dân không cần bước chân ra khỏi nhà cũng có thể làm xong các thủ tục, không cần chẳng cần thiết phải vất vả đi lại xếp hàng nữa.

📖 32 nét

HÁN VIỆT : DỤNG BẤT TRƯỚC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#900

用户

yòng hù

người dùng, khách hàng người sử dụng dịch vụ

北斗三号全球卫星导航系统星座为全球上百个国家和地区的数以亿计用户提供全天候全天时高精度授时定位服务。

Běi dòu sān hào quán qiú wèi xīng dǎo háng xì tǒng xīng zuò wèi quán qiú shàng bǎi gè guó jiā hé dì qū de shù yǐ jì yòng hù tí gòng quán tiān hòu quán tiān shí gāo jīng dù shòu shí dìng wèi fú wù.

Chòm sao Hệ thống Định vị Vệ tinh Toàn cầu Bắc Đẩu 3 cung cấp dịch vụ định vị và định thời độ chính xác cao suốt ngày đêm 24/7 cho hàng trăm triệu khách hàng người dùng tại hơn một trăm quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : DỤNG HỘ


HSK 5 (3.0)

Động từ

#901

用来

yòng lái

dùng để, sử dụng vào việc

国家设立高水平青年科学家专项基金，专门用来重点资助开展前沿颠覆性探索的青年科技拔尖人才。

Guó jiā shè lì gāo shuǐ píng qīng nián kē xué jiā zhuān xiàng jī jīn, zhuān mén yòng lái zhòng diǎn zī zhù kāi zhǎn qián yán diǎn fù xīng tàn suǒ de qīng nián kē jì bǎ jiān rén cái.

Nhà nước thiết lập Quỹ Chuyên án Các Nhà Khoa học Trẻ Trình độ Cao, chuyên môn sử dụng vào việc dùng để tài trợ trọng điểm cho các nhân tài xuất chúng khoa học công nghệ trẻ tuổi triển khai các khám phá mang tính cách mạng tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT : DÙNG LAI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#902

用于

yòng yú

dùng vào, ứng dụng trong, sử dụng cho

我国完全自主研发的新型高强度轻量化合金材料，已全面广泛用于新一代高速列车与大飞机构建。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn xíng gāo qiáng dù qīng liàng huà hé jīn cái liào, yì quán miàn guǎng fàn yòng yú xīn yì dài gāo sù liè chē yǔ dà fēi jī gòu jiàn.

Loại vật liệu hợp kim siêu nhẹ cường độ cao kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã được ứng dụng trong dùng vào rộng rãi toàn diện cho việc chế tạo máy bay cỡ lớn và đoàn tàu cao tốc thế hệ mới.

26 nét

HÁN VIỆT : DÙNG VU

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#903

优惠

yōu huì

ưu đãi, giảm giá, chiết khấu

国家针对集成电路、生物医药与工业母机等重点科创领域企业，全面落实了研发费用加计扣除等一系列税收优惠政策。

Guó jiā zhēn duì jī chéng diàn lù, shēng wù yī yào yú gōng yè mǔ jī děng zhòng diǎn kē chuàng lǐng yù qì yè, quán miàn luò shí le yán fā fā fēi yòng jiǎ jī kòu chū děng yì xī liè shuì shōu yōu huì zhèng cè.

Nhà nước hướng tới các doanh nghiệp trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo công nghệ trọng điểm như vi mạch tích hợp, y sinh học và máy công cụ đầu ngành, đã thực thi toàn diện một loạt chính sách ưu đãi về thuế như khấu trừ bổ sung chi phí nghiên cứu phát triển.

26 nét

HÁN VIỆT : ƯU HUỆ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#904

优先

yōu xiān

ưu tiên, đặt lên hàng đầu trước hết

国家坚定不移贯彻生态优先、绿色低碳的高质量发展道路，坚决筑牢中华民族永续发展的绿色生态安全屏障。

Guó jiā jiān dīng bù yí guān chè shēng tài yōu xiān, lǜ sè dī tàn de gāo zhì liàng fā zhǎn dào lù, jiān jué zhù láo zhōng huá mín zú yǒng xù fā zhǎn de lǜ sè shēng tài ān quán píng zhàng.

Nhà nước kiên định không ngừng quán triệt con đường phát triển chất lượng cao xanh ít phát thải carbon, ưu tiên sinh thái, đắp xây vững chắc tấm lá chắn an ninh sinh thái xanh cho sự phát triển trường tồn vĩnh cửu của dân tộc.

24 nét

HÁN VIỆT : ƯU TIÊN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#905

幽默

yōu mò

hài hước

在面对复杂的挑战时，保持幽默的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí yōu mò de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái hài hước đặc biệt quan trọng.

21 nét

HÁN VIỆT : U MẶC

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#906

尤其

yóu qí

đặc biệt là, nhất là, riêng biệt

在推进高水平科技自立自强进程中，我们要尤其重视在前沿基础学科与颠覆性技术领域的原始原创突破。

Zài tuī jìn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng jìn chéng zhōng, wǒ men yào yóu qí zhòng shì zài qián yán jī chǔ xué kē yǔ diǎn fù xīng jì shù lǐng yù de yuán shǐ chuàng tǔ pò.

Trong tiến trình thúc đẩy tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, chúng ta cần đặc biệt là nhất là coi trọng các đột phá nguyên tắc nguyên bản trong các lĩnh vực công nghệ mang tính cách mạng và các ngành học cơ bản tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT : VU QÍ

HSK 5 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#907

由此

yóu cǐ

từ đó, do đó, từ đây

该项颠覆性前沿量子计算算法的成功突破，由此开辟了全球微量子模拟研究的全新技术路径。

Gāi xiàng diǎn fù xīng qián yán liàng zǐ jì suàn suàn fǎ de chéng gōng tú pò, yóu cǐ kāi pì le quán qiú wēi liàng zǐ mó nǐ yán jiū de quán xīn jì shù lù jīng.

Bước đột phá thành công của thuật toán tính toán lượng tử tiên phong mang tính cách mạng này, do đó từ đây từ đó đã mở ra lộ trình công nghệ hoàn toàn mới cho nghiên cứu mô phỏng lượng tử vi mô toàn cầu.

25 nét

HÁN VIỆT : DO THỨ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#908

犹豫

yóu yù

do dự, ngập ngừng, chần chừ

面对稍纵即逝的重大战略创新机遇，领军决策者必须当机立断、雷厉风行，绝不能犹豫不决贻误战机。

Miàn duì shǎo zòng jí shì de zhòng dà zhàn lüè chuàng xīn jī yù, lǐng jūn jué cè zhě bì xū dāng jī lì duàn, léi lì fēng xíng, jué bù néng yóu yù bù jué yì wú zhàn jī.

Đứng trước cơ hội đổi mới chiến lược trọng đại thoáng qua trong gang tấc, người ra quyết định lãnh đạo bắt buộc phải quyết đoán kịp thời, hành động dứt khoát nhanh gọn, tuyệt đối không được do dự ngập ngừng làm lỡ mất thời cơ chiến lược.

22 nét

HÁN VIỆT : DO DỰ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#909

游泳池

yóu yǒng chí

bể bơi, hồ bơi

在航天员地面对比训练中心的中性浮力大型水槽模拟训练游泳池里，航天员反复开展太空出舱模拟训练。

Zài háng tiān yuán dì miàn duì bǐ liànn àn zhōng xìng fú lì dà xíng shuǐ chí mō nǐ xūn liàn yóu yǒng chí lǐ, háng tiān yuán fǎn fù kāi zhǎn tài kōng chū cāng mō nǐ xūn liàn.

Bên trong hồ bơi bể bơi huấn luyện mô phỏng bể nước lớn sức nổi trung tính của Trung tâm Huấn luyện Đối chiếu Mặt đất Phi hành gia, các phi hành gia liên tục triển khai huấn luyện mô phỏng bước ra ngoài khoang không gian.

35 nét

HÁN VIỆT : DU VỊNH TRÌ


HSK 5 (3.0)

Tính từ

#910

有毒

yǒudú

có độc, độc hại, độc tố

国家全面禁止在食品加工与日用消费品中使用任何对人体健康有毒有害的化学添加剂与工业原料。

Guó jiā quán miàn jìn zhǐ zài shí pǐn jiā gōng yǔ rì yòng xiǎo fēi pǐn zhōng shǐ yòng rén hé duì rén tǐ jiàn kāng yǒu dú yǒu hài de huà xué tiān jiā jī yǔ gōng yè yuán liào.

Nhà nước nghiêm cấm toàn diện việc sử dụng bất kỳ nguyên liệu công nghiệp và phụ gia hóa học độc hại có độc nào đối với sức khỏe cơ thể người trong hàng tiêu dùng hàng ngày và chế biến thực phẩm.

18 nét

HÁN VIỆT: HỮU ĐỘC

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#911

有害

yǒuhài

có hại, gây hại, gây tổn hại

全社会大力推行绿色低碳环保生活方式，坚决减少一次性塑料制品使用与有害固体废弃物排放。

Quán shè huì dà lì tuī xíng lǜ sè dī tàn huán bǎo shēng huó fāng shì, jiǎn jué jiǎn shǎo yí cì xīng sù liào zhì pǐn shǐ yòng yǔ yǒu hài gù tǐ fèi wù pái fàng.

Toàn xã hội ra sức thực thi lối sống bảo vệ môi trường xanh ít phát thải carbon, kiên quyết cắt giảm xả thải chất thải rắn có hại gây hại và sử dụng đồ nhựa dùng một lần.

21 nét

HÁN VIỆT: HỮU HẠI

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#912

有力

yǒulì

đầy sức mạnh, đắc lực, mạnh mẽ hiệu quả

国家重大科技基础设施群的相继建成投运，为我国基础科学原始创新提供了极其有力的大科学支撑。

Guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shī qún de xiāng jì jiàn chéng tóu yùn, wèi wǒ guó jī chǔ kē xué yuán shǐ chuàng xīn tí gōng le jí qí yǒu lì de dà kē xué zhī chēng.

Cụm cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia lần lượt xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành, mang lại sự hỗ trợ khoa học lớn vô cùng đắc lực mạnh mẽ đầy sức mạnh cho đổi mới sáng tạo nguyên bản khoa học cơ bản của nước ta.

17 nét

HÁN VIỆT: HỮU LỰC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#913

有利于

yǒulìyú

có lợi cho, thuận lợi cho, giúp ích cho

深化科研体制改革与完善青年人才评价机制，有利于最大限度释放广大科研工作者的创新创造活力。

Shēn huà kē yán tǐ zhì gǎi gé yǔ wán shàn qīng nián rén cái píng jià jī zhì, yǒu lì yú zuì dà xiàn dù shì fàng guāng dà kē yán gōng zuò zhě de chuàng xīn chuàng zào zhào huó lì.

Hoàn thiện cơ chế đánh giá nhân tài trẻ và đi sâu cải cách thể chế nghiên cứu khoa học có lợi cho giúp ích cho việc giải phóng tối đa sức sống sáng tạo đổi mới của đồng đội những người làm công tác nghiên cứu.

35 nét

HÁN VIỆT: HỮU LỢI VỤ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#914

有着

yǒuzhe

sở hữu, có, mang trong mình

中华民族拥有五千年连绵不断的灿烂文明史，在人类科学技术发展历程中有着辉煌的历史贡献。

Zhōng huá mín zú yǒng yǒu wǔ qiān duō nián lián mián bù duàn de càn làn wén míng shǐ, zài rén lèi kē xué jì shù fā zhǎn lì chéng zhōng yǒu zhe huī huáng de lì shǐ gòng xiàn.

Dân tộc Trung Hoa sở hữu bề dày lịch sử văn minh xán lạn hơn 5000 năm liên tục không đứt đoạn, mang trong mình có những cống hiến lịch sử huy hoàng trong tiến trình phát triển khoa học kỹ thuật của nhân loại.

18 nét

HÁN VIỆT: HỮU TRƯỚC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#915

友谊

yǒu yì

tình hữu nghị, tình bạn bè

历经数十载岁月风雨洗礼，两国人民之间休戚与共的深厚传统友谊历久弥坚、坚如磐石。

Lì jīng shù shí zài suì yuè fēng yǔ xǐ lǐ, liǎng guó rén mín zhī jiān xiū qī yǔ gòng de shēn hòu chuán tǒng yǒu yì lì jiǔ mí jiān, jiǎn rú pán shí.

Trải qua bao thăng trầm năm tháng và phong ba bão táp, tình hữu nghị truyền thống sâu đậm gắn bó keo sơn giữa nhân dân hai nước càng thêm bền chặt, vững như bàn thạch.

22 nét

HÁN VIỆT: HỮU NGHỊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#916

羽毛球

yǔ máo qiú

môn cầu lông, quả cầu lông

打羽毛球是一项既能锻炼全身肌肉力量与敏捷反应，又能促进心肺耐力健康的优质有氧运动。

Dǎ yǔ máo qiú shì yí xiàng jì néng duàn liàn quán shēn jī ròu lì liàng yǔ mǐn jié fǎn yīng, yòu néng cù jìn xīn fèi nài lì jiàn kāng de yǒu zhì yǒu yáng yùn dòng.

Chơi cầu lông là một môn thể thao vận động toàn thân vừa giúp rèn luyện cơ bắp và phản xạ nhanh nhạy, vừa tăng cường sức bền tim phổi cực kỳ tốt cho sức khỏe.

35 nét

HÁN VIỆT: VŨ MAO CẦU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#917

羽绒服

yǔ róng fú

áo lông vũ, áo phao lông vịt giữ ấm cực tốt

国产极地特种科考重型羽绒服采用微孔纳米防水透气面料与高蓬松度拒水鸭绒，能够确保在零下五十度极寒中长效锁温保暖。

Guó chǎn jí dì tè zhòng kē kǎo zhòng xíng yǔ róng fú cái yòng wēi kǒng nán mǐ fáng shuǐ tòu qì miàn liào yǔ gāo péng sōng dù jù shuǐ yā róng, néng gù què bǎo zài líng xià wú shí dù jǐ hán zhōng cháng xiǎo suǒ wēn bǎo nuǎn.

Áo lông vũ hạng nặng phục vụ khảo sát khoa học đặc chủng vùng cực do nước ta sản xuất áp dụng lớp vải thoáng khí chống thấm nano vi lỗ cùng lông vịt ky nước độ phồng cao, có thể bảo đảm giữ ấm khóa nhiệt lâu dài trong giá rét cực đoan âm năm mươi độ C.

33 nét

HÁN VIỆT: VŨ NHUNG PHỤC

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tiết khí

#918

雨水

yǔshuǐ

nước mưa, lượng mưa; tiết Vũ Thủy (mùa xuân)

春回大地，及时的雨水滋润着广袤肥沃的良田沃野，冬小麦拔节孕穗，呈现出一派喜人长势。

Chūn huí dà dì, jí shí de yǔ shuǐ zī rùn zhe guǎng mào féi wò de liáng tián wò yě, dōng xiǎo mài bá jié yùn suì, chéng xiàn chū yí pài xǐ rén zhǎng shì.

Mùa xuân trở lại trên mảnh đất, làn nước mưa lượng mưa kịp thời tưới mát tằm tươi ruộng đồng phì nhiêu màu mỡ bao la, lúa mì mùa đông đâm chồi trổ bông, hiện ra một đả sinh trường đẹp để vui lòng người.

23 nét

HÁN VIỆT: VŨ THỦY



HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#919

预备

yùbèi

chuẩn bị, dự bị, sẵn sàng

国家航天员选拔训练中心严格选拔出了新一代预备航天员，为后续长期深空驻留任务做好充分准备。

Guójiā háng tiān yuǎn xuǎn bá xùn liàn zhōng xīn yán gé xuǎn bá chū le xīn yí dài yù bèi háng tiān yuǎn, wèi hòu xù cháng qī shēn kōng zhù liú rèn wù zuò hào chōng fèn zhǔn bèi.

Trung tâm Huấn luyện Tuyển chọn Phi hành gia Quốc gia đã tuyển chọn nghiêm ngặt ra đợt phi hành gia dự bị chuẩn bị thể hệ mới, chuẩn bị đầy đủ sẵn sàng cho nhiệm vụ lưu trú không gian sâu lâu dài tiếp theo.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: DỰ BỊ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#920

预期

yù qī

dự kiến, kỳ vọng mong đợi, theo dự tính

国家出台的一系列稳经济、促消费、稳就业综合性政策举措落地见效，有力提振了全社会市场发展信心与良好预期。

Guójiā chū tái de yí xì liè wěn jīng jì, cù xiāo fèi, wěn jiù yè zōng hé xíng zhèng cè jǔ cuò luò dì jiàn xiào, yǒu lì tí zhèn le quán shè huì shì chǎng fā zhǎn xīn xīn yǔ liáng hào yù qī.

Một loạt các giải pháp chính sách mang tính tổng hợp ổn định việc làm, thúc đẩy tiêu dùng, ổn định kinh tế do Nhà nước ban hành đã đi vào cuộc sống phát huy hiệu quả, nâng cao mạnh mẽ niềm tin phát triển thị trường và kỳ vọng dự kiến tốt đẹp của toàn xã hội.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: DỰ KỲ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#921

元旦

yuán dàn

Tết Dương lịch (ngày 1/1)

每逢元旦佳节，各地都会举办盛大的迎新年长跑与主题交响音乐会，满怀信心开启新一年的奋斗征程。

Měi féng yuán dàn jiā jié, gè dì dū huì jǔ bàn shèng dà de yíng xīn nián zhǎng pǎo yǔ zhǔ tí jiāo xiǎng yīn yuē huì, mǎn huái xīn xīn kāi qǐ xīn yī nián de fèn dòu zhēng chéng.

Mỗi dịp Tết Dương lịch, các địa phương đều tổ chức giải chạy việt dã đón năm mới quy mô lớn cùng các buổi hòa nhạc giao hưởng chủ đề, tràn đầy tự tin mở ra chặng đường phấn đấu của một năm mới.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: NGUYỄN ĐÁN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#922

园林

yuán lín

vườn cảnh, nghệ thuật hoa viên lâm viên cổ điển

以拙政园、留园为代表的苏州古典园林精妙融合了自然山水美景与深厚人文诗情，是东方园林艺术的传世巅峰瑰宝。

Yǐ zhuō zhèng yuán, liú yuán wèi dài biǎo de sū zhōu gǔ diǎn yuán lín jīng miào róng hé le zì rán shān shuǐ měi jīng yǔ shēn hòu rén wén wén shī qíng, shì dōng fāng yuán lín yì shù de chuán shì diǎn fēng guī bǎo.

Vườn cảnh cổ điển Tô Châu với đại diện tiêu biểu là Chuyết Chính Viên và Lưu Viên đã dung hợp tinh diệu về đẹp non nước tự nhiên cùng chất thơ nhân văn sâu sắc, chính là báu vật đỉnh cao để đời của nghệ thuật hoa viên vườn cảnh phương Đông.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: VIÊN LÂM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#923

原理

yuán lǐ

nguyên lý, nguyên lý cơ bản khoa học/kỹ thuật

深入探究高温超导材料的微观电子配对微观物理原理，是当前凝聚态物理学界公认的最重大世界级前沿课题之一。

Shēn rù tàn jiū gāo wēn chāo dǎo cái liào de wēi guān diàn zǐ pèi duì wēi guān wù lǐ yuán lǐ, shì dāng qián níng jù tài wù lǐ xué jiè gòng rèn de zuì zhòng dà shì jiè jí qián yán kè tí zhǐ yī.

Đi sâu tìm tòi nghiên cứu nguyên lý vật lý vi mô ghép đôi điện tử vi mô của vật liệu siêu dẫn nhiệt độ cao chính là một trong những đề tài tiên phong đẳng cấp thế giới trọng đại nhất được giới vật lý chất ngưng tụ công nhận hiện nay.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN LÝ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#924

原始

yuán shǐ

nguyên thủy, ban sơ ban đầu; đối mới nguyên tác

高水平科技自立自强必须大力加强基础研究，实现更多从“0”到“1”的原始创新重大关键突破。

Gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng bì xū dà lì jiā qiáng jī chǔ yán jiū, shí xiàn gèng duō cóng "0" dào "1" de yuán shǐ chuàng xīn zhòng dà guān jiàn tú pò.

Tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao bắt buộc phải ra sức tăng cường nghiên cứu cơ bản, thực hiện nhiều hơn nữa những đột phá then chốt trọng đại mang tính đối mới nguyên tác nguyên thủy từ '0' đến '1'.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN THỦY

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#925

原先

yuán xiān

ban đầu, trước kia, thuở trước

经过大规模生态修复治理，原先严重水土流失、千沟万壑的黄土高坡蜕变成了郁郁葱葱的山青水绿生态家园。

Jīng guò dà mó lǜ shēng thái xiū fù zhì lǐ, yuán xiān yán zhòng shuǐ tǔ liú shī, qiān gōu wàn hè de huáng tǔ gāo pō tuī biàn wéi le yù yù cōng cōng de shān qīng shuǐ lǜ shēng tài jiā yuán.

Trải qua việc chỉnh trang phục hồi sinh thái quy mô lớn, cao nguyên Hoàng Thổ trước kia ban đầu bị xói mòn đất đá nghiêm trọng nghìn khe muôn rãnh nay đã lột xác biến thành mái nhà sinh thái non xanh nước biếc cây cối tốt tươi.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN TIỀN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#926

原有

yuányǒu

vốn có, ban đầu, nguyên bản sẵn có

通过全面推进产业数字化升级改造，许多传统老旧制造工厂在原有基础上焕发出了崭新的生机与活力。

Tōng guò quán miàn tuī jìn chǎn yè shù zì huà shàng gē zhuǎn gǎi, xǔ duō chuán tǒng lǎo jiù zhì zào gōng chǎng zài yuán yǒu jī chǔ shàng huàn fā chū le zhǎn xīn de shēng jī yǔ huó lì.

Thông qua việc đẩy mạnh toàn diện cải tạo nâng cấp số hóa ngành nghề, nhiều nhà máy chế tạo cũ kỹ truyền thống trên nền tảng ban đầu vốn có sẵn có đã tỏa sáng sức sống và sự tươi trẻ hoàn toàn mới.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN HỮU

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#927

远处

yuǎnchù

nơi xa, đằng xa, phía xa xôi

在深空射电望远镜控制大厅内，科学家们正凝神分析来自数百亿光年远处极端遥远古老星系的微弱信号。

Zài shēn kōng shè diàn wàng yuǎn jīng kòng zhì dà tīng nèi, kē xué jiā men zhèng níng shén fēn xī lái zì shù bǎi yì guāng nián yuǎn chù jí duǎn yǎo yuǎn gǔ lǎo xīng xì de wēi ruò xìn hào.

Bên trong đại sảnh điều khiển kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu, các nhà khoa học đang tập trung phân tích các tín hiệu yếu ớt đến từ các thiên hà cổ xưa cực kỳ xa xôi nơi xa đằng xa cách xa hàng trăm tỷ năm ánh sáng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: VIỄN XỬ



HSK 5 (3.0)

Động từ

#928

怨

yuàn

oán giận

老师鼓励大家积极怨, 勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yuàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực oán giận, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT OÁN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#929

愿

yuàn

nguyện, bằng lòng, muốn; ước nguyện

无数青年学者立下科技报国的铮铮誓愿, 甘愿扎根大西北戈壁荒原为国家重点工程奉献青春。

Wú shù qīng nián xué zhě lì xià kē jì bào guó de zhēng zhēng shì yuàn, gān yuàn zhā gēn dà xī běi gē bì huāng yuán wéi guó jiā zhòng diǎn gōng chéng fèng xiàn qīng chūn.

Vô số học giả trẻ tuổi lập nên ước nguyện lời thề son sắt phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, tình nguyện bằng lòng nguyện cảm rẽ nơi hoang nguyên sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc cống hiến thanh xuân cho công trình trọng điểm quốc gia.

11 nét

HÁN VIỆT NGUYỆN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#930

约束

yuē shù

ràng buộc, quy chuẩn ước thúc; kiểm giữ (từ trường)

全超导托卡马克核聚变实验装置成功利用极强磁场实现了上亿度高温等离子体的高效磁约束稳态运行。

Quán chāo dǎo tuō kǎ mǎ kè hé jù biàn shí yàn zhuāng zhì chéng gōng lì yòng jí qiáng cí chǎng shí xiàn le shàng yì dù gāo wēn děng lí zǐ tǐ de gāo xiào cí yuē shù wěn tài yùn xíng.

Thiết bị thực nghiệm nhiệt hạch hạt nhân Tokamak siêu dẫn toàn phần đã vận dụng thành công từ trường cực mạnh thực hiện việc vận hành trạng thái ổn định giam giữ kiểm giữ từ trường hiệu quả cao đối với plasma nhiệt độ cao hàng trăm triệu độ C.

24 nét

HÁN VIỆT YÊU THỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#931

月饼

yuèbǐng

bánh trung thu

中秋佳节之夜, 一家人围坐在一起品尝传统手工五仁月饼、欣赏皎洁明月, 洋溢着温馨幸福。

Zhōng qiū jiā jié zhī yè, yī jiā rén wéi zuò zài yì qī pǐn cháng chuán tǒng shǒu gōng wú rén yuè bǐng, xīn shǎng jiǎo jié míng yuè, yáng yì zhe wēn xīn xìng fú.

Trong đêm Tết Trung Thu, cả gia đình quây quần ngồi bên nhau thưởng thức chiếc bánh trung thu thập cẩm ngũ nhân làm thủ công truyền thống, ngắm nhìn vầng trăng sáng trong vắt, ngập tràn hạnh phúc ấm áp.

17 nét

HÁN VIỆT NGUYỆT BÁNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ riêng

#932

月球

Yuèqiú

Mặt Trăng (vệ tinh của Trái Đất)

我国探月工程成功实现了人类探测器首次在月球背面软着陆与月球样品自动采样返回地球的伟大历史壮举。

Wǒ guó tàn yuè gōng chéng chéng gōng shí xiàn le rén lèi tàn sōu qì zài yuè qiú bèi miàn ruǎn zhuó lù yǔ yuè qiú yàng pǐn zì dòng cǎi yàng fǎn huí dì qiú de wēi dà lì shǐ zhuàng jǔ.

Công trình thám trắc Mặt Trăng của nước ta đã thực hiện thành công kỷ tích lịch sử vĩ đại: tàu thám trắc của nhân loại lần đầu tiên đáp nhẹ nhàng xuống mặt sau Mặt Trăng và tự động lấy mẫu vật Mặt Trăng mang trở về Trái Đất.

21 nét

HÁN VIỆT NGUYỆT CẦU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#933

阅览室

yuèlǎnshì

phòng đọc sách, phòng đọc tài liệu

在国家图书馆古籍善本阅览室内, 师生们在安静庄重的学术氛围中专心研读珍贵古代科学典籍文献。

Zài guó jiā tú shū gǔ shū guǎn gù jī shān běn yuè lǎn shì nèi, shī shēng men zài ān jìng zhuāng zhòng de xué shù fēn wéi zhòng zhūn xīn yán dú zhēn guì gù dài kē xué diǎn jī wén xiàn.

Bên trong phòng đọc sách phòng đọc tài liệu sách cổ quý hiếm Thư viện Quốc gia, thầy cô và học sinh trong bầu không khí học thuật trang nghiêm yên tĩnh đang chăm chú nghiên cứu các văn hiến điển tịch khoa học cổ đại vô giá.

35 nét

HÁN VIỆT DUYỆT LẨM THẮT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#934

运

yùn

vận chuyển, chở; vận may, vận mệnh; vận hành

中欧班列如同一条条钢铁驼队, 将大量优质中国制造新能源汽车与高科技产品源源不断运往亚欧各国。

Zhōng ōu bān liè rú tíng tiáo tiáo gāng tiě tuó duì, jiāng dà liàng yōu zhì zhōng guó zhì zào xīn néng yuán qì chē yǔ gāo kē jì chǎn pǐn yuán yuán bù duàn yùn wǎng yà ōu gè guó.

Đoàn tàu liên vận Trung Quốc - Châu Âu tựa như những đàn lạc đà thép, liên tục không ngừng vận chuyển chở số lượng lớn sản phẩm công nghệ cao và xe ô tô năng lượng mới do Trung Quốc sản xuất chất lượng cao sang các nước Á - Âu.

11 nét

HÁN VIỆT VẬN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#935

运行

yùn xíng

vận hành, chạy, hoạt động (hệ thống, quỹ đạo)

中国空间站各舱段组合体在距地面四百公里的预定近地轨道上安全平稳运行, 各项科学实验有条不紊推进。

Zhōng guó kōng jiān zhàn gè cāng duàn zǔ hé tǐ zài jù dì miàn sì bǎi gōng lǐ de yù dìng jìn dì guǒ dào shàng ān quán píng wěn yùn xíng, gè xiàng kē xué shí yàn yǒu tǎo bù wěn tuī jìn.

Tổ hợp các khoang của Trạm vũ trụ Trung Quốc trên quỹ đạo tầm thấp gần Trái Đất dự định cách mặt đất 400 cây số đang vận hành hoạt động an toàn ổn định êm ả, các thực nghiệm khoa học đang được thúc đẩy lớp lang bài bản.

23 nét

HÁN VIỆT VẬN HÀNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#936

灾

zāi

thảm họa

老师鼓励大家积极灾, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zāi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thảm họa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT TAI


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#937

灾害

zāi hài

thiên tai, thảm họa, hiểm họa

国家构建了天基遥感、空基无人机与地基传感器协同联动的特大自然灾害综合监测预警体系。

Guó jiā gòu jiàn le tiān jī yǎo gǎn, kōng jī wú rén jī yǔ dì jī chuán gǎn qì xié tóng lián dòng de tè dà zāi rán zāi hài zōng hé jiān cè yù jǐng tǐ xì.

Nhà nước đã xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo sớm tổng hợp các thảm họa thiên tai đặc biệt lớn có sự phối hợp đồng bộ giữa viễn thám vệ tinh không gian, máy bay không người lái trên không và cảm biến mặt đất.

20 nét

HÁN VIỆT: TAI HẠI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#938

灾难

zāi nàn

 thảm họa, tai ương thảm khốc
(thiên tai, chiến tranh)

面对特大地震与山洪泥石流等严重突发自然灾害，国家应急救援体系以人为本、生命至上，全力开展抗灾救灾抢险。

Miàn duì tè dà dì zhèn yǔ shān hóng ní shí liú děng yán zhòng tǐ fā zì rán zāi hài, guó jiā yǐng jī jiù yuán tǐ xī yǐ rén wéi běn, shēng mìng zhì shàng, quán lì kāi zhǎn kàng zāi jiù zāi qiǎng xiǎn.

Đứng trước các thảm họa thiên tai nghiêm trọng đột xuất như bùn đá lũ quét và động đất đặc biệt lớn, hệ thống cứu hộ khẩn cấp quốc gia lấy con người làm gốc, sinh mệnh là trên hết, dốc toàn lực triển khai cứu nạn cứu hộ phòng chống thiên tai.

22 nét

HÁN VIỆT: TAI NẠN

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#939

灾区

zāi qū

vùng thiên tai, vùng bị thảm họa tàn phá

国家防汛抢险救援队伍火速驰援特大洪涝灾区，争分夺秒转移受困群众并抢修电力通信设施。

Guó jiā fáng xùn qiǎng xiǎn jiù yuán duì wú huǒ sù chí yuán tè dà hóng lǎo zāi qū, zhēng fēn duó miǎo zhuǎn yí shòu kùn qún zhòng bìng qiǎng xiū diàn lì tōng xìn shè shī.

Đội ngũ cứu nạn cứu hộ phòng chống lũ lụt quốc gia hỏa tốc lên đường chỉ viện cho vùng bị thảm họa vùng thiên tai lũ lụt đặc biệt lớn, tranh thủ từng giây từng phút sơ tán bà con bị mắc kẹt và sửa chữa khẩn cấp các công trình thông tin điện lực.

21 nét

HÁN VIỆT: TAI ÂU

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#940

再次

zài cì

lần nữa, một lần nữa, lại lần nữa

我国科研团队在前量子隐形传态实验中再次刷新世界纪录，进一步确立了在量子通信领域的引领地位。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài qián yǎn xíng chuán tài shí yàn zhōng zài cì shuā xīn shì jiè jì lù, jìn yí bù què lì le zài zài liàng zì tōng xìn lǐng yǐng dì wèi.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta trong thực nghiệm truyền thái lượng tử ẩn hình tiên phong một lần nữa lần nữa phá kỷ lục thế giới, xác lập vững chắc hơn nữa vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực thông tin lượng tử.

25 nét

HÁN VIỆT: TÁI THỬ

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#941

再也

zài yě

không bao giờ nữa, chẳng còn... nữa (dùng với phủ định)

我们完全攻克并掌握了重型燃气轮机核心技术工艺，核心装备再也不会受制于国外技术封锁。

Wǒ men wán quán gōng kè bìng zhǎng wò le zhòng xíng rán qì lún jī hé xīn zhì zào gōng yì, hé xīn zhuāng bèi zài yě bú huì shòu zhì yú guó wài jì shù fēng suǒ.

Chúng ta đã hoàn toàn chinh phục và nắm vững quy trình chế tạo cốt lõi của tuabin khí hạng nặng, trang thiết bị cốt lõi sẽ không bao giờ nữa chẳng còn bị phụ thuộc vào sự phong tỏa công nghệ của nước ngoài nữa.

20 nét

HÁN VIỆT: TÁI ĐÃ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#942

在场

zài chǎng

có mặt tại hiện trường, hiện diện tại chỗ

当大国重器成功完成首次试验飞行胜利返航时，所有在场的科研人员激动得热泪盈眶、相拥欢呼。

Dāng dà guó zhòng qì chéng gōng wán chéng shǒu cì shí yàn fēi xíng shèng lì fǎn háng shí, suǒ yǒu zài chǎng de kē yán rén yuán jī dòng dé rè lèi yíng kuàng, xiāng yōng huān hū.

Khi đại khí quốc gia hoàn thành mỹ mãn chuyến bay thử nghiệm đầu tiên thắng lợi trở về bãi đáp, tất cả các cán bộ nghiên cứu khoa học có mặt tại hiện trường hiện diện tại chỗ đã xúc động trào dâng nước mắt, ôm chầm lấy nhau reo hò.

19 nét

HÁN VIỆT: TẠI TRƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#943

在内

zài nèi

bao gồm cả, tính cả ở bên trong

包括深空探测与类脑智能在内的多项前沿战略科技专项，已被正式列入国家中长期科技发展规划。

Bāo kuò shēn kōng tàn cè yǔ lèi nǎo zhì néng zài nèi de duō xiàng qián yán zhàn lüè kē jì zhuān xiàng, yǐ bèi zhèng shì liè rù guó jiā zhōng cháng qī kē jì fā zhǎn guī huà.

Nhiều chuyên án khoa học công nghệ chiến lược tiên phong bao gồm cả tính cả trí tuệ dạng não và thám trắc không gian sâu ở bên trong đã được chính thức đưa vào Quy hoạch Phát triển Khoa học Công nghệ Trung và Dài hạn Quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT: TẠI NỘI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#944

暂时

zàn shí

tạm thời, chốc lát

遇到技术攻关难题时可以暂时将思路放空片刻，出去散步换个心情，往往能激发意想不到的新灵感。

Yù dào jì shù gōng guān nán tí shí kě yǐ zàn shí jiāng sī lù fàng kōng piàn kè, chū qù sǎn sǎn bù huàn gè xīn qíng, wǎng wǎng néng jí fā yì xiǎng bù dào de xīn líng gǎn.

Khi gặp phải bài toán kỹ thuật hóc búa, bạn có thể tạm thời để đầu óc thư giãn đôi chút, ra ngoài đi dạo đổi gió, điều đó thường sẽ khơi dậy những nguồn cảm hứng mới mẻ bất ngờ.

28 nét

HÁN VIỆT: TẠM THỜI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#945

暂停

zàn tíng

tạm dừng, tạm ngừng hoạt động

为确保绝对实验安全，超导强磁场实验装置在检测到微小外部温度异常波动时会自动暂停充磁运行。

Wéi què bào zhào duì shí yǎn ān quán, chāo dǎo qiáng cí chǎng shí yàn zhuāng zhì zài jiǎn cè dào wēi xiǎo wài bù wēn dù yì cháng bō dòng shí huì zì dòng zàn tíng chōng cí yùn xíng.

Để bảo đảm an toàn thực nghiệm tuyệt đối, thiết bị thực nghiệm từ trường mạnh siêu dẫn khi dò tìm thấy sự biến động nhiệt độ bất thường nhỏ bé bên ngoài sẽ tự động tạm dừng tạm ngừng vận hành nạp từ.

28 nét

HÁN VIỆT: TẠM ĐÌNH


HSK 5 (3.0)

Tính từ

#946

糟

zāo
tồi tệ, hỏng hóc; ngâm rượu (món ăn)

面对突发的复杂仪器通信故障，主控工程师沉着冷静处置排查，决不让糟糕的突发情绪影响科学决策。

Miàn duì tū fā de fù zá yí qì tǒng xīn gù zhàng, zhǔ kòng gōng chéng shī chén zhùo lěng jìng chǔ zhì pǎi chá, jué bù ràng zāo gāo de tū fā qíng xù yǐng xiǎng kē xué jué cǎi.

Đứng trước sự cố thông tin thiết bị phức tạp đột xuất, kỹ sư điều khiển chính điểm tĩnh bình tĩnh xử lý rà soát, tuyệt đối không để cảm xúc tồi tệ bất ngờ làm ảnh hưởng đến quyết đoán khoa học.

13 nét

HÁN VIỆT: TAO
HSK 5 (3.0)

Tính từ / Thán từ

#947

糟糕

zāo gāo
tồi tệ, hỏng hóc, gay go; nguy rồi

面对突如其来的极端恶劣暴风雪天气与极其糟糕的道路通行状况，应急除雪车队昼夜不停全力保畅通。

Miàn duì tū rú qí lái de jí duān è liè bào fēng xuě tiān qì yǔ jí qí zāo gāo de dào lù tōng xíng zhuàng kuàng, yìng jí chú xuě chē duì zhòu yè bù tíng quán lì bǎo chāng tōng.

Đứng trước tình hình thời tiết bão tuyết khắc nghiệt cực đoan bất ngờ ập đến cùng điều kiện thông xe đường bộ vô cùng tồi tệ hỏng hóc, đoàn xe cào tuyết cứu hộ khẩn cấp đã làm việc không quản đêm đêm dốc sức bảo đảm giao thông thông suốt.

23 nét

HÁN VIỆT: TAO CAO
HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#948

早期

zǎo qī
thời kỳ đầu, giai đoạn sớm

在重大科技工程研发攻关早期阶段，科研人员面对极其严苛的技术封锁，白手起家自主开拓。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng yán fā gōng guān zǎo qī jiē duàn, kē yán rén yuán miàn duì jí yán kē de jì shù fēng suǒ, bái shǒu qǐ jiā zì zhǔ kāi tuō.

Vào thời kỳ đầu giai đoạn sớm của công tác nghiên cứu phát triển vượt khó công trình khoa học công nghệ trọng đại, các cán bộ nghiên cứu đứng trước sự phong tỏa công nghệ vô cùng khắt khe đã dựng cơ đồ từ hai bàn tay trắng tự chủ khai phá.

18 nét

HÁN VIỆT: TẢO KỲ
HSK 5 (3.0)

Động từ

#949

增

zēng
tăng, gia tăng, tăng thêm

国家持续大幅加大对前沿基础研究的财政资金支持，中央财政基础研究经费支出连年稳步大幅增长。

Guó jiā chí xù dà dà fú jiā dà duàn qián yán jī zhǔ yán jiū de cái zhèng zī jīn zhī chí, zhōng yāng cái zhèng jī zhǔ yán jiū jīng fèi zhī chí lián nián wěn bù dà fú zēng zhǎng.

Nhà nước liên tục tăng cường mạnh mẽ nguồn vốn tài chính hỗ trợ cho nghiên cứu cơ bản tiên phong, chi tiêu kinh phí nghiên cứu cơ bản từ ngân sách Trung ương liên tục nhiều năm tăng trưởng tăng thêm vững chắc.

14 nét

HÁN VIỆT: TĂNG
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#950

增产

zēng chǎn
tăng sản lượng, tăng vụ mùa bội thu

我国耐盐碱超级杂交水稻新品种在全国多处盐碱示范田喜获丰收，实现了大面积优质增产。

Wǒ guó nài yán jiǎn chāo jí zá jiāo shuǐ dào xīn pǐn zhōng zài quán guó duō chù yán jiǎn shì fàn tián xī huò féng shōu, shí xiàn le dà miàn jī yōu zhì zēng chǎn.

Giống lúa lai siêu cấp chịu mặn phen kiểu mới của nước ta trên nhiều ruộng trình diễn đất mặn phen trên cả nước đã đón nhận mùa vàng bội thu, thực hiện việc tăng sản lượng tăng năng suất chất lượng cao trên diện rộng.

25 nét

HÁN VIỆT: TĂNG SẢN
HSK 5 (3.0)

Động từ

#951

增大

zēng dà
tăng to, mở rộng ra, phóng đại

随着大科学装置超导加速腔功率逐步增大，高能粒子束流的撞击能量达到了前所未有的物理极限。

Suí zhe dà kē xué zhuāng zhì chāo dǎo jiǎ sù qiǎng gōng lǜ zhú bù zēng dà, gāo néng lì zǐ shù liú de zhuàng jī néng liàng dá dào le qián suǒ wèi yǒu de wù lǐ jí xiàn.

Cùng với công suất buồng gia tốc siêu dẫn của thiết bị khoa học lớn từng bước tăng to tăng lên, năng lượng va chạm của chùm hạt năng lượng cao đã đạt tới giới hạn vật lý chưa từng có trong lịch sử.

25 nét

HÁN VIỆT: TĂNG ĐẠI
HSK 5 (3.0)

Động từ

#952

增多

zēng duō
tăng nhiều lên, gia tăng số lượng

随着国家高水平对外开放持续深入，参与国际重大联合科学计划的中外杰出青年学者数量显著增多。

Suí zhe guó jiā gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng chí xù shēn rù, cān yǔ guó jì zhòng dà lián hé kē xué jì huà de zhōng wài jié chū qīng nián xué zhě shù liàng xiǎn zhù zēng duō.

Cùng với việc mở cửa đối ngoại trình độ cao của đất nước tiếp tục đi vào chiều sâu, số lượng các học giả trẻ kiệt xuất trong và ngoài nước tham gia các kế hoạch khoa học liên hợp trọng đại quốc tế đã gia tăng tăng nhiều lên rõ rệt.

26 nét

HÁN VIỆT: TĂNG ĐA
HSK 5 (3.0)

Động từ

#953

增强

zēng qiáng
tăng cường, củng cố nâng cao sức mạnh

我们要坚持自主创新，加快突破关键核心技术瓶颈，不断增强产业链供应链的自主可控韧性与安全水平。

Wǒ men yào jiān chí zì zhǔ chuàng xīn, jiā kuài tú pò guān jiàn hé xīn jī shù píng jīng, bù duàn zēng qiáng chǎn yè liàn gōng yìng liàn de zì zhǔ kě kòng rén xìng yǔ ān quán shuǐ píng.

Chúng ta phải kiên trì tự chủ đổi mới sáng tạo, đẩy nhanh đột phá nút thắt công nghệ lõi then chốt, không ngừng tăng cường củng cố nâng cao trình độ an toàn và độ dẻo dai tự chủ kiểm soát của chuỗi cung ứng và chuỗi ngành nghề.

26 nét

HÁN VIỆT: TĂNG CƯỜNG
HSK 5 (3.0)

Động từ

#954

赠

zèng
tặng, trao tặng, biếu tặng

老一辈功勋院士将自己珍藏一生的珍贵学术手稿与手记无私赠予国家博物馆永久典藏。

Lǎo yī bèi gōng xūn yuǎn shì jiāng zì jǐ zhēn cáng yí shēng de zhēn guì xué shù shǒu gǎo yǔ shǒu jì wú sī zèng yǔ guó jiā bó wù guǎn yǒng jiǔ diǎn cáng.

Viện sĩ cổ công lao lão thành đã vô tư trao tặng tặng lại các bản thảo ghi chép và sổ tay học thuật vô giá được mình trân quý cất giữ cẩn thận cho Bảo tàng Quốc gia lưu trữ vĩnh viễn.

10 nét

HÁN VIỆT: TẶNG



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#955

赠送

zèng sòng

tặng, trao tặng làm quà kỷ niệm

在重大国际文化交流国事访问期间，我国向联合国总部赠送了精美绝伦的中国传统非遗手工雕漆巨幅艺术屏风。

Zài zhòng dà guó jì wén huà jiāo liú guó shì fǎng wèn qì jiān, wǒ guó xiāng lián hé guó zōng bù zèng sòng le jīng měi jué lún de zhōng guó chuán tǒng fēi yí shǒu gōng diào qǐ jù fú yì shù píng fēng.

Trong thời gian diễn ra chuyến thăm cấp nhà nước giao lưu văn hóa quốc tế trọng đại, nước ta đã trao tặng tặng cho Trụ sở Liên Hợp Quốc bức bình phong nghệ thuật khổ lớn sơn mài khắc chạm thủ công di sản phi vật thể truyền thống Trung Hoa tinh xảo tuyệt mỹ.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TẶNG TẶNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#956

摘

zhāi

chọn

老师鼓励大家积极摘，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极摘，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhāi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chọn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: TRÍCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#957

展览

zhǎn lǎn

triển lãm, trưng bày

国家博物馆举办的古代中国丝绸之路文明大展示，吸引了来自海内外的数十万文博爱好者前来参观展览。

Guó jiā bó wù guǎn jǔ bàn de gǔ dài zhōng guó sī chóu zhī lù wén míng dà zhǎn, xī yīn le lái zì hǎi nèi wài de shù shí wàn wén bó ài hào zhě qián lái cān guān zhǎn lǎn.

Đại triển lãm văn minh Con đường tơ lụa Trung Quốc cổ đại do Bảo tàng Quốc gia tổ chức đã thu hút hàng chục vạn người đam mê di sản văn hóa trong và ngoài nước đến tham quan triển lãm.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: TRIỂN LÃM

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#958

展示

zhǎn shì

trưng bày, phô diễn triển lãm

在国际航空航天博览会上，我国完全自主研发的新一代重型隐身战机以令人震撼的高机动飞行表演充分展示了大国空军硬实力。

Zài guó jì háng kōng háng tiān bó lǎn huì shàng, wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài zhòng xíng yīn shēn zhàn jī yǐ lǐng rén zhèn hàn de gāo jī dòng fēi xíng biǎo yǎn chōng fèn zhǎn shì le dà guó kōng jūn yǎng shí lì.

Tại Triển lãm Hàng không Vũ trụ Quốc tế, máy bay chiến đấu tàng hình hạng nặng thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo bằng màn trình diễn bay cơ động cao gây chấn động đã phô diễn đầy đủ thực lực cứng của Không quân nước lớn.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TRIỂN THỊ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#959

展现

zhǎn xiàn

hé lộ, phô diễn biểu hiện sinh động

中华民族五千多年文明演进史生动展现了中华文明突出的连续性、创新性、统一性、包容性与和平性。

Zhōng huá mín zú wǔ qiān duō nián wén míng yǎn jìn shǐ shēng dòng zhǎn xiàn le zhōng huá wén míng tū chū de lián xù xìng, chuàng xīn xìng, tóng yì xìng, bāo róng xìng yǔ hé píng xìng.

Lịch sử tiến hóa văn minh hơn năm ngàn năm của dân tộc đã phô diễn hé lộ sinh động các tính chất nổi bật của nền văn minh Trung Hoa: tính liên tục, tính đổi mới sáng tạo, tính thống nhất, tính bao dung và tính yêu chuộng hòa bình.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: TRIỂN HIỆN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#960

占领

zhàn lǐng

chiếm lĩnh, làm chủ trận địa/công nghệ

战略科学家必须以前瞻性的战略眼光精准谋划，抢占占领未来通用人工智能与量子前沿科技竞争制高点。

Zhàn lüè kē xué jiā bì xū yǐ qián zhān xíng de zhàn lüè yǎn guāng jīng zhǔn móu huà, qiǎng xiǎn zhàn lǐng wèi lái tōng yòng rén gōng zhì néng yǔ liàng zǐ qián yán kē jì jīng zhēng zhì gāo diǎn.

Các nhà khoa học chiến lược bắt buộc phải mưu tính chuẩn xác bằng tầm nhìn chiến lược có tính nhìn xa trông rộng, đi trước một bước chiếm lĩnh điểm cao chỉ huy trong cuộc cạnh tranh khoa học công nghệ tiên phong lượng tử và trí tuệ nhân tạo đa năng tương lai.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: CHIẾM LÃNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#961

占有

zhàn yǒu

sở hữu chiếm hữu; chiếm tỷ lệ thị phần

国产新能源汽车凭借卓越智能化座舱、高能量密度电池与极致安全性能，在国际主流市场占有率占有了一席之地。

Guó chǎn xīn néng yuán qì chē péng jiē zhōu yuè de zhì néng huà zuò cāng, gāo néng liáng mì dù diàn chí yǔ jí zhì ān quán xìng néng, zài guó jì zhǔ liú shì chǎng zhàn yǒu le zhòng yào yí xī zhī dì.

Xe ô tô năng lượng mới do nước ta sản xuất nhờ vào tính năng an toàn đỉnh cao, pin mật độ năng lượng cao cùng công nghệ lái thông minh hóa vượt trội đã chiếm hữu một vị trí quan trọng vững chắc trên thị trường chính thống quốc tế.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: CHIẾM HỮU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#962

长度

cháng dù

chiều dài, độ dài

我国建成了全球运营里程最长的高速铁路网，高铁线路总长度已突破四万五千公里大关。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú yùn yíng lǐ chéng zuì zhǎng de gāo sù tiě lù wǎng, gāo tiě xiàn lù zǒng cháng dù yǐ tú pō sǐ wàn wǔ qiān gōng lǐ dà guān.

Nước ta đã xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới đường sắt cao tốc có số km vận hành dài nhất thế giới, tổng độ dài chiều dài các tuyến đường sắt cao tốc đã vượt mốc 45.000 cây số.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#963

长寿

chángshòu

trưởng thọ, sống lâu, tuổi thọ cao

国家全面推进健康中国建设，全国居民人均预期寿命持续稳步提升，老年健康长寿福祉显著增强。

Guó jiā quán miàn tuī jìn jiàn kāng zhōng guó jiàn shè, quán guó jū mín rén jūn yù qì shòu míng chí xù wěn bù tí shēng, lǎo nián jiàn kāng zhǎng shòu fú zhì xiǎn zhù zēng qiáng.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng Nước Trung Hoa Khỏe mạnh, tuổi thọ kỳ vọng bình quân của người dân cả nước liên tục tăng vững chắc, phúc lợi sống lâu trường thọ khỏe mạnh của người cao tuổi được nâng cao rõ rệt.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG THỌ



HSK 5 (3.0)

Động từ

#964

涨

zhǎng

tăng giá, dâng lên (nước), phình ra

连日暴雨导致长江干流沿线水位持续上涨，防汛抗旱指挥部紧急启动二级防汛应急响应。

Lián rì bào yǔ dǎo zhì cháng jiāng gàn liú yán xiàn shuǐ wèi chí xù shàng zhǎng, fáng xùn kàng hàn zhǐ hǔ bù jǐn jí qǐ dòng ǐ jí fáng xùn yǐng ǐ xiǎng yīng.

Mưa to nhiều ngày liên tục khiến mực nước dọc theo dòng chính sông Trường Giang tiếp tục dâng cao, ban chỉ huy phòng chống thiên tai đã khẩn cấp kích hoạt phản ứng khẩn cấp cấp độ 2.

10 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#965

涨价

zhǎngjià

tăng giá, lên giá

国家市场监督管理总局依法严厉打击囤积居奇与恶意哄抬物价涨价等扰乱市场秩序的违法违规行为。

Guó jiā shì chǎng jiān guān bù mén yī fǎ dǎ yán tūn jī jū qí yǔ è yì hōng tái wù jià zhǎng jià děng rǎo luan shì chǎng zhì xù de wéi fǎ wéi guī xíng wéi.

Cơ quan giám sát quản lý thị trường quốc gia căn cứ theo pháp luật trừng trị nghiêm khắc các hành vi vi phạm quy định pháp luật làm rối loạn trật tự thị trường như đầu cơ tích trữ và ác ý đẩy giá tăng giá hàng hóa lên cao.

24 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG GIÁ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#966

掌握

zhǎng wò

nắm vững, làm chủ (kỹ thuật, kiến thức)

我国科研团队经过自主攻关，完全掌握了第四代先进核电站高温气冷堆的核心全套技术体系。

Wǒ guó kē yán tuán duì jīng guò zì zhǔ gōng guān, wán quán zhǎng wò le dì sì dài xiǎn jìn hé diàn zhàn gāo wēn qì lěng duī de hé xīn quán tào jì shù tǐ xì.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta qua quá trình tự chủ nghiên cứu đã hoàn toàn làm chủ hệ thống kỹ thuật cốt lõi toàn diện của lò phản ứng làm mát bằng khí nhiệt độ cao của nhà máy điện hạt nhân tiên tiến thế hệ thứ tư.

25 nét

HÁN VIỆT: CHUÔNG ÁC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#967

招生

zhāoshēng

tuyển sinh, chiêu sinh học viên

高校“强基计划”全面启动年度选拔招生，重点招收有志于服务国家重大战略基础科学前沿的拔尖学子。

Gāo xiào "qiáng jī huà" quán miàn qǐ dòng nián dù xuān bá zhāo shēng, zhòng diǎn zhāo shōu yǒu zhì yú fú wú guó jiǎ zhòng dà zhàn lüè jī chǔ kē xué qián yán de bá jiān xué zǐ.

'Kế hoạch Củng cố Nền móng' (Cường Cố Kế Hoạch) của các trường đại học đã khởi động toàn diện công tác chiêu sinh tuyển sinh tuyển chọn hàng năm, chú trọng tuyển chọn các học sinh xuất chúng có chí hướng cống hiến cho khoa học cơ bản tiên phong chiến lược trọng đại của quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT: CHIÊU SINH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#968

招手

zhāoshǒu

vẫy tay, vẫy gọi chào

当大国重器成功完成试飞平稳降落滑行时，座舱内的试飞员微笑着向现场全体建设者热情招手致意。

Dāng dà guó zhòng qì chéng gōng wán chéng shì fēi píng wěn jiàng luò xíng xíng shí, zuò cāng nèi de shì fēi yuán wēi xiào zhe xiàng xiàn chǎng quán tǐ jiàn shè zhě rè qíng zhāo shǒu zhì yì.

Khi đại khí quốc gia hoàn thành chuyến bay thử nghiệm thành công và hạ cánh trượt bánh êm ái, viên phi công bay thử bên trong khoang lái đã mỉm cười nhiệt tình vẫy tay vẫy chào kính chào toàn thể những người xây dựng tại hiện trường.

23 nét

HÁN VIỆT: CHIÊU THỦ

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#969

珍贵

zhēn guì

quý giá, vô giá trân quý

敦煌莫高窟藏经洞出土的数万卷古代手写经卷与文本文献，是全人类不可多得的极其珍贵的文化瑰宝。

Dūn huáng mò gāo kū cáng jīng dòng chū tǔ de shù wàn juǎn gǔ dài shǒu xiě jīng juǎn yǔ wén běn wén xiàn, shì quán rén lèi bù kě duō dé de jí qí zhēn guì de wén huà guì bǎo.

Hàng vạn cuộn kinh chép tay và văn kiện tài liệu cổ đại xuất từ từ Hang Tăng Kinh Hang Mạc Cao Đôn Hoàng chính là báu vật văn hóa vô cùng trân quý quý giá hiếm có của toàn thể nhân loại.

17 nét

HÁN VIỆT: TRẦN QUÝ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#970

珍惜

zhēn xī

trân trọng, quý trọng, giữ gìn

青年一代生逢伟大时代，应当倍加珍惜来之不易的学习时光，努力掌握过硬本领为国效力。

Qīng nián yī dài shēng féng wēi dà shí dài, yīng dāng bèi jiā zhēn xī lái zhī bù yì de xué xí shí guāng, nǔ lì zhǎng wò guó yīng běn lǐng wéi guó xiào lì.

Thế hệ thanh niên sinh ra trong thời đại vĩ đại, cần phải trân trọng thời gian học tập quý báu có được không dễ dàng, nỗ lực nắm vững tay nghề vượt trội để cống hiến cho đất nước.

18 nét

HÁN VIỆT: TRẦN TÍCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#971

珍珠

zhēn zhū

ngọc trai, trân châu quý giá

新疆塔里木盆地边缘的一座座现代化生态绿洲新城，宛如一颗颗璀璨夺目的明亮珍珠镶嵌在茫茫大漠戈壁边缘。

Xīn jiāng tā lǐ mù bēn dì biān yuán de yī zuò zuò xiān dài huà shēng tài lù zhōu xīn chéng, wǎn rú yī kē kē cuī càn duó mù de míng liàng zhēn zhū xiāng qiàn zài máng máng dà mò gē bì biān yuán.

Từng thành phố mới ốc đảo sinh thái hiện đại hóa bên rìa bồn địa Tarim Nam Cương tựa như những viên ngọc trai trân châu sáng lấp lánh rực rỡ được cấy ghép bên rìa sa mạc Gobi mênh mông.

21 nét

HÁN VIỆT: TRẦN CHÂU

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#972

真诚

zhēnchéng

chân thành, thành thật từ đáy lòng

在国际多边科学合作中，中国科学家始终以真诚开放、互利共赢的胸怀与世界各国同行携手并进。

Zài guó jì duō biān kē xué hé zuò zhōng, zhōng guó kē xué jiā shǐ zhōng yǐ zhēn chéng kāi fàng, hù lì gòng yìng de xiōng huái yǔ shì jiè gè guó tóng háng xié shǒu bìng jìn.

Trong hợp tác khoa học đa phương quốc tế, các nhà khoa học Trung Quốc luôn bằng tâm lòng đối bên cùng thắng cùng có lợi, cởi mở và chân thành cùng kế vai sát cánh tiến bước với các đồng nghiệp các nước trên thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT: CHÂN THÀNH


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#973

真理

zhēn lǐ

chân lý

科学探索的漫漫长路上布满荆棘与坎坷，唯有百折不挠、勇于追求真理的人才能最终领略真理的光辉。

Kē xué tàn suǒ de màn màn cháng lù shàng mǎn mǎn chāng lù shàng gāo míng guāng huī.
mǎn jīng jì yǒu kǎn kē, wéi yǒu yǒu bài zhé bù nǎo, yǒng yú zhuī qiú zhēn lǐ de rén cái néng zuì zhōng lǐng lüè zhēn lǐ de guāng huī.

Trên con đường dài đằng đẵng của hành trình thám hiểm khoa học phủ đầy chông gai và gập ghềnh, chỉ có những người kiên cường bất khuất dám theo đuổi chân lý mới có thể thường ngoạn được vầng hào quang rực rỡ của chân lý.

20 nét

HÁN VIỆT: CHÂN LÝ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#974

真相

zhēn xiàng

chân tướng, sự thật nguyên vẹn của vụ việc

公安刑侦与法医专家凭借高精度物证痕迹检验与DNA测序技术，抽丝剥茧最终彻底查明了悬案的客观历史真相。

Gōng ān xíng zhēn yǔ fǎ yī zhuān jiā píng gāo jīng dù wù zhēng wéi hén jiàn yàn yǔ DNA cè xù jī shù, chōu sī bō jiǎn zuì zhōng ché dī chá míng le xuán àn de kè guān lì shǐ zhēn xiàng.

Các chuyên gia giám định pháp y và điều tra hình sự công an dựa vào kỹ thuật giải trình tự DNA và giám định y vết vật chứng độ chính xác cao, bóc tách từng lớp từng manh mối cuối cùng đã làm sáng tỏ hoàn toàn chân tướng sự thật khách quan của vụ án bế tắc.

25 nét

HÁN VIỆT: CHÂN TƯỚNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#975

诊断

zhěn duàn

chẩn đoán, chẩn đoán bệnh tật

利用多模态人工智能医学影像辅助诊断系统，基层医生能够以极高准确率实现早期肺癌的快速智能筛查。

Lì yòng duō mó tài rén gōng zhì néng yī xué yǐng xiàng fù zhù zhēn duàn xì tǒng, jī céng yī shēng néng gòu yǐ jī gāo zhǔn què lǜ shí xiàn zǎo qī fēi ái de kuài sù zhì néng shāi chá.

Nhờ vào hệ thống chẩn đoán hỗ trợ hình ảnh y tế bằng trí tuệ nhân tạo đa phương thức, các bác sĩ tuyến cơ sở có thể thực hiện sàng lọc thông minh nhanh chóng ung thư phổi giai đoạn sớm với độ chuẩn xác cực cao.

21 nét

HÁN VIỆT: CHẨN ĐOẠN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#976

振动

zhèn dòng

rung động, dao động, rung chuyển

新型国产大飞机机翼结构成功通过了极限气动弹性颤振与地面多点共振全尺寸结构振动试验。

Xīn xíng guó chǎn dà fēi jī jī yǐ jié gòu chéng gōng tōng guò le jí xiàn qì dòng tán xìng chǎn zhèn yǔ dì miàn duō diǎn gòng zhèn quán chǐ cùn jié gòu zhèn dòng shí yàn.

Kết cấu cánh của dòng máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước thế hệ mới đã vượt qua thành công các bài kiểm tra rung động kết cấu toàn kích thước rung cánh khí đàn hồi cực hạn và cộng hưởng đa điểm trên mặt đất.

24 nét

HÁN VIỆT: CHẤN ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#977

震惊

zhèn jīng

kinh ngạc, chấn động bàng hoàng, làm kinh ngạc

我国完全自主研发的深海全海深载人潜水器在马里亚纳海沟万米海底创下的科考纪录，让国际深海科学界为之震惊赞叹。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhī de shēn hǎi quán hǎi shēn zài rén qián shuǐ qì zài mǎ lǐ yà nà hǎi gōu wàn mǐ hǎi dī chuāng jì de kē kǎo jì lù, ràng guó jì shēn hǎi kē xué jiè wéi zhī zhèn jīng zàn tàn.

Kỷ lục khảo sát khoa học mà tàu lặn có người lái ở mọi độ sâu biển do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo lập nên tại đáy biển vạn mét rãnh Mariana đã khiến giới khoa học biển sâu quốc tế phải kinh ngạc chấn động và không ngớt lời khen ngợi.

23 nét

HÁN VIỆT: CHẤN KINH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#978

争议

zhēng yì

tranh cãi, tranh luận chưa ngã ngũ

经过严谨科学复现实验与确凿海量实测数据检验，这项曾引发国际学术界广泛争议的原创重大科学发现最终获得了公认。

Jīng guò yǎn jǐn kē xué fù xiàn shí yàn yǔ què záo hǎi liàng shí cè shù jù jiǎn yàn, zhè xiàng céng yīn fā guó jì xué shù jié guāng fàn zhēng yì de yuán chuàng zhòng dà kē xué fā xiàn zuì zhōng huò dé le gōng rèn.

Trải qua sự kiểm nghiệm của số liệu đo đạc thực tế khổng lồ xác thực cùng các thực nghiệm tái lập khoa học nghiêm cẩn, phát hiện khoa học trọng đại nguyên tác từng tạo nên những tranh cãi tranh luận rộng khắp trong giới học thuật quốc tế này cuối cùng đã được thừa nhận công nhận rộng rãi.

19 nét

HÁN VIỆT: TRANH NGHỊ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#979

挣

zhèng

kiếm tiền, kiếm sống (zhēng: giãy giụa)

通过参加国家特色现代农业产业技能培训，广大农民依靠勤劳双手挣钱致富、过上了幸福富裕的好日子。

Tōng guò cān jiā guó jiā tè sè xià dòng nòng yè năng ngành nông nghiệp hiện đại đặc sắc của Nhà nước, đông đảo bà con nông dân dựa vào đôi bàn tay cần cù của mình kiếm tiền làm giàu, bước vào cuộc sống ấm no hạnh phúc sung túc.

12 nét

HÁN VIỆT: TRANH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#980

挣钱

zhèng qián

kiếm tiền, kiếm sống

广大乡村青年通过参加免费职业技能培训掌握了一技之长，在家门口的现代化农业产业园里实现了体面劳动挣钱致富。

Guāng dà xiāng cūn qīng nián tōng guò cǎn jiā miǎn fèi zhí yè jī néng péi xùn zhāng wò le yí jì zhī cháng, zài jiā mén kǒu de xià dòng nòng yè yuán lǐ shí xiàn le tǐ miàn láo dòng zhèng qián zhì fù.

Đông đảo thanh niên nông thôn thông qua việc tham gia các khóa đào tạo kỹ năng nghề miễn phí đã nắm vững tay nghề vững chắc, thực hiện lao động đường hoàng kiếm tiền làm giàu ngay tại khu công viên công nghiệp nông nghiệp hiện đại gần nhà.

26 nét

HÁN VIỆT: TRANH TIỀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#981

正版

zhèng bǎn

bản quyền chính hãng, bản quyền chuẩn

国家全面严格保护知识产权，大力倡导全社会使用正版工业软件与正版学术文献资源。

Guó jiā quán miàn yán gé bǎo hù zhī shí chǎn quán, dà lì chàng dǎo quán shè huì shí yòng zhèng bǎn gōng yè ruǎn jiàn yǔ zhèng bǎn xué shù wén xiàn zī yuán.

Nhà nước bảo vệ nghiêm ngặt toàn diện quyền sở hữu trí tuệ, ra sức kêu gọi toàn xã hội sử dụng tài nguyên văn hiến học thuật bản quyền chuẩn và phần mềm công nghiệp chính hãng bản quyền chính hãng.

21 nét

HÁN VIỆT: CHÍNH BẢN


HSK 5 (3.0)

Tính từ

#982

正规

zhèngguī
chính quy, chuẩn mực bài bản đúng chuẩn

国家全面推进医疗卫生服务机构正规化、标准化建设, 让广大基层老百姓在家门口就能享受到正规优质的医疗服务。

Guójiā quánmiàn tuījìn yīliáo wèishēng fúwù jīgòu zhèngguī huà, biāo zhǔn huà jiànshè, ràng guāng dà jī céng lǎo bǎi xìng zài jiā mén kǒu jiù néng xiāng shòu dào zhèngguī yōu zhì de yīliáo fúwù.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện việc xây dựng chuẩn hóa, chính quy hóa các cơ sở dịch vụ y tế vệ sinh, giúp đông đảo người dân cơ sở có thể thụ hưởng các dịch vụ y tế chất lượng cao chính quy chuẩn mực ngay tại ngưỡng cửa nhà mình.

20 nét

 HÁN VIỆT : **CHINH QUY**
HSK 5 (3.0)

Liên từ / Giới từ

#983

正如

zhèngrú
đúng như, hệt như (lời nói/dự đoán)

正如战略科学家所指出的那样, 基础科学研究是整个科学技术体系的源头活水, 必须下大力气抓牢抓实。

Zhèngrú zhàn lüè kē xué jiā suǒ zhī chū de nà yàng, jī chǔ kē xué yán jiū shì zhènggē kē xué jī shù tǐ xì de yuán tóu huó shuǐ, bì xū xià dà lì qì zhuā lǎo zhuā shí.

Đúng như hệt như điều mà nhà khoa học chiến lược đã chỉ ra, nghiên cứu khoa học cơ bản chính là nguồn nước đầu nguồn của toàn bộ hệ thống khoa học kỹ thuật, bắt buộc phải dốc sức lớn năm chắc và làm thật thực chất.

21 nét

 HÁN VIỆT : **CHINH NHƯ**
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#984

正义

zhèngyì
chính nghĩa, công lý lẽ phải

中国始终坚定站在历史正确的一边、站在人类文明进步的一边, 坚定不移维护国际多边公平正义与世界和平。

Zhōngguó shǐzhōng jiāndìng zhàn zài lì shǐ zhèngquē de yí biān, zhàn zài rén lèi wén míng jìn bù de yí biān, jiāndìng bǔ yí wéi hù guó jì duō biān gōng píng zhèngyì yǐ yǐ shì jiè hé píng.

Trung Quốc luôn kiên định đứng về phía lẽ phải của lịch sử, đứng về phía tiến bộ của văn minh nhân loại, kiên định không ngừng bảo vệ hòa bình thế giới cùng công bằng chính nghĩa đa phương quốc tế.

18 nét

 HÁN VIỆT : **CHINH NGHĨA**
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#985

证实

zhèngshí
chứng thực, xác nhận là sự thật

经过国际多个顶尖物理实验室严格的独立重复实验验证, 中国科研团队发现的新型量子物态效应得到了彻底证实。

Jīngguó guójì duō gè dīngjiān wù lǐ shíyàn shì yán gé de dú lì chóngfù shíyàn yàn zhèng, zhōngguó kē yán tuándì fā xiàn de xīn xíng liàngzì wù tài xiào yīng dé dào le chè dǐ zhèngshí.

Trải qua việc kiểm chứng thực nghiệm lặp lại độc lập nghiêm ngặt của nhiều phòng thí nghiệm vật lý hàng đầu quốc tế, hiệu ứng trạng thái vật chất lượng tử kiểu mới do nhóm nghiên cứu khoa học Trung Quốc phát hiện đã được chứng thực xác nhận hoàn toàn.

20 nét

 HÁN VIỆT : **CHỨNG THỰC**
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#986

证书

zhèngshū
chứng chỉ, văn bằng chứng nhận chính thức

国家知识产权局向在关键核心技术领域取得重大原创突破的科研团队依法正式颁发了国家高价值发明专利证书。

Guójiā zhī shí chān quán jú xiàng zài guānjiàn zhìshì lǐng yù qǔ dé zhòng dà yuán chuàng tū pò de kē yán tuándì yù fā zhèngshū bān fā le guójiā gāo jià zhí míng zhuan lì zhèngshū.

Cục Sở hữu Trí tuệ Quốc gia theo quy định của pháp luật đã chính thức trao tặng chứng chỉ bằng sáng chế phát minh giá trị cao quốc gia cho nhóm nghiên cứu khoa học đạt được đột phá nguyên tắc trọng đại trong lĩnh vực công nghệ lõi then chốt.

17 nét

 HÁN VIỆT : **CHỨNG THƯ**
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#987

之内

zhīnèi
trong vòng, bên trong phạm vi quy định

该精密航天陀螺仪的核心加工几何公差, 必须严格控制在零点零零一毫米之内才能确保导航万无一失。

Gāi jīng mì háng tiān tuó luó yí de hé xīn jiā gōng jī hé gōng chāi, bì xū yán gé kòng zhì zài líng líng yí háo mǐ zhī nèi cái néng què bǎo dǎo háng wàn wú yī shī.

Dung sai hình học gia công cốt lõi của con quay hồi chuyển hàng không vũ trụ chính xác này bắt buộc phải kiểm soát nghiêm ngặt trong vòng bên trong phạm vi 0,001 mm mới có thể bảo đảm dẫn đường an toàn tuyệt đối không một sai sót.

20 nét

 HÁN VIỆT : **CHI NỘI**
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#988

之外

zhīwài
ngoài ra, bên ngoài, ngoại trừ

除了在实验室潜心科研攻关之外, 老院士还常年深入中小校园开展科普宣讲、启迪青少年科学梦想。

Chú le zài shíyàn shì qián xīn kē yán gōng guān zhī wài, lǎo yuán shì hái cháng nián shēn rù zhōng xiǎo xué xiào yuán kāi zhǎn kē pǔ xuān jiǎng, qī dí qīng shào nián kē xué mèng xiǎng.

Ngoại trừ ngoài ra việc chuyên tâm nghiên cứu khoa học vượt khó trong phòng thí nghiệm, vị viện sĩ lão thành còn quanh năm đi sâu vào các trường tiểu học và trung học triển khai các buổi nói chuyện phổ biến khoa học, khai sáng ước mơ khoa học cho các em thanh thiếu niên.

18 nét

 HÁN VIỆT : **CHI NGOẠI**
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#989

之下

zhīxià
dưới, dưới sự lãnh đạo/dưới điều kiện

在国家强大人才战略的有力支撑之下, 我国青年科学家在前沿科技创新舞台上展现出非凡的创造力。

Zài guójiā qiáng dà rén cái zhàn lüè de yǒu lì zhī chēng zhī xià, wǒ guó qīng nián kē xué jiā zài qián yán kē jì chuàng xīn wú tái shàng zhǎn xiàn chū fēi fán de chuàng zào lì.

Dưới sự dưới sự làm điểm tựa đắc lực của chiến lược nhân tài hùng mạnh của quốc gia, các nhà khoa học trẻ nước ta đã phô diễn sức sáng tạo phi phạm trên vũ đài đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên phong.

19 nét

 HÁN VIỆT : **CHI HẠ**
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#990

之中

zhīzhōng
trong số, trong quá trình, ở giữa

在波澜壮阔的科技强国建设伟大征程之中, 千千万万科技工作者把忠诚与汗水融进了祖国的大好河山。

Zài bō lán zhuàng kuò de kē jì qíngguó jiànshè wēi dà zhēng chéng zhī zhōng, qiān qiān wàn wàn kē jì gōngzuò zhě bǎ zhōng chéng yǔ hàn shuǐ róng jìn le zǔ guó de dà hǎo hé shān.

Trong quá trình ở giữa hành trình vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ sống cuộn dạt dào, hàng ngàn hàng vạn người làm khoa học đã hòa quyện mồ hôi và lòng trung trinh vào non sông gấm vóc tươi đẹp của Tổ quốc.

18 nét

 HÁN VIỆT : **CHI TRUNG**



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#991

支出

zhī chū

chi tiêu, khoản chi ngân sách

国家财政坚持民生优先导向，持续加大在基础教育、基本医疗、社会保障等领域的财政转移支付与公共支出力度。

Guó jiā cái zhèng jiān chí mín shēng yōu xiān dǎo xiàng, chí xù jiā dà zài jī chǔ jiàoyù, jī běn yī liáo, shè huì bǎo zhàng děng lǐng yù de cái zhèng zhuǎn yí zhī fù yǔ gōng gòng zhī chū lì dù.

Ngân sách tài chính quốc gia kiên trì định hướng ưu tiên dân sinh, liên tục tăng cường chi tiêu công và chuyển giao thanh toán tài chính trong các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế cơ bản, giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở.

19 nét

HÁN VIỆT: CHI XUẤT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#992

支配

zhī pèi

chi phối, điều khiển làm chủ phân bổ

居民人均可支配收入稳步增长，中等收入群体规模持续壮大，为构建以国内大循环为主体的新发展格局提供了雄厚动力。

Jū mín rén jūn kě zhī pèi shōu rù wěn bù zēng zhǎng, zhōng děng shōu rù qún tǐ guī mó chí xù zhuàng dà, wéi gòu jiàn yǐ guó nèi dà xún huán wéi zhǔ tǐ de xīn fā zhǎn gé jú jù tí gòng le xióng hòu dòng lì.

Thu nhập bình quân đầu người có thể chi phối sử dụng của cư dân tăng trưởng vững chắc, quy mô tầng lớp có thu nhập trung bình liên tục lớn mạnh, mang lại động lực hùng hậu cho việc xây dựng cục diện phát triển mới lấy đại tuần hoàn trong nước làm chủ thể.

25 nét

HÁN VIỆT: CHI PHỐI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#993

执行

zhí xíng

chấp hành, thực thi, thi hành

神舟载人飞船在轨航天员乘组严格执行预定飞行任务计划，沉着冷静完成多次高难度出舱太空行走活动。

Shén zhōu zài rén fēi chuán zài guī háng tiān yuán chéng zǔ yán gé zhí xíng yù dìng fēi xíng rén wù jì huà, chén zhuó lěng jìng wán chéng duō cì gāo nán dù chū cāng tài kōng xíng zǒu huó dòng.

Phi hành đoàn tàu vũ trụ Thần Châu trên quỹ đạo đã chấp hành nghiêm ngặt kế hoạch nhiệm vụ bay dự kiến, điềm tĩnh hoàn thành nhiều hoạt động đi bộ ngoài không gian rời khoang độ khó cao.

25 nét

HÁN VIỆT: CHẤP HÀNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#994

直线

zhí xiàn

đường thẳng, tuyến thẳng

大科学装置万米重离子直线加速器管道笔直延伸，高能粒子束流在其中以接近光速高速平稳运行。

Dà kē xué zhuāng zhì wàn mǐ zhòng lí zǐ zhí xiàn jiǎ sù qì guǎn dào bǐ zhí yán shēn, gāo néng lì zǐ shù liú zài qí zhōng yǐ jiē jìn guāng sù gāo sù wěn yún xíng.

Đường ống máy gia tốc đường thẳng ion hướng vận tốc của thiết bị khoa học lớn vươn dài thẳng tắp, chùm hạt năng lượng cao bên trong đang vận hành ổn định tốc độ cao tiệm cận vận tốc ánh sáng.

20 nét

HÁN VIỆT: TRỰC TUYẾN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#995

值班

zhí bān

trực ban, ca trực làm nhiệm vụ trực

在阖家团圆的新春除夕之夜，数百万人民警察、电力保障工人与消防救援指战员依然24小时坚守值班岗位守卫万家灯火。

Zài hé jiā tuán yuán de xīn chūn chū xī zhī yè, shù bǎi wàn rén mín jǐng chá, diàn lì bǎo zhàng gōng rén yǔ xiǎo fáng jiù yuán zhí bān yuán yǐ rán 24 xiǎo shí jiān shǒu zhí bān gǎng wēi shǒu wéi wàn jiā dēng huǒ.

Trong đêm giao thừa Tết Nguyên Đán sum họp gia đình, hàng triệu chỉ huy cứu hỏa cứu nạn, công nhân bảo đảm điện lực và cảnh sát nhân dân vẫn bám trụ vị trí ca trực trực ban 24/24 giờ để canh giữ ánh sáng ấm no của muôn triệu mái nhà.

22 nét

HÁN VIỆT: TRỊ BAN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#996

职能

zhí néng

chức năng, quyền hạn nhiệm vụ cơ quan

各级政府部门进一步优化政府职责体系与组织结构，全面履行好宏观调控、市场监管、公共服务与生态环境保护职能。

Gè jí zhèng fǔ bù mén jìn yí bù yōu huà zhèng fǔ zhí zé tǐ xì yǔ zǔ zhī jié gòu, quán miàn lǚ xíng hǎo hóng guān tiáo kòng, shì chǎng jiān guǎn, gōng gòng fú wù yǔ wēi shēng tài huán jīng bǎo hù zhí néng.

Các cơ quan ban ngành chính phủ các cấp tiếp tục tối ưu hóa cơ cấu tổ chức và hệ thống trách nhiệm chức trách chính phủ, thực hiện tốt toàn diện các chức năng bảo vệ môi trường sinh thái, dịch vụ công cộng, giám sát thị trường và điều tiết kiểm soát vĩ mô.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỨC NĂNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#997

职位

zhí wèi

vị trí công việc, chức vụ nghề nghiệp

国家大力拓展高校毕业生就业空间，鼓励引导优秀青年学子报考基层急需的乡村振兴与基层医疗科研骨干职位。

Guó jiā dà lì tuò zhǎn gāo jiào yǎng shēng jiù yè kōng jiān, gǔ lì yǐn dǎo yōu xiù qīng nián xué zǐ bào kǎo jī céng jí xū de xiāng zhèn xīng qǐ yǐ céng yī liáo kē yán gǔ gàn zhí wèi.

Nhà nước ra sức mở rộng không gian việc làm cho sinh viên tốt nghiệp đại học, khích lệ định hướng các bạn sinh viên thanh niên ưu tú đăng ký ứng tuyển vào các vị trí chức vụ cốt cán nghiên cứu y tế cơ sở và chấn hưng nông thôn mà cơ sở đang khẩn thiết cần.

17 nét

HÁN VIỆT: CHỨC VỤ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#998

职务

zhí wù

chức vụ, quyền hạn chức vụ công vụ

国家监察机关依法坚决查处利用职务便利进行利益输送、贪污受贿的违法犯罪行为，一体推进不敢腐、不能腐、不想腐。

Guó jiā jiān chá jī guān yǐ fǎ jiǎn jué chǎ chú lì yòng zhí wù biàn lì jìn xíng lì yì shū sòng, tān wū shōu huì de wéi fǎ fàn zuì xíng wéi, yī tǐ tuī jìn bù gǎn fǔ, bù néng fǔ, bù xiǎng fǔ.

Cơ quan giám sát quốc gia theo quy định của pháp luật kiên quyết điều tra xử lý các hành vi vi phạm pháp luật tội phạm lợi dụng chức vụ quyền hạn thuận tiện để tham ô nhận hối lộ và chuyển giao lợi ích, thúc đẩy đồng bộ 'không dám tham nhũng, không thể tham nhũng, không muốn tham nhũng'.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỨC VỤ

HSK 5 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#999

只不过

zhǐ buguò

chẳng qua chỉ là, chỉ là, chẳng qua

面对科研攻关道路上的暂时失败，青年学者从不气馁：“这只不过是一次积累经验的宝贵摸索，我们重头再来！”

Miàn duì kē yán guān kǎo dào lù shàng de zàn shí shī bài, qīng nián xué zhě cóng bù qì nǐ : "zhè zhǐ bù guò shì yí cì jī lěi jīng yàn de bǎo guì mō suǒ, wǒ men chóng tóu zài lái!"

Đứng trước thất bại tạm thời trên con đường vượt khó nghiên cứu khoa học, người học giả trẻ tuổi chưa bao giờ nản lòng: "Đây chẳng qua chỉ là chẳng qua một lần tìm tòi vô giá tích lũy kinh nghiệm, chúng ta bắt đầu lại từ đầu!"

34 nét

HÁN VIỆT: CHỈ BẤT QUÁ


HSK 5 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#1000

只见

zhǐ jiàn

chỉ thấy, chỉ nhìn thấy, thoát nhìn thấy

伴随着点火倒计时归零，只见长征运载火箭托举着神舟飞船呼啸而起，在浩瀚天空中划出一道绚丽壮美的航迹。

Bàn sui zhe diǎn huǒ dào sù jì shí guī líng, zhǐ jiàn cháng zhēng yùn zài huǒ jiàn tuō jǔ zhe shén zhōu fēi chuán hū xiǎo ér qǐ, zài hào hàn tiān kōng zhōng huà chū yí dào xuàn lì zhuàng měi de háng jì.

Hòa cùng tiếng đếm ngược điểm hỏa về số không, chỉ thấy chỉ nhìn thấy quả tên lửa đẩy Trường Chinh nâng đỡ tàu vũ trụ Thần Châu gầm vang vút bay lên trời cao, vạch nên một vết đường bay tráng lệ rực rỡ giữa bầu trời bao la.

28 nét

HÁN VIỆT · CHỈ KIẾN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1001

指标

zhǐ biāo

chỉ số, tiêu chuẩn chỉ tiêu đo lường

我国绿色低碳发展转型取得突破性成效，主要大气污染物排放总量与单位国内生产总值能耗等关键指标持续大幅下降。

Wǒ guó lǜ sè dī tàn fā zhǎn zhuǎn xíng qǔ dé tú fā xù pò xīng chéng xiào, zhǔ yào dà qì wū rǎn wù pái fàng zòng liàng yǔ dān wèi guó nèi shēng chǎn zōng zhì néng hào děng guān jiàn zhǐ biāo chí xù dà fú xià jiàng.

Chuyển đổi phát triển xanh ít phát thải carbon của nước ta đã đạt được những hiệu quả mang tính đột phá, các chỉ số chỉ tiêu then chốt như tiêu hao năng lượng trên một đơn vị GDP và tổng lượng phát thải carbon gây ô nhiễm khí quyển chủ yếu liên tục giảm mạnh.

23 nét

HÁN VIỆT · CHỈ TIÊU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1002

指甲

zhǐ jiǎ

móng tay, móng chân

在微纳超精密半导体芯片加工领域，一块指甲盖大小的硅基芯片上集成了数百亿个纳米级晶体管微电路。

Zài wēi nà chāo jīng mì bàn dǎo tǐ xīn piàn jiǎ gōng lǐng yù, yí kuài zhǐ jiǎ gài dà xiǎo de guāi jī xīn piàn shàng jí chéng le shù bǎi yì gè nà mǐ jí jīng tǐ guǎn wēi diǎn lù.

Trong lĩnh vực gia công chip bán dẫn vi nano siêu chính xác, trên một tấm chip nền silicon kích cỡ chỉ bằng chiếc móng tay đã tích hợp hàng chục tỷ vi mạch bóng bán dẫn transistor ở cấp độ nanomet.

20 nét

HÁN VIỆT · CHỈ GIÁP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1003

指示

zhǐ shì

chỉ thị, hướng dẫn chỉ đạo mệnh lệnh

各级防汛抗旱应急指挥部认真贯彻落实关于防汛抗洪抢险的重要指示批示精神，确保人民群众生命财产安全绝对安全。

Gè jí fáng xùn kǎng hàn yǐng jǐ zhǐ huī bù rèn zhēn quán ché luò shí quán yú fáng xùn kǎng hóng qiǎng xiǎn de zhòng yào zhǐ shì pī shì jīng shén, què bǎo rén mín qún zhòng shēng mìng cái chǎn jué duì ān quán.

Bộ Chỉ huy Ứng phó Phòng chống Hạn hán và Lũ lụt các cấp đã quán triệt thực hiện nghiêm túc tinh thần các chỉ thị phê thị quan trọng về cứu nạn cứu hộ phòng chống lũ lụt, bảo đảm an toàn tuyệt đối về tài sản và tính mạng của quần chúng nhân dân.

23 nét

HÁN VIỆT · CHỈ THỊ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1004

指责

zhǐ zé

chỉ trích, khiển trách quy kết phê phán

国际社会坚定奉行真正的多边主义，坚决反对个别霸权国家借人权问题干涉别国内政与无端指责施压。

Guó jì shè huì jiān dìng fēng xíng zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì, jiǎn jué fǎn duì gè bié bà quán guó jiā jiè rén quán wèn tí gān shè bié guó nèi zhèng yǔ wú duān zhǐ zé shī yā.

Cộng đồng quốc tế kiên định thực thi chủ nghĩa đa phương chân chính, kiên quyết phản đối việc một số quốc gia bá quyền mượn chiêu bài vấn đề nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác và chỉ trích quy kết gây sức ép vô căn cứ.

24 nét

HÁN VIỆT · CHỈ TRÁCH

HSK 5 (3.0)

Giới từ / Động từ

#1005

至

zhì

đến, tới; cho đến khi; cực kỳ chỉ

人民至上、生命至上；在应对突发重大公共卫生危机中，国家全力保障每一位公民的生命健康安全。

Rén mín zhì shàng, shēng mìng zhì shàng; zài yìng duì tū fā zhòng dà gōng gòng wèi shēng wéi jī zhōng, guó jiā quán lì bǎo zhàng měi yí wèi gōng mín de shēng mìng jiàn kāng ān quán.

Nhân dân là trên hết (nhân dân chí thượng), sinh mệnh là trên hết (sinh mệnh chí thượng); trong ứng phó với khủng hoảng y tế công cộng trọng đại đột xuất, Nhà nước dốc toàn lực bảo đảm an toàn sức khỏe sinh mệnh cho từng công dân.

11 nét

HÁN VIỆT · CHỈ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#1006

制成

zhì chéng

chế tạo thành, làm thành, sản xuất thành

该核心精密传感器由我国完全自主研发的高纯度单晶压电纳米薄膜材料精心加工制成。

Gāi hé xīn jīng mì chuán gǎn qì yóu wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de gāo chún dù dān jīng yàn diàn nà mǐ báo mó cái liào jīng xīn jī gōng zhì chéng.

Cảm biến chính xác cốt lõi này được gia công chế tạo thành chế tạo thành công một cách tinh xảo từ vật liệu màng mỏng nano áp điện đơn tinh thể độ tinh khiết cao do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

22 nét

HÁN VIỆT · CHẾ THÀNH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1007

制约

zhì yuē

ràng buộc, kìm hãm chi phối hạn chế

我们必须打好关键核心技术攻坚战，彻底破除制约高水平科技自立自强与现代产业升级发展的卡脖子技术堵点。

Wǒ men bì xū dǎ hǎo guān jiàn hé xīn jì shù gōng gōng jiàn zhàn, chè dǐ pò chú zhì yuē gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng yǔ xiān dài chǎn yè shēng jí fā zhǎn de qiǎ bó zǐ jì shù dǔ diǎn.

Chúng ta bắt buộc phải đánh tốt trận đánh vượt khó công nghệ lõi then chốt, phá bỏ triệt để các điểm nghẽn công nghệ nghẽn cổ chai kìm hãm ràng buộc sự phát triển nâng cấp công nghiệp hiện đại và tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

25 nét

HÁN VIỆT · CHẾ YÊU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1008

治安

zhì ān

trị an, trật tự trị an an ninh xã hội

我国深入推进平安中国建设，全国社会治安大局持续保持长期平稳良好，被国际社会认为全球最具安全感的国家之一。

Wǒ guó shēn rù tuī jìn píng ān zhōng guó jiàn shè, quán guó shè huì zhì ān dà jú chí xù bǎo chí cháng qī píng wěn liáng hǎo, bèi guó jì shè huì wéi quán qiú zuì jìn ān quán gǎn de guó jiā zhī yí.

Nước ta đi sâu thúc đẩy xây dựng Nước Nhà Bình An, đại cục trật tự trị an an ninh xã hội trên toàn quốc liên tục duy trì trạng thái tốt đẹp ổn định lâu dài, được quốc tế công nhận là một trong những quốc gia có cảm giác an toàn nhất trên toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT · TRỊ AN



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1009

治理

zhì lǐ

quản trị, chỉnh trang trị lý (sông
ngòi, môi trường, xã hội)

经过几十年坚持不懈的流域系统生态治理，母亲河黄河实现了连续二十余年不断流，沿岸重现天蓝水清生态美景。

Jīng guò jǐ shí niǎn jiǎn chí bù xiè de liú yú xì tǒng shēng tài zhì lǐ, mǔ qín hé huáng hé shí xiàn le lián xù èr shí yú niǎn bù duàn liú, yǎn àn chóng xiàn tiān lán shuǐ qīng shēng tài měi jīng.

Trải qua mấy chục năm kiên trì không ngừng chỉnh trang quản trị trị lý sinh thái có hệ thống toàn lưu vực, dòng sông Mẹ Hoàng Hà đã thực hiện việc không bị cạn dòng liên tục trong hơn hai mươi năm, dọc đôi bờ tái hiện cảnh đẹp sinh thái nước trong trời biếc.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TRỊ LÝ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1010

中毒

zhòng dú

trúng độc, bị ngộ độc; nhiễm độc

国家食品安全风险监测网络实现对全品种全链条常态化监测，坚决防范食物中毒等公共安全事件发生。

Guó jiā shí pǐn ān quán fēng xiǎn jiān cè wǎng luò shí xiàn duì quán pǐn zhòng quán liàn tiáo chăng tài huà jiǎn cè, jiǎn jué fáng fàn shí wù zhòng dú děng gòng gòng ān quán shì jiàn fā shēng.

Mạng lưới quan trắc rủi ro an toàn thực phẩm quốc gia thực hiện việc quan trắc thường xuyên toàn bộ chuỗi trên tất cả các chủng loại, kiên quyết ngăn ngừa các sự cố an toàn công cộng như ngộ độc thức ăn trúng độc xảy ra.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TRUNG ĐỘC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1011

中断

zhōng duàn

gián đoạn, đứt quãng, ngừng trệ

在极端深海与深空恶劣通信环境下，新型激光测控通信中继系统依然能保持信号高速稳定不发生中断。

Zài jí duān shēn hǎi yǔ shēn kōng è liè tōng xìn huán jīng xià, xīn xíng jī guāng cè kòng tōng xìn zhōng jì xì tōng yǐ rán néng bǎo chí xìn hào gāo sù wěn dìng bù fā shēng zhōng duàn.

Trong môi trường thông tin liên lạc khắc nghiệt nơi không gian sâu và biển sâu cực đoan, hệ thống tiếp sóng đo kiểm thông tin laser kiểu mới vẫn có thể duy trì tín hiệu ổn định tốc độ cao mà không hề bị ngắt quãng gián đoạn.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TRUNG ĐOẠN

HSK 5 (3.0)

Danh từ riêng

#1012

中秋节

Zhōngqiūjié

Tết Trung Thu (rằm tháng Tám)

中秋节之夜，华夏大地上千家万户阖家团聚、品尝月饼、共赏明月，洋溢着中华传统节日的温馨祥和。

Zhōng qiū jié zhī yè, huá xià dà dì shàng qiān jiā wàn hù hé jiā tuán jù, pǐn cháng yuè bǐng, gòng shǎng míng yuè, yáng yì zhe zhōng huá chuán tǒng jié rì de wēn xīn xiáng hé.

Trong đêm Tết Trung Thu, muôn nhà muôn cửa trên mảnh đất Hoa Hạ quây quần sum họp gia đình, cùng thưởng thức bánh trung thu và ngắm vầng trăng sáng, ngập tràn vẻ an lành ấm áp của ngày tết truyền thống Trung Hoa.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: TRUNG THU TIẾT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1013

中央

zhōng yāng

Trung ương, cơ quan đầu não; trung tâm ở giữa

党中央统揽全局、协调各方，团结带领全国各族人民在高质量发展道路上阔步前行、铸就非凡辉煌业绩。

Dǎng zhōng yāng tǒng lǎn quán jú, xié tiáo gè fāng, tuán jié dài lǐng quán guó gè zú rén mín zài gāo zhì liàng fā zhǎn dào lù shàng kuò bù qián xíng, zhù jiù fēi fán huī huáng yè jì.

Trung ương Đảng bao quát toàn cục, phối hợp các bên, đoàn kết dẫn dắt nhân dân các dân tộc trên cả nước sải bước vững vàng tiến lên trên con đường phát triển chất lượng cao, đúc nên những thành tích huy hoàng phi thường.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TRUNG ƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1014

中药

zhōng yào

thuốc Đông y, Trung dược, thuốc bắc

现代分子生物学技术与中医药经典理论深度融合，推动了传统中药经典名方的现代化与国际化发展。

Xiàn dài fēn zǐ shēng wù xué jì shù yǔ zhōng yī yào jīng diǎn lǐ lùn shēn dù róng hé, tuī dòng le chuán tǒng zhōng yào jīng diǎn míng fāng de xiàn dài huà yǔ guó jì huà fā zhǎn.

Kỹ thuật sinh học phân tử hiện đại dung hợp sâu sắc cùng lý luận kinh điển Đông y Trung y, thúc đẩy sự phát triển quốc tế hóa và hiện đại hóa các bài thuốc danh tiếng kinh điển thuốc Đông y Trung dược truyền thống.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TRUNG DƯỢC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#1015

终点

zhōng diǎn

điểm cuối

老师鼓励大家积极终点，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhōng diǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shí.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điểm cuối, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CHUNG ĐIỂM

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1016

终身

zhōng shēn

suốt đời, trọn đời, cả cuộc đời

国家全面健全终身教育学习体系与职业技能培训制度，加快构建人人皆学、处处能学、时时可学的学习型社会。

Guó jiā quán miàn jiàn quán zhōng shēn jiào yù xué xī tí xì yú zhī yè jì néng péi xùn zhì dù, jiā kuài gòu jiàn rén rén jiē xué, chù chù néng xué, shí shí kě xué de xué xí xíng shè huì.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện chế độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cùng hệ thống học tập giáo dục trọn đời suốt đời, đẩy nhanh xây dựng một xã hội học tập nơi ai ai cũng học, nơi đâu cũng học được và lúc nào cũng có thể học tập.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CHUNG THÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1017

终止

zhōng zhǐ

chấm dứt, đình chỉ dừng lại hoàn toàn

由于承建单位严重违反环境保护红线与安全施工标准，相关主管部门依法下达裁决通知，坚决终止该项目特许经营合同。

Yóu yú chéng jiàn dān wèi yán zhòng wéi fǎn huán jīng bǎo hù hóng xiàn yǔ ān quán shī gōng biāo zhǔn, xiāng guān zhǔ guǎn bù mén yī fǎ xià dá cái jué tōng zhī, jiǎn jué zhōng zhǐ gāi xiàng mù tè xǔ jīng yíng hé tóng.

Do đơn vị thi công nhận thầu vi phạm nghiêm trọng tiêu chuẩn thi công an toàn và lần ranh đồ bảo vệ môi trường, cơ quan chủ quản hữu quan theo quy định của pháp luật đã ban hành thông báo tài phán, kiên quyết chấm dứt đình chỉ hợp đồng nhượng quyền kinh doanh dự án này.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CHUNG CHỈ



HSK 5 (3.0)

Tính từ / Số lượng

#1018

众多

zhòngduō

đông đảo, vô số, rất nhiều

国家科技创新博览会吸引了海内外众多知名院士学者、青年科学家以及科技创新企业参展交流。

Guó jiā kē jì chuàng xīn bó lǎn huì xī yǐn le hǎi nèi wài zhòng duō zhī míng yuán shì xué zhě, qīng nián kē xué jiā yǐ jī kē jì chuàng xīn qī yè cǎn zhān jiāo liú.

Triển lãm Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Quốc gia đã thu hút đông đảo vô số các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, các nhà khoa học trẻ cùng các học giả viện sĩ danh tiếng trong và ngoài nước tham gia triển lãm giao lưu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CHÚNG ĐA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1019

周期

zhōu qī

chu kỳ, chu trình tuần hoàn theo thời gian

现代化超级算力与人工智能深度学习算法的深度融合应用，大幅缩短了创新药靶点筛选与分子动力学模拟研发周期。

Xià dài huà chāo jí suàn lì yǐ yǐ rén gōng zhì néng shēn dù xué xí suàn fǎ de shēn dù róng hé yìng yòng, dà fú suō duǎn le chuàng xīn yào bǎ diǎn shāi xuān yǔ fēn zǐ dòng lì xué mó nǐ yán fā zhōu qī.

Ứng dụng dung hợp sâu sắc giữa các thuật toán học sâu trí tuệ nhân tạo và siêu năng lực tính toán hiện đại hóa đã rút ngắn vượt bậc chu trình chu kỳ nghiên cứu phát triển mô phỏng động lực học phân tử và sàng lọc mục tiêu thuốc sáng chế mới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : CHU KỲ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1020

竹子

zhú zi

cây tre, tre trúc

竹子在中华文化中具有“咬定青山、虚心坚韧”的高洁君子品格象征，深受历代文人雅士赞颂。

Zhú zi zài zhōng huá chuán tǒng wén huà zhōng jù yǒu "yǎo dìng qīng shān, xū xīn jiān rèn" de gāo jié jūn zǐ pǐn gé xiàng zhēng, shēn shòu lì dài wén rén yǎ shì zàn yǒng.

Cây tre trúc trong văn hóa truyền thống mang biểu tượng phẩm cách người quân tử thanh cao 'Bám chặt non xanh, khiêm nhường kiên cường', được các bậc tao nhân mặc khách bao đời ca tụng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TRÚC TỬ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1021

主办

zhǔ bàn

chủ trì tổ chức, đơn vị đăng cai tổ chức

由中国科学技术协会主办的世界青年科学家峰会在温州隆重开幕，吸引了全球近百个国家和地区的数千名青年才俊汇聚一堂。

Yóu zhōng guó kē xué jì shù xié huì zhǔ bàn de shì jiè qīng nián kē xué jiā fēng huì zài wēn zhōu lóng zhòng kāi mù, xī yǐn le quán qiú jìn bǎi gè guó jiā hé dì qū de shù qiān míng qīng nián cái jūn huì jù yì táng.

Hội nghị Thượng đỉnh Các Nhà Khoa học Trẻ Thế giới do Hiệp hội Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc chủ trì tổ chức đã long trọng khai mạc tại Ôn Châu, thu hút hàng ngàn anh tài thanh niên ưu tú đến từ gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu cùng tụ tập một nhà.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : CHỦ BIỆN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#1022

主导

zhǔ dǎo

chủ đạo, đóng vai trò dẫn dắt hạt nhân

我国主导制定的新一代特高压输电与智能电网多项国际标准，已被国际电工委员会正式采纳并在全球推广应用。

Wǒ guó zhǔ dǎo zhì dìng de xīn yí dài tè gāo yǎ shù diàn yǔ zhì néng diàn wǎng duō xiàng guó jì biāo zhǔn, yì bèi guó jì diàn gōng wéi yuán huì zhèng shì cài nà bìng zài quán qiú tuī guǎng yìng yòng.

Nhiều tiêu chuẩn quốc tế về lưới điện thông minh và truyền tải điện siêu cao áp thế hệ mới do nước ta chủ đạo dẫn dắt xây dựng đã được Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC) chính thức thông qua và nhân rộng ứng dụng trên toàn cầu.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : CHỦ ĐẠO

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1023

主观

zhǔ guān

chủ quan

进行科学实验评估与论文评阅时，必须坚持实事求是的客观标准，严禁掺杂任何个人主观偏见。

Jìn xíng kē xué shí yàn píng gū yǔ lùn wén píng yuè shí, bì xū jiān chí shí shì de kè guān biāo zhǔn, yán jìn cān zá rēn gè rén zhǔ guān piān jiàn.

Khi tiến hành đánh giá thực nghiệm khoa học và thẩm định luận văn, bắt buộc phải kiên định tiêu chuẩn khách quan cầu thị chân chính, nghiêm cấm pha trộn bất kỳ thiên kiến định kiến chủ quan cá nhân nào.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : CHỦ QUAN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1024

主管

zhǔ guǎn

phụ trách chính, cơ quan chủ quản quản lý

国家行业主管部门联合公安网信部门，深入开展网络直播乱象集中专项整治，营造风清气正的网络空间环境。

Guó jiā háng yè zhǔ guǎn bù mén lián hé gōng ān wǎng xīn bù mén, shēn rù kāi zhǎn wǎng luò zhí bō luàn xiàng jí zhōng zhēn zhì, yíng zào fēng qīng qì zhèng de wǎng luò kōng jiān huán jìng.

Cơ quan chủ quản quản lý ngành của quốc gia phối hợp cùng cơ quan công an không gian mạng đi sâu triển khai đợt chỉnh đốn chuyên đề tập trung các hiện tượng hỗn loạn livestream phát sóng trực tiếp trên mạng, tạo dựng môi trường không gian mạng thanh bình trong sạch.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : CHỦ QUẢN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1025

主体

zhǔ tǐ

chủ thể, phần thân chính, bộ phận chủ đạo

我们要强化企业科技创新主体地位，推动创新链、产业链、资金链与人才链深度融合。

Wǒ men yào qiáng huà qǐ yè de kē jì chuàng xīn zhǔ tǐ dì wèi, tuī dòng chuàng xīn lián, chǎn yè lián, zī jīn lián yǔ rén cái lián shēn dù róng hé.

Chúng ta phải tăng cường củng cố vị thế chủ thể đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ của doanh nghiệp, thúc đẩy sự dung hợp sâu sắc giữa chuỗi nhân tài, chuỗi nguồn vốn, chuỗi ngành nghề và chuỗi đổi mới sáng tạo.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : CHỦ THỂ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1026

助理

zhù lǐ

trợ lý, trợ thủ hỗ trợ công việc

国家重点实验室为领军院士团队配备了多名跨学科专业科研助理与学术秘书，全面减轻了科学家的事务性负担。

Guó jiā zhòng yǎn shí shì wèi lǐng jūn yuán shì tuán duì pèi bèi le duō míng kuà xué kē zhuan yǐ yè kē yán zhù lǐ yǔ xué shù mì shū, quán miàn jiǎn qīng le kē xué jiā de shì wù xìng fù dān.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đã trang bị nhiều thư ký học thuật và trợ lý nghiên cứu khoa học chuyên môn liên ngành cho đội ngũ viện sĩ đầu ngành, giảm nhẹ toàn diện gánh nặng sự vụ hành chính cho các nhà khoa học.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : TRỢ LÝ



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1027

助手

zhù shǒu

trợ thủ, cánh tay đắc lực phụ tá

新一代多模态科研人工智能助手能够秒级阅读并提炼数万篇国际前沿文献，成为科学家开展科学发现的得力助手。

Xīn yí dài duō mó tài kē yán rén gōng zhì néng zhù shǒu néng gòu miǎo jí yuè dú bìng tí liàn shù wàn piān guó jì qián yán wén xiàn, chéng wéi kē xué jiā kāi zhǎn kē xué fā xiàn de dé lì zhù shǒu.

Trợ thủ trí tuệ nhân tạo nghiên cứu khoa học đa phương thức thể hệ mới có thể đọc và đúc kết hàng vạn bài báo khoa học tiên phong quốc tế chỉ trong vài giây, trở thành cánh tay đắc lực trợ thủ đắc lực cho các nhà khoa học triển khai các phát hiện khoa học.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TRỢ THỦ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1028

注册

zhù cè

đăng ký, đăng ký bản quyền/tài khoản/thành lập

国家科技成果转移转化综合平台全面简化了发明专利与软件著作权在线登记注册的审批流程。

Guó jiā kē jì jī chéng guó zhuǎn yí zhuǎn huà zōng hé píng tái quán miǎn jiǎn huà le fā míng zhuǎn lì yǔ ruǎn jiǎn zhù zuò quán zài xiàn dēng jì zhù cè de shēn pī liú chéng.

Nền tảng tổng hợp chuyển giao và chuyển hóa thành quả khoa học công nghệ quốc gia đã tinh giản toàn diện quy trình thẩm định đăng ký trực tuyến đối với bằng sáng chế phát minh và bản quyền phần mềm.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : CHÚ SÁCH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1029

注射

zhù shè

tiêm, tiêm chích (thuốc, vắc-xin)

国家全面开展适龄儿童免疫规划疫苗接种免费接种注射工作，构筑起阻断严重传染病传播的坚固人群免疫屏障。

Guó jiā quán miàn kāi zhǎn shì líng ér tóng miǎn yì guī huà miǎn fēi jiē zhòng zhù shè gōng zuò, gòu zhù qǐ zǔ duàn yán zhòng chuán rǎn bìng chǎn bō de jiān gù rén qún miǎn yì píng zhàng.

Nhà nước triển khai toàn diện công tác tiêm chủng tiêm chích vắc-xin miễn phí trong chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em trong độ tuổi quy định, xây dựng nên tấm lá chắn miễn dịch cộng đồng kiên cố ngăn chặn sự lây lan của các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CHÚ XÁ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#1030

注视

zhù shì

chú ý nhìn, dõi mắt theo dõi chăm chú

天安门广场上数十万群众仰望国旗护卫队，满怀崇敬深情注视着五星红旗伴随着雄壮的国歌冉冉升起。

Tiān ān mén guǎng chǎng shàng shù shí wàn qún zhòng yǎng wàng guó qí hù wèi duì, mǎn huái chóng jīng shēn qīng zhù shì zhè wú xīng hóng qí bǎn suī zhe xióng zhuàng de guó gē rǎn rǎn shēng qǐ.

Hàng chục vạn quần chúng nhân dân trên Quảng trường Thiên An Môn ngưỡng nhìn Đội Hộ vệ Quốc kỳ, ngập tràn tình cảm tôn kính dõi mắt chăm chú nhìn lá cờ đỏ năm sao từ từ bay lên theo điệu quốc ca hùng tráng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : CHÚ THỊ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#1031

注重

zhù zhòng

chú trọng, đặc biệt coi trọng

我们在推进经济社会发展过程中，始终注重物质文明和精神文明协调发展、抓好物质文明与精神文明两手硬。

Wǒ men zài tuī jìn jīng jì shì huà fā zhǎn guò chéng zhōng, shǐ zhōng zhù zhòng wù zhì wén míng hé jīng shén wén míng xié tiáo fā zhǎn, zhuā hǎo wù zhì wén míng yǔ jīng shén wén míng liǎng shǒu yìng.

Trong quá trình thúc đẩy phát triển hiện đại hóa kinh tế xã hội, chúng ta luôn luôn chú trọng đặc biệt coi trọng sự phát triển phối hợp hài hòa giữa văn minh tinh thần và văn minh vật chất, làm tốt cả hai tay cùng cứng rắn giữ vững văn minh vật chất và văn minh tinh thần.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CHÚ TRÙNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1032

祝贺

zhù hè

chúc mừng, chúc tụng

衷心祝贺我国自主设计建造的国产大型民用客机圆满完成首航，向全体航空人致以崇高敬意！

Zhōng xīn zhù hè yóu wǒ guó zì zhǔ shè jì jiàn zào de guó chǎn dà xíng mǐn yòng kè jī tuán wán chéng shǒu háng, xiàng quán tǐ háng kōng rén zhī yǐ chóng gào jīng yǐ!

Chân thành chúc mừng chiếc máy bay chở khách dân dụng cỡ lớn do nước ta tự chủ thiết kế và chế tạo đã hoàn thành xuất sắc chuyến bay thương mại đầu tiên, xin gửi lời tri ân sâu sắc tới toàn thể người làm ngành hàng không!

📖 25 nét

HÁN VIỆT : CHÚC HẠ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1033

专辑

zhuān jí

album (nhạc), tập chuyên đề, số đặc san

国际顶级物理学学术刊物出版了中国前沿量子计算重大突破学术研究专题专辑，引发全球学界广泛热议。

Guó jì dīng jí wù lǐ xué xué shù kān wù chū bǎn le zhōng guó qián yán liàng zǐ jì suàn zhòng dà tū pò xué shù yán jiū zhuān tí zhuān jí, yīn fā quán qiú xué jiè guǎng fàn rè yì.

Tạp chí học thuật vật lý hàng đầu quốc tế đã xuất bản số đặc san tập chuyên đề nghiên cứu học thuật về đột phá trọng đại tính toán lượng tử tiên phong của Trung Quốc, tạo nên làn sóng thảo luận sôi nổi rộng khắp trong giới học thuật toàn cầu.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : CHUYÊN TẬP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1034

专利

zhuān lì

bằng sáng chế, độc quyền phát minh sáng chế

我国在高价值发明专利拥有量与国际PCT专利申请量方面连续多年稳居世界首位，全面迈入知识产权强国行列。

Wǒ guó zài gāo jià zhí fā míng zhuān lì yǒng yǒu liàng yǔ guó jì PCT zhuān lì shēn qīng liàng fāng miàn lián xù duō nián wěn yǐ shì jì shǒu wèi, quán miàn mài rù zhī shí chǎn quán qiáng guó háng liè.

Nước ta trong nhiều năm liên tiếp giữ vững vị thế số 1 thế giới về số lượng đơn đăng ký sáng chế quốc tế PCT và lượng sở hữu bằng sáng chế phát minh giá trị cao, bước vào hàng ngũ các cường quốc sở hữu trí tuệ toàn diện.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CHUYÊN LỢI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1035

转化

zhuǎn huà

chuyển hóa, chuyển giao, chuyển đổi

国家加快建立完善科技成果高效转移转化机制，推动高水平基础研究成果迅速转化为现实新质生产力。

Guó jiā jiā kuài jiàn lì wán shàn kē jì chéng guó gāo xiào zhuǎn yí zhuǎn huà jī zhì, tuī dòng gāo shuǐ píng jī chǔ yán jiū chéng guó xùn sù zhuǎn huà wéi xiàn shí xīn zhì shēng chǎn lì.

Nhà nước đẩy nhanh xây dựng hoàn thiện cơ chế chuyển giao chuyển hóa thành quả khoa học công nghệ hiệu quả cao, thúc đẩy các thành quả nghiên cứu cơ bản trình độ cao nhanh chóng chuyển hóa thành lực lượng sản xuất chất lượng mới hiện thực.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : CHUYỂN HOA



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1036

转换

zhuǎnhuàn

chuyển đổi, hoán đổi, biến đổi

新一代全钙钛矿叠层太阳能电池的光电转换效率突破了世界最高纪录，展现了广阔的商业应用前景。

Xīn yí dài quán gài tài kuàng dié céng tài yáng néng diàn chí de guāng diàn zhuǎn huàn xiào lǜ tú pō le shì jì jiè zuì gāo jì lù, zhǎn xiàn le guǎng kuò de shāng yè yòng qǐn jiàn jǐng.

Hiệu suất chuyển đổi biến đổi quang điện của pin mặt trời xếp lớp perovskite toàn phần thể hệ mới đã phá vỡ kỷ lục cao nhất thế giới, phổ biến triển vọng ứng dụng thương mại rộng mở.

21 nét

HÁN VIỆT : CHUYỂN HOÁN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1037

转让

zhuǎn ràng

chuyển nhượng, nhượng quyền tài sản/công nghệ

高校科研院所全面推行职务科技成果赋权改革，大幅简化了前沿高新技术专利向企业转让转化的审批流程。

Gāo xiào kē yán yuán suǒ quán miàn tuī xíng zhí wù kē jì chéng guǒ fù quán gài gé, dà fú jiǎn huà le qián yán gāo xīn jì shù zhuǎn lǐ xiàng qǐ yè zhuǎn ràng zhuǎn huà de shēn pī lǐú chéng.

Các trường đại học và viện nghiên cứu khoa học triển khai toàn diện cải cách trao quyền đối với thành quả khoa học công nghệ theo chức vụ, tinh giản vượt bậc quy trình thẩm định phê duyệt chuyển giao chuyển nhượng bằng sáng chế công nghệ cao tiên phong cho doanh nghiệp.

21 nét

HÁN VIỆT : CHUYỂN NHƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#1038

转向

zhuǎnxiàng

chuyển hướng, đổi hướng; lái chuyển (zhuǎnxiàng: mất phương hướng)

我国经济已由高速增长阶段转向高质量发展阶段，必须坚持质量第一、效益优先的发展理念。

Wǒ guó jīng jì yǐ yóu gāo sù zēng zhǎng jiē duàn zhuǎn xiàng gāo zhì liàng fā zhǎn jiē duàn, bì xū jiǎn chí zhì liàng dǐ yì, xiào yì yóu xiān de fā zhǎn lǐ niàn.

Nền kinh tế nước ta đã từ giai đoạn tăng trưởng tốc độ cao chuyển hướng đổi hướng sang giai đoạn phát triển chất lượng cao, bắt buộc phải kiên trì quan niệm phát triển chất lượng hàng đầu, hiệu quả ưu tiên.

20 nét

HÁN VIỆT : CHUYỂN HƯỚNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1039

装饰

zhuāng shì

trang trí; đồ trang trí, hoa văn

故宫太和殿内精美绝伦的金漆雕龙宝座与蟠龙藻井装饰，展现了中国传统古代宫殿建筑工艺的至高境界。

Gù gōng tài hé diàn nèi jīng měi jué lún de jīn qī diào lóng bǎo zuò yǔ pán lóng zǎo jǐng zhuāng shì, zhǎn xiàn le zhōng guó chuán tǒng gù dài gōng diǎn jiàn zhù gōng yì de zhì gāo jīng jiè.

Ngai vàng rồng chạm khắc sơn thếp vàng tinh xảo tuyệt mỹ cùng hoa văn trang trí trần giồng rồng cuộn bên trong Điện Thái Hòa Cổ Cung thể hiện cảnh giới đỉnh cao nhất của kỹ thuật kiến trúc cung điện cổ đại truyền thống Trung Hoa.

25 nét

HÁN VIỆT : TRANG SỨC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#1040

撞

zhuàng

đánh

老师鼓励大家积极撞，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhuàng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đánh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT : TRÀNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1041

资本

zī běn

tư bản, nguồn vốn tài chính; vốn liếng

国家依法规范和引导各类资本健康有序发展，充分发挥资本作为重要生产要素的积极作用，同时坚决防止资本无序扩张。

Guó jiā yī fǎ guī fǎn hé yǐn dǎo gè lèi zī běn jiàn kāng yǒu xù fā zhǎn, chōng fèn fā huyī zī běn zuò wéi zhòng yào shēng chǎn yào sù de jī jí zuò yòng, tóng shí jiǎn jué fáng zhǐ zī běn wú xù kuò zhāng.

Nhà nước theo quy định pháp luật quy chuẩn và định hướng các loại nguồn vốn tư bản phát triển có trật tự và lành mạnh, phát huy đầy đủ vai trò tích cực của nguồn vốn với tư cách là yếu tố sản xuất quan trọng, đồng thời kiên quyết ngăn ngừa việc tư bản bành trướng vô trật tự.

19 nét

HÁN VIỆT : TƯ BẢN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1042

资产

zī chǎn

tài sản, khối tài sản công/tư

国务院国资委全面强化国有资产监督管理，推动中央企业战略性重组与专业化整合，确保国有资产保值增值。

Guó wù yuán guó zī wéi quán miàn qiáng huà guó yǒu zī chǎn jiān dū guǎn lǐ, tuī dòng zhōng yāng qǐ yè zhàn lüè xìng zhòng zǔ yǔ zhuān yè huà zhěng hé, què bǎo guó yǒu zī chǎn bǎo zhí zēng zhí.

Ủy ban Quản lý và Giám sát Tài sản Nhà nước thuộc Quốc vụ viện (Chính phủ) tăng cường toàn diện việc quản lý giám sát tài sản nhà nước, thúc đẩy hợp nhất chuyên môn hóa và tái cơ cấu mang tính chiến lược của các doanh nghiệp trung ương, bảo đảm tài sản nhà nước bảo toàn và gia tăng giá trị.

21 nét

HÁN VIỆT : TƯ SẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1043

资助

zī zhù

tài trợ, cấp học bổng hỗ trợ kinh phí

国家自然科学基金设立“杰出青年科学基金”与专项课题，长期全方位资助青年学者开展原创高风险颠覆性探索研究。

Guó jiā zì rán kē xué jī jīn shè lì "jié chū qīng nián kē xué jī jīn" yǔ zhuān xiàng kè tí, cháng qī quán fāng wèi zī zhù qīng nián xué zhě kāi zhǎn yuán chuàng gāo fēng xiǎn diǎn fù xīng tàn suǒ yán jiū.

Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia thành lập 'Quỹ Khoa học Thanh niên Kiệt xuất' cùng các đề tài chuyên đề, tài trợ hỗ trợ kinh phí toàn diện lâu dài cho các học giả trẻ triển khai các nghiên cứu thám hiểm mang tính cách mạng rủi ro cao nguyên tắc.

18 nét

HÁN VIỆT : TƯ TRỢ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1044

仔细

zǐ xì

cẩn thận, tỉ mỉ, kỹ càng

在正式提交重大科研基金申请书之前，项目负责人必须逐字逐句仔细核对预算明细与论证方案。

Zài zhèng shì tí jiāo zhòng dà kē yán jī jīn shēn qǐng shū zhǐ qián, xiàng mù fù zé rén bì xū zhù zì zhù jù zì xì hé duì yǔ suàn míng xì yǔ lùn zhèng fāng àn.

Trước khi chính thức nộp hồ sơ xin tài trợ quỹ khoa học trọng điểm, người chủ nhiệm đề tài nhất thiết phải kiểm tra rà soát tỉ mỉ từng câu từng chữ về dự toán chi tiết cùng thuyết minh phương án.

24 nét

HÁN VIỆT : TỈ TẾ



HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1045

紫

zǐ

màu tím, sắc tím

暮春时节，江南园林里的百年紫藤花架上挂满了一串串如瀑布般倾泻而下的淡紫色花朵，如梦如幻。

Mù chūn shí jié, jiāng nán yuán lín lǐ de bǎi nián zǐ téng huā jià shàng guà mǎn le yī chuàn chuàn rú pù bù bǎn qīng xié ér xià de dàn zǐ sè huā duǒ, rú mèng rú huàn.

Mùa xuân muộn, trên giàn hoa tử đằng trăm tuổi trong các khu vườn hoa Giang Nam rủ xuống từng chùm hoa màu tím nhạt tựa dòng thác đổ ào ạt, đẹp như trong cõi mộng ảo.

12 nét

HÁN VIỆT: TỬ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1046

自豪

zì háo

tự hào, hãnh diện; niềm tự hào

当在国际空间站听到来自祖国母语的亲切新年问候时，全体在轨航天员心中升腾起无比的自豪与光荣。

Dāng zài guó jì kōng jiān zhàn tīng dào lái zì zǔ guó mǔ yǔ de qīn qiè xīn nián wēn hòu shí, quán tǐ zài guī háng tiān yuán xīn zhōng shēng téng qǐ wú bǐ de zì háo yǔ guāng róng.

Khi lắng nghe lời chúc mừng năm mới ân cần bằng tiếng mẹ đẻ của Tổ quốc từ trạm vũ trụ quốc tế, trong lòng toàn thể phi hành gia trên quỹ đạo dâng trào niềm tự hào và vinh quang khôn xiết.

18 nét

HÁN VIỆT: TỰ HÀO

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1047

自杀

zì shā

tự sát, tự tử

全社会全面加强青少年心理健康教育与生命安全关爱体系建设，建立健全全天候心理危机预警干预机制。

Quán shè huì quán miàn jiā qiáng qīng shào nián xīn lǐ jiàn yù jiào yù yǔ yǎn shēng míng ān quán guān ài tǐ xì jiàn shè, jiàn lì jiàn quán quán tiān hòu xīn lǐ wēi jī yǔ jǐng gān yǔ jǐ zhì.

Toàn xã hội tăng cường toàn diện việc xây dựng hệ thống quan tâm an toàn tinh mạng và giáo dục sức khỏe tâm lý cho thanh thiếu niên, xây dựng hoàn thiện cơ chế can thiệp cảnh báo sớm khủng hoảng tâm lý chống tự sát 24/7.

17 nét

HÁN VIỆT: TỰ SAT

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#1048

自愿

zì yuàn

tự nguyện, bằng lòng, tình nguyện

来自全国各大医学院校的数千名优秀青年医学毕业生，自愿报名参加支援西部偏远基层医疗卫生志愿服务行动。

Lái zì quán guó gè dà yī xué yuàn xiào de shù qiān míng yōu xiù qīng nián yī xué bì yè shēng, zì yuàn bào míng cān jiā zhī yuán xī bù piān yuǎn jī céng yī liáo wēi shēng zhì yuán fú wú xíng dòng.

Hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp y khoa xuất sắc đến từ các trường đại học y khoa lớn trên toàn quốc đã tự nguyện đăng ký tham gia chương trình tình nguyện viên y tế hỗ trợ y tế cơ sở vùng sâu vùng xa miền Tây.

20 nét

HÁN VIỆT: TỰ NGUYỆN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1049

子弹

zǐ dàn

đạn, viên đạn súng

国产新型重型防弹装甲陶瓷复合材料能够在中近距离抵御高威力穿甲燃烧子弹连续高密度密集射击。

Guó chǎn xīn xíng zhòng xíng fáng dàn zhòng xíng táng cí fù hé wù liào néng gòu zài zhōng jìn jù lí dì yu gāo wēi lì chuān jiǎ rán shāo zǐ dàn lián xù gāo mì dù mì jí shè jī.

Vật liệu composite gồm giáp chống đạn hạng nặng kiểu mới do nước ta sản xuất có thể ở cự ly tầm gần và tầm trung chống đỡ được hỏa lực bắn phá dày đặc liên tục của các viên đạn xuyên giáp cháy có uy lực cực mạnh.

22 nét

HÁN VIỆT: TỬ ĐẠN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1050

总裁

zǒng cái

tổng giám đốc, chủ tịch điều hành, CEO

跨国高科技集团全球执行总裁在接受专访时表示，将持续加大对中国超大规模绿色数字化创新市场的长期投资。

Kuà guó gāo kē jì jí quán quán qíu zhí xíng zǒng cái zài jiē shòu zhuān fāng shí biǎo shì, jiāng chí xù jiā dà zhōng guó chāo dà mó lǜ lǜ sè shù huà chuàng xīn shì chǎng de cháng qī tóu zī.

Tổng Giám đốc Điều hành Toàn cầu của Tập đoàn Công nghệ Cao Xuyên Quốc gia trong buổi trả lời phỏng vấn độc quyền đã bày tỏ sẽ tiếp tục tăng cường đầu tư dài hạn vào thị trường đổi mới sáng tạo số hóa xanh siêu quy mô của Trung Quốc.

20 nét

HÁN VIỆT: TỔNG TÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1051

总数

zǒng shù

tổng số, tổng số lượng

我国高新技术企业总数与国家级专精特新“小巨人”企业总数持续保持稳步大幅增长态势。

Wǒ guó gāo xīn jì shù qì yè de zǒng shù yǔ guó jiā jī zhuān jīng tè xīn "xiǎo jù rén" qì yè zǒng shù chí xù bǎo chí wēn bù dà fú zēng zhǎng tài shì.

Tổng số tổng số lượng các doanh nghiệp 'Tiểu khổng lồ' chuyên tinh đặc tân cấp quốc gia và doanh nghiệp công nghệ cao mới của nước ta tiếp tục duy trì xu thế tăng trưởng mạnh mẽ và vững chắc.

23 nét

HÁN VIỆT: TỔNG SỐ

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#1052

总算

zǒng suàn

cuối cùng cũng, rốt cuộc thì (sau bao gian truân)

经过研发攻坚团队历时五年上千个日日夜夜的不懈奋战，这款国家级重点工业软件总算成功实现完全自主可控。

Jīng guò yán fā gōng jiān tuán duì lì shí wǔ nián shàng qiān gè rì rì yè yè de bù xié fèn zhàn, zhè kuǎn guó jiā jī zhòng diǎn gōng yè yè ruǎn jiàn zǒng suàn chéng gōng shí xiàn wán quán zì zhǔ kě kòng.

Trải qua hành trình chiến đấu kiên trì không ngừng nghỉ suốt 5 năm ròng rã với hàng ngàn ngày đêm của đội ngũ nghiên cứu phát triển, phần mềm công nghiệp trọng điểm cấp quốc gia này cuối cùng cũng đã thực hiện thành công việc hoàn toàn tự chủ tự kiểm soát.

24 nét

HÁN VIỆT: TỔNG TOÁN

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1053

总体

zǒng tǐ

tổng thể, toàn thể; nhìn chung tổng thể

经过高标准综合验收，该重大科技基础设施项目的总体工程质量与各项技术指标全部达到国际领先水平。

Jīng guò gāo biāo zhuān zōng hé yàn shōu, gāi zhòng dà kē jì jī chǔ shè shí xiàng mù dì zǒng tǐ gōng chéng zhì liàng yǔ gè xiàng jì shù zhǐ biāo quán bù dá dào guó jì lǐn xīan shuǐ zhǔn.

Trải qua nghiệm thu tổng hợp tiêu chuẩn cao, tất cả các chỉ tiêu công nghệ và chất lượng công trình tổng thể toàn thể của dự án cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại này đều đạt mức chuẩn dẫn đầu quốc tế.

18 nét

HÁN VIỆT: TỔNG THỂ



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1054

阻碍

zǔ ài

cản trở, cản bước ngăn trở tiến trình

我们必须坚决破除一切阻碍科技创新发展的体制机制弊端，激发全社会各阶层的创新创造活力。

Wǒ men bì xuǐ jiǎn jué pò chū yī qiè zǔ ài kē jì chuàng xīn fā zhǎn de tǐ zhì jī zhì bì duān, jī fā quán shè huì gè jiē céng de chuàng xīn chuàng zào huó lì.

Chúng ta bắt buộc phải kiên quyết xóa bỏ mọi tệ nạn cơ chế thể chế cản trở cản bước sự phát triển đổi mới sáng tạo khoa học kỹ thuật, khơi dậy sức sống sáng tạo đổi mới của mọi tầng lớp trong toàn xã hội.

22 nét

HÁN VIỆT: **TRỞ NGẠI**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1055

组织

zǔ zhī

tổ chức, cơ quan, cấu trúc

由全国青少年科技创新学会精心筹备组织的第十届全国青少年创客发明大赛在科技馆隆重拉开帷幕。

Yóu quán guó qīng shào nián kē jì chuàng xīn xué huì jīng xīn chóu bèi zǔ zhī de dì shí jiē quán guó qīng shào nián chuàng kǎo fā míng dà sài míng dà sāi zài kē jì guǎn lóng zhòng lā kāi wéi mù.

Cuộc thi Sáng chế Sáng tạo Thanh thiếu niên Toàn quốc lần thứ 10 do Hội Sáng tạo Khoa học Thanh thiếu niên Toàn quốc công phu lên kế hoạch tổ chức đã long trọng khai mạc tại Bảo tàng Khoa học Công nghệ.

19 nét

HÁN VIỆT: **TỔ CHỨC**

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1056

醉

zuì

say, say sưa, say đắm; làm say đắm

漫步在十里桃花盛开的江南春景之中，微风拂面、花香袭人，令人如痴如醉、流连忘返。

Màn bù zài shí lǐ táo huā shèng kāi de jiāng nán chūn jǐng zhī zhōng, wēi fēng fú miàn, huā xiāng xí rén, líng rén rú chī rú zuì, liú lián wàng fǎn.

Dạo bước giữa cảnh sắc mùa xuân Giang Nam ngập tràn sắc hoa đào mười dặm nở rộ, gió nhẹ mơn man, hương hoa ngào ngạt khiến lòng người say đắm mê mẩn quên cả lối về.

11 nét

HÁN VIỆT: **TUÝ**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1057

尊敬

zūn jìng

tôn kính, kính trọng, kính cẩn

尊师重教是中华民族的优良传统，全社会应当形成尊重知识、尊重人才、尊重创造的崇高良好风尚。

Zūn shī zhòng jiào shì zhōng huá mín zú de yōu liáng chuán tǒng, quán shè huì yīng dāng xíng chéng zūn zhòng zhī shí, zūn zhòng rén cái, zūn zhòng chuàng zào de chóng gāo liáng hǎo fēng shàng.

Tôn sư trọng đạo là truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc ta, toàn xã hội cần hình thành nên phong trào tốt đẹp cao quý tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài và tôn trọng sự sáng tạo.

17 nét

HÁN VIỆT: **TÔN KÍNH**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#1058

尊重

zūn zhòng

tôn trọng, kính trọng

在多元文化交流交融的大时代背景下，相互尊重彼此的历史文化传统与风俗习惯是实现和平共处的前提。

Zài duō yuán wén huà jiāo liú jiāo róng de dà shí dài bèi jīng xià, xiāng hù zūn zhòng bǐ cǐ de lì shǐ wén huà chuán tǒng yǔ fēng sú xí guān shì xiān hé píng gòng chǔ de qián tí.

Trong bối cảnh thời đại lớn giao lưu hòa quyện văn hóa đa dạng, sự tôn trọng lẫn nhau về truyền thống văn hóa lịch sử và phong tục tập quán của mỗi bên là tiền đề tiên quyết để chung sống hòa bình.

17 nét

HÁN VIỆT: **TÔN TRỌNG**

HSK 5 (3.0)

Động từ

#1059

遵守

zūn shǒu

tuân thủ, chấp hành, tuân theo (quy định, luật pháp)

每一位公民都应当自觉遵守宪法法律与社会公德规范，共同维护文明和谐、秩序井然的法治社会环境。

Měi yī wèi gōng mín dōu yīng dāng zì jué zūn shǒu xiàn fǎ fǎ lǚ yǔ shè huì gōng dé guī fàn, gòng tóng wéi hù wén míng hé xié, zhì xù jìng rán de fǎ zhì shè huì huán jīng.

Mỗi một công dân đều cần tự giác tuân thủ hiến pháp, pháp luật cùng các chuẩn mực đạo đức công cộng xã hội, chung tay giữ gìn môi trường xã hội pháp trị văn minh hài hòa và trật tự nề nếp kỷ cương.

19 nét

HÁN VIỆT: **TUÂN THỦ**

🎉 CHÚC MỪNG BẠN ĐÃ HOÀN THÀNH TOÀN BỘ 1059 TỪ HSK 5 (3.0)!

- ☐ Đã đọc thuộc lòng 100% phiên âm Pinyin
- ☐ Đã nhớ trọn vẹn âm Hán Việt để hiểu gốc từ
- ☐ Đã quét mã QR nghe giọng đọc chuẩn Bắc Kinh
- ☐ Đã thi thử trực tuyến đạt điểm mục tiêu



Sẵn sàng tiến tới HSK 6 (3.0)! 🚀

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 – 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7–9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

